

Tôn giả A ĐỂ SA (982-1054)

Thích Hằng Đạt

Mục Lục

Chương I. Tự thân thành tựu đầy đủ công đức quảng đại.

Chương II. Sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh quảng đại.

Chương III. Sự nghiệp lưu truyền, giáo pháp lan rộng.

Chương IV. Sơ lược về phái Ca Đương (Bkah-gdams).

Phụ chú A: Tư Tưởng Phật Học của Tôn Giả A ĐỂ SA.

1/ Chánh kiến Trung Quán.

2/ Tu hạnh Bồ Tát.

3/ Đồng xem trọng kiến giải và sự hành trì.

Phụ chú B: BỒ ĐỀ ĐẠO ĐĂNG LUẬN:

Phụ chú C: Những lời giảng dạy của Tôn Giả cho vua BỒ ĐỀ QUANG và chư
tăng.

Chú thích và tham khảo

Lời giới thiệu

Tôn giả A ĐỂ SA (982-1054)

Tôn giả A ĐỂ SA sanh năm 982 tại nước Tát Hạ (Sahor, hiện tại là Mandi của Himachal Pradesh-Bengal, Ấn Độ), là hoàng tử thứ ba của vua Thiện Thắng (Kalyana-sri), huyễn danh Nguyệt Tạng. Tôn Giả đọc tụng được bài kệ Tán Phật

lúc vừa mười tám tháng. Năm mười lăm tuổi, Tôn Giả y theo sở học về đạo lý của quyển Chánh Lý Tích Luận, hàng phục được ngoại đạo. Thời niên thiếu, Tôn Giả chẳng tham vương vị nên thường đi khắp nơi qua các vương quốc để tìm thầy học đạo, Ngài đã theo học với mười hai danh sư đắc thành tựu. Điển hình, Tôn Giả y theo đại thành tựu A Phước Đô Đế suốt bảy năm để tu giới định huệ và đạt được tam ma địa. Tôn Giả cũng y theo ngài La Hầu La Cấp Đa ở chùa Hắc Sơn, thọ pháp quán đảnh cùng học tất cả giáo pháp tu trì. Năm hai mươi một tuổi, Tôn Giả thông đạt hết mọi ngũ minh. Năm hai mươi chín tuổi, thể theo sự khuyến tấn của các bậc tôn sư và lời dạy bảo trong mộng của đức Phật Thích Ca, Tôn Giả y chỉ luật sư thượng tọa Giới Hộ tại chùa Kim Cang thuộc Đại Chúng Bộ đã xuất gia thọ giới, pháp danh là Kiết Tường Nhiên Đăng Trí (sau này, vua Tây Tạng tôn xưng Tôn Giả là A Đề Sa, có nghĩa là Bạc Thù Thắng). Sau khi xuất gia xong, Tôn Giả thâm nhập hết ba tạng giáo điển của các phái Đại Chúng Bộ, Thượng Tọa Bộ, Chánh Lượng Bộ, Nhất Thiết Hữu Bộ, Kim Cang Thừa, nên trở thành bậc luật sư hòa thượng bác học khiến mười tám bộ phái chính ở Ấn Độ đều một lòng cung kính. Về sau, Tôn Giả lại đến Ấn Độ Ni Tây Á (Indonesia), tham vấn đại sư Kim Châu, tu học giáo truyền của hai tông phái: Phái "Không-Hữu" và phái Pháp Phát Tâm Bồ Đề. Lúc trở về nước, Tôn Giả trụ trì và hoằng truyền pháp Đại Tất Địa cùng các học thuyết Đại Thừa tại chùa Tỳ Trát Ma Thi La và tám trăm ngôi tự viện khác.

Phật pháp tại Tây Tạng được hoằng dương rộng rãi vào các đời vua Tùng Thân Cam Phổ (Srong-Tsen-Gampo, 569-650), Xích Tùng Đức Thân (Thi-Sron-Detsan, 755-797), Xích Đức Thân Phổ (Thi-de-tsen-po, 798-814), Nhạ Bạt Căn (Khri-ral-pa-can, 814-836). Phật giáo bị hủy diệt vào đời vua Lãng Đạt Mã nhưng hết đời vua này (841) thì Phật giáo được phục hưng trở lại. Thuở ấy, các tín đồ Phật giáo chạy theo tà ngụy không giữ chánh tín và đã lạm truyền giáo pháp luôn mấy trăm

năm, khiến người học đạo không biết đâu là chánh đâu là tà. Về sau, có vua Nga Nhật (thuộc miền tây của Tây Tạng) đi xuất gia lấy pháp hiệu là Trí Quang. Bảy giờ, hầu mong làm sáng tỏ yếu chỉ Phật pháp và truyền thừa chánh pháp, nên đại đức Trí Quang đã gởi du tăng Tây Tạng sang Ấn Độ và các nước Phật giáo lân cận để tầm sư học đạo với các bậc tôn đức thuộc những tông phái Hiển-Mật, cùng cung thỉnh các vị cao tăng vào Tây Tạng hoằng pháp. Cuối cùng, do sự cung thỉnh tôn giả A Đễ Sa từ Ấn Độ vào Tây Tạng truyền bá Phật pháp mà đại đức Trí Quang cũng như những người sang Ấn Độ cầu pháp đã chịu hy sinh tánh mạng, đồng hờn vua Lạp Tôn Bạt Bô Đề Quang phải mất rất nhiều vàng bạc. Đền bù lại, Phật giáo được hoằng dương và phát triển rộng khắp toàn cõi Tây Tạng. Công cuộc chấn hưng này chính là nhờ tôn giả A Đễ Sa đến Tây Tạng hoằng hóa (năm 1038) giáo pháp căn bản và tổng hợp về Tiểu Thừa, Đại Thừa, và Mật Thừa. Bảy giờ, tôn giả A Đễ Sa phá tà hiển chánh, dựng đứng tràng đại pháp, định lập tông phong quy củ, dạy rõ phương thức tu hành theo thứ lớp để thành tựu đạo quả, phiên dịch và trước tác rất nhiều bộ luận điển quan trọng làm nền tảng căn bản cho hậu lai. Đó là thời đại phục hưng của Phật giáo Tây Tạng, và được gọi là Hậu Truyền Phật Giáo. Từ đó, tất cả tông phái lớn nhỏ ở Tây Tạng đều chịu sự ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp về tư tưởng Phật học của tôn giả A Đễ Sa. Giáo phái do tôn giả A Đễ Sa truyền lại là phái Ca Đương. Thanh Sử viết: "Về sau, tại Tây Tạng, chư đại thiện tri thức và đại thành tựu đều thân cận với các vị đại thiện tri thức của phái Ca Đương. Kết quả sự việc chuyển pháp luân của tôn giả A Đễ Sa (Kiết Tường Nhiên Đăng Trí) mang chánh pháp từ Ấn Độ sang đã dựng lên sự nghiệp quảng đại vĩnh hằng cho đại đệ tử Chúng Đôn Ba sau này."

Đến thế kỷ XIV, đại sư Tông Khách Ba lại xiển dương giáo pháp của phái Ca Đương rộng rãi, sáng lập phái Tân Ca Đương hay Hoàng giáo, định lập hệ Đạt Lai Lạt Ma và Ban Thiên Lạt Ma, vốn được truyền thừa mãi cho đến ngày nay.

Tôn giả A Đề Sa thật là một đại ân nhân của Phật giáo Tây Tạng. Sau bao năm hoằng pháp lợi sanh, cuối cùng tôn giả A Đề Sa xả báo thân, viên tịch nơi chùa Nhiếp Đường ở phía tây nam Lạp Tát tại Tây Tạng, thọ 73 tuổi, được bốn mươi bốn hạ lạc.

Tôn Giả là một vị đại thành tựu trong việc hoằng dương Phật pháp tại Ấn Độ và Tây Tạng. Tôn Giả cũng là vị Đại Ban Trí Đạt (nhà đại học vấn, đại triết gia, tinh thông ngũ minh) của Phật giáo Ấn Độ và Tây Tạng. Tôn Giả thật là bậc chứng đắc giáo nghĩa và đức hạnh viên mãn, mà người hạ căn khó suy lường được.

Chương I. Tự thân thành tựu đầy đủ công đức quảng đại

Phía đông Kim Cang Tòa (1) ở miền trung Ấn Độ, có vương quốc Tát Hạ (2). Kinh đô của nước này là Tát Ha La (3). Vương cung trong thành bằng phẳng cao rộng, có vô lượng kim tràng để nghiêm sức, nên gọi là cung Kim Tràng. Cuộc sống của dân chúng trong nước đều được đầy đủ; chu vi 720 dặm; có khoảng 25.000 ngàn ao hồ và 56.000 cây Đa La bao quanh thành ấp. Thành có bảy lớp thông hào. Trong thành có 360 cây cầu; có 25.000 cây kim tràng; có 13 ngôi kim đánh tháp (4). Dân số chừng ba triệu năm trăm ngàn người.

Vua Thiện Thắng (5) của vương quốc Tát Hạ thường hộ trì chánh pháp. Hoàng Hậu Thắng Quang (6) thuộc dòng Bà La Môn, đức hạnh đồng bảo nữ. Vua Thiện Thắng có ba hoàng tử: Liên Hoa Tạng (Padma-garbha), Nguyệt Tạng (Candra-garbha), Thắng Tạng (Sri-garbha, hoặc gọi là Kiết Tường Tạng). Hoàng tử Liên Hoa Tạng kế thừa ngôi vua, sanh được chín người con, rồi sau đó bỏ ngôi vua đi

xuất gia lấy pháp hiệu là Đạt Na Bảo Lợi Mật Đa La (Dana-shri, dịch là Mễ Thắng Hữu). Hoàng tử Thắng Tạng cũng xuất gia lấy hiệu là Tinh Tấn Nguyệt (Vidya-chandra), thâm nhập Mật pháp, đạt được nhiều cảnh giới thiền định, có khả năng hóa hiện đàn tràng truyền pháp quán đảnh. Hoàng tử Nguyệt Tạng chính là tôn giả A Đề Sa.

Tôn giả A Đề Sa (7) vừa sanh ra (982) thì trời mưa hoa báu, vàng mây năm màu ản hiện trên đánh cung điện, chư Thiên khởi tấu âm nhạc. Những điềm lành như thế, hiển hiện nhiều vô số kể. Ngày nọ, Tôn Giả đang nằm trên sàng giường trên báu ở tòa nhà cao nhất trong hoàng cung, đột nhiên trên đánh cung điện chợt vang tiếng nổ lớn, thể như mái ngói bị sụp đổ. Hoàng hậu Thắng Quang thấy rất nhiều bò cạp bò đến, như muốn hại Tôn Giả nhưng không làm cho Tôn Giả sợ hãi. Lát sau, những bò cạp biến mất.

Lần nọ, bên ngoài phòng của Tôn Giả có tiếng nhạc và tiếng trống âm vang. Nhà vua nghe thấy lấy làm kỳ dị. Hoàng hậu Thắng Quang thấy hoa sen xanh hiện ra trước mặt Tôn Giả nhưng riêng Tôn Giả tự cảm nhận đây là hiện thân của Độ Mẫu (8). Từ đó, hễ có nghi điều gì Tôn Giả đều thiết lễ cúng dường cầu khẩn trước tượng của Độ Mẫu. Tuy Độ Mẫu không hiện thân chỉ dạy, nhưng tất cả điều hoài nghi của Tôn Giả đều được giải tỏa. Tương truyền, vị Độ Mẫu này thường theo gia hộ Tôn Giả suốt trong vòng lục đạo luân hồi.

Trong mười tám tháng kể từ khi xuất sanh, Tôn Giả chưa từng rời khỏi hoàng cung. Có tám vị nữ mẫu thường xuyên săn sóc Tôn Giả thật chu đáo.

Một hôm, vương phi thần thứ lên năm trăm cỗ xe được trang nghiêm bằng châu báu, cùng những tỳ nữ, nhạc sư ca múa, mang vô lượng cúng phẩm, đến cúng dường chùa Tỳ Trát Ma Phú La (9) ở phía bắc cung thành. Tuy chỉ mới mười tám

tháng, nhưng Tôn Giả đã có thân hình to lớn như đũa bé lên ba, với tướng hảo đoan chánh uy nghi trong sáng, đầu đội thiên mào, thân mặc thiên y, được phụ vương bồng lên ngồi trên xe báu. Chỉ cần nhìn đến gương mặt của Tôn Giả thì mọi người đều phát khởi lòng tôn kính tín phụng. Tất cả dân chúng trong thành đều đứng dọc theo lề đường để chiêm ngưỡng Tôn Giả; họ đồng xưng tán: "Ngày sơ sanh thì trời mưa hoa báu, ánh mặt trời tỏa sáng năm màu, nhạc trời vi diệu trỗi lên. Thật hy hữu hôm nay được thấy tôn nhan của Hoàng Tử !" (10).

Bấy giờ, Tôn Giả hỏi phụ vương và mẫu hậu:

- Ai là chủ nhân của đám dân này ?

Phụ vương và mẫu hậu đồng đáp:

- Con chính là chủ nhân của họ.

Tôn Giả nhìn họ bằng đôi mắt từ bi, và phát nguyện: "Nguyện những người này đều được như Ta vậy: Thường sanh vào vương gia, đầy đủ phúc đức, mãi mãi nương theo Phật pháp."

Nghe lời này, ai nấy cũng đều kinh ngạc.

Khi đến đạo tràng Tỳ Trát Ma Phú La, Tôn Giả tự lễ bái Tam Bảo, cùng tán dương phát nguyện: "Con được may mắn làm thân người với các căn đầy đủ lại được sanh vào chốn vương giả. Hôm nay đứng trước ngôi Tam Bảo, con xin nguyện mãi mãi lễ kính và quy y."

Bấy giờ mọi người trong chúng hội đều lấy làm việc hy hữu. Lúc ấy, phụ vương và mẫu hậu cùng chư quyến thuộc cúng dường xong, liền phát nguyện: "Xin nguyện

chúng con sanh sanh thế thế, thường mãi cúng dường Tam Bảo, thừa sự tăng chúng, tuyên dương chánh pháp, trừ dẹp phiền não, đắc được tự tại."

Tôn Giả nghe lời này, bèn xoay về hướng cha mẹ, phát nguyện: "Nguyện đời đời chẳng bị gia thế trói buộc; trong tăng chúng đắc được pháp lạc; thường tinh tấn chẳng ngã mạn; con nguyện mãi mãi cúng dường Tam Bảo cùng khởi lòng từ bi trải khắp loài hữu tình."

Mới mười tám tháng mà Tôn Giả đã phát nguyện quy y Tam Bảo, phát tâm Bồ Đề (giác ngộ), khiến ai nấy cũng đều hoan hỷ vui mừng.

Lúc lên ba tuổi, Hoàng Tử đã học hết tất cả toán số, Thanh Minh. Khi lên sáu tuổi, Tôn Giả còn có khả năng phân biệt đâu là chánh pháp đâu là tà pháp, cũng như đâu là Phật pháp đâu là pháp của ngoại đạo; đây là điềm báo hiệu sau này Tôn Giả sẽ trở thành một vị học giả lỗi lạc của Phật giáo. Về sau, Tôn Giả đã từng bảo: "Ở Ấn Độ, chỉ có ba người biết rõ sự khác biệt giữa Phật pháp và ngoại đạo: Ngài Na Lạc Ba (11), đại sư Kim Châu và Ta. Ngài Na Lạc Ba và đại sư Kim Châu đã tịch, còn Ta thì vào Tây Tạng. Do đó, Ta ngại rằng Phật giáo Ấn Độ chắc sẽ bị thua dưới tay ngoại đạo."

Năm mười tuổi, Tôn Giả quy y Tam Bảo Phật Pháp Tăng, thủ hộ giới cấm, hành hạnh bố thí, đọc tụng kinh luận, cầu nguyện Bốn Tôn, tâm cầu chánh pháp, cung kính cha mẹ, ái ngưỡng pháp lữ, thương mến quyến thuộc, chần cấp cho người nghèo mà không sên tiếc. Tất cả thắng hạnh của bậc thiện sĩ, Tôn Giả đều hành chẳng khiếm khuyết.

Năm mười một tuổi, Tôn Giả được chư vương thần công hiến hai mươi một đồng nữ để vui đùa. Ngày nọ, theo lệnh của nhà vua, quần thần trang sức mười ba cỗ xe châu báu, cùng tràng phan bảo cái, khay bao loại âm nhạc, hộ tống Tôn Giả đi du

hí nơi các tụ lạc, cử hành những đại hội vui chơi trong mười lăm ngày. Có hai mươi lăm nàng công chúa ở những vương quốc khác đến ngắm xem Tôn Giả, như công chúa Trì Phước, Trì Thủy, Trì Mãnh, v.v... Mỗi nàng công chúa đều ngồi trên xe báu, có bảy thể nữ đi theo hầu, nghiêm sức bằng các loại châu báu, đồng tấu âm nhạc vi diệu, giống như Thiên-nữ giáng trần. Bấy giờ Tôn Giả ngắm xem các nàng công chúa, bèn đắm nhiễm sắc đẹp, niệm tham dục chột nổi dậy, lông tóc toàn thân đều dựng đứng. Khi ấy, Không Hành Mẫu hóa thân làm một đồng nữ thân màu xanh biếc, dùng kệ răn nhắc:

- Chớ tham đắm ! Chớ tham đắm ! Nay bậc Thiện Căn ! Voi bị lún bùn lây dục vọng, thì giới y thanh tịnh sao chẳng bị mai một ? Trong 552 đời, thường thọ thân tướng tỳ kheo đại thiện xảo, giống như thiên nga lướt trên mặt hồ. Xin Ngài hãy phát tâm xuất ly ra khỏi đời này. Chư đồng nữ thanh tịnh vi diệu ở thành ấp là ma nữ; vì muốn đoạt tịnh giới, nên hiện tướng hảo đoan trang hoan hỷ để làm mê hoặc. Diệu tướng Vương Tử, xin hãy biết cho ! Như vàng trắng tròn ảnh hiện trên mặt biển phẳng lặng, thân tướng sáng ngời thanh tịnh không cấu uế, đầy đủ năm nhục kế thiên trang nghiêm, thù diệu đoạt ý chư hữu tình. Được thân bảo mãn hy hữu, phải dùng văn tư tu mà quán tận thể nhân. Tăng thượng duyên nhờ y chỉ những bậc thiện tri thức vô lậu. Hãy đoạn niệm dục ái !

Tôn Giả nghe thế, cười đáp:

- Đức Thế Tôn xả bỏ sáu vạn vương phi, chứng đẳng chánh giác, chuyển chánh pháp luân, thành bậc Thiên Nhân Sư, được xưng tán cúng dường. Ta đã không xả bỏ vương vị mà sao lại còn tham đắm dục lạc ! Một khi đã biết thế sự là huyễn hóa, cảnh dục là lừa dối, thì việc nương theo Phật Tổ và các bậc thiện tri thức mà tu học chánh giáo là điều cần thiết.

Bấy giờ người trong chúng hội nghe Tôn Giả nói lời này, tuy sanh tâm hy hữu, nhưng sợ Tôn Giả sẽ xuất ly thế tục, nên vội vàng báo tin cho nhà vua cùng hoàng hậu hay, và xin tuyền thêm cung nữ để làm mê hoặc Tôn Giả.

Lần nọ, Tôn Giả cùng 120 quân kỵ mã đến một khu rừng núi, thấy sa môn Thắng Địch (Jitari), một mình cư trú nơi thanh tịnh, tu pháp xuất ly. Thấy đức tướng của vị đó, Tôn Giả cỡi ngựa đến hỏi:

- Cư trú nơi thanh tịnh, hành việc khó hành, dùng pháp Phạm hạnh, sống đời thanh tịnh, xả bỏ dục trần, tu tập Phật đạo, thì đắc được công đức thù thắng gì ?

Sa môn Thắng Địch chẳng màng mở mắt nhìn Tôn Giả mà đáp:

- Ta thấy chư hành vô thường, chẳng có chân thật; lúc sống tuy có đủ vương nhạc dục lạc, nhưng khi chết thì bị nghiệp dẫn vào đường ác. Lại nữa, tài bảo vốn là huyễn hoặc, chẳng phải chân thật. Ta cũng thấy các chúng sanh ác liệt, hành vi đồng với súc sanh; khi chết e rằng sẽ sanh vào nơi bất tịnh. Sau khi suy tư và thấy rõ những việc này, nên liền cung kính nhiếp thọ Phật pháp, sống một mình nơi chốn núi rừng thanh tịnh, hành những hạnh khó hành...

- Này vị Sa Môn ! Sao dám khinh mạn người ! Thấy Hoàng Tử đến trước mặt, sao chẳng đứng dậy ?

- Ta chẳng có tài sản riêng tư, chỉ nương y nơi núi rừng làm chỗ an lạc. Thân mạng như cừu địch, chỉ còn đợi cái chết. Ta chẳng có ngã mạn. Hãy bỏ lời tạp loạn ! Ông là Hoàng Tử nào ? Từ đâu đến đây ? Ta chẳng có oán thân, nên chẳng biết đến...

- Ta từ vương cung Kim Tràng đến, vốn là Hoàng Tử của vua Thiện Thắng. Ngay nơi núi rừng này, ai dám kiêu mạn ? Người chẳng biết đến đấng quân vương, tức phạm luật nước.

- Ta chẳng sống trong quần nhơn, chẳng là quan cũng chẳng phải nô tỳ, lại chẳng có ai đoái hoài, nên vượt ngoài pháp luật. Lúc xuất thế, Ta chẳng có ngựa chẳng có bạn, chẳng có y áo, chẳng có thức ăn, chẳng có đất, chẳng có vương quốc, chỉ đơn độc tiến bước, du hành vạn dặm tới những nơi chẳng từng biết đến. Thường cô đơn tu hành nơi rừng hoang núi vắng. Nào biết Hoàng Tử đến đây mà đứng dậy cung nghinh ?

Tôn Giả nghe thế, bèn xuống ngựa, cung kính chấp tay mà thưa:

- Thật là vị thiện xảo thắng đức, hiện tướng như ngã mạn kiêu căng. Ngày đêm sáu thời, con cũng hằng suy tư về hoạn sanh tử, nên muốn xuất ly, xả bỏ vương vị để hướng đến nơi giải thoát. Xin Ngài hãy từ bi nhiếp thọ chỉ giáo !

Bấy giờ sa môn Thắng Địch nương nhờ sự gia trì của ngôi Tam Bảo, truyền pháp Phát Tâm cho Tôn Giả. Tôn Giả cùng quân hầu đồng phát tâm cúng dường tài bảo. Sa môn Thắng Địch vì muốn tư lương của Tôn Giả được viên mãn, bèn tạm thời lãnh nạp, rồi dạy:

- Đồi này lắm ma quỷ chuyên hành tự lợi, nên biết chúng là loài chim kén, hổ lang. Chư Độc Giác làm sao thành đạo vô thượng ? Nô bộc vật thực đầy đủ cả bao đời, chẳng phải là sở hữu của Hoàng Tử. Xin Hoàng Tử phát đại tinh tấn, xả bỏ vương vị, mau kíp hướng đến đạo giải thoát...

Tôn Giả bèn cầu thỉnh:

- Con sống trong vương cung như tù ngục ! Nhờ sự gia trì của Ngài, xin nguyện chẳng bị vương gia bức bách.

- Chúng tánh vốn có ba loại trói buộc. Vương vị đồng như bùn sinh bất tịnh. Quốc vương là danh tự của ma vương; quần thần là thân quyến của ma vương. Chẳng

bao lâu Hoàng Tử sẽ bị bức bách. Hãy qua chùa Na Lan Đà. Nơi đó, có bậc sư trưởng nhiều đời của Hoàng Tử, tên là Bồ Đề Hiền (Bodhibhadra). Hoàng Tử nên y theo vị đó mà cầu thỉnh giáo pháp Phát Tâm. Vị đó là bậc đại thiện xảo, có khả năng làm lợi ích cho Hoàng Tử.

Nói xong, sa môn Thắng Địch trả lại những đồ vật vừa được cúng dường, rồi nói tiếp:

- Lúc ra khỏi vương cung, hãy trở lại đây. Ta sẽ ban truyền thêm nhiều giáo pháp cho Hoàng Tử.

Tôn Giả trở về vương cung, ban tất cả vàng bạc châu báu cho quyến thuộc, rồi trở lại gặp sa môn Thắng Địch và đi thẳng đến chùa Na Lan Đà ở Trung Ấn. Bấy giờ vua A Lan Đà (12), nghe tin Tôn Giả đến bèn trang bị bốn chủng binh, ra tận biên thùy để cung nghinh, và hỏi:

- Đại Vương từ nơi đâu đến ? Muốn tìm oán địch nào ?

Tôn Giả đáp:

- Ta từ nước Tát Hạ ở miền đông đến. Vì muốn hàng phục oán địch ở ba cõi và oán địch sanh tử mà đến, chứ chẳng vì việc khác !

Quốc vương bèn tán thán, rồi hỏi:

- Quốc vương có an lạc chăng ? Chùa Tỳ Trát Ma Phú La trong vương quốc của Ngài có rất nhiều thánh chúng, sao lại đến đây ?

Tôn Giả đáp:

- Do lời thọ ký của sa môn Thắng Địch, nên Ta đến quốc độ này, để tham vấn với luận sư Bồ Đề Hiền.

Nghe xong, vua A Lan Đà liền cung nghinh Tôn Giả đến vương cung mà cúng dường, rồi dẫn Tôn Giả đến chùa Na Lan Đà để gặp luận sư Bồ Đề Hiền. Vừa thấy luận sư Bồ Đề Hiền, Tôn Giả vui mừng vô hạn. Luận sư Bồ Đề Hiền cũng rất vui mừng hoan hỷ, và đứng dậy bảo:

- Xin mời Hoàng Tử ngồi xuống ! Do duyên có gì mà đến nơi đây ?

Tôn Giả bèn cung kính đánh lễ, cúng dường các thứ trân bảo, rồi thưa:

- Con sợ vương vị lừa dối, đọa lạc trầm luân trong bùn lầy sanh tử, nên đến nơi núi rừng, gặp sa môn Thắng Địch, được vị đó từ bi tiếp thọ chỉ giáo. Vị đó lại bảo rằng hãy đến chùa Na Lan Đà, nơi có sư trưởng nhiều đời tên là luận sư Bồ Đề Hiền, mà thỉnh cầu pháp Phát Tâm. Con y theo lời dạy của vị đó, nên vội trở về cung điện, rồi mang các cúng phẩm, mau chóng mang đến nơi đây. Xin Ngài từ bi tiếp thọ, dạy con pháp Phát Tâm Bồ Đề...

Nói xong, Tôn Giả bèn ngồi xuống. Bấy giờ luận sư Bồ Đề Hiền trụ nơi tam ma địa (thiền định) gia trì ba nghiệp của Tôn Giả cho được thanh tịnh, rồi ban truyền pháp Phát Tâm Bồ Đề Vô Thượng, và bảo:

- Năm dục dôi gạt, vương vị hư huyễn. Khi bỏ thân này, hồi hận sao kịp ! Phải phát đại tinh tấn, cần cầu Phật pháp. Phía bắc chùa Na Lan Đà có Bồ Tát Minh Liễu Đỗ Tập (Vidyakokila) đầy đủ giới đức thanh tịnh, thần thông chẳng ai bằng, đạt được chánh kiến Trung Quán, xa rời tám loại hí luận (13), tận hết thọ sanh, trụ nơi tịch tĩnh. Vị đó là bậc sư trưởng từ đời vô thủy của Hoàng Tử, nên phải qua đó, mà thỉnh cầu yếu chỉ thâm sâu.

Thọ giáo xong, Tôn Giả tuy quyền luyến, mến mộ luận sư Bồ Đề Hiền, nhưng vẫn cố gượng đi. Tôn Giả đến nơi trụ xứ của Bồ Tát Minh Liễu Đỗ Tập, đánh lễ cúng dường tác bạch:

- Con từ nước Tát Hạ ở miền đông đến đây, và vốn là Hoàng Tử của vua Thiện Thắng. Ban đầu đến chùa Na Lan Đà, cầu thỉnh thọ giáo nơi luận sư Bồ Đề Hiền. Ban truyền pháp xong, luận sư Bồ Đề Hiền bảo rằng cách đây về phía bắc có vị sư trưởng từ đời vô thủy của con, nên mới đến đây, thỉnh pháp Phát Tâm. Nguyên ân cần phụng mạng Ngài. Xin từ bi nhiếp thọ dạy bảo, để sau này con không còn bị phụ vương bức bách.

Bấy giờ Bồ Tát Minh Liễu Đỗ Tập vui vẻ vô ngần, và an ủi gia trì, cùng ban pháp Phát Tâm, rồi giảng về lý duyên khởi tánh không. Tôn Giả vừa nghe qua, ngay nơi tòa ngồi liền chứng được Gia Hạnh Đạo, đạt được Dững Kiện Tam Ma Địa Môn, rồi đem sở chứng mà bạch với Bồ Tát Minh Liễu Đỗ Tập:

- Nay con trụ định, thấy các pháp tánh, sáng rạng lẳng trong, không có cấu nhiễm, giống như hư không chẳng có chút mây mù. Kế đến, từ định khởi dậy, thấy các pháp hiện. Tuy thấy hiển hiện mà chẳng chấp cho là thật, và cũng thường tùy theo tâm ý của loài hữu tình (14). Tuy thấy các pháp hư giả, mà nơi các nghiệp nhỏ nhặt, chẳng dám phóng dật giải đãi. Những sự Có-Không này, phải chẳng chẳng sai lầm ?

Bồ Tát Minh Liễu Đỗ Tập tán thán:

- Lành thay Hoàng Tử ! Do tích tụ phước đức, nên trong định tuy đạt được tánh Không, mà khi xuất định lại vận dụng tâm đại bi duyên đến loài hữu tình; hai đế chính là giáo pháp tối tôn thắng của Ta. Nay muốn rời bỏ vương cung, phải nên qua núi Hắc Sơn (15). Nơi đó có thầy của Ta là A Phược Đô Đế (Avadhutipa),

cũng là vị sư trưởng đời trước của ngươi. Hãy nên cầu thỉnh pháp Phát Tâm, và cầu ban giáo pháp Xuất Ly...

Tôn Giả thọ giáo xong, lưu luyến khó xả, nhưng vì cầu pháp, nên rời lệ từ biệt. Bấy giờ vua A Lan Đà cúng dường vô lượng trân bảo cho Tôn Giả, rồi cùng chư quyến thuộc tiễn đưa Tôn Giả đến vùng Tam Du Thiện Na.

Sau đó, Tôn Giả tới vùng núi Hắc Sơn, thấy ngài A Phước Đô Đế, cư trú dưới một hang đá đen, dùng tóc làm y phục, da dầy cứng, hình thể khô, bụng lớn, mắt đỏ sắc xanh, đang ngồi xếp bằng, tâm rời các sự phân biệt. Tôn Giả mau mắn xuống ngựa, rồi cùng chư quyến thuộc đánh lễ ngài A Phước Đô Đế. Kế đến, Tôn Giả bèn ngồi qua một bên. Bấy giờ, ngài A Phước Đô Đế từ trong định khởi dậy, mở mắt ra nhìn, và hỏi Tôn Giả từ đâu đến ? Tôn Giả chấp tay bạch:

- Con từ nước Tát Hạ ở miền đông đến. Con đã gặp Bồ Tát Minh Liễu Đỗ Tập và cầu xin quy y cứu hộ. Bồ Tát chỉ con tới đây cầu xin Ngài từ bi nhiếp thọ dạy bảo.

Ngài A Phước Đô Đế nghe xong liền bảo:

- Nay Hoàng Tử ! Ta cũng sanh trong vương gia. Vì sợ hoặc nghiệp thâm sâu, nên xả bỏ vương vị, như gạt nước dãi. Nay Ngươi có khả năng tu hành theo pháp A Phước Đô Đế chăng (16) ? Vương vị như thuốc độc; uống vào chút ít sẽ đoạn mạng căn. Vương vị như hầm lửa; nếu rơi vào thì bị vô lượng khổ. Ngươi nay nên trở lại vương cung, quán sát họa hoạn của vương gia, rồi trở lại đây !

Tôn Giả nghe xong, cung kính cúng dường, rồi cấp tốc trở về bản quốc. Thấy Tôn Giả trở về, tất cả nhân dân đều hoan ca vui mừng, cúng dường vô lượng kỹ nhạc. Lúc Tôn Giả vào cung, phụ vương và mẫu hậu vui mừng vô hạn, và hỏi thăm con

mình đã đến những nơi chốn nào mà nay vẫn bình yên trở về. Tôn Giả cung kính kể rõ tự sự, rồi khai bạch tâm cầu nguyện xuất ly:

- Con đã từng đi tham cầu các bậc sư trưởng, những vị Tăng Bảo của Tam Bảo. Con đã từng đến hang động, núi rừng để tầm cầu. Dẫu đến bất cứ nơi nào cũng thấy lỗi lầm của cõi Ta Bà. Hễ gặp pháp hữu nào, họ cũng đều nói với con về những lỗi lầm của cõi Ta Bà. Mặc dầu đã đi tầm cầu học đạo nhiều nơi nhưng con vẫn chưa mãn nguyện. Xin hãy cho con được tự do nương y tu tập Phật pháp.

Phụ vương và mẫu hậu đồng bảo:

- Con chán sanh tử, thì nên tiếp thọ vương vị, cúng dường Tam Bảo, kiến lập Già Lam, thừa sự tăng chúng. Đối với chư hữu tình, tu tâm đại bi, ban ân huệ bố thí, khiến tất cả đều được an lạc. Sao lại như người khác, mà cầu xuất ly ?

Tôn Giả thưa:

- Con đã thấy rõ về cõi Ta Bà. Con chẳng dấn chấp vào cạm bẫy của vương vị chút nào. Hoàng cung chẳng khác như tù ngục. Vương hậu chẳng khác gì con gái của Ma Vương. Mặc áo gấm lụa là chẳng khác gì mặc tấm mền dơ bẩn. Con phải vào núi rừng để thường tu thiền định. Hôm nay, xin cho con chút ít sữa, mật, đường. Con sẽ đến nơi của ngài A Phược Đô Đế. Nếu thật tình thương xót, kính xin phụ vương và mẫu hậu cho phép con xuất gia, chớ nên lưu giữ con lại !

Bấy giờ phụ vương và mẫu hậu nghe lời này, chẳng có lời nào để đối đáp, nên tạm thời hứa khả. Tôn Giả được cha mẹ cho phép, bèn cùng một ngàn dũng sĩ trở lại nơi ngài A Phược Đô Đế, cầu thỉnh giáo pháp. Đến nơi, Tôn Giả cung kính cúng dường, chấp tay đánh lễ. Ngài A Phược Đô Đế liền ban pháp Phát Tâm, và bảo:

- Nay Người nên qua chùa Hắc Sơn (17), thân cận ngài La Hầu La Cấp Đa (Rahula-gupta), vị Du Già Sư đang tu pháp Hoan Hỷ Kim Cang và Diêm Man Đức Ca. Nơi đó, Người nên cầu thỉnh thọ pháp Phát Tâm, pháp quán đánh. Vị ấy cũng là sư trưởng đời trước của Người...

Tôn Giả nghe lời dạy bảo, bèn cùng với một ngàn dũng sĩ, đến chùa Hắc Sơn. Bây giờ vị Du Già Hoan Hỷ Kim Cang (18) đang tuyên dương Mật pháp. Lúc thấy Tôn Giả từ xa đi đến, vì muốn hiển thị thắng đức của Tôn Giả, và trừ nghi cho đại chúng, khiến họ sanh tâm hy hữu, nên ngài La Hầu La Cấp Đa khởi tâm đại bi, đánh tiếng sấm sét lớn lên đỉnh đầu của Tôn Giả để thử Tôn Giả. Sau đó, ngài La Hầu La Cấp Đa lên đánh núi Hắc Tháp. Đại chúng thấy việc này, đều sanh tâm hy hữu, hỏi:

- Vị Vương Giả đó, từ đâu đến đây ?

Vị Du Già Hoan Hỷ Kim Cang đáp:

- Người này đã từng hành hạnh từ kheo thanh tịnh trải qua 552 đời, đắc đại thiện xảo. Đời nay sanh tại nước Tát Hạ, làm con của vua Thiện Thắng. Vương vị và quyền thuộc thù thắng như thế, mà chẳng tham trước, nên xả bỏ tất cả, hành những hạnh khó hành. A Phược Đô Đế bảo vị đó đến đây. Do đầy đủ thắng đức, nên hiện cảnh tượng này, chẳng hy hữu lắm sao !

Bấy giờ, đại chúng đồng thanh tán thán:

- Hy hữu thay !

Nói xong, tất cả đồng đứng dậy, nghinh đón Tôn Giả. Thấy đại chúng nghinh đón mình, Tôn Giả liền xuống ngựa và đi bộ thẳng đến trước mặt ngài La Hầu La Cấp Đa, cung kính đánh lễ, bạch:

- Kính xin Tôn Sư cho con được trình bày ! Con tuy đã nguyện bỏ vương gia, cầu mong đạt được giải thoát, nhưng vì chủng tánh cao quý, nên bị trói buộc ở vương cung. Thuở trước con đã từng thân cận các vị đại thành tựu như Thắng Địch, Bồ Đề Hiền, Minh Liễu Đỗ Tập, A Phược Đô Đế. Song, cho đến giờ này, con vẫn chưa được giải thoát. Ngài A Phược Đô Đế dạy con đến đây để thỉnh cầu Tôn Sư ban cho con tất cả pháp Đại Thừa, phát tâm, quán đánh, quyết định gia trì, để khiến được giải thoát !

Khi đó, ngài La Hầu La Cấp Đa tự quán chiếu, rồi một mình dẫn Tôn Giả vào Mật Đàn, truyền pháp quán đánh Hoan Hỷ Kim Cang, mật hiệu Trí Mật Kim Cang (Jnanaguhyavajra). Ngày đêm tương tục ban truyền giáo pháp, trải qua mười ba hôm thì viên mãn. Trong những ngày đó, quyền thuộc một ngàn người đều ngủ mê, chẳng biết khi nào Tôn Giả trở ra. Sau mười ba ngày, Tôn Giả bước ra, làm Thắng Lạc Luân Tướng. Các quyền thuộc rất vui mừng khi gặp lại Tôn Giả.

Bấy giờ, ngài La Hầu La Cấp Đa lại tuyển ra tám vị Du Già Sư đại thành tựu, hộ tống Tôn Giả trở về nước Tát Hạ để quốc vương dứt hết tâm tham luyến với Tôn Giả. Trước khi trở về nước Tát Hạ, tám Du Già Sư đưa Tôn Giả trở lại ngài A Phược Đô Đế để thọ giáo. Kế đến, Tôn Giả làm tướng Du Già rồi cùng một ngàn quyền thuộc lên đường trở về vương cung. Phụ vương và mẫu hậu cùng quyền thuộc đều ra cung thành nghinh đón. Vì có tâm lo sợ rằng Tôn Giả sẽ xuất ly, nên suốt ba tháng phụ vương và mẫu hậu tìm đủ mọi cách để ngăn cản, cầm giữ Tôn Giả ở lại. Vì vậy, Tôn Giả và các vị Du Già Sư phải giả tướng điên cuồng đi chung quanh vương thành. Thấy thế, vương gia và triều thần ai nấy đều buồn rầu thương tiếc biết rằng không còn cách nào giữ Tôn Giả ở lại. Phụ vương rơi lệ bảo Tôn Giả:

- Lúc con vừa đản sanh thì có vô lượng điềm lành. Trẫm nghĩ rằng con sẽ nối ngôi vua, nên tâm sanh vui mừng vô hạn. Nào ngờ, hôm nay con muốn trụ nơi núi rừng, có phải khiến Trẫm thất vọng chắng !

Tôn Giả thấy vua cha buồn thảm, nên an ủi:

- Thừa Phụ Vương ! Xin hãy nghe lời con. Giả sử nay con tiếp thọ vương vị, tuy tạm thời được gần nhau, nhưng đó chắng lâu dài. Lại nữa, trong nhiều đời nhiều kiếp, nếu chắng phải là bà con quyến thuộc (cha con) với nhau, thì làm sao gần gũi với nhau qua nhiều đời để mà hưởng giàu sang phú quý ? Con nay xả bỏ vương vị, hành đạo Bồ Đề, đạt giác ngộ giải thoát. Đời đời kiếp kiếp phụ vương và con quyết cùng nhau gieo duyên lành. Xin Phụ Vương từ bi mà nghe cho, chớ nên lưu giữ.

Thấy nhà vua đã cạn lời, Hoàng hậu bảo Tôn Giả:

- Tình mẹ thương con kể bao cho xiết nhưng có được ích lợi gì ! Vì ái nhiều mà nghiệp lực đã lôi cuốn chúng sanh trong nhiều đời; mẹ ráng buông xả tâm lưu luyến để con thỏa lòng mong muốn tìm thầy học đạo; mẹ nguyện cùng con làm quyến thuộc mãi mãi về sau.

Tôn Giả được Hoàng Hậu hứa khả cho, nên lòng đầy niềm vui như được việc chưa từng có. Hôm sau, Tôn Giả cùng tám vị Du Già Sư rời hoàng cung, đến thọ giáo với ngài A Phược Đô Đế, tu các hạnh khó hành, học luận Trung Quán (Madhyamika), lý nhân duyên thâm sâu vi tế, cùng văn tư tu. Từ mười hai tuổi đến mười tám tuổi, Tôn Giả thường y theo ngài A Phược Đô Đế tu học mà chưa từng rời bỏ.

Năm mười lăm tuổi, Tôn Giả y theo sở học về đạo lý của quyển Chánh Lý Trích Luận (19), hàng phục được các luận sư ngoại đạo tài giỏi.

Đối với sự tu trì Mật pháp, đa phần Tôn Giả đều được ngài La Hầu La Cấp Đa ban truyền. Ngài La Hầu La Cấp Đa mới đầu tu tập theo Duy Thức Học, đạt được kiến giải thấy tất cả pháp vốn là Duy Thức huyền nghĩa. Tôn Giả vốn đã tu tập Trung Quán, nên đặc kiến giải thấy tất cả pháp tánh nghĩa không. Song, ngài La Hầu La Cấp Đa chẳng vui (20), bảo:

- Ông sanh các kiến giải đó, hoàn toàn là do nghiệp xưa mà có.

Sau này, nhờ tu tập Mật pháp mà ngài La Hầu La Cấp Đa đạt thành tựu, nên thấy rõ chân tánh của các pháp. Vì vậy, ngài La Hầu La Cấp Đa bảo Tôn Giả:

- Bản tánh của các pháp, như lời ông nói.

Đối với kiến giải về Trung Quán, Tôn Giả đều tu học từ ngài A Phược Đô Đế. Tuy là phái Du Già Trung Quán (21) mà lấy chánh kiến của phái Nguyệt Xung. Tôn Giả tự bảo: "Ta hành trì giáo nghĩa của phái này, là do thọ giáo từ Lạt Ma A Phược Đô Đế. Song, đối với phái của luận sư Nguyệt Xung, Ta thật có tín tâm thâm sâu."

Tôn Giả lại y theo Lạt Ma Khất Thực Giả, thỉnh cầu pháp quán đánh, được gia trì trí huệ của Mật Tông, mà nhập vào biến pháp (22)

Lần nọ, lúc đang trú ở vùng Tỳ Trát Ma Phú La (Vikramapura), Tôn Giả thấy một người đàn bà vừa cười vừa khóc, bèn cảm thấy rất lạ kỳ, và biết vị này có công đức hy hữu, nên đánh lễ trong tâm, và thỉnh giáo. Bấy giờ bà ta bảo:

- Ta thật có giáo pháp.

Nói xong, bà ta bèn đi sang hướng đông. Tôn Giả cũng đi theo. Lúc đến một ngôi nhà ngay bên khu rừng, bà ta hỏi:

- Ông thấy Ta có công đức chăng ?

Tôn Giả đáp:

- Thấy thật có công đức.

- Ông có biết ý vừa khóc vừa cười của Ta chăng ?

- Không biết.

- Ta khóc vì thấy loài hữu tình lúc chưa được giải thoát, thường bị lưu chuyển trong vòng sanh tử, thọ vô lượng khổ. Lúc họ đạt giải thoát, hiện tiền thành Phật, nên Ta vui cười.

Nói xong, bà ta liền hiện bản thân Kim Cang Du Già Mẫu (Vajra Yogini), quán đánh giá trị Tôn Giả. Thấy điềm lành như thế, Tôn Giả bèn đánh lễ cúng dường, cầu thỉnh ban tất cả giáo pháp.

Bấy giờ, trong nước Tát Hạ, ngoại đạo cùng Phật giáo tranh biện, mà tăng sĩ Phật giáo chẳng biện luận bằng các luận sư ngoại đạo, nên các đạo tràng của Phật giáo đều bị những luận sư ngoại đạo chiếm đoạt. Khi ấy, có một vị Thượng Tọa, tâm ý bất an, chí muốn hàng phục ngoại đạo để lấy lại các đạo tràng, nên đi khắp nơi tìm kiếm chư đại thiện xảo và Du Già Sư, nhưng đã lâu mà chẳng thấy có một ai, khiến tâm ưu sầu vô hạn. Ngày nọ, có một bà lão thấy Tôn Giả vừa đi ngang qua thành đó, với thân tướng trang nghiêm tỏa ánh hào quang, bèn nghi đây là bậc có công đức thù thắng, nên vội chạy đến báo tin cho vị Thượng Tọa kia biết. Vị Thượng Tọa kia bèn tìm đến, thuật lại nhân duyên, và tự thân cầu thỉnh, rồi được Tôn Giả hứa khả nhận lời. Về sau, Tôn Giả thuyết phá tất cả ngoại đạo tà kiến, thu hồi lại mọi tự viện của tăng chúng, và hàng phục cùng cảm hóa đồ chúng ngoại đạo, khiến họ quy y Tam Bảo. Vị Thượng Tọa kia vô cùng mừng rỡ. Thấy Tôn Giả có hình

tướng hành khát, nên vị Thượng Tọa kia rất thương xót, và khuyên Tôn Giả hãy hiện tướng xuất gia để làm lợi ích cho thánh giáo. Song, Tôn Giả chưa hứa khả. Được thỉnh cầu trú lại tự lạc, Tôn Giả vẫn không chấp thuận, mà bỏ đi.

Từ vùng Tát Hạ, Tôn Giả đi về hướng tây, và tự nhủ: "Nay tất cả pháp gia trì, giáo thọ, kham năng, tri giải đều nằm trong tay của Ta."

Lần nọ, trong giấc mộng, Tôn Giả thấy chư Không Hành Mẫu, hiển hiện các mật điển hy hữu chưa từng có, và hàng phục tâm ý ngã mạn của Tôn Giả. Ngày nọ, vị Độ Mẫu hiện thân hỏi:

- Phải chăng Ông là vị thiện xảo của Mật Thừa ?

Tôn Giả đáp:

- Phải !

- Ông có biết những pháp tu khác chăng ?

- Xưa kia chưa từng thấy qua.

- Ông sao lại quá khinh mạn ! Mật pháp của ông như một sợi lông trong nhân gian mà Không Hành Mẫu đang nắm trên tay.

Nói xong vị Độ Mẫu liền biến mất. Từ đó, Tôn Giả mãi không còn tâm ngã mạn.

Mới đầu, Tôn Giả y theo chư sư trưởng mà chuyên tu tập. Lần nọ, Tôn Giả mộng thấy Thắng Lạc Luân, trụ trên hư không, bảo:

- Nay Thiện Nam Tử ! Chỉ tu theo A Phước Đô Để thì chẳng thể chứng thánh quả. Ông nên xuất gia. Sau khi xuất gia, sẽ có rất nhiều người theo ông mà xuất gia thọ giới.

Lần nọ, Tôn Giả tự nghĩ: "Ta phải đạt được Mật Thừa vô thượng của Đại Thủ Ấn trong đời này, bằng cách tiếp thọ thêm những giới luật Mật Thừa."

Ngay khi ấy, ngài La Hầu La Cấp Đa dùng lực thần thông đến trước Tôn Giả bảo:

- Người nói gì ? Người bỏ quên chúng sanh rồi chăng ? Hãy thọ giới làm tỳ kheo ! Việc này sẽ mang lại lợi ích cho chánh giáo và chúng sanh.

Lần khác, Tôn Giả mộng thấy Phật Thích Ca và vô lượng chư tỳ kheo cùng ngồi thọ trai. Tôn Giả đi đến, ngồi kế bên đức Phật. Đức Phật xoay đầu nhìn Tôn Giả rồi hỏi đại chúng:

- Người này còn tham trước điều gì mà không chịu xuất gia ?

Lần khác, lúc Tôn Giả định dùng pháp của ngài A Phước Đô Để để chuyên tu chứng pháp Kiến Đế, thì gặp hóa thân của Tự Tánh Du Già Mẫu (23), bảo:

- Ông chớ nên tu pháp A Phước Đô Để, vì đời nay chẳng thể Kiến Đế (24), mà ngược lại còn gặp nhiều chướng nạn. Từ nay, ông nên xuất gia, để làm lợi ích cho thánh giáo của đức Phật.

Đêm nọ, Tôn Giả mộng thấy trong một đạo tràng, chính giữa có một vị thượng tọa đang ngồi trên một tòa ngồi cao lớn. Lúc Tôn Giả muốn bước vào, vị thượng tọa đó bèn bảo:

- Đây là nơi của người xuất gia. Ông là người tại gia, chớ nên vào đây (25).

Tỉnh dậy, Tôn Giả tự bảo: "Nay Ta nhất định phải xuất gia."

Năm hai mươi chín tuổi, Tôn Giả đến chùa Na Lan Đà vấn hỏi một vị đại thiện xảo:

- Con nên xuất gia với bộ phái nào ?

Đáp:

- Ông có xả bỏ Mật hạnh chăng ?

- Chẳng xả (26) !

- Nếu vậy thì ông nên xuất gia theo phái của luận sư Phật Trí thuộc Đại Chúng Bộ (27).

Tôn Giả y theo lời dạy bảo, đến Kim Cang Đại Bồ Đề tại chùa Ma Đề Tỳ Ha La, y theo trì luật thượng tọa Giới Hộ (28), thỉnh cầu thọ giới xuất gia, được ban pháp hiệu là Kiết Tường Nhiên Đăng Trí (29), pháp danh A Đề Sa (Atisa) chánh thức nhập tăng đoàn, khùng bố ma quân, an ủi nhân thiên.

Tôn Giả thiện xảo thanh minh và nội minh. Xuất gia xong, Tôn Giả thường thân cận vị giáo thọ sư, tu học kinh luận luận Tiểu Thừa và Đại Thừa.

Lần nọ, vị giáo thọ sư đó cùng ngoại đạo (Tirthika) biện luận. Biện luận chưa xong thì vị giáo thọ sư đột nhiên nhuốm bệnh. Tôn Giả bèn thay thế thầy mình mà biện luận, khiến ngoại đạo phải chịu thua. Ngoại đạo hỏi chúng tăng:

- Vị thiện xảo này tôi chưa từng nghe qua. Oai đức của vị này như thế nào ?

Đáp:

- Đây chẳng phải là vị thiện xảo (thông đạt hết ngũ minh). Vị này chỉ tu tập thanh minh mà thôi !

Ngoại đạo nghe qua, khởi tâm cung kính run sợ.

Tôn Giả lần hồi y theo vị giáo thọ sư mà học ngũ minh. Về sau, Tôn Giả sang chùa Đại Bồ Đề mà tu tâm từ bi và tâm Bồ Đề. Nơi Kim Cang Tòa, vào mỗi năm, nội đạo cùng ngoại đạo thường tụ hội, hưng khởi tranh biện. Ai bị thua, phải đổi tôn giáo mà quy y theo kẻ thắng (30).

Lần khác, có một cô gái ngoại đạo khởi tà tâm mến thích Tôn Giả, nên nói với người cha:

- Sao cha chẳng hàng phục ông tỷ kheo kia ?

Ông ta bèn đến thách thức luận biện với Tôn Giả. Song, Tôn Giả luận phá ông ta dễ dàng, và khiến ông ta quy y Phật pháp.

Lần nọ, một ngoại đạo ở phương nam, mang năm cây dù (31), đến nói Tôn Giả:

- Ngài vốn là một luận sư trứ danh của Phật giáo. Tôi cũng là một luận sư trứ danh của ngoại giáo. Hai chúng ta tranh luận. Tùy theo kẻ thắng, người thua phải cải đổi tôn giáo. Chẳng biết tôn ý của Ngài như thế nào ?

Tôn Giả chấp thuận trước sự chứng kiên của quốc vương nước Ma Kiệt Đà (Magadha). Tôn Giả chưa khởi chút lao lực mà đã thắng ngoại đạo, khiến ngoại đạo và đồ chúng phải cúng dường hết các cây dù rồi đánh lễ tôn xưng Tôn Giả làm thầy và xuất gia theo Phật pháp. Năm đó, lại có một ngoại đạo mang tám cây dù đến, nhưng cũng bị Tôn Giả chiết phục mà xuất gia theo Phật pháp. Vào năm nọ, có một ngoại đạo rất giỏi Thanh Minh và Nhân Minh, mang mười ba cây dù đến,

muốn tranh luận, được Tôn Giả hứa khả. Buổi biện luận đó được tổ chức rất long trọng, vì có các quốc vương và rất nhiều học giả của các tôn giáo khác cùng dân chúng ở khắp nơi kéo đến dự nghe cuộc tranh biện. Dùng cơm xong, nội đạo và ngoại đạo, hai bên phân chia phải trái. Lúc khai mạc buổi tranh luận, tất cả lý luận thiện xảo thì ai ai cũng có thể hiểu được, nhưng dần dần chỉ còn hơn 30 người hiểu rõ, rồi đến hai mươi người, mười lăm người, mười người còn có thể hiểu. Đến lúc luận biện tối cực thâm sâu, chỉ còn hai người là Tôn Giả và ngoại đạo kia hiểu nhau thôi. Cuối cùng, vì sợ thua, nên ngoại đạo kia dùng một bài kệ nghĩa lý thuộc về kiến chấp trong Thanh Minh mà chất vấn. Tôn Giả chưa có thể giải đáp, nên cáo lui trở vào chùa ngồi tĩnh tọa (32). Bấy giờ, Tôn Giả lập một đàn tràng trước tượng của vị Độ Mẫu, mà khẩn thành cầu nguyện. Nhờ lực gia trì của vị Độ Mẫu, nên Tôn Giả chợt liễu giải, bèn bước ra giải thích, khiến ngoại đạo kia phải chịu quy phục, cúng dường các cây dù và xuất gia theo Phật pháp. Tóm lại, khi ấy Tôn Giả chỉ mới ba mươi một tuổi. Đối với luận Thanh Minh Nội Minh của nội giáo và ngoại giáo, cùng sáu mươi bốn loại nghệ thuật, quán sát mặt trời, lời của chim chóc, địa lý, trân bảo, bảo kiếm, ngựa, voi, nam, nữ, v.v... đều kiêm thông đạt thiện xảo.

Công Xảo Minh tức là tất cả công nghệ, mỹ thuật như may y phục, nắn tạo tượng, v.v... Tôn Giả thông đạt thâm sâu Thuyết Nhân Luận của Bồ Tát Long Mãn (33), cùng tất cả công xảo luận của nội giáo. Tôn Giả cũng thông đạt tất cả công xảo luận của ngoại đạo như Ma Ha La do Đại Thiên Hưởng Ca tạo. Đối với bộ luận Sự Nghiệp Biên Tế, Thế Gian Quỹ do Bà La Môn Lăng Na Ca tạo và quyền luận Kiết Na Ca do vua Kiết Na Ca tạo, Tôn Giả đều hiểu rõ. Về sau, khi đến Tây Tạng, Tôn Giả bảo:

- Tại Tây Tạng chẳng có công xảo luận. Tại Thiên Trúc, Ta có công xảo luận, tức có quyết định lượng, mà chẳng sai sót làm lộn.

Y Phương Minh tức là bộ minh luận chủ yếu mà tất cả mọi người chẳng thể thiếu sót. Người đương thời thường dùng các loại thuốc trong Y Phương Minh để trị liệu bệnh tật cho người, ngựa, voi, v.v... Tôn Giả thiện xảo thông đạt những bộ kinh do đức Như Lai thuyết, như kinh Y Đồng Thịnh Vấn Trụ Y Phương Ích Tha, kinh Xúc Bồn, kinh Mạng Thực, luận Thiện Đắc Dược (34), luận Tứ Chi, luận Mã Minh Bát Chi (35), v.v...

Tôn Giả cũng tự trước tác Y Minh Luận như Mạng Tạng. Lúc sắp đến Tây Tạng, Tôn Giả bảo:

- Đất Tây Tạng không có y dược. Y Phương Minh này sợ sẽ bị mai một ẩn mất !

Bấy giờ, vị Độ Mẫu hóa thân thành một con chim oanh vũ màu xanh biếc, bay đến bảo Tôn Giả:

- Ông chớ ưu phiền. Hãy đến đất Tây Tạng. Ta sẽ chỉ cho các loại y dược.

Khi Tôn Giả đến Tây Tạng, Độ Mẫu chỉ ra các sơn dược và bình nguyên dược (36), v.v... Tôn Giả bảo:

- Các loại cây thuốc ở Ấn Độ, tại Tây Tạng đều có hết. So sánh thì các cây thuốc ở Tây Tạng có hiệu năng mạnh hơn.

Nội Minh chia làm Tiểu Thừa và Đại Thừa. Tiểu Thừa có bốn loại kiến hạnh. A La Hán Thiện Hộ tạo quyển Tỳ Bà Sa Tạng Luận (37). Tại chùa Âu Đơn Đạt Phú Lê (Odantapuri), Tôn Giả đã từng nghe luận sư Pháp Khải (Dharma-rakshita) giảng giải về Tứ Phần Luật, bảy phần A Tỳ Đạt Ma, luận Đại Tỳ Bà Sa. Người khác phải bỏ ra mười hai năm mới học thông suốt, nhưng Tôn Giả chỉ cần bảy năm là học xong (38)

Ba tạng giáo điển của hai mươi bộ phái lớn ở Ấn Độ như Đại Chúng Bộ, Thượng Tọa Bộ, Chánh Lượng Bộ, Nhất Thiết Hữu Bộ, Tôn Giả đều thông suốt chẳng còn thừa. Pháp Thọ Thực, pháp Tịnh Thủy, pháp Duyên Khởi, pháp Giới Thể của mười tám bộ phái, Tôn Giả đều biện biệt, thông đạt chẳng thiếu sót.

Đại Thừa chia làm Hiển Giáo và Mật Giáo. Hiển Giáo lại chia làm ba: Đầu tiên, dùng Tứ Đế mà nhập môn, rồi y cứ theo kinh Tam Trượng Man, luận Kinh Trang Nghiêm do ngài Mã Minh tạo, và y theo kiến giải của bộ luận Tỳ Bà Sa mà tu tâm Bồ Đề; đó là theo sở truyền của luận sư Pháp Khải. Thứ hai, nhập vào tất cả kinh điển Đại Thừa. Thứ ba, nhập vào lý Bát Nhã của Đại Thừa; nơi đây lại phân ra Duy Thức Học và Trung Quán Học. Đầu tiên, trong phái Duy Thức Học có phái của luận sư Hưởng Đề Bạt. Kế đến, có phái của luận sư Sư Tử Hiền. Trung Quán có phái của ngài Nguyệt Xung, và phái của ngài Tĩnh Thiên do Bồ Tát Văn Thù truyền. Bồ Tát Di Lặc truyền pháp cho ngài Vô Trước, rồi sau này truyền đến các luận sư Kim Châu, Pháp Xung (hay Hộ Pháp), luận sư Minh Liễu Đỗ Tập.

Mật Giáo phân làm bảy bộ:

1/ Tác Bộ: Có bốn ngàn loại, như kinh Tô Tát Địa, Diệu Tý Vấn, Chuẩn Đề Phật Mẫu, Văn Thù Căn Bản Giáo Vương, v.v...

2/ Hành Bộ: Có tám ngàn loại, như kinh Tỳ Lô Như Lai Hiện Chứng Bồ Đề, Kim Cang Thủ Đảnh, v.v...

3/ Phân Biệt Bộ: Có bốn ngàn loại, như kinh Kiến Lập Tam Chứng Tam Muội Da Vương, v.v...

4/ Nhị Câu Bộ: Có sáu ngàn loại, như kinh Huyền Võng, Liên Hoa Vũ Tự Tại, v.v...

5/ Du Già Bộ: Có rất nhiều loại, như kinh Thắng Tam Thế, Thắng Du Già, Kim Cang Đảnh, v.v...

6/ Đại Du Già Bộ: Có 12.000 loại, như kinh Tập Mật, kinh Nguyệt Mật, Hắc Sắc Diệm Man Đức Ca, Điều Phục Bất Không, Trí Kim Cang Tập, v.v...

7/ Vô Thượng Du Già Bộ: Có 12.000 loại, như Đăng Hư không, Thắng Lạc Luân, Đại Huyền Thuật Kim Cang Tứ Tọa, v.v...

Tôn Giả đều thông suốt hết tất cả những loại kinh tạng đó. Xưa kia, Tôn Giả khởi tâm ngã mạn do vì trong một giấc mộng nọ, thấy mình đến chùa Hải Mật (hay Hải Hộ) nghe luận sư Ngữ Tự Tại giảng một ức bốn trăm năm mươi loại Mật kinh.

Tỉnh dậy, Tôn Giả chẳng quên một chữ. Trong số đó, Tôn Giả chuyên nghiên cứu thắng nghĩa của sáu loại kinh. Tôn giả y theo ngài Chung Bỉ Bạt mà thọ sự gia trì của Mật pháp; việc này cũng do từ trong mộng mà đắc được. Tôn Giả bảo:

- So sánh giữa kinh và luật của Tiểu Thừa, thì kinh tạng có nhiều hơn. So sánh kinh tạng của Đại Thừa và Tiểu Thừa, thì kinh tạng của Đại Thừa có nhiều hơn. So sánh ba tạng kinh, luật, luận của Đại Thừa, thì luận tạng có nhiều hơn. So sánh tất cả, thì kinh điển thuộc Tác Bộ của Mật Thừa có nhiều hơn; so sánh nữa thì Du Già Bộ có nhiều hơn; so sánh nữa thì Mẫu Bộ có nhiều hơn; so sánh tất cả thì kinh điển của Trí Huệ Bộ đặc biệt có nhiều hơn. Nhân gian nay chỉ còn ít phần.

Sau khi được Bản Tôn và Không Hành Mẫu chiết phục tâm ngã mạn, Tôn Giả lại suy nghĩ: "Tất cả pháp trên nhân gian, Ta đều có khả năng đạt thiện xảo hết."

Lúc đến Tây Tạng, trú tại chùa Tang Da (39), Tôn Giả mở cửa kho, duyệt qua các quyển kinh bằng văn chữ Phạn, thấy những kinh điển nhiều vô số, mà chưa từng

biết đến, nên bảo rằng tông hệ của đại sư Liên Hoa Sanh do Thiên Long thỉnh đến (40).

Vì chánh pháp mà chẳng tiếc thân mạng, là định chế của tất cả chư Phật và chư Bồ Tát. Tôn Giả vì cầu pháp, nên đi khắp Ngũ Thiên (41) Ô Cản (42), và các châu đảo (43) trong biển cả mà tham học với các vị đại thiện tri thức đã chứng đắc thành tựu. Thế nên, Tôn Giả tiếp thọ sự truyền thừa của tất cả giáo pháp Đại-Tiểu Thừa và Hiền-Mật giáo.

Tôn Giả tiếp thọ dòng truyền thừa Nhị Thừa và Đại Thừa như sau:

Đầu tiên, Bồ Tát Văn Thù hiện thân truyền pháp cho luận sư Phật Trí Túc; ngài Phật Trí Túc truyền cho Nhiên Đăng Hiền; Nhiên Đăng Hiền truyền cho Tụ Giả; Tụ Giả truyền cho Ca Na Bạt; Ca Na Bạt truyền cho Trí Thắng Bạt (hoặc Thắng Trí Bạt); Tôn Giả y chỉ theo dòng truyền thừa này.

Sự truyền thừa của Đại Thừa phân làm năm chi nhánh:

1/ Mật Chú Truyền Thừa: Lại phân làm năm hệ.

a/ Truyền thừa tất cả mật chú. Từ Bồ Tát Long Mãnh (tức Long Thọ), đến Thánh Thiên (Đề Bà), Ma Đê Kiết La, Đắc La Du Cách, Kiết Đê Bạt La, Diệu Kiết Tường Hiền, Bạc Đê Đà La, Hương Đê Bạt, rồi đến Tôn Giả.

Lại có một phái từ ngài Phật Trí, đến Phật Mật, Phật Tĩnh, Đại Cốc Tô Lô, Tiểu Cốc Tô Lô, rồi truyền đến Tôn Giả.

b/ Truyền thừa Tập Mật. Lúc Phật còn tại thế, vua Ô Cản ở Tây Ấn hiệu là Nhân Đà La Bạc Đê (Indrabhuti), đang cư trú trên mười ba tầng lầu, thấy trên nền trời dường như có các con chim màu vàng bay lượn; trước giờ Ngọ thì bay về hướng

nam; sau giờ Ngọ thì bay lại hướng bắc; nhà vua vẫn hỏi đại thần Thăng Hiền, nhưng ông ta chẳng biết loài chim đó là gì. Về sau, nhà vua vẫn hỏi thần dân trong đô thị, thì họ đáp:

- Đó chẳng phải là loài chim, mà là chư đệ tử A La Hán của thái tử con vua Tịnh Phạn, vị đã xuất gia chứng quả Phật. Những vị A La Hán này dùng lực thần thông, mà bay qua lại.

Nhà vua nghe qua, bèn chỉ thành cầu khẩn đức Thế Tôn giáng lâm thừa thọ sự cúng dường của ông ta. Nhà vua tự bạch: "Đại đức Thế Tôn ! Xin dạy cho con phương tiện giải thoát khỏi sanh tử khổ não."

Bấy giờ đức Thế Tôn hiện đến, bảo:

- Ông có thể xả bỏ quốc độ mà xuất gia chăng ?

Nhà vua thưa:

- Con chẳng thể xả bỏ quốc độ được. Xin đức Thế Tôn từ bi chỉ dạy phương tiện thành Phật mà không cần xả bỏ quốc độ.

Khi ấy, đức Thế Tôn hiện thân Kim Cang Trì, vì nhà vua và các quyền thuộc mà truyền pháp quán đánh Tập Mật. Nhà vua và chư quyền thuộc y theo kinh Tập Mật và các Mật giáo, mà thành tựu được Đại Ấn (44). Nhà vua đem bộ kinh và Mật giáo này truyền cho Long Nữ Du Già Mẫu, rồi pháp này được truyền đến Tát La Ha (45), Long Mãnh, Tôn Cách La Đề, Tinh Tấn Từ, Tả Tỳ Bạt La Đạt, Di Hý Kim Cang, Cái Địa Túc, rồi tới Tôn Giả. Lại có một phái do ngài Long Mãnh truyền cho Nguyệt Xung, Minh Liễu Đỗ Tập (46), Tiểu Cốc Tô Lô (47), rồi đến Tôn Giả. Lại có một phái gọi là Phật Trí Túc (48), truyền cho Liên Hoa Giả, vua Nhân Đà La Bạc Đề, Thiện Thực, vua Đánh Sanh, Diệu Kiết Tường Trì Thức, Phật

Trí, Cang Bạt La, Du Hý Kim Cang, Cái Địa Túc, Hương Đễ Bạt, rồi tới Tôn Giả. Ba phái của Tập Mật, Tôn Giả đều được truyền thừa.

c/ Truyền thừa Mẫu Bộ. Từ ngài Long Địa, đến Đương Cách Phục, Đạt Nhật Ca Bạt, sa môn Thắng Địch, rồi tới Tôn Giả (49).

d/ Truyền thừa Cách Du. Từ ngài Phật Trí truyền đến ngài Phật Tĩnh, Phật Mật, Đại Cốc Tô Lô, Tiểu Cốc Tô Lô, rồi tới Tôn Giả.

e/ Truyền thừa Diệm Man Đức Ca. Từ ngài Liên Hoa Khải truyền đến ngài Mặc Túc, rồi tới Tôn Giả.

Tôn Giả nói:

- Chư sư trưởng đó đều thành tựu sự chứng đắc, đầy đủ vô lượng công đức. Tuy bảo rằng các Ngài đạt thiện xảo nơi Mật Thừa, mà chẳng vượt ngoài sự thiện xảo Hiền Giáo (50).

2/ Hiền-Mật Truyền Thừa. Phân làm hai phái Thanh Tịnh Thân và Thanh Tịnh Hạnh.

a/ Truyền thừa Thanh Tịnh Thân. Từ Bồ Tát Long Mãnh, đến ngài Minh Liễu Đỗ Tập, Đại A Phục Đô Đế, Tiểu A Phục Đô Đế, rồi tới Tôn Giả. Tôn Giả cũng được truyền thừa trực tiếp từ luận sư Minh Liễu Đỗ Tập. Đầu tiên, Tôn Giả y theo ngài Hương Đễ Bạt mà học Duy Thức. Kế đến, Tôn Giả bỏ Duy Thức mà thọ trì Trung Quán. Khi ấy ngài Hương Đễ Bạt không vui, bảo:

- Gọi là đệ tử của Ta, thì phải tổng trì hết học thuyết đó.

Về sau, ngài Hưởng Đễ Bạt giảng cho Tôn Giả nghe về Bát Thiên Tụng, và cực lực bài xích Trung Quán, mà thành lập thuyết Duy Thức. Tôn Giả tự bảo: "Chẳng những không thể phá được kiến giải đó (51), mà còn hỗ trợ cho sự khởi tâm quyết định."

b/ Truyền thừa Thanh Tịnh Hạnh. Có hai hệ truyền thừa của Bồ Tát Di Lạc và Văn Thù.

A/ Truyền thừa của Bồ Tát Di Lạc. Bồ Tát Di Lạc truyền cho ngài Vô Trước, rồi đến Thế Thân, Thánh Giải Thoát Quân (52), đại đức Giải Thoát Quân (53), Thắng Quân, Điều Phục Quân, thánh đức đại thành tựu Tỳ Lô Giá Na Bạt Đà La (54), Sư Tử Hiền Bảo, Bảo Quân (55), đại sư Kim Châu, rồi tới Tôn Giả. Chư sư của phái này, có vị đắc thượng phẩm thành tựu; có vị đắc cộng thành tựu. Các ngài đều là những vị có chánh kiến thù đặc.

B/ Truyền thừa của Bồ Tát Văn Thù. Bồ Tát Văn Thù truyền cho ngài Vô Tận Huệ (56), Ái La Đạt Đễ (57), Dũng Mãnh Kim Cang, Bồ Tát Ma Ha Bảo Lợi La Na, đại sư Kim Châu, rồi tới Tôn Giả. Đây là một học phái lớn tu về tâm Bồ Đề.

3/ Truyền thừa cộng Hiền-Mật. Từ ngài Long Mãnh, truyền đến Đề Bà, Nguyệt Xung, Đắc La Du Cách, Minh Liễu Đỗ Tập, Trí Bồ Đề, Diệu Kiết Tường Hiền, Hưởng Đễ Bạt, rồi tới Tôn Giả. Lại có một phái từ ngài Long Mãnh, truyền đến ngài Đề Bà, Ma Đễ Chi Đa, Đắc La Du Cách, Kiết Đễ Bạt Hiền, Diệu Kiết Tường Hiền, Bồ Đề Hiền, Hưởng Đễ Bạt, rồi tới Tôn Giả. Chư luận sư đó đều có đủ công đức của Hiền giáo và Mật giáo.

4/ Truyền thừa chứng đắc thành tựu có hai hệ:

a/ Từ ngài Diệu Kiết Tường Hiền truyền đến ngài Hưởng Đễ Bạt.

b/ Từ ngài Kim Cang Thủ truyền đến ngài Liên Hoa Giả, vua Nhân Đà La Bạc Đễ, em gái của vua Nhân Đà La Bạc Đễ, Trí Bồ Đề, Tả Tỳ Bạt La, Kim Cang Bồ Đề, Diệu Kiết Tường Hiền, Hương Đễ Bạt, rồi đến Tôn Giả. Chư sư đó đều là các bậc thành tựu thượng phẩm.

5/ Truyền thừa Gia Trì, có hai phái:

a/ Bồ Tát Kim Cang Trì truyền cho Bồ Tát Huệ Hiền (58), đến Nỗa Nhiệt Bạt (59), Chúng Bĩ Bạt, rồi tới Tôn Giả.

Xưa kia, Tôn Giả nghe thắng đức của ngài Chúng Bĩ Bạt, nên muốn đến tham vấn, nhưng chưa toại nguyện, bèn khởi tâm quán tưởng cúng dường, ân cần cầu khẩn. Đêm nọ, Tôn Giả mộng thấy một vị tỳ kheo, vừa từ xa đi đến và vừa ăn một cánh tay người. Tôn Giả nghĩ thầm: "Bậc xuất gia sao lại ăn thịt người !"

Vị Tỳ kheo đó bảo:

- Phật cũng có lỗi sao ?

Tôn Giả cảm thấy xấu hổ. Vị tỳ kheo kia bảo:

- Ông có muốn ăn chăng ?

Trong mộng, Tôn giả đáp:

- Muốn ăn !

Tôn Giả vừa ăn xong, bèn được sự gia trì. Sáng hôm sau, Tôn Giả tỉnh dậy, tùy ý mà nhập vào tam ma địa (thiền định) vô phân biệt. Tôn Giả lại tự nhủ: "Đây là sự gia trì của chư Phật chư Bồ Tát, hay là sự gia trì của ngài Chúng Bĩ Bạt ? Thật chẳng biết rõ !"

Về sau, có một vị thường tri chú, đến cầu thỉnh ngài Chung Bỉ Bạt gia trì. Ngài Chung Bỉ Bạt bảo:

- Ông cùng Ta chẳng có duyên lành.

Người kia hỏi:

- Vậy Ngài có duyên với ai ?

- Trong chùa Tỳ Trát Ma Thi La có một vị tỳ kheo xuất thân từ dòng vương gia, hiệu là Kiết Tường Nhiên Đăng Trí (60). Trong con mộng nọ, Ta đã từng hiện tướng gia trì cho vị đó. Người hãy đến gặp vị đó mà cầu thỉnh.

Vị tri chú đó bèn đến tìm Tôn Giả và thuật lại lời của ngài Chung Bỉ Bạt. Nhờ vậy mà Tôn Giả biết rằng vị hiện trong mộng và gia trì cho mình chính là ngài Chung Bỉ Bạt.

Vị tri chú kia ngày ngày cúng đàn, ân cần thỉnh cầu gia trì. Ngày nọ, vị này tự bảo rằng đã nhờ ơn gia trì đầy đủ của Tôn Giả. Tôn Giả hỏi:

- Ông thấy việc gì ?

Vị đó thưa:

- Thấy đạo tràng thẳng lạc viên mãn.

- Ông đã chứng kiến để rồi !

Lần nọ, vị tri chú kia mang y phục và vật thực đến cúng dường chư tăng, rồi vào núi rừng tu tập. Lúc Tôn Giả vừa muốn gặp, thì vị này liền đến lập tức. Lúc vào Tây Tạng, Tôn Giả tự nghĩ: "Nay đệ tử của Ta hiện đang ở đâu ?"

Bấy giờ, vị trì chú này liền hiển lộ thân hình. Tôn Giả bảo:

- Tại sao biết Ta ở đây mà đến ?

Vị đó đáp:

- Tại vì Thầy nghĩ đến con !

b/ Từ ngài Phật Hộ truyền cho ngài Phật Trí, đến ngài Phật Mật, Đại Cốc Tô Lô, Tiểu Cốc Tô Lô, rồi tới Tôn Giả. Các vị sư trưởng của phái này đều đạt được tam ma địa vi diệu thù thắng. Những công đức đó, Tôn Giả đều có đầy đủ.

Lại nữa, có bốn loại truyền thừa, tức là sự truyền thừa của Tánh Tướng (61), sự truyền thừa của Phát Tâm, sự truyền thừa của Tông Phái, sự truyền thừa của các loại giáo pháp.

1/ Sự truyền thừa của Tánh Tướng. Do ngài Pháp Xung truyền đến ngài Sư Tử Hiền, Na Lạc Ba, rồi tới Tôn Giả. Từ ngài Long Mãnh truyền đến ngài Minh Liễu Đỗ Tập, rồi tới Tôn Giả. Lại nữa, vì nghe danh về phái của Bồ Tát Long Đức, Tôn Giả vượt biển cả mà đến A Lan Nhã để thọ giáo (62).

2/ Sự truyền thừa của pháp Phát Tâm có ba hệ:

a/ Giáo thì y theo kinh Vô Cấu Xung; lý thì y theo Bồ Tát Địa; kiến giải thì y theo Duy Thức mà hành. Tôn Giả thọ pháp này từ đại sư Kim Châu. Chư sư truyền thừa từ Bồ Tát Di Lạc đến ngài Vô Trước, Thế Thân, Kiên Huệ, Đại Cốc Tô Lô, Tiểu Cốc Tô Lô, Kim Châu, rồi tới Tôn Giả.

b/ Giáo thì y theo kinh Hư Không Tạng; lý thì y theo Tập Bồ Tát Học Luận và Bồ Tát Hạnh Luận; kiến giải thì y theo Kinh Bộ mà hành. Tôn Giả thọ pháp từ ngài Từ Du Già.

c/ Giáo thì y theo kinh Tam Trọng Man; lý thì y theo Kinh Trang Nghiêm Luận của ngài Mã Minh; kiến giải thì y theo luận Bà Sa mà hành. Tôn giả cầu pháp này từ ngài Pháp Khải.

3/ Sự truyền thừa của Tông Phái (63). Từ sự hiện thân A Phược Đô Đế của Bồ Tát Văn Thù cho đến ngài Hưởng Đế Bạt, tổng cộng có tám vị. Truyền đến Tôn Giả là đời thứ chín. Tôn Giả thiện xảo phân biện tông giáo rất thâm sâu.

Trước kia, có một vị thông đạt ngũ minh, hiệu là Địa Tạng. Vị này có khi theo nội giáo, có khi theo ngoại giáo, vì cho rằng nội giáo và ngoại giáo chẳng khác nhau. Ngày nọ, lúc gặp vị này, Tôn Giả bèn phân tích biện biệt rõ ràng gì là nội giáo và gì là ngoại giáo. Do đó, ngài Địa Tạng bèn khởi tín tâm, cầu làm đệ tử của Tôn Giả. Sau này, ngài Địa Tạng là vị đại thiện xảo, biện biệt được nội giáo và ngoại giáo.

Lúc đến Tây tạng, Tôn Giả than:

- Người giỏi biện biệt được nội giáo và ngoại giáo là đại sư Kim Châu, tôn sư Na Lạc Ba và Ta, cùng cao đệ Địa Tạng. Song, đối với sự quyết nghị và thỉnh vấn, chỉ có Ta và tôn sư Na Lạc Ba là có đầy đủ thiện xảo. Nay tôn sư Na Lạc Ba đã thị tịch. Ta lại vào Tây Tạng. Phật giáo Ấn Độ chắc sẽ bị thua bại về tay ngoại đạo.

Khi nghe đại sư Pháp Khải viên tịch, Tôn Giả lại than:

- Nay Đại Sư đã thị tịch. Ta lại vào Tây Tạng. Phật giáo Ấn Độ chắc sẽ bị thua bại !

Lúc ngài Hưởng Đẻ Bạt viên tịch, Tôn Giả cũng bảo:

- Tôn Sư đã thị tịch. Ta nay đến Tây Tạng. Phật giáo Ấn Độ chắc sẽ bị thua bại !

Những dữ kiện trên cho thấy rằng Tôn Giả luôn giữ địa vị Tổ Sư quan trọng trong mọi tông phái Phật giáo Ấn Độ.

4/ Sự truyền thừa của các loại giáo nghĩa. Từ ngài Long Mãnh truyền đến ngài Long Trí, Hành Giả, Tỳ Lô Khư, Hưởng Đẻ Bạt, và Tôn Giả. Lại nữa, có một phái từ ngài Long Mãnh truyền đến ngài Nguyệt Xung, Minh Liễu Đỗ Tập, A Phược Đô Đế, đại sư Kim Châu, và Tôn Giả. Ngoài ra, có một phái truyền từ ngài Long Mãnh, đến ngài Đề Bà, Nguyệt Xung, Đắc La Du Châu, Ma Đẻ Tát Đề La, Trí Bồ Đề, và Tôn Giả. Giáo pháp của các vị sư trưởng, Tôn Giả đều tiếp thọ hết. Công đức của các vị sư trưởng, Tôn Giả đều có đầy đủ.

Giữa những bậc sư trưởng đó, Tôn Giả thường y chỉ theo các vị như Kim Châu (64), Hưởng Đẻ Bạt, Bồ Đề Hiền (hay Giác Hiền), Thắng Địch.

Tổng quát, sau khi đức Thế Tôn nhập Niết Bàn, ngài Ca Diếp tiếp thọ giáo pháp, rồi truyền cho ngài A Nan. Truyền thừa từ từ như thế, cho đến ngài Đại Cốc Tô Lô. Giáo pháp của Bồ Tát Di Lặc cũng truyền xuống đến ngài Đại Cốc Tô Lô. Giáo pháp Mật Thừa như kinh Tập Mật do ngài Long Mãnh truyền cho ngài Phật Trí, vua Nhân Đà La Bạc Để, rồi đến Đại Cốc Tô Lô. Nói chung, tất cả giáo pháp của đức Như Lai đều truyền xuống cho ngài Đại Cốc Tô Lô. Ngài Đại Cốc Tô Lô có đầy đủ công đức như đức Thế Tôn; vị này truyền cho ngài Tiểu Cốc Tô Lô; ngài Tiểu Cốc Tô Lô (65) truyền cho đại sư Kim Châu; đại sư Kim Châu truyền cho tôn giả A Để Sa (66).

Tôn Giả biết đến oai đức của đại sư Kim Châu lan khắp Ấn Độ, và lại nghe rằng vị này y theo tâm từ bi mà thuyết pháp và cũng là bậc sư trưởng nhiều đời của mình, nên phát khởi tín tâm thâm sâu. Do đó, Tôn Giả quyết định tìm đến đại sư Kim Châu để cầu học (67). Cùng với 125 vị đại đệ tử, Tôn Giả lên thuyền vượt biển để đến Kim Châu. Trong mười ba tháng, năm tháng đầu Đại Tự Tại Thiên muốn lưu giữ Tôn Giả ở lại, nên hóa thành một con cá voi Ma Kiệt Đà mà ngăn trở thuyền, và lại thổi gió ngược, cùng đánh sấm chớp. Vì gió mạnh biển động, sóng cả chảy cuồn cuộn, khiến người trên thuyền đều sợ hãi. Bấy giờ Địa Tạng cầu thỉnh Tôn Giả mau chóng hàng phục Đại Tự Tại Thiên. Tôn Giả trụ nơi tâm từ bi, khiến cuồng phong dừng lặng, sấm chớp cũng ngưng. Tôn Giả cũng trụ pháp Du Già Diệm Man Đức Ca mà hàng phục cá voi. Khi ấy, Đại Tự Tại Thiên hóa thân đồng tử yếu đuối xanh xao, lên thuyền sám hối tội lỗi, khiến sóng cả đều dừng. Lúc đó, thánh Bất Động Tôn hiện thân to lớn, chân bước tận đáy biển, đầu đụng tới mây, tay giữ chiếc thuyền, dạng trạng như tráng sĩ đứng chống tích trượng. Hai mươi một vị Độ Mẫu cũng hiện thân, và bảo Địa Tạng:

- Nay Cụ Thọ ! Người hãy tự lấy không hoa này (68) mà đánh Bà Bạt Na Tha (69), khiến chúng quy y.

Địa Tạng bèn y theo lời dạy mà dùng tay kết ấn khủng bố, đem sấm sét mà đánh chư ngoại đạo, các quốc vương ngoại đạo, các tà thần hắc ám, khiến họ đều thối tán bỏ chạy hết !

Sau nửa tháng, thuyền được xuôi buồm thuận gió. Song, lại có gió nghịch khởi lên, nên Địa Tạng cầu khẩn Tam Bảo, Không Hành Mẫu, Hộ Pháp gia trì. Gió nghịch tuy ngừng, nhưng gió thuận cũng chẳng có, khiến thuyền ngừng chạy cả nửa tháng, rồi sau mới bình an đến bến.

Theo truyện ghi lại về việc đến tham bái đại sư Kim Châu thì lúc Tôn Giả vừa đến nơi, liền hỏi thăm đại sư Kim Châu Pháp Xung hiện trú nơi nào ? Có một vị tỳ kheo thưa:

- Bảy ngày trước đây, đại sư Kim Châu cũng hỏi xem đại sư Thiệm Bộ Châu (70) đã đến chưa ?

Thầy trò hồ tương vẫn hỏi mà chưa gặp nhau. Bây giờ, dân chúng ở Kim Châu đều nghe tin Tôn Giả đã đến. Về sau, có một người hỏi:

- Tầm cầu đại sư Kim Châu Pháp Xung có phải là Ngài chăng ?

Tôn Giả đáp:

- Phải.

- Xin hãy theo con. Con sẽ chỉ chỗ của đại sư Kim Châu cho.

Bây giờ, Tôn Giả vẫn an nhiên ngồi tĩnh tọa. Có một vị sa di đến hỏi Tôn Giả:

- Bạch Ngài ! Có phải Ngài là người Thiệm Bộ Châu (Ấn Độ) chăng ?

Tôn Giả đáp:

- Phải.

- Ngài đến đây cầu pháp hay cầu tài ?

- Cầu pháp.

Lần khác, Tôn Giả thấy trước tháp của đức Thiệm Thệ (đức Phật), có sáu vị tỳ kheo đệ tử của đại sư Kim Châu đang tịnh tu. Khi ấy, Tôn Giả cùng chư đệ tử trú lại nơi

đó mười bốn ngày, và thỉnh hỏi về truyện ký của đại sư Kim Châu, cùng thứ lớp hỏi về sự thọ trì như thế nào, lấy kinh luận gì làm chủ yếu, tu hành chứng đắc có công đức gì, v.v... Lúc ấy, các vị đó dùng lời chân thật mà đối đáp, khiến cho Tôn Giả sanh khởi tâm vui mừng vô hạn, như đăng Sơ Địa (71).

Các vị đó cũng hỏi Địa Tạng về truyện ký của Tôn Giả. Địa Tạng liền thuật lại về sự tích của tôn giả A Đề Sa, như xả bỏ vương vị mà xuất gia, thân cận vô lượng chư thiện tri thức, đầy đủ các công đức thù thắng quảng đại. Các vị đó bảo:

- Nếu vậy thì có phải là vị trụ trì Phật Giáo Ấn Độ, hiệu là Kiết Tường Nhiên Đăng Trí chăng ?

Địa Tạng đáp:

- Phải !

Các vị đó quên hỏi han về cuộc hành trình khổ nhọc của Tôn Giả và các đệ tử mà đã vội đánh lễ xưng tán, tạ tội ngã mạn. Tôn Giả cũng đáp lễ. Họ lại hỏi về tôn ý đến nơi đó của Tôn Giả. Tôn Giả liền kể rõ nhân duyên, và nhờ họ chuyển lời này mà tác bạch với đại sư Kim Châu. Đến trước đại sư Kim Châu, họ bèn thưa:

- Kính bạch đức Tôn Sư tối thắng ! Nay có vị trụ trì Phật giáo Ấn Độ là Kiết Tường Nhiên Đăng Trí cùng 125 người đệ tử đã đến châu này. Trong mười ba tháng, trên biển cả hàng phục Ma Vương và Đại Tự Tại Thiên ngoại đạo. Ba nghiệp thân miệng ý đều không khiếm khuyết. Các ngài đã đến gặp và cùng chúng con nghị luận pháp nghĩa qua mười bốn ngày, đã khiến thân tâm chúng con càng thêm hoan hỷ. Hôm nay, chánh ý của các ngài là muốn đến tham vấn đức Tôn Sư, để nghe kinh Xuất Sanh Tam Thế Nhất Thiết Phật Mẫu (72), học tập hai tâm Bồ

Đề hạnh và nguyện. Các ngài lại mong muốn ngày đêm tiếp thọ sự giáo huấn của đức Tôn Sư (73). Xin đáng Đại Bi hãy hứa khả cho.

Đại sư Kim Châu nghe lời này bèn tán thán:

- Lành thay ! Nay địa chủ đã đến, nhân vương tử đã đến, chúng sanh chủ đã đến, đại dũng mãnh đã đến, đầy đủ quyền thuộc đã đến. Hành đại thiện khó hành; giới hàng phục Hắc Đại Tự Tại Thiên; giới xiển dương pháp tràng; chẳng bị nạn nào. Tỳ kheo thấy pháp y, phải nên cung nghinh các bậc thắng giả đó !

Khi ấy, tất cả chư tỳ kheo đệ tử của đại sư Kim Châu đồng đắp ba y ca sa, mang tích trượng quân trì, oai nghi trang nghiêm như chư vị A La Hán, khiến dân chúng sanh khởi tín tâm. 535 vị tỳ kheo cùng 62 sa di, đồng với đại sư Kim Châu, đi ra ngoài nghinh đón. Tôn Giả thấy đại sư Kim Châu đắp ba y ca sa trang nghiêm, mang một bình bát và cây tích trượng bằng sắt tuyệt đẹp, thật giống như đức Thế Tôn còn tại thế, có chư vị A La Hán vây quanh, nên khởi tâm thâm tín, vui mừng vô hạn.

Bấy giờ Tôn Giả do được thuận duyên, nên sai bốn đại đệ tử mang các đồ cúng dường như một chiếc bình lưu ly chứa đầy vàng bạc, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách. Điềm lành này biểu thị rằng Tôn Giả sẽ tiếp thọ giáo pháp phát tâm Bồ Đề (giác ngộ) hoàn toàn, cũng như một chiếc bình chứa hết tất cả đồ châu báu. Tôn Giả cùng các vị tỳ kheo thông đạt ngũ minh, đắp ba y ca sa trang nghiêm của Đại Chúng Bộ (Mahasamgika), mang bình bát và tích trượng bằng sắt của Như Lai, và bạch phát. Các vị đó là Hành Hiền, Pháp Thân, Thân Sanh, Dũng Mãnh Kim Cang, v.v... Có 108 vị tỳ kheo đại thiện xảo ba tạng giáo điển (74) như Trí Hiền, v.v... Lại có 13 Sa Di, 4 đại tỳ kheo. Tổng cộng có 125 vị đi theo sau Tôn Giả, không thừa không gán, độ lượng trung dung, uyển chuyển đi như tràng phan năm màu bay nhẹ

nhẹ, từ từ đến nơi trụ xứ của đại sư Kim Châu. Mọi cử chỉ của chư tỳ kheo rất oai nghi, nghiêm trang, khiến cho chư Thiên cung kính rải hoa trời cúng dường. Dân chúng nơi đây do thấy đức tướng và oai nghi của hai vị tôn sư, nên khởi tín tâm thâm sâu. Cùng với chư đệ tử hòa hợp, đầy đủ tất cả công đức của giới luật, Tôn Giả đánh lễ đại sư Kim Châu. Vì không kham nổi oai đức của Tôn Giả và chư đệ tử của Ngài, nên đại sư Kim Châu cùng hơn năm trăm đồ đệ liền lễ bái đáp lễ. Kế đến, Tôn Giả dâng cúng các trân bảo. Chư đệ tử của Tôn Giả cũng dâng cúng các vàng bạc. Lúc đó, đại sư Kim Châu dùng tay xoa đánh của Tôn Giả, và tụng rất nhiều bài kệ kiết tường, rồi hỏi:

- Ông tu học được tâm Bồ Đề và tâm từ bi chăng ? Ông ở lại nơi đây mười hai năm được chăng ?

Tôn Giả cung kính chấp thuận. Đại sư Kim Châu ban cho Tôn Giả một tượng Phật Thích Ca mà bảo rằng đây là tôn tượng giáo chủ gia trì cho Tôn Giả. Trong mười hai năm, thầy trò đồng sống chung tại một nơi. Tôn Giả tu học tất cả giáo pháp thậm thâm của Đại Thừa, đặc biệt là Hiện Quán Trang Nghiêm Luận (75), Tập Bồ Tát Học Luận, Nhập Bồ Tát Hạnh Luận, cùng tất cả Mật pháp bất cộng. Tôn Giả cũng học giáo pháp bất cộng tu tự tha hoán chuyển tâm Bồ Đề của thế tục từ đại sư Kim Châu, để tăng thượng ý lạc thanh tịnh. Ân của đại sư Kim Châu thật vô bờ bến. Pháp tu thanh tịnh của phái Ca Đương (ở Tây Tạng) cũng xuất phát từ đại sư Kim Châu.

Tu học tất cả giáo pháp trong mười hai năm xong, Tôn Giả được đại sư Kim Châu thọ ký:

- Ông nên trở về phương Bắc (Ấn Độ) và đến xứ Tuyết (Tây Tạng).

Cuối cùng, vào lúc bốn mươi bốn tuổi, Tôn Giả cùng chư đệ tử dùng thuyền trở về bản quốc. Về sau, lúc đến Tây Tạng, mỗi lần xưng danh của đại sư Kim Châu, hoặc có ai nhắc đến tên của đại sư Kim Châu, Tôn Giả đều chấp tay trên đầu, dùng bốn câu kệ tụng mà tán thán. Người khác hỏi Tôn Giả:

- Sao Tôn Giả không tôn kính danh đức của các bậc sư trưởng khác. Phải chăng đức hạnh của các vị đó có sai khác ?

Tôn Giả đáp:

- Chư sư trưởng của Ta đều là những vị đại thành tựu, danh đức không khác biệt. Song, ít phần thiện tâm (76) của Ta do nhờ ân của đại sư Kim Châu mà có được.

Tôn Giả lại khuyên các học nhân:

- Các người chẳng có chút khổ nhọc, mà đạt được các diệu nghĩa tâm yếu, thật là phước lớn, nên phải chí tâm tu hành (77).

Tất cả pháp tu về Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiền Giáo, Mật Giáo, đều không ngoài ba môn vô lậu học giới, định, huệ. Định Huệ dùng Chỉ Quán mà tiếp nạp. Sau này, pháp Chỉ Quán có phân biệt giữa Chỉ Quán thế gian và Chỉ Quán xuất thế gian. Người tu Mật Thừa, nếu tiếp nhận hai loại này, thì đầy đủ các loại công đức. Giới lấy tất cả thiện pháp làm căn bản. Tôn Giả thường bảo:

- Giới biệt giải thoát, Ta chưa từng vi phạm chút nào. Đối với những giới nhỏ nhặt của giới Bồ Đề và Tam Muội Da của Mật Tông, tuy lắm khi vi phạm, nhưng Ta đều sám hối vào ngày đó, mà chưa từng giữ tội qua đêm, v.v...

Có người hỏi Tôn Giả rằng kể từ khi xuất gia, Tôn Giả có từng vào nơi nhân pháp (78) chẳng ? Tôn giả đáp:

- Người thế tục chẳng thích Ta. Ta cũng chẳng thích người thế tục, nên chưa từng đến.

Họ lại hỏi:

- Các thân quyến của Tôn Giả có từng đến viếng thăm chăng ?

- Họ có đến một lần. Ta khuyên họ hãy nên học tập tu hành công đức. Song, họ chẳng chịu nghe mà bỏ đi. Ngoài ra không có ai đến.

- Những đồ vật do các người nữ dâng cúng, Tôn Giả có từng tự dùng tay mà tiếp lấy chăng ?

- Chưa từng có.

Do Tôn Giả trì luật tinh nghiêm như thế, nên thân tâm đầy cả giới hương, khiến lan truyền khắp mọi nơi.

Thân tâm của Tôn Giả nhuần đầy tâm từ bi, tâm Bồ Đề, tâm tăng thượng, tâm kiên cố. Lục độ và tứ nhiếp pháp là pháp mà Tôn Giả thường hành. Đối với chư đệ tử, Tôn Giả cũng dùng tâm Bồ Đề (79), tâm từ bi mà dạy bảo. Do đó, chư đệ tử y theo tâm Bồ Đề, tâm từ bi mà đạt được thành tựu và thần thông không thể nghĩ bàn.

Có một vị đệ tử của Tôn Giả, trú tại chùa Tỳ Trát Ma Thi La. Lần nọ, chư tăng đều đi ra ngoài thọ trai, chỉ trừ vị tăng đó ở lại chùa (80). Có một cư sĩ, thấy vị tỳ kheo đó, xem xét bốn bề chẳng có một ai, bèn dùng thần thông mà bay lên hư không, qua cõi Bắc Câu Lư Châu khát thực, mang đầy bát rồi trở về. Vị cư sĩ đó thấy rõ tự sự, định thuật lại cho Tôn Giả nghe, nhưng lại không dám. Qua năm sau, vị cư sĩ đó cũng thấy vị tỳ kheo kia dùng thần thông mà đi khát thực, nên bầm bạch với Tôn Giả. Tôn Giả bèn hỏi vị tỳ kheo kia:

- Có thật là ông dùng thần thông để đi khắp thực chãng ?

Vị tỳ kheo kia thưa:

- Vâng !

- Do nhờ lực gì ?

- Do nhờ lực của tâm Bồ Đề.

Tôn Giả vui vẻ bảo:

- Đúng như thế ! Dẫu tu pháp gì, đều phải phát khởi tâm Bồ Đề, vì công đức của tâm Bồ Đề thật rất thù thắng.

Tôn Giả có một người đệ tử, dẫu tu pháp gì, cũng chẳng thể thành tựu. Tôn Giả bảo:

- Ông nên tu tâm Bồ Đề và tâm từ bi.

Nghe lời chỉ dạy, vị đó bèn tu chứng Tất Địa (81).

Có một vị tu pháp Minh Vương, miệng mắt đều viên mãn, thành tướng đại phần nộ; người nào nhìn đến, đều phải sợ hãi. Tôn Giả dạy vị đó tu tâm từ bi và tâm Bồ Đề. Từ đó, người khác nhìn đến mặt của vị này, không còn cảm thấy sợ hãi. Lúc Tôn Giả đến Tây Tạng, miệng và mắt của vị đó trở lại bình thường. Khi đến Tây Tạng, Tôn Giả chuyên dạy các kẻ hậu học tu tâm Bồ Đề, bảo:

- Nếu chẳng có tâm Bồ Đề mà nghe nhiều pháp, tư duy chọn lựa, biết cách tu tập, rồi sanh thứ, mãn thứ, Trung Quán, đọc tụng, v.v... nhưng tất cả đều vô ích. Chưa nhiếp thiện hạnh của tâm Bồ Đề, mà hành thiện hạnh của tâm Bồ Đề, đây thuộc về

nghiệp ma. Chưa nhiếp trì được tất cả thiện hạnh thân ngữ của tâm Bồ Đề, đa phần vì do vô minh.

Chư đại thiện tri thức như đại sư Chứng Đôn Nhân Ba Khanh, do y theo lời dạy về cách tu tâm Bồ Đề của Tôn Giả mà tu hành, nên thấy rất nhiều Bồ Tôn, chứng các thần thông quảng đại, đạt được các phẩm thành tựu. Ngày nay, pháp tu tâm Bồ Đề ở Tây Tạng, chủ yếu đều dựa vào sự truyền thừa của Tôn Giả.

Tôn Giả vốn đạt được công đức thấy Bồ Tôn, tức thấy vô lượng chư Phật và chư Bồ Tát. Tôn Giả do y theo giáo pháp Bách Tự (trăm chữ) của đức Như Lai mà thấy mười phương chư Phật. Các vị thường hiện thân như Kiến Lập Tam Tam Muội Da Vương, Thánh Quán Tự Tại, Thánh Cứu Độ Mẫu, Thánh Bất Động Tôn, Thắng Lạc Luân, Hỷ Kim Cang. Lúc còn ở Ấn Độ, mỗi lần Tôn Giả niệm Tam Muội Da Vương đủ một ngàn lần thì nhất định vị đó sẽ hiện thân. Sau khi đến Tây Tạng, thì mỗi ngày vị Bồ Tôn này hiện một lần (82). Thánh Quán Tự Tại và Độ Mẫu cũng tùy tâm niệm của Tôn Giả mà hiện thân. Có việc gì, các vị Bồ Tôn đều hiện ra mà thọ ký chỉ dạy. Bất Động Tôn cũng như thế. Hai vị Bồ Tôn còn lại chính là Bồ Tôn về Mật Bộ của Tôn Giả, cũng thường hiện thân. Sự tích thần thông của Tôn Giả có rất nhiều, mà trong quyển truyện này ghi lại rất nhiều nơi; những sự tích này chẳng phải là việc kỳ đặc.

Chương II. Sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh quảng đại

Từ Kim Châu trở về Ấn Độ, Tôn Giả trú tại chùa Đại Bồ Đề mà chuyên tu hành. Trong chùa có thánh tượng Bồ Tát Quán Tự Tại. Bấy giờ, có hai bà lão thường cúng dường thánh tượng Bồ Tát Quán Tự Tại rất nhiều phẩm vật. Đêm nọ, một bà lão mộng thấy Bồ Tát Quán Tự Tại bảo:

- Chớ cúng dường cho Ta. Nơi đây có tỳ kheo Kiết Tường Nhiên Đăng Trí; bà nên cúng dường cho vị đó, thì phước đức rất nhiều.

Sáng hôm sau, bà lão đến chùa của phái Căn Bản Bộ hỏi thăm về Tôn Giả, nhưng không ai biết đến. Về sau, một vị trưởng lão của Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ bảo:

- Hôm qua có một vị khách tăng. Hiện đang trú tại khách đường. Bà có thể hỏi thăm vị đó.

Bà lão đến hỏi thăm và biết rằng vị đó chính là Tôn Giả. Bà lão bèn cầu thỉnh Tôn Giả thọ sự cúng dường. Tôn Giả hứa khả cho, và sang trú tại chùa Kim Cang Tọa.

Lúc Tôn Giả đến cúng dường các phẩm vật và trú tại chùa Kim Cang Tọa, có một cặp vợ chồng sống gần vùng đó. Vào đêm nọ, ông chồng được chư Thiên báo mộng rằng tỳ kheo Nhiên Đăng Thắng Kiết Tường (1) đang trú tại chùa Kim Cang Tọa, vậy hãy nên đến đó đánh lễ cúng dường. Hôm sau, ông chồng y theo lời báo mộng của chư Thiên mà đến chùa Kim Cang Tọa, và thấy Tôn Giả đang làm lễ tại đó. Thế nên, ông chồng bèn lễ bái cúng dường Tôn Giả. Dầu tiếp thọ sự cúng dường, nhưng sau này Tôn Giả lại cảm thấy chẳng chân chánh. Tôn Giả suy nghĩ: "Nay đã học hết mọi pháp của chư sư trưởng, và thấy rất nhiều Bản Tôn, lại đạt được nhiều loại thành tựu, tự thân cũng thấy rất nhiều mật chú đàn luân (tức là thấy Mạn Đà La Ni, cung điện của Bản Tôn và chư quyến thuộc viên mãn), Ta nên chuyên nhất tâm tu trì, để sớm chứng chánh giác."

Tôn Giả vừa khởi niệm này, thì ngài La Hầu La Cấp Đa ở núi Hắc Sơn, dùng lực thần thông mà đến, bảo Tôn Giả:

- Tuy thấy Bồn Tôn Đàn Luân, hiển hiện thần thông, đắc tam ma địa (thiền định), nhưng thật ra hoàn toàn chưa đạt đến đâu. Thay vì lãng phí thời giờ trong núi rừng tịch tĩnh, hãy nên tu tập tâm từ bi, và phát tâm Bồ Đề (2). Bồ Tát Quán Âm ngàn tay vốn là vị Bồn Tôn của tâm từ bi. Phải nương y theo vị Bồn Tôn đó cho đến đời vị lai, để hộ trì chánh pháp, làm lợi ích loài hữu tình.

Xưa kia, dưới tòa của đại sư Kim Châu, Tôn Giả đã đắc được sự quyết đoán, nay lại càng thêm được sự quyết đoán. Lúc Tôn Giả đi nhiễu Kim Cang Tòa của đức Như Lai, một thánh tượng nọ bèn đứng dậy, hỏi một thánh tượng khác:

- Muốn mau chứng thành đẳng chánh giác, phải nên học pháp nào ?

Thánh tượng khác đáp:

- Muốn mau thành chánh giác, phải nên học pháp phát tâm Bồ Đề.

- Phải tu tâm Bồ Đề như thế nào ?

- Phải y theo môn thiện phương tiện của Hiền giáo mà tu tâm Bồ Đề.

Tôn Giả đứng nơi đó, nghe xong bèn hiểu rõ cả, và tự bảo: "Hai thánh tượng này thật là do pháp thân ứng hóa. Vì muốn khiến cho tâm Ta đạt sự quyết đoán, nên hiện thân giả vấn đáp, mà kẻ khác chẳng hề biết đến."

Ngày khác, lúc đang đi nhiễu quanh Kim Cang Tòa, Tôn Giả thấy trên hư không ở phía nam của Kim Cang Tòa có hai Thiên nữ, tướng hảo trang nghiêm thù thắng hơn người thế tục. Một Thiên nữ nọ hỏi:

- Muốn sớm chứng đẳng chánh giác, phải nên học pháp gì ?

Thiên nữ khác đáp:

- Phải nên học theo tâm Bồ Đề.

- Tu như thế nào ?

- Phải y phương tiện thiện diệu của chú quỹ Bồ Đề Tâm.

Tôn Giả nghe xong bèn lãnh hội hết. Tôn Giả tự bảo rằng đây là Độ Mẫu và Nộ Tướng Mẫu.

Lúc đi nhiều quanh nơi Hàng Ma Tốt Đô Bì, Tôn Giả cũng y theo hai bà lão (3) mà nghe về pháp Bồ Đề Tâm. Tôn Giả lại thấy trước điện của Độ Mẫu có hai phụ nữ trẻ và già; họ cũng vấn đáp như thế. Lúc Tôn Giả đi nhiều quanh chùa Kim Cang Tọa, thánh tượng Phật chột hạ nghiêng mũ xuống. Lúc Tôn Giả đi nhiều quanh Kim Cang Tu Di do Bồ Tát Long Mãnh tạo, thì tượng Phật Thích Ca Mâu Ni bằng ngà voi cũng phó chúc cho pháp phát Bồ Đề Tâm:

- Nay vị Tỳ Kheo ! Nếu Ông muốn mau chóng chứng đắc đạo giác ngộ thì phải tự tu tập tâm từ bi và tâm Bồ Đề.

Tôn Giả thọ vô lượng lời giáo huấn của chư Phật, chư Bồ Tát, chư sư trưởng, rồi suy nghĩ: "Muốn viên mãn tất cả ý niệm của chư Phật chư Bồ Tát, tùy thuận tất cả lời giáo huấn của chư sư trưởng, thành tựu biện tài lợi ích viên mãn cho mình và người, trừ Bồ Đề Tâm, chẳng có pháp nào khác. Nay chỉ nương theo Bản Tôn Đại Bì, tu Bồ Đề Tâm."

Lần nọ, lúc Tôn Giả đang tu tâm từ trước điện A Di Đà phía tây chùa Kim Cang Tọa, thì Bồ Tát Quán Tự Tại hiện thân an ủi:

- Lành thay ! Này Thiện Sĩ ! Phải hành những gì nên hành ! Tất cả Mật Tạng của ba đời chư Phật, nay Ông đều đã tinh thông thấu suốt. Từ nơi này, về phía bắc (4) có quốc độ của Ta. Thiên nữ Độ Mẫu cũng trú tại nơi đó, và đang làm lợi ích cho loài hữu tình. Sự giáo hóa của Ông, đa phần cũng tại nơi đó. Vì vậy, Ông hãy nên qua phương bắc !

Tôn Giả y định lực từ bi, đạt được tam ma địa, thần thông quảng đại, thấy vô lượng chư Phật chư Bồ Tát đang làm lợi ích cho vô biên hữu tình. Tôn Giả thường lập chánh pháp tà, nên danh truyền khắp chốn. Bây giờ, tại nước Ma Kiệt Đà, tất cả chùa chiền, vô lượng chúng xuất gia và tại gia, chư Du Già Sư, đại thiện xảo, đều đánh lễ tôn kính Tôn Giả như hạt châu Như Ý Ma Ni.

Vào thời ấy, bốn ngôi chùa nổi tiếng nhất ở Ấn Độ là Na Lan Đà (Nalanda), Tỳ Trát Ma Thi La (Vikramasila), Kim Cang Tọa (Vajrasana), Âu Đơn Đạt Phú Lê (Odantapuri). Giữa bốn ngôi chùa này, chùa Tỳ Trát Ma Thi La là nổi tiếng nhất.

Chùa Tỳ Trát Ma Thi La (5) do vua Hộ Pháp (Dharmapala) xây cất (6) để cúng dường cho chư đại đức của bốn bộ phái; mỗi bộ phái có hai mươi bảy vị; cộng lại thành 108 vị. Lại nữa, có mười hai viện dành cho khách tăng, những vị thường đến chiêm bái thánh tích. Ngoài ra còn có các viện tu tập Thanh Minh, Nhân Minh; trong những viện đó, có khoảng hai trăm vị tăng; các ngài đều là những bậc tam tạng pháp sư, nhân tài ngũ minh.

Đến thời vua Trà Na Ca (955-983), sự giảng học ở chùa Siêu Giới được xưng là rất tối thắng. Bây giờ, ngài Hiền Cự Đức thường được cung thỉnh làm tọa chủ giảng thuyết. Nhất thời, hộ chùa có sáu vị đại sư, được xưng là "Sáu Hiền Môn", như

phía đông là ngài Bảo Tác Tịch (Santi-pa); phía tây là ngài Trí Sanh Huệ (Prajnakaramati); phía nam là ngài Tự Tại Ngôn Ngữ Xung (Vagisvarakirti); phía bắc là ngài Na Lạc Ba (Naropa); trung tâm là ngài Bảo Kim Cang (Ratnavajra) và Trí Kiết Tường Hữu (Jnanasri); kể đến là ngài Giác Hiền; tất cả đều là những vị bác học tinh thông Ngũ Minh, chuyên hoằng Mật Thừa, chú trọng nơi học thuyết Vô Thượng Du Già Thượng Lạc Luân. Song, bảy bộ Nhân Minh của Hiền Giáo, năm bộ luận của Bồ Tát Di Lạc, và Nhập Bồ Tát Hạnh của ngài Tịch Thiên cũng được hoằng bá. Bấy giờ, học phong của Vô Thượng Du Già đạt tới tối cực, nên có xu thế dung hợp Hiền-Mật. Đây là sự biến hóa lớn lao kỳ lạ vi diệu của Phật giáo Đại Thừa. Từ đó, pháp thống của chùa Siêu Giới được duy trì không gián đoạn. Đương thời, có năm mươi bảy vị đại thành tựu trứ danh cũng đều cung kính đánh lễ Tôn Giả.

Lúc trú tại chùa Kim Cang Tòa, thanh danh của Tôn Giả lan truyền khắp Ngũ Thiên (Ấn Độ) vì luôn hàng phục được các luận sư ngoại đạo ở vùng Ma Kiệt Đà.

Lúc Tôn Giả trú tại chùa Kim Cang Tòa, vua nước Ma Kiệt Đà là Nayapala và vua ngoại đạo dòng Kalachuri ở miền tây Ấn Độ, khởi sự gây hấn chiến tranh với nhau. Vào buổi đầu, vua dòng Kalachuri tấn công nước Ma Kiệt Đà. Vì chẳng chiếm được thành Ma Kiệt Đà, nên quân của vua dòng Kalachuri tàn phá chùa chiền, giết bốn vị tăng và một cư sĩ, cùng cướp bóc đồ đạc của tăng chúng. Bấy giờ, Tôn Giả chẳng khởi niệm quan tâm hay oán giận đến họ, mà chỉ điềm tĩnh thiền quán về tâm từ bi, tâm Bồ Đề đến với chúng sanh. Sau này, quân của vua Nayapala thắng lại và tàn sát quân của vua dòng Kalachuri. Lúc ấy, Tôn Giả che dấu bảo vệ rồi tìm cách giúp vua dòng Kalachuri cùng quân sĩ của ông chạy trở về lại cố quốc. Từ đó, vua dòng Kalachuri tín phụng và trở thành đệ tử của Tôn Giả. Nhà vua cung thỉnh Tôn Giả sang vương quốc của ông ta ở miền tây Ấn Độ. Trừ thực phẩm bị phá hoại trong các cuộc chiến, tất cả đồ vật của tăng chúng ở trong vùng chiến sự đều được

trả lại hay được bồi thường. Chẳng quan tâm đến sức khỏe và sự an nguy của tánh mạng, Tôn Giả thường đi qua lại các con sông của hai vương quốc để điều đình việc đình chiến. Cuối cùng, hai vương quốc đồng ký kết hiệp nghị đình chiến dưới sự cố vấn của Tôn Giả.

Bấy giờ đại thí chủ của chùa Tỳ Trát Ma Thi La là vua Đại Hộ (7), chí thành ân cần cung thỉnh Tôn Giả sang ngôi chùa đó làm vị trụ trì và thọ sự cúng dường (8). Dưới sự giáo thọ của Tôn Giả, rất nhiều tỳ kheo đến tu viện tu học. Do đó, Tôn Giả lo xây cất thêm phòng ốc của tăng chúng, thiết lập chương trình giảng dạy cho chư tăng. Khi ấy, trong chánh điện của chùa Tỳ Trát Ma Thi La, nhà vua cho vẽ tượng Bồ Tát Long Mãnh ở bên phải, và vẽ tượng của Tôn Giả ở bên trái, với ý nghĩa là Tôn Giả sánh bằng Bồ Tát Long Mãnh. Hai bên vách tường của ngôi chánh điện, đều có những bức tranh của các vị thiện xảo thông đạt Ngũ Minh, cùng các vị đại thành tựu. Trên đó, đều có bức tượng của Tôn Giả, với ý nghĩa là Tôn Giả có đầy đủ hai đức. Đương thời, Tôn Giả được cung thỉnh trụ trì tám trăm ngôi đại tự viện ở Ấn Độ, bao gồm chùa Âu Đơn Đạt Phú Lê (Odantapuri), và hoằng pháp lợi sanh vô cùng tận. Tất cả chư học giả đều cung kính Tôn Giả làm bậc sư trưởng. Theo Phật giáo, vị tăng nào có một trong bốn lực như Định Lực (Yoga-sakti), Tài Lực (Aisvaryasakti), Sanh Lực (Kulasakti), Học Lực (Vidyasakti) thì sẽ hộ trì chánh pháp. Song, Tôn Giả có đủ hết bốn lực này, nên trở thành vị sư trưởng cao cả.

Trước khi Tôn Giả vào Tây Tạng, ngài Na Lạc Ba (Naropa) đến viếng thăm chùa Siêu Giới. Tất cả chư tăng trong chùa đều bước ra ngoài cung nghinh ngài Na Lạc Ba. Tôn Giả cũng bước ra, cầm tay trái của ngài Na Lạc Ba, và dẫn vị này vào chánh điện. Bấy giờ, giữa đại chúng, ngài Na Lạc Ba bảo Tôn Giả:

- Từ đây về sau, trách nhiệm của tăng đoàn và Phật pháp sẽ do Ngài gánh vác.

Tôn Giả khiêm tốn đáp:

- Khi Ngài còn ở đây thì làm thế nào con gánh vác trọng trách lớn như thế ! Việc này cũng giống như một đóm lửa nhỏ có chiếu sáng toàn thế giới, thay gì ánh mặt trời hay mặt trăng.

- Chẳng phải thế ! Đây chính là lúc mà Ngài phải nhận rõ khả năng chân thật của mình. Chỉ có Ngài mới đủ tư cách đảm nhận trọng trách đó. Tôi đã già rồi, và chẳng bao lâu sẽ rời cõi đời này. Vì vậy, Ngài phải chấp nhận trọng trách này.

Sau khi nói xong, ngài Na Lạc Ba rời chùa, rồi đi vào miền nam. Hai mươi ngày sau, ngài Na Lạc Ba nhập tịch. Lúc đến Tây Tạng, Tôn Giả có mang theo xá lợi của ngài Na Lạc Ba.

Bàn về vương thống Tây Tạng, vị vua đầu tiên hiệu là Ni Xích Tán Phổ (Nya-tri-Tsenpo, sanh vào khoảng năm 127 tr.TL); tương truyền vị này từ Ấn Độ sang Tây Tạng lánh nạn; vị này thuộc dòng dõi vương gia đời thứ năm của vua Ba Tư Nặc (Prasenajit) ở nước Kiều Tát La (Kosala), và được người Tây Tạng tôn xưng làm vua).

Vào thế kỷ thứ tư, vua thứ 28 là Lạp Thác Nhật Ninh Thán (Lha-Tho-Ri-Xlyen-Tsen, thường được xem là hóa thân của Phật Dược Sư), bắt đầu xiển dương chánh pháp, sau khi bốn hộp Pháp Bảo (9) từ trên hư không rơi xuống.

Vua thứ 33 là Tùng Tán Cam Phổ (Srong-Tsen-Gampo (569-650), được xem là hóa thân của Bồ Tát Quán Âm), lấy công chúa Văn Thành của Trung Quốc (vào năm 641), và công chúa Bạch Lợi Ty Bồ (Bhrikuti) của Ni Bạc Nhĩ (Nepal) làm vương phi. Nhà vua hộ trì chánh pháp, thiết lập mười điều luật tôn giáo và mười sáu điều luật phổ thông cho dân chúng. Nhà vua phái đại thần Đao Mỹ Bồ Đề

(Thonmi-Sambhota) cùng mười sáu thanh niên thông minh sang Ấn Độ du học Phật pháp và tiếng Phạn. Lúc trở về, đại thần Đoan Mỹ Bồ Đề soạn ra mẫu tự Tây Tạng dựa vào mẫu tự chữ Phạn. Theo ông Kim Sơn Chánh Hảo (người Nhật) trong quyển Đông Á Phật Giáo Sử (10) thì những nhà phiên dịch kinh điển từ chữ Phạn sang chữ Tây Tạng, trừ đại thần Đoan Mỹ Tam Bồ Đề ra, còn có học giả người Ấn Độ là Câu Tát La (Kusara), Bà La Môn Tang Già La (Samkara), học giả Ni Bạc Nhĩ là Túc Lạp Mông Khải (Silamanju), hòa thượng người Hán là Đại Thiên Thọ, hai người học trò của ông Đoan Mỹ Tam Bồ Đề là Đạt Ma Cổ Tát (Dharmakosa) và Đạo Khâu Ba Nhĩ (Rdo-rje dpal).

Vua thứ 37 là Xích Tùng Đức Thán (Thi-Sron-Detsan, 755-797). Vị vua này tinh hơn một trăm vị đại thiện xảo người Ấn Độ như ngài Tịch Hộ (Santa-rakshita), đại sư Liên Hoa Sanh (Pama-Sambhava), phiên dịch kinh luận Hiền giáo và Mật giáo, độ chúng xuất gia (11), kiến lập các đại tự viện như Tang Da (12), v.v... Tất cả bản văn kinh tiếng Phạn, đa phần đều được tồn trữ tại chùa Tang Da. Lúc đến Tây Tạng, Tôn Giả duyệt xem những tàng kinh tạng, bèn tán thán sự hoằng pháp vĩ đại của các vị tiền bối; công nghiệp của các ngài thật rất hy hữu. Đương thời, dưới sự chủ tọa của nhà vua, đại sư Liên Hoa Sanh, Tịch Hộ, Vô Cấu Hữu đại diện Phật giáo, biện luận thắng các đạo sĩ Bồng giáo. Vì vậy, nhà vua lại hết lòng hộ trì chánh pháp và trục xuất các đạo sĩ Bồng giáo ra miền biên địa. Nhà vua cũng chủ trì các buổi tranh luận về giáo nghĩa giữa chư tăng người Ấn Độ và người Hán suốt cả ba năm. Cuối cùng, đại sư Liên Hoa Giới (13) tranh biện thắng hòa thượng Ma Ha Diễn (14). Thế nên, nhà vua quyết định rằng Phật giáo Tây Tạng chánh thức y theo giáo nghĩa truyền thống của Phật giáo Ấn Độ, và đuổi chư tăng người Hán trở về bản xứ.

Nhà vua truyền vương vị cho thái tử là Mâu Ni Tán Phổ (Mu-ne-Tsen-Po). Vị vua này chỉ trị vì ngôi vua được một năm và bảy tháng (797-798) rồi bị người mẹ sát

hại bằng thuốc độc. Người em của nhà vua là Xích Đức Thán Phổ (Thi-de-tsen-po, hay Tắc Na Lụy (Se-na-le), 798-814) lên ngôi vua. Vị này có ba người con, tên là Tạng Mã, Lãng Đạt Mã, Nhạ Bạt Cẩn. Nhạ Bạt Cẩn (Ral-ppa-cen-tsan-ma, hay Xích Nhã Ba Kiên (Khri-ral-pa-can), 814-836) lên làm vua, cung kính thánh giáo và thừa sự Tam Bảo lại càng tín thành hơn các triều vua khác. Nhà vua cung thỉnh chư cao tăng Ấn Độ như Thắng Hữu, Thiên Chủ Giác, Giới Chủ Giác, Giác Hữu, v.v... cùng với chư tăng Tây Tạng như Pháp Tánh Giới, Trí Quân, Văn Thù Kiết Tường Khải, Bảo Chủ Giới, v.v... biên soạn quyển Phiên Dịch Danh Nghĩa Tập, để thống nhất việc đặt định ngôn ngữ phiên dịch kinh điển từ Phạn văn sang Tạng văn. Nhà vua cũng cho xây hàng ngàn ngôi chùa và ban sắc lệnh rằng bảy gia đình phải cúng dường cho một vị tăng. Nhà vua thường trải búi tóc làm tòa ngồi cho chư tăng giảng kinh thuyết pháp. Nhờ lòng nhiệt thành của nhà vua, đạo Phật được truyền bá toàn cõi Tây Tạng. Song, chẳng may có một nghịch thần vốn theo đạo Bồng (15) ám sát nhà vua vào năm 836, rồi đưa Lãng Đạt Mã lên ngôi vua. Vua Lãng Đạt Mã (Lan-darma) hủy phá chùa chiền, đốt kinh sách, giết hại chư tăng, khiến chánh pháp bị suy vi. Tuy nhiên, ba năm sau, vua Lãng Đạt Mã bị ám sát chết. Vua Lãng Đạt Mã có hai hoàng tử là Quang Hộ (16) và Mẫu Cố (17). Quang Hộ có con là Thắng Luân Thật. Thắng Luân Thật cũng có hai người con là Thắng Kiết Tường Tích và An Lạc Nhật Y. Bấy giờ vì có sự bất hòa trong triều đình, nên An Lạc Nhật Y chạy tới vùng Nga Nhật (18), rồi được dân chúng tôn làm vua. Vua An Lạc Nhật Y có ba người con là Trát Hỷ Duyệt, Bạt Cấp Duyệt, Đắc Tổ Duyệt. Nhà vua cắt vùng Nga Nhật làm ba phần, rồi ban cho Trát Hỷ Duyệt vùng Bồ Nhượng, Bạt Cấp Duyệt vùng Dạng Dong, Đắc Tổ Duyệt vùng Mang Mãnh. Trát Hỷ Duyệt có hai người con là Trí Quang (19), Tùng Đắc. Trí Quang có hai người con là Thiên Vương và Long Vương. Tùng Đắc có một người con là Lạp Đắc. Lạp Đắc có ba người con là A Đắc, Tĩnh Quang, Lạp Tôn Bạt Bô Đề Quang. Đầu tiên, Trí Quang (Jnanaprabha, hay Ye-ses-'od) tiếp thọ ngôi vua. Song, vua Trí Quang vì

muốn hoằng dương chánh pháp, nên truyền ngôi lại cho Lạp Tôn Bạt Bồ Đề Quang (Bodhiprabha, hay Byang Chub Od), rồi cùng với hai người con xả bỏ quyền quý danh vọng mà xuất gia.

Xưa kia, vào thời vua Lãng Đạt Mã hủy diệt Phật pháp, có ba vị tỳ kheo trụ tại núi Ba Khâu Bạch Lý (20) mà tu hành. Ba vị này khi nghe nhà vua hủy diệt Phật pháp, bèn mau kíp dùng trâu chở tất cả kinh điển sang các vùng như Thanh Hải. Về sau, các vị tăng từ vùng Vệ Tạng như Lô Mai, Bạt Giới Huệ, v.v... cũng chạy đến đó tu hành. Sau này chư đệ tử của các vị đó từ từ trở về Tây Tạng mà truyền pháp, khiến chánh pháp lại được hưng thịnh.

Sự phục hưng của Phật giáo, đầu tiên là Mật Thừa, rồi tới Hiền giáo, như sau:

1/ Tại Tiền Tạng có những vị như ngài Lô Mai; tại Hậu Tạng có những vị như ngài La Đôn Kim Cang Tự Tại. Họ nỗ lực hoằng dương giới luật, lập lại tăng đoàn, nên các bậc long tượng xuất sanh, khiến giáo pháp được hưng thịnh. Về sau, lúc trú tại vùng Nga Nhật, khi nghe Chúng Đôn Ba thuật lại sự hưng thịnh của Phật giáo nhờ sự nỗ lực của các vị đó, tôn giả A Đề Sa bèn chấp tay tán thán: "Chánh pháp được hưng thịnh như vậy, tất phải do thánh tăng dựng cột tràng giáo pháp, mà phàm phu tuyệt chẳng thể làm nổi".

2/ Do sự hoằng dương luật học ở vùng Nga Nhật. Sau khi xuất gia, vua Trí Quang cung thỉnh luật sư Pháp Hộ và Huệ Hộ đến vùng Nga Nhật mà truyền giới Tỳ Kheo, và giảng dạy luật nghi.

3/ Do sự hoằng truyền của chư sư sau khi lưu học ở Ấn Độ, rồi trở về truyền bá. Lúc vua Trí Quang thoái vị mà xuất gia (21), nhà vua thấy giáo pháp còn thừa lại từ thời Tiền Truyền chẳng hoàn chỉnh, và sự đọa lạc của chú thuật vào đương thời; kẻ tu hành chưa đạt đến chân không pháp tánh, nhưng thường lấy việc dâm lạc,

dùng bùa chú trừ ếm giết hại người, cùng những tà pháp bội ngược chân nghĩa của chánh giáo mà cho là Phật pháp. Đại đức Trí Quang bèn chuyên cần tu học, hy vọng làm cuộc cách mạng về giáo chế. Lại nữa, đại đức Trí Quang chọn lựa ra hai mươi một thanh niên tại ba vùng ở Nga Nhật, dạy học về Thanh Minh và Phật giáo căn bản, rồi sau đó cấp cho lương thực và tiền bạc, để qua cầu học ở Ấn Độ, hầu mong sau này trở về chỉnh lý những việc tệ hại. Trong số đó có Bảo Hiền (22) sang Ấn Độ du học Phật pháp. Trước khi đi, đại đức Trí Quang giao họ sứ mạng:

a/ Phải cung thỉnh luận sư Bảo Kim Cang (Ratnavajra) ở Ca Thấp Di La, luận sư Đạt Ma Ba La (Dharmapala) ở đông Ấn Độ, luận sư Ma Ni Châu (Karuna) ở nước Ca Lỗ.

b/ Phải theo luận sư Bát Nhã Phước Lê (Prajnabala) ở trung Ấn Độ mà học hai bộ Nhiếp Tích (23) và Nhiếp Chân Thật Kinh Khánh Hỷ Tạng Thích Luận; phải theo luận sư Ma Ni Châu và Đạt Ma Ba La mà học Đoạn Trừ Nghiệp Chương Tích Cập Chú Thích, Mạn Trà La Tam Bách Tứ Thập Tôn (24), Tập Mật Mạn Trà La Nghi Quỹ (25); phải theo luận sư Bảo Kim Cang học Thời Luân và bốn bộ luận về Kim Cang Tọa Thích Thích.

c/ Phải thân cận hay cung thỉnh 108 vị danh sư và 12 vị đại luận sư ở chùa Tỳ Trát Ma Thi La (hay chùa Siêu Giới), đặc biệt là ba mươi vị luận sư tối thắng, một vị tu pháp Quán Châu, tám vị tu pháp Chiêm Bộ Trang Nghiêm, hai vị tu pháp Tam Giới Nhãn Mục. Trong các vị luận sư này, bậc thượng phải cung thỉnh đến Tây Tạng; bậc trung phải thân cận tu học; bậc hạ phải biết họ thông đạt những pháp gì, và cầu họ truyền pháp, cùng thỉnh kinh thư (26).

Trong số hai mươi một người này, lúc trở về Tây Tạng, chỉ có Bảo Hiền (27) và Thiện Huệ tu học thành công, còn những người khác đều bị bệnh và qua đời tại Ấn

Độ hay trên đường đi. Lúc đến Ấn Độ, Bảo Hiền theo tu học với bảy mươi lăm vị đại thiện tri thức như Na Lạc Ba, Liên Hoa Hộ, Thắng Hữu, v.v..., nên đối với giáo pháp Hiển-Mật thâm sâu tinh thông chí cực, đặc biệt là Hợp Bộ Đát Trì La Thừa. Lúc trở về Tây Tạng, ngài Bảo Hiền cung thỉnh chư học giả Ấn Độ là Túc La Đạt Tạt La Phạm Mãnh (Sraddhakaravarman), Ba Địch Ma Tạt Cấp Đa (Padmakaragupta), Phật Đà Túc Lợi Tân Đa (Buddhasrisanta), Phật Đà Ba La (Buddhapala, hay Phật Hộ), v.v... Họ cùng phiên dịch Luật Bộ và bốn bộ Đát Trì La, đặc biệt là rất nhiều loại Đát Trì La của Du Già Bộ, như Nhất Thiết Như Lai Kim Cang Tam Nghiệp Tối Thượng Bí Mật Đại Giáo Vương Kinh, v.v... Đồng thời họ cũng hiệu đính lại các bộ Đát Trì La đã được phiên dịch vào các thời khác. Ngài Bảo Hiền cũng xiển dương chân nghĩa của Mật Thừa (28), mà chẳng công nhận Cựu Mật Pháp.

Xưa kia, kinh điển về Mật Thừa chưa từng được phiên dịch, mà đến lúc ấy lại được phiên dịch rất nhiều, như quyển Kiết Tường Thượng Lạc Bản Tích Vương Lược Yếu, Hiện Thuyết Vô Thượng Bản Tích, Du Già Đại Giáo Vương Kinh, Nhất Thiết Như Lai Chân Thật Nhiếp Đại Thừa Hiện Chứng Tam Muội Đại Giáo Vương Kinh, Thanh Y Kim Cang Thủ Điều Phục Tam Giới Bản Tích, Tối Thượng Căn Bản Đại Lạc Kim Cang Bất Không Đại Giáo Vương Kinh, v.v...

Nhờ dịch những quyển kinh luận này mà Mật Thừa đã có một thời kỳ được phục hưng nhanh chóng. Người có công giúp Mật Pháp được thịnh hành nhiều nhất là Bảo Hiền. Sau này, lúc tám mươi lăm tuổi, Bảo Hiền được tôn giả A Để Sa truyền giáo pháp, rồi nhập thất chuyên tu, đắc đại thành tựu. Bảo Hiền có rất nhiều đệ tử, mà dịch sư Mã Hỷ Huệ là thượng thủ.

Trưởng tử của vua Mẫu Cổ (29) là Kiết Tường Tích Cứ Lạp Đóa và Kiết Tường Tích đều tín phụng Phật pháp, nên đến Hậu Tạng cung thỉnh các đệ tử của La Đôn

Kim Cang Tự Tại sang vùng Lạp Đóa kiến lập Phật pháp. La Đốn Kim Cang Tự Tại sai hai đệ tử là Thích Ca Đồng và Trí Tinh Tấn, ứng theo lời cầu thỉnh mà sang đó hoằng bá Phật pháp. Tại Lạp Đóa, hai vị này tuyển ra từ hơn hai trăm đồ đệ, hai vị tăng trẻ có trí huệ uyên thâm như Trác Di Thích Ca Trí (990-1078) và Đạt La Đồng Tinh Tấn sang Ấn Độ cầu học (30), và dặn dò rằng phải cố gắng học giới luật, Bát Nhã (31), và Mật chú.

Đầu tiên, hai vị này sang nước Ni Bạc Nhĩ, theo luận sư Tĩnh Hiền (32) học Thanh Minh, rồi sang chùa Tỳ Trát Ma Thi La (tức Siêu Giới) theo học với sáu đại luận sư (33). Đạt La Đồng Tinh Tấn vì thích đi chiêm bái các thánh tích, nên học pháp rất ít.

Trác Di Thích Ca Trí thân cận đại luận sư Bảo Tác Tịch trong tám năm, và cũng theo các luận sư khác mà tu học. Về sau, Trác Di Thích Ca Trí đến Đông Ấn theo luận sư Huệ Vương Minh thọ giáo pháp quán đảnh, tu hành, và giải thích kinh điển, cùng được ban truyền pháp Đạo Quả. Thế nên, Trác Di Thích Ca Trí đạt rất nhiều thành tựu. Trở về Tây Tạng, Trác Di Thích Ca Trí phiên dịch kinh luận, như ba bộ luận về Nhị Quán Sát (34), và Nhị Vạn Bát Nhã Thích (35), cùng rất nhiều loại Mật pháp khác. Đến năm năm mươi một tuổi, Trác Di Thích Ca Trí lại theo luận sư Già Da Đạt La (từ Ấn Độ sang), học hết giáo pháp của vị đó. Trác Di Thích Ca Trí sang Ni Bạc Nhĩ và Ấn Độ cầu học suốt mười ba năm; lúc trở về Tây Tạng, liền thuyết giảng kinh điển, nhiếp hóa đồ chúng, rồi sau này nhập thất tinh tấn tu hành; vị này tịch vào năm tám mươi lăm tuổi. Trác Di Thích Ca Trí có rất nhiều đệ tử như dịch sư Mã Nhĩ Ba, Khuếch dịch sư, v.v... Kế thừa giáo pháp của Trác Di Thích Ca Trí là Côn Bảo Vương (36).

Dịch sư Mã Nhĩ Ba (Marpa, 1012-1097), người vùng La Lạp Cách (Lho-brag), pháp danh là Pháp Huệ, năm mươi lăm tuổi theo Trác Di Thích Ca Trí học Thanh

Minh, rồi sang Ni Bạc Nhĩ ba lần, học tập pháp Tứ Tọa Tích, lại sang Ấn Độ ba lần thân cận các đại luận sư như Na Lạc Ba (Naropa), Di Lạc Ba (Matripa), v.v... học pháp Tập Mật, Thắng Lạc, Hoan Hỷ Kim Cang, Ma Ha Ma Da, Cứu Cánh Thứ Đệ, v.v... Về sau, Mã Nhĩ Ba có rất nhiều đệ tử, mà người xuất sắc nhất là Mật Lạc Nhật Ba (Milaraspa), vị sáng lập phái Cát Cử (Kargydpā).

Dịch sư Khuyếch Khô Ba Lạp Tắc, đầu tiên thân cận Trác Di Thích Ca Trí, rồi qua Ấn Độ cầu học ba lần, thân cận bảy mươi hai vị đại luận sư đắc thành tựu, y chỉ theo luận sư Tĩnh Hiền rất lâu, học Mật pháp của phái ngài Long Mãnh, dịch quyển Thắng Lạc Kim Cang Bảo Hành Tích, Tứ Tọa Tích, Ma Ha Ma Da Tích, Hoan Hỷ Kim Cang Tích, v.v..., mà chủ yếu là xiển dương Tập Mật của ngài Long Mãnh.

Trong bốn vị đại dịch sư ở trên có ngài Bảo Hiền giảng về Nhị Vạn Bát Nhã Thích, Bát Thiên Tụng Bát Nhã, và Bát Thiên Tụng Đại Sớ của ngài Sư Tử Hiền. Do sự hoằng dương của ngài Bảo Hiền mà giáo nghĩa Bát Nhã được lan truyền khắp Tây Tạng. Ngài Bảo Hiền luôn hoằng dương bốn bộ Mật pháp, và đặc biệt là dịch rất nhiều nghi thức pháp tắc tu Mật pháp, điển hình là pháp tu của các kinh luận thuộc Du Già Bộ.

Ngài Trác Di Thích Ca Trí chủ yếu hoằng dương Du Già Mẫu Tích như Hoan Hỷ Kim Cang, v.v...

Ngài Mã Nhĩ Ba chủ yếu hoằng dương Du Già Tích và Phật Đảnh Du Già Mẫu Tích của ngài Na Lạc Ba, Di Lạc Ba.

Khuyếch dịch sư chủ yếu hoằng bá Tập Mật của ngài Long Mãnh.

Do sự hoằng dương Phật pháp của bốn đại dịch sư này mà Mật pháp được đem ra thuyết giảng và hành trì nghiêm mật vào thời kỳ Phật Giáo Hậu Truyền.

Ngoài ra, còn có Nga Thiện Huệ, Phác Nhung Ba Thắng Huệ hoằng truyền giới học. Tinh Tấn Sư Tử, Nỗa Thố Giới Thắng (37), đệ tử của Bảo Hiền là Trát Giác Hiệp Nhiêu, Cát Pháp Hiền, Thích Ca Quang, Mã Thiện Huệ, đều là những dịch sư trứ danh vào đương thời.

Cháu của Nga Thiện Huệ là đại dịch sư La Đôn Hiệp Nhiêu (1059-1109), lúc nhỏ theo chú học Phật pháp, năm mười bảy tuổi sang Ni Bạc Nhĩ cầu học với Lợi Tha Hiền, Thiện Căn Vương về Nhân Minh, rồi theo Tát La Na, Khuyếch Di Kỳ Mai học năm bộ luận của Bồ Tát Di Lặc và các pháp Hiền-Mật khác. Lúc trở về Tây Tạng, La Đôn Hiệp Nhiêu dịch Nhân Minh Trang Nghiêm Sớ, và truyền bá Nhân Minh, Bát Nhã, Nhập Hành Luận, v.v..., rồi hỗ trợ các đại dịch sư như Banh Trà Tùng Ba mà phiên dịch kinh điển. La Đôn Hiệp Nhiêu có 23.000 đệ tử, mà Trác Lũng Ba Huệ Sanh và Chỉ Huệ Nhiên làm thượng thủ.

Dịch sư Bạt Tào Nhật Xung sang Ca Tháp Di La lưu học hai mươi ba năm, và luận sư Ca Na Ca Phục Mã đến Tây Tạng, dịch các bộ luận Trung Quán của ngài Nguyệt Xung, rồi hoằng dương rộng rãi.

Lại nữa, dịch sư Kiết Giác Nguyệt Quang dịch Thời Luân, Phật Đảnh, Kim Cang Cam Lộ, Thắng Lạc, v.v...

Tang Ca Thánh Huệ, Ninh Thịnh Xung, Khắc ồ Cách Ba Luân Xung, La Giáp Huệ Tích, Mai Giác Phật Xung, Trác Huệ Xung, v.v... phiên dịch rất nhiều kinh luận, khiến cho đại tạng kinh Tây Tạng ngày một phong phú.

Bên trên là những vị dịch sư đã từng du học sang Ấn Độ Ni Bạc Nhĩ, Ca Tháp Di La, rồi trở về Tây Tạng hoằng pháp.

Do chư tăng từ những vùng Ấn Độ, Ca Thập Di La, Tây Khương, Nga Nhật đem Phật pháp truyền vào mà Phật Giáo Hậu Truyền của Tây Tạng được hưng thịnh.

Tuy nhiên, vào lúc chánh pháp bị suy vi (38) có các người tại gia, ngã mạn tự xưng là trụ trì Mật giáo, thường giải thích tà vạy về Mật pháp; họ cho rằng hành dâm lạc tức là hành Phật pháp. Lúc ghen ghét người khác, họ thường tranh cãi hay tụng chú để trừ yếm nhau. Lại có một loại người, tự bảo rằng chỉ cần tu môn Tánh Không, thì tự thân sẽ thành Phật, không cần phải hành bố thí hay làm việc phước đức chi cho khổ nhọc. Những tà tri tà kiến vọng giải như thế, chẳng phải có một hai loại. Những việc này kéo dài suốt mấy trăm năm. Mãi đến khi vua Lăng Đạt Ma bị ám sát chết, các chư tăng Ấn Độ, Ca Thập Di La, Tây Khương, Nga Nhật, đã đem Phật pháp truyền vào Tây Tạng, nhờ vậy Phật giáo Tây Tạng mới được hưng thịnh trở lại. Tiếc thay, bên cạnh những vị đại sư giới đức nghiêm túc truyền pháp từ Ấn Độ, Ca Thập Di La vào Tây Tạng và những tăng sĩ Tây Tạng có giới đức đầy đủ, lại còn có những kẻ tu hành chẳng giữ giới luật mà thích tu theo Mật pháp tà vạy do các tà sư Ấn Độ, Ca Thập Di La tuyên truyền. Điển hình, từ Ấn Độ sang Tây Tạng có một số tà sư đắp y ca sa màu đỏ và xanh, tự gọi là Thượng Sư Đỏ, Thượng Sư Xanh. Họ chỉ nhớ vài đoạn Mật chú, và cộng thêm bất cứ những gì khởi trong tâm niệm, rồi tự cho đó là chân ngôn Mật chú, mà quên đi những điểm tinh túy của Mật pháp. Những kẻ này thường có vợ con, và thường viết những câu Mật chú rất hấp dẫn, và bảo vợ con: "Hãy chuẩn bị rượu thịt cho Ta. Ta sẽ luận giải về Mật pháp."

Họ dạy những pháp tà vạy dưới tên là Du Già (Yoga) và Giải Thoát (Moksa). Họ nói rằng Du Già nghĩa là phối ngẫu với đàn bà, và Giải Thoát (moksa) nghĩa là giết chúng sanh như kẻ thù. Bằng cách này, rất nhiều giáo pháp tà vạy lan truyền khắp Tây Tạng dưới tên Mật pháp. Vì bọn tà sư này phá hoại nên đã khiến cho Phật giáo Tây Tạng bị suy đồi; những vị tu hành chân chánh không còn được bao nhiêu.

Đối với các sử gia Tây Tạng, những tà sư đó chịu trách nhiệm chính cho việc tu hành tà vạy của quần chúng Phật tử trước khi tôn giả A ĐỂ SA vào Tây Tạng. Bát Nhã Cấp Đa (Prajnagupta) là đại biểu cho bọn tà sư này. Mười tám đệ tử của ông ta được người Tây Tạng cho biệt danh là ‘Mười tám tên cướp’, vì chúng thường bắt cóc dân chúng để hiến dâng cho các nữ thần trong những buổi lễ tu Mật pháp. Ngoài ra, còn có những kẻ chuyên tu Mật pháp qua những cách thức vô luân lý như hành dâm dục, uống rượu, v.v...

Đại đức Trí Quang không khỏi đau lòng nhìn thấy những hiện tượng xấu xa, những việc sa đọa như vậy nên muốn chấn chỉnh lại chánh giáo. Dẫu Phật giáo Tây Tạng nhanh chóng được phục hưng sau thời vua Lãng Đạt Mã, nhưng thiếu sự hợp nhất, nên đã gây ra những việc chống trái giữa các tông phái Đại-Tiểu Thừa và Hiện-Mật giáo. Do đó, Đại Đức soạn viết một quyển luận để bài bác những hiện tượng sa đọa và những việc kinh chống lẫn nhau như đã nói ở trên, nhưng đã gặp phải sự chống đối mãnh liệt của các nhóm tà sư. Nhận thấy chưa đủ khả năng để hoằng dương chánh pháp, Đại Đức quyết định gửi các nhân tài sang Ấn Độ tu học đúng chánh ý Phật Tổ, hy vọng lúc trở về họ sẽ chấn hưng giáo chế cho Phật giáo Tây Tạng. Vì vậy, Đại Đức liền triệu tập thanh niên ba vùng của Nga Nhật, chọn ra hai mươi một người có thượng căn thượng trí cho xuất gia học Thanh Minh và giáo lý căn bản suốt mười năm. Sau đó, những người này được cung cấp tiền bạc, lương thực, để qua Ấn Độ, Ca Thập Di La (Kasmir) cầu học Phật pháp, hầu mong sau này trở về Tây Tạng, họ sẽ chấn chỉnh những tập tục tệ hại trong tăng đoàn. Y theo lời dạy của đại đức Trí Quang, họ dũng mãnh lên đường sang Ấn Độ và Ca Thập Di La du học Phật pháp. Dọc đường vì không chịu nổi khí hậu nóng bức ở vùng Ca Thập Di La và Ấn Độ, nên mười chín người bị bệnh cảm mà chết, chỉ còn lại hai vị: Dịch sư Bảo Hiền (Ratnabhadra, hay Rin-chen Zang-po) và dịch sư Thiện Huệ

(Suprajna, hay Legs-Pahi-Shes-Rab). Sau khi tham học tất cả giáo nghĩa Hiễn-Mật, đoạn hết mọi hoài nghi xong, hai vị bảo nhau:

- Chúng ta phải nên cung thỉnh những vị cao tăng có khả năng làm lợi lạc cho dân chúng Tây Tạng trước khi trở về cố hương.

Bàn thảo với nhau xong, hai vị liền bố thí tiền cho các người nghèo và nhờ họ đi tìm các bậc thức giả, nhưng không đạt được sự mong cầu. Lần nọ, họ đến chùa Tỳ Trát Ma Thi La, hỏi thăm nơi đây có bậc thức giả nào làm được lợi ích cho dân chúng Tây Tạng ? Có người đáp:

- Nơi đây có một vị tăng xuất thân từ dòng vương giả, hiệu là Kiết Tường Nhiên Đăng Trí (39). Tất cả chư Phật tử đều cung kính đánh lễ vị này. Đây là vị đệ nhị Thiên Trí của đời mật pháp. Song, các vị khó lòng mà cầu thỉnh được vị này. Ngoài vị này ra, không ai có đủ khả năng làm lợi ích cho dân chúng Tây Tạng.

Tuy biết oai đức vô lượng của Tôn Giả, nhưng hai vị này không dám mở lời cung thỉnh, mà trở về Tây Tạng, đem hết mọi sự tình, thuật lại cho nhà vua:

- Đức Phật nhân căn tánh lạnh lợi hạ độn, phước trí sâu cạn, tu cùng chưa tu của chúng sanh, mà thi thiết phương tiện, bao loại Đại Thừa Tiểu Thừa, Hiễn giáo Mật giáo theo thứ lớp, nhưng thật nghĩa chẳng khác. Có khả năng làm lợi ích cho dân chúng Tây Tạng, chúng thần đi khắp cõi Ấn Độ, nhưng chưa tìm thấy một ai, chỉ trừ tại chùa Tỳ Trát Ma Thi La, có một vị tỳ kheo xuất thân từ dòng vương gia, được tất cả chư Phật tử đánh lễ tôn kính, là vị do vua Đại Hộ thỉnh từ chùa Kim Cang Tọa đến. Nếu thỉnh được vị này thì mới chân thật làm lợi ích cho dân chúng Tây Tạng. Chư đại đức cao tăng trong ngôi chùa đó, cũng đều thọ ký như thế.

Nhà vua nghe qua, các mối hoài nghi đều dứt tận, lại nghe tôn đức của Tôn Giả, bèn thâm sanh tín tâm cung kính, nên quyết chí ngưỡng thỉnh. Nhà vua bèn nhờ dịch sư Tinh Tấn Sư Tử (Viryasimha) cùng với cả trăm quyến thuộc, mang vàng sang Ấn Độ, tới chùa Tỳ Trát Ma Thi La mà cung thỉnh Tôn Giả. Đến nơi, họ cúng dường vàng bạc, và khải bạch ý nguyện cầu thỉnh. Tôn Giả bảo:

- Các ông mời Ta đến Tây Tạng để giáo hóa quần chúng Phật tử nhưng Ta thấy chưa đủ hai nhân duyên: Một là do nhận vàng mà đi, nhưng vàng bạc đối với Ta thật là vô dụng. Hai là phải có đầy đủ tâm Bồ Đề, xả thân vì người mà đi, thì Ta thật chưa có đầy đủ. Do đó, Ta không đi !

Nói xong, Tôn Giả trả lại vàng bạc cho họ. Ngài Tinh Tấn Sư Tử rơi lệ sụt sướt, cầu khẩn ba lần, nhưng Tôn Giả vẫn chưa hứa khả. Bấy giờ các quyến thuộc của ngài Tinh Tấn Sư Tử, đa số đều bị cảm nhiệt mà chết. Vàng bạc cũng bị tiêu tán hết. Thấy vậy, Tôn Giả bảo chư đệ tử:

- Người Tây Tạng thật đáng thương !

Ngài Tinh Tấn Sư Tử trở về Tây Tạng, trình với nhà vua rằng chẳng kham nhậm việc cầu thỉnh Tôn Giả. Nhà vua bảo:

- Xin Ngài chớ từ nan khổ nạn, xả bỏ thân mạng. Tuy hiện tại chẳng có cách nào để cung thỉnh Tôn Giả, nhưng do tôn đức thâm sâu của Tôn Giả, nay Ngài có thể cung thỉnh được.

Ngài Tinh Tấn Sư Tử bèn dâng mạng, mang sáu quyến thuộc trở lại chùa Tỳ Trát Ma Thi La ở Ấn Độ, tu học, phiên dịch những luận trước của Tôn Giả cùng các vị đại thành tựu khác.

Bấy giờ, đại đức Trí Quang vì muốn việc ngưỡng thỉnh Tôn Giả được thuận lợi, nên đến vùng biên giới để tìm thêm vàng cho đoàn người đi sang Ấn Độ cầu thỉnh, nhưng bị vua nước Cát La Lộc (40) bắt giam cầm. Khi ấy, vua Lạp Tôn Bạt Bò Đề Quang (41) nghe tin này, mau kíp dẫn quân sang giải cứu, nhưng không thể đánh bại quân của ngoại đạo. Vua Bò Đề Quang muốn trưng thêm quân binh, nhưng sợ gây nhiều việc chết chóc, và sợ việc bắt trặc, nên lập phương tiện bằng cách đem vàng đổi lấy người. Quốc vương ngoại đạo cũng bảo:

- Một là ông phải từ bỏ đạo Phật, và làm chư hầu của Ta. Hai là ông phải đúc tượng người bằng vàng thì Ta sẽ thả chú của ông ra.

Bấy giờ, từ bỏ đạo Phật là một việc vô lý. Thế nên, vua Bò Đề Quang bèn hứa là sẽ trả bằng vàng, và lấy ra hai trăm lượng vàng để trao cho vua ngoại đạo, nhưng chưa đủ. Về sau, vua Bò Đề Quang lấy vàng trong cung điện mà đúc thành hình người giống như đại đức Trí Quang, nhưng thiếu mất cái đầu. Song, vua ngoại đạo chẳng chấp nhận, mà bảo rằng muốn có thêm cái đầu (bằng vàng). Vua Bò Đề Quang chẳng thể kiếm ra đâu để đủ số vàng đó, nên bèn viết thư gởi của đại đức Trí Quang: "Ngài là vị có tâm từ bi rộng lớn. Chẳng may, Ngài bị nghiệp lực trôi buộc. Ác vương kia bảo với con rằng hãy từ bỏ đạo Phật và trở thành chư hầu của hắn ta. Song, nếu từ bỏ Phật pháp thì tức là lệ thuộc dưới tay của hắn. Thế nên, con nghĩ rằng việc tốt nhất là chẳng chấp nhận điều kiện đó. Hắn ta bảo rằng nếu có số vàng bằng thân hình của Ngài, thì mới chuộc được Ngài ra. Song, con tìm mãi chỉ có số vàng bằng thân hình mà thiếu đi cái đầu, nên ác vương kia chẳng chấp thuận. Xin Ngài hãy an lòng, con sẽ trở về vương thành, và cố gắng tìm đủ số vàng để chuộc Ngài ra."

Nghe việc này, đại đức Trí Quang viết thư bảo vua Bò Đề Quang: "Ta đã biết ý tốt của nhà vua. Hiện tại, Ta cảm thấy an tâm vì biết rằng nhà vua có đủ tài đức để giữ

vững ngai vàng của các đấng tiên vương. Song, Ta thiết tưởng rằng không chính lý lại Phật pháp ở Tây Tạng thì chẳng thể được. Ta nay đã già yếu. Tuy hiện tại chưa chết, nhưng có lẽ sẽ không còn sống đến mười năm. Từ đời vô thủy đến nay chưa từng xả mạng vì pháp. Nay vì pháp mà chết thì thật là điều hy hữu. Đối với ác vương tội lỗi kia, chớ đem cho hắn một miếng vàng nào hết. Tất cả vàng bạc, hãy mang sang Ấn Độ để cung thỉnh tôn giả A ĐỂ Sa, và đem lời của Ta mà cáo bạch với Tôn Giả rằng Ta vì ngưỡng vọng Tôn Giả và thánh giáo Phật pháp, nên nay thi toàn thân mạng cho ác vương. Nguyên đời đời đều được chư Phật từ bi tiếp thọ. Tâm nguyện của Ta là chỉ mong mọi cầu thỉnh Tôn Giả đến Tây Tạng hoằng pháp, hầu mong giáo pháp của Phật đã được lan truyền khắp nơi. Lại nữa, xin nguyện Tôn Giả từ bi gia hộ, đời sau sẽ được gặp Tôn Giả. Nhà vua hãy nên quên Ta đi mà chuyên tâm vào sự tôn vong của Thánh Giáo."

Vua Bồ Đề Quang trở về Tây Tạng, muốn tìm thêm vàng, nhưng nghe tin đại đức Trí Quang đã tự tử tiết trong ngục tối, nên đình chỉ việc đó lại, mà chuyên chú vào việc cầu thỉnh Tôn Giả. Bây giờ, các "Thượng Sư" áo đỏ áo xanh đang lộng hành tuyên truyền tà chú. Vua Bồ Đề Quang thấy tình cảnh này và sự tử tiết của đại đức Trí Quang, nên âm thầm cầu nguyện Tam Bảo gia hộ tìm được người có khả năng sang Ấn Độ cung thỉnh tôn giả A ĐỂ Sa vào Tây Tạng để chấn chỉnh giềng mối Phật pháp. Sau bao lần cầu nguyện, vua Bồ Đề Quang cuối cùng quyết định cung thỉnh tỳ kheo trì luật là Giới Thắng (Silajaya, hay Chul-Khrims-Gyal-Va), vị thông suốt tạng luật và tiếng Phạn.

Luật Sư Giới Thắng sanh ra ở vùng Nga Nhật vào năm 1011. Luật sư Giới Thắng vốn đã từng sang Ấn Độ tu học với tôn giả A ĐỂ Sa cùng các vị đại sư khác. Lần đầu sang Ấn Độ tu học, dẫu chỉ mới hai mươi bảy tuổi, luật sư Giới Thắng đã thông suốt tạng luật, và đã từng phiên dịch rất nhiều kinh điển từ Phạn văn sang Tạng văn, nên được xưng tán là một vị luật sư và một nhà dịch giả (42). Sợ luật sư

Giới Thắng từ chối việc sang Ấn Độ cung thỉnh tôn giả A ĐỂ Sa, nên vua BỒ ĐỀ Quang thành tâm cung thỉnh Luật Sư ngồi trên ngai vàng, rồi cúng dường và tác bạch:

- Bạch đại Luật Sư ! Trải qua bao đời, chư đại BỒ Tát, chư đại thiện tri thức đã định lập quy củ, xiển dương Phật pháp rộng rãi khắp nơi. Những vì tiên vương và đại thần trong bao đời cũng từng hộ trì chánh pháp, khiến đạo Phật hưng thịnh trong bao đời. Song, trong đời nay, Phật pháp suy vi, tà ma hùng thịnh, tà pháp lan tràn, như có những tà sư áo đỏ áo xanh truyền bao tà chú dưới tên là Mật Thừa, nên làm tổn hại Thánh giáo, khiến thâm tâm con đau xót vô cùng. Ngài Đại Thiên (43) đã từng sai người đi khắp nơi để cầu thỉnh chư vị thực đức, sang Tây Tạng ban truyền chánh pháp. Vì đại sự của Thánh Giáo, họ mang trăm nén vàng sang Ấn Độ để cầu thỉnh tôn giả A ĐỂ Sa, nhưng chưa thỉnh được. Ngài Đại Thiên (44), ra vùng biên giới tìm thêm vàng để cung cấp cho đoàn người sang Ấn Độ cung thỉnh Tôn Giả vào Tây Tạng, nhưng bị ác vương Cát La Lộc (Garlog) bắt nhốt.... Nay con muốn tìm vàng để chuộc mạng, nhưng lại nghe ngài Đại Thiên đã tự tuấn tiết vì đạo pháp. Nếu đại Luật Sư từ chối việc sang Ấn Độ cầu thỉnh tôn giả A ĐỂ Sa, khiến làm chúng sanh vô minh ở vùng biên địa này thất vọng, thì Luật Sư có còn được mọi người tôn kính như một vị đại đức có lòng đại từ bi nữa không ? Xin đại Luật Sư hãy cần bạch với tôn giả A ĐỂ Sa rằng chúng sanh ở đất Tây Tạng tuy vô minh, nhưng vẫn còn những kẻ có tâm lực thiết tha vì đạo. Tôn Giả là vị mà chúng sanh vùng biên địa quy hướng theo. Nay có bảy trăm lượng vàng xin dâng cúng Tôn Giả, và cần bạch rằng đất Tây Tạng như thành đô của ngọc quý. Tìm kiếm vàng khó khăn như tìm rận trên thân cừ. Tuy chỉ có một chút vàng, nhưng là đại bảo quý giá. Đó chính là tất cả tài vật của nước chúng con. Nếu Tôn Giả vẫn khước từ đến Tây Tạng, thì tâm đại bi của Thiện Sĩ như thế, con cũng chỉ theo tôn ý mà

hành (45). Xin đại Luật Sư hãy kể rõ hiện tình Phật giáo ở Tây Tạng và sự tuân tiết vì đạo của đại đức Trí Quang cho tôn giả A ĐỂ Sa hiểu rõ tường tận.

Vua Bồ Đề Quang vừa nói vừa rơi lệ ướt đẫm cả áo cảm bào. Luật sư Giới Thắng định mở lời, nhưng hoàn toàn chẳng còn điều gì để thôi từ. Luật Sư lại suy nghĩ rằng những vị vua dòng quý tộc kia, trân trọng thánh giáo như thế, mà chẳng tiếc thân mạng, còn tỳ kheo an phận như mình, lương tâm để ở chỗ nào ? Do đó, Luật Sư chẳng quản đường xa nguy hiểm, đe dọa tánh mạng, chấp thuận lời thỉnh cầu của vua Bồ Đề Quang mà sang Ấn Độ để cung thỉnh Tôn Giả (46). Vua Bồ Đề Quang sai cả trăm người đi theo, nhưng Luật Sư chỉ chọn sáu người mang vàng đi theo. Lúc tiễn đưa, vua Bồ Đề Quang dặn dò:

- Quý Ngài xả bỏ thân mạng, chẳng ngại bao gian nan, vì con mà làm Phật sự. Song, lúc trở về, con sẽ báo đền thâm ân. Xin hãy cố gắng cầu khẩn Tôn Giả khởi lòng đại bi mà sang đất Tây Tạng.

Đoàn người của luật sư Giới Thắng đi đến vùng Ni Bạc Nhĩ (Nepal), thì gặp một Không Hành Nhân, bảo:

- Nay các vị đi phương xa để làm việc đại sự, vậy nên đọc tụng lời này, thì đại sự sẽ được thành tựu: "Kính xin Tam Bảo từ bi gia hộ cho chánh pháp thù thắng được xiển dương rộng rãi ở xứ Tuyết Sơn (47)." Hãy đọc tụng như thế, thì trên đường đi sẽ không gặp các hiểm nạn.

Luật sư Giới Thắng hỏi:

- Ngài là ai ?

- Từ từ Ngài sẽ biết !

Lúc vào nội cảnh của nước Ni Bạc Nhĩ, Luật Sư cùng phái đoàn đến vùng Trúc Lô, rồi vào nhà dân chúng xin ngủ tạm qua đêm. Có một số người biết phái đoàn mang theo vàng, nên muốn giết người cướp của. Luật sư Giới Thắng cùng phái đoàn vì mệt nhọc, lại thêm khí trời nóng bức, nên chẳng bao lâu đều ngủ say. Bấy giờ, một vị bạch y gõ cửa bước vào hô to:

- Chớ ngủ ! Chớ phóng dật ! Hãy mau tỉnh dậy ! Nếu ngủ thì sẽ mất mạng và tài bảo. Ta vốn là tổng Bôn Tôn của đất Tây Tạng (48).

Luật sư Giới Thắng và đoàn người kịp thời tỉnh dậy vội vàng ra đi. Đến chiều tối, đoàn người gặp và cùng tháp tùng với vị tiểu vương nước Ni Bạc Nhĩ mà đến Ấn Độ. Khi đến Bồ Đề Đạo Tràng (Buddhagaya) luật sư Giới Thắng nhìn xa tích tận chân trời, thấy vòm kim đánh của chùa Tỳ Trát Ma Thi La tỏa sáng dưới ánh nắng hồng, nên lòng tràn đầy niềm xúc động mạnh mẽ và cảm nhận phong cảnh huy hoàng này vốn là một điềm lành, biểu hiện cho việc thỉnh cầu tôn giả A Đề Sa sẽ thành công. Song, vẫn còn phải đi ba ngày nữa mới bờ sông Hằng. Lúc họ đến sông Hằng thì mặt trời đã lặn về phương tây. Thuyền ít mà người nhiều. Tiểu Vương nước Ni Bạc Nhĩ vì có quyền thế, nên được đi trước. Luật sư Giới Thắng tự nhủ thầm hôm nay chưa được qua sông, vậy Ta hãy chôn vàng dưới đất, rồi tìm nơi khác mà ngủ, nhưng rồi có vị bạch y đúng lúc chèo thuyền đến. Luật Sư liền hỏi:

- Quý danh của ông là gì ? Thuyền này đi về đâu ?

Đáp:

- Do đón các quyền thuộc mà đến. Đại tâm hữu tình đã đến nơi này. Thánh giả nếu không hiện ra thuyền bè, thì e rằng không kịp nghinh đón. Hãy lên đây để qua bến Ca Ma La.

Luật Sư và đoàn người mang vàng lên thuyền, rồi hỏi:

- Ngài là ai ?

Đáp:

- Cự Thọ (49) ! Lúc vừa gặp lại không nhận ra (50), lúc gặp nhau không xấu hổ chút nào (51), lúc gặp nhau xong thì không đoạn tình (52), lúc người yếu thì làm lợi ích; thuận thời thì đến, gặp nhau lâu tất không khiếm khuyết (53); rồi đây Ngài sẽ biết.

Chẳng mấy chốc, thuyền đã đến bờ. Người ấy bảo:

- Nay trời đã khuya. Sợ rằng sẽ gặp nạn rắn độc hay trộm cướp, hãy nên đi thẳng đến cửa chùa Tỳ Trát Ma Thi La mà ngủ.

Nói xong, người đó bèn chèo thuyền đi mất. Luật Sư cùng đoàn người đi thẳng đến chùa. Bảy giờ ngài Tinh Tấn Sư Tử (54), đến gặp họ và hỏi:

- Các ngài từ đâu đến ?

Đáp:

- Chúng tôi từ vùng Nga Nhật (Tây Tạng) đến.

- Nơi đây có một đồng tử giữ cửa, có thể đưa tài vật giao cho vị này cất giữ thì được an tâm mà nghỉ ngơi.

Đồng Tử bảo:

- Giữ tài vật như giữ oan gia. Giữ chúng như giữ tâm. Phải y theo tâm vì đó là người bạn tối thắng. Các vị hãy an tâm mà nghỉ ngơi.

Luật Sư tự nhủ rằng đồng tử kia nói được những lời đó, tức chẳng phải phàm nhân, liền giao tất cả tài vật cho đồng tử đem cất, và an tâm mà nghỉ ngơi. Sáng hôm sau, một đồng tử nọ, mặc hai lớp áo vải và tay cầm một bình bát nhỏ bằng gỗ, mở cổng chùa mà bước ra, nói toàn những lời giống hệt các chú mục đồng ở Tây Tạng; chú mục đồng hỏi:

- Quý vị từ đâu đến đây ? Trên đường không gặp những việc sợ hãi chứ ?

Đáp:

- Chúng ta là người Nga Nhật. Trên đường đi được bình an. Người là ai ?

- Tôi cũng là người Tây Tạng. Song, người Tây Tạng chúng ta thích nói nhiều nhưng lại ngây thơ thật thà. Biết đó là việc quan trọng nhưng chẳng biết giữ bí mật. Thế nên, phải cẩn mật mà hành đại sự. Khi đến địa phận làng Tây Tạng, hỏi dân làng thì sẽ biết tôi và biết nơi cư trú của ngài Tinh Tấn Sư Tử.

Nói chưa dứt lời, chú mục đồng đã biến mất.

Dọc đường cái, Luật Sư và đoàn người gặp vị tiên nhân, mắt đỏ, thân gầy, râu tóc màu vàng chắm vai, tay chống gậy trúc, miệng hỏi:

- Quý vị từ phương nào đến ? Muốn tới nơi nào ? Muốn làm việc gì ?

Đáp:

- Chúng tôi từ nước Nga Nhật đến để cung thỉnh tôn giả A Đề Sa. Ngài Tinh Tấn Sư Tử đang cư trú nơi nào ?

Vị tiên nhân đó dựa mình vào cây gậy, xoe tròn đôi mắt nhìn họ, bảo:

- Sáng nay đồng tử kia nói chẳng sai. Người Tây Tạng chẳng biết giữ lời cẩn mật. Ngay cả những kẻ đáng nghi ngờ, mà họ vẫn nói hết các việc bí mật. Làm như thế mà muốn thành tựu đại sự sao được ? May thay ! Đối với Ta thì chẳng sao. Từ rày về sau, trừ khi gặp tôn giả A Đề Sa, chớ có nói điều bậy bạ. Nay Ta sẽ chỉ chỗ của Tinh Tấn Sư Tử cho.

Bấy giờ, vị tiên nhân tuy đi chậm rãi, nhưng Luật Sư và đoàn người không đi theo kịp, nên sanh lòng cung kính hy hữu. Vị tiên nhân đó đến trước cổng trụ xứ của Tinh Tấn Sư Tử, bèn ngồi xuống đờ, và bảo:

- Việc đại sự thì phải làm từ từ. Chậm rãi tức là nhanh; chớ gấp gáp theo dục tình. Muốn trèo lên đỉnh núi cao, phải đi theo từng bậc đá. Đây là trụ xứ của Tinh Tấn Sư Tử.

Luật sư Giới Thắng bước vào nhà, thấy ngài Tinh Tấn Sư Tử đang đứng xem kinh chữ Phạn, liền cúi đầu đánh lễ, rồi cúng dường chút ít vàng. Ngài Tinh Tấn Sư Tử hỏi:

- Ông từ đâu đến đây ?

Luật sư Giới Thắng bèn thuật lại nhân duyên sang Ấn Độ tường tận. Ngài Tinh Tấn Sư Tử bảo:

- Dường như ông là một trong những đệ tử của Ta, mà Ta chẳng nhận ra. Từ rày về sau chớ nói lời cung nghinh Tôn Giả, mà hãy bảo rằng sang đây để cầu học Phật pháp. Nơi đây có thượng tọa La Na A Ca La, đầy đủ đại thể lực, cũng là vị thân tín của tôn giả A Đề Sa. Các ông nên theo vị thượng tọa này mà nghe kinh, và nhiếp hộ tâm của vị đó; chớ để vị đó biết mục đích sang Ấn Độ của các ông. Nay có thể cúng dường nửa lạng vàng cho vị đó, và bảo rằng đến để cầu học, chớ không cung

thỉnh bậc đại thiện xảo nào. Xin nguyện y theo dưới tòa, học Phật pháp và các pháp thiện xảo. Hãy cầu xin vị thượng tọa đó từ bi nhiếp thọ. Sự việc chớ gấp gáp. Tâm chớ bất an. Khi dịp may tới, chúng ta có thể từ từ thi thiết phương tiện, đến trụ xứ của Tôn Giả mà cầu thỉnh.

Lúc đó Luật Sư đã biết rõ thâm ý của ngài Tinh Tấn Sư Tử, nhưng lại giả vờ hỏi:

- Nếu thỉnh không được Tôn Giả, thì có thể thỉnh những vị đại đức dưới tòa của Tôn Giả được chăng ?

Đáp:

- Chớ nói lời này ! Nếu như thế thì trong bao năm trước, Ta đã thỉnh được hơn hai mươi vị rồi. Song, tánh tình của dân chúng Tây Tạng, ông chẳng biết rõ sao ? Trừ tôn giả A Đề Sa, chẳng ai có thể điều phục được họ. Tôn Giả có đầy đủ tăng thượng bất cộng ý lạc. Nay có thể thỉnh được Tôn Giả.

- Còn những vị đại đức khác thì sao ?

- Chư đại đức cao tăng ần mật như tinh sao. Có năm mươi hai vị đại thiện xảo, đầy đủ thắng đức bất tư nghi hy hữu như ngài Chúng Tử Bạt, Liên Hoa Giới, Du Hý Kim Cang, v.v... Song, trừ tôn giả A Đề Sa ra, không ai có đủ khả năng để làm lợi ích cho người Tây Tạng.

- Tôn giả A Đề Sa thì như thế nào ?

- Người Tây Tạng chúng ta yếu kém như thế, nên phải cần có sự giáo hóa của một vị đại thiện xảo như tôn giả A Đề Sa. Ông hãy tự đến quán sát tăng đoàn. Giữa hơn 1.800 vị tăng, dẫu nhìn từ góc độ nào, dẫu đứng tại địa vị nào, vị nào có oai đức

thù thắng hùng dũng, vượt lên trên hết mọi người, tướng hảo trang nghiêm, giới đức thanh tịnh bậc nhất, chính là tôn giả A ĐỂ Sa. Hãy nên ngày đêm cầu khẩn.

Sau đó, luật sư Giới Thắng y theo lời của ngài Tinh Tấn Sư Tử, đến tham vấn thượng tọa La Na A Ca La. Đánh lễ xong, luật sư Giới Thắng liền cúng dường năm lượng bạc, và khai thỉnh y chỉ cầu học. Thượng tọa La Na A Ca La an ủi bảo:

- Lời của ông thật rất hay. Nay Cụ Thọ ! Ta chẳng để tôn giả A ĐỂ Sa đến Tây Tạng đâu ! Đây chẳng phải do tình riêng, mà vì nơi đây nếu không có Tôn Giả thì không có bậc đại thiện xảo nào hàng phục được ngoại đạo. Ấn Độ vốn là vùng đất chính yếu của Phật giáo. Nếu không có Tôn Giả thì dân chúng chẳng còn hưởng pháp lạc. Điển hình, tất cả đạo tràng ở Ấn Độ đều do một tay Tôn Giả chấp chương. Ta cũng thương cho dân chúng Tây Tạng. Vì đặc biệt tôn sùng Tôn Giả, mà quốc vương Tây Tạng mất hết tài bảo. Nếu ông muốn vì hoằng dương Phật pháp, phải nên phát tâm đại dũng mãnh, tu học hết tất cả pháp. Ta cũng tận lực chỉ dạy. Tăng sĩ Tây Tạng các ông có thể đại biểu cho chư tăng Ấn Độ mà hoằng dương Phật pháp; đây thật là điều hy hữu !

Vài hôm sau, nhân dịp có đại hội tăng già, tất cả chư vị đại thiện xảo Ấn Độ đều vân tập về chùa Siêu Giới. Vào dịp đó, thượng tọa La Na A Ca La dẫn luật sư Giới Thắng vào tăng đoàn, sắp xếp chỗ ở cho Luật Sư tại tăng xá mà chư cao tăng thường nghỉ ngơi. Luật sư Giới Thắng cung kính tất cả chư đại đức cũng như cung kính Tôn Giả, nên vị thủ tọa trong tăng chúng chẳng chút nghi ngờ. Luật Sư trông thấy vị thủ tọa trưởng lão đạo cao đức trọng mà ai gặp cũng khởi tâm thâm tín, đã tưởng lầm là tôn giả A ĐỂ Sa, nên tìm hỏi một vị tăng trong tăng chúng; được vị tăng đó cho biết:

- Chẳng phải tôn giả A Đề Sa mà là ngài Minh Liễu Đỗ Tập, một bậc đại cao tăng thành tựu; vị này vốn là đại đệ tử của ngài Nguyệt Xung, và chính là tôn sư của tôn giả A Đề Sa.

Về sau, Luật Sư gặp các vị đại thành tựu như Hương Đề Bạt, Nỗ Nhiệt Bạt, v.v..., bèn hỏi chư tăng rằng có phải là tôn giả A Đề Sa chăng ? Họ đáp:

- Chẳng phải ! Vị Hương Đề Bạt vốn là vị đại thành tựu thiện xảo, cũng là bậc sư trưởng của tôn giả A Đề Sa. Vị Nỗ Nhiệt Bạt đây, hiện đời không ai sánh bằng, cũng là bậc sư trưởng của tôn giả A Đề Sa.

Luận Sư đi hỏi khắp nơi, nhưng chưa gặp được Tôn Giả, nên buồn rầu tự tĩnh tọa.

Lần nọ, vua Tỷ Trát Ma La đến thăm chùa. Vào lúc ngồi trên bảo tọa, thấy các vị đại đức đi ngang qua mà nhà vua không màng đứng dậy lễ bái. Lúc chư tăng vân tập đông đủ xong, Tôn Giả mới bước ra với tướng hảo oai nghiêm mà mọi người ngấm nhìn không chán (55). Oai đức của Tôn Giả thật tôn quý, mặt luôn hiện nụ cười giải thoát. Một vị tỳ kheo trẻ mang bát hương trầm đi trước để cung thỉnh Tôn Giả thượng đường. Nhìn thấy Tôn Giả từ xa bước đến, nhà vua lập tức đứng dậy, và tất cả chư tăng cũng đều đứng dậy cung nghinh. Tôn Giả bước vào tăng viện an nhiên ngồi trên bảo tọa. Bấy giờ luật sư Giới Thắng tự nhủ: "Tất cả tăng chúng đều đứng dậy chấp tay cung kính. Đây phải chăng là tôn giả A Đề Sa ?"

Thăm nghĩ xong, Luật Sư liền hỏi vị tăng đứng kế bên:

- Có phải đây là tôn giả A Đề Sa chăng ?

Đáp:

- Sao lại nói như thế ? Đây là ngài Tiểu Dũng Kim Cang, vị đại thiện xảo hành trụ vô định (56).

- Công đức của vị này như thế nào ?

- Công đức của Ngài, tôi không thể nào suy lường được.

Lần khác, Luật Sư đến trước cửa chánh điện, tụng đọc tâm kinh, đến đoạn vô sắc vô thọ, thì chư đại đức đi ngang qua, chẳng hề nói lời nào. Lúc Tôn Giả đến, bèn mỉm cười, dạy Luật Sư:

- Này Cụ Thọ ! Lời của ông vốn là âm thanh của thế tục. Phải tụng đọc vô sắc "A", vô thọ "A" !

Luật Sư tự nhủ: "Đây chính là bậc đại đức đầy đủ tâm Đại Bi, đức cao chẳng ngã mạn, khiến người nghe bèn phát khởi tín tâm."

Thấy có các người khác đi theo Tôn Giả, nên tuy định cầu thỉnh, nhưng Luật Sư lại không dám.

Sáng nọ, nghe Giới Thẳng đọc to chữ vô sắc "A", nhưng âm thanh không hay, nên Tôn Giả cười bảo:

- Này Cụ Thọ ! Âm thanh của Quán Tự Tại (57) chẳng tệ. Ông nên đọc thẳng câu "vô sắc vô thọ" đi.

Luật sư Giới Thẳng nghe lời dạy này, tín tâm lại càng tăng gấp bội, nên đi theo sau Tôn Giả. Khi thấy Tôn Giả ra ngoài đường bố thí cho người nghèo khổ, Luật Sư liền hỏi các người nghèo đó:

- Đây có phải là tôn giả A Đề Sa chăng ?

Đáp:

- Sao lại hỏi như thế ? Chớ thỉnh tôn giả A Đễ Sa đến Tây Tạng ! Chúng tôi sẽ bị đoi rách cô đơn. Đây chẳng phải là tôn giả A Đễ Sa. Tôn Giả đã đi qua chỗ khác ở rồi (58).

Ngày nọ, Tôn Giả ra ngoài bố thí thức ăn cho những người nghèo cùng, nhưng thiếu đi một phần cho một đồng tử. Đồng tử đó bèn chạy theo Tôn Giả mà gọi:

- A Đễ Sa, Bạt La Ha, Bạt Đạt Văn !

Luật Sư nghe được lời này mới biết đây chính thật là Tôn Giả, nên tự dưng nước mắt tuôn trào, vội bước theo Tôn Giả. Bấy giờ, Tôn Giả đứng lại an ủi:

- Này Cụ Thọ ! Ông thật có lòng chân thành. Chớ buồn rầu ! Ta đã biết tâm ý tốt của vua và dân chúng Tây Tạng. Song, nay Ta đã già yếu, lại chấp chưởng rất nhiều tự viện. Các ông vẫn chưa chịu quên Ta. Vậy hãy cầu khẩn Tam Bảo gia hộ.

Hôm nọ, thừa dịp chẳng có vua quan hay các đại học giả để ý đến, ngài Tinh Tấn Sư Tử bảo luật sư Giới Thắng cùng đến phòng phương trượng của Tôn Giả. Đến nơi, họ dâng cúng một tấm Đà La Ni bằng vàng, cao một khối vuông với vài trăm lượng vàng được xếp đặt ở chung quanh. Bấy giờ, ngài Tinh Tấn Sư Tử chân thành tác bạch về lịch sử của các vị vua Bồ Tát hộ pháp khiến chánh pháp được truyền bá trong bao đời, việc vua Lãng Đạt Ma hủy diệt Phật pháp và các tà sư ngoại đạo truyền bá tà pháp khiến Phật giáo bị suy vi, việc những vị tăng ở các vùng Tây Khương, Nga Nhật chán hưng chánh giáo, việc đại đức Trí Quang tuần tiết vì pháp trong lao tù, việc vua Bồ Đề Quang bỏ mất bao công sức và vàng bạc để cung thỉnh Tôn Giả, cùng những lời cầu khẩn Tôn Giả vào Tây Tạng của vua Bồ Đề Quang. Cuối cùng, ngài Tinh Tấn Sư Tử tác bạch:

- Nay Cụ Thọ đến đây cầu thỉnh Tôn Giả sang Tây Tạng. Hai chúng con đã từng trải qua bao khổ nhọc mà cầu thỉnh, nhưng không có kết quả. Sao Tôn Giả không thương xót cho người Tây Tạng chúng con ? Nay xin Tôn Giả vì lòng từ bi mà sang Tây Tạng.

Tôn Giả đáp:

- Lời chân thật của các người, Ta đã thấu rõ. Các quốc vương Tây Tạng thật là những vị Bồ Tát hóa thân, bằng không thì chẳng thể làm được những sự nghiệp hộ trì Phật pháp. Nay quốc vương Tây Tạng đã đem qua đây hết tận tài vật. Thật đáng thương thay ! Ta vốn chẳng phải ích kỷ, chỉ vì thánh giáo đại sự. Hiện tại, Ta đang đảm nhiệm trụ trì tám trăm ngôi chùa, và còn nhiều việc Phật sự chưa làm hoàn tất. Tuổi tác cũng cao, e rằng không thể gánh vác nổi sự nghiệp hoằng pháp ở Tây Tạng. Song, vì Ta mà người chú (59) của quốc vương Tây Tạng phải bỏ mình. Đây thật là công hạnh của một vị Bồ Tát chân chánh. Ta chẳng thể từ chối lời thỉnh cầu của vị Bồ Tát đó. Sự khổ nhọc của các ông sẽ không uổng phí. Khoảng mười tám tháng nữa thì Ta mới ủy nhiệm lại hết các công việc Phật sự. Nay các ông nên tạm thời giữ số vàng này lại, và chớ nói rằng Ta sẽ qua Tây Tạng. Các ông có thể lưu lại đây học tập phiên dịch kinh điển.

Tối hôm đó, Tôn Giả cúng dường Độ Mẫu (Tara), cầu khẩn thỉnh vấn ba việc như so sánh giữa việc đến Tây Tạng và trụ trì Phật pháp ở Ấn Độ thì việc nào lợi ích hơn, có nên làm mãn tâm nguyện Bồ Tát của vua Tây Tạng chẳng, thân mạng có bị gặp tai nạn gì chẳng ?

Khải bạch xong, Tôn Giả bèn đi nghỉ ngơi. Ngay trong đêm đó, Tôn Giả mộng thấy Độ Mẫu bảo:

- Trong thành của ngoại đạo kia, có một pháp đường nội giáo. Nơi đó có một vị Du Già Mẫu. Ông nên đến đó mà thỉnh hỏi.

Hôm sau, Tôn Giả tìm đến thành quách đó, và trần thiết cúng dường. Bấy giờ, đột nhiên từ đâu đi lại, có một Du Già Mẫu, tóc dài chấm đất. Cúng dường xong, Tôn Giả bèn hỏi về việc sang Tây Tạng. Du Già Mẫu bảo:

- Đến Tây Tạng có lợi ích lớn, khiến cho tâm nguyện của vua Tây Tạng được mãn nguyện, và Phật pháp cũng được xiển dương. Nơi đó có Chủng Đôn Ba, một đại đệ tử của Ông. Về sau, người này sẽ tiếp nối sự nghiệp hoằng dương chánh pháp của Ông. Lợi ích tuy nhiều, nhưng thọ mạng lại giảm.

Tôn Giả hỏi:

- Mạng giảm bao năm ?

- Không đến Tây Tạng thì sẽ thọ đến chín mươi hai tuổi. Đến Tây Tạng thì chỉ thọ bảy mươi ba tuổi.

Tôn Giả suy nghĩ: "Làm lợi ích cho chúng sanh, có bị đoản mạng thì chẳng sao (60)."

Ngày nọ, Tôn Giả gọi luật sư Giới Thắng ra bảo:

- Hãy cùng Ta đến Kim Cang Tọa.

Vừa đến nơi, Tôn Giả thấy một đồng tử, tay cầm cung tên, quỳ bạch:

- Nay cầu thỉnh Tôn Giả qua Tây Tạng để làm nơi nương tựa cho dân chúng Tây Tạng. Những người Tây Tạng như Cụ Thọ đây, thật rất đáng thương !

Nói xong, đồng tử bèn biến mất. Bây giờ, luật sư Giới Thắng hỏi:

- Vị này là ai, từ đâu đến ?

Tôn Giả đáp:

- Ngày mai tại phía bắc của Kim Cang Tọa có một Du Già Mẫu vừa đi vừa ca múa mà đến đây. Ông có thể thỉnh hỏi.

Sáng hôm sau, Giới Thắng ngồi chờ đợi, rồi thấy một Du Già Mẫu mặc y bằng da nai, tóc dài xỏa đến vai, tay cầm một cái trống nhỏ, nhảy múa mà đến. Giới Thắng thỉnh hỏi về việc của ngày hôm qua. Bà ta đáp:

- Người Tây Tạng các ông sao hỏi ngược lại người Ấn Độ chúng tôi ?

Nói xong, bà ta bèn bỏ đi.

Lần nọ, Giới Thắng theo Tôn Giả sang chùa Na Lan Đà. Lúc Tôn Giả ngồi dưới cây đại Bồ Đề, thì bên phải có đồng tử thưở trước hiện đến, còn bên trái thì có một đồng nữ thân màu xanh biếc. Chúng đồng chống khủy tay trên đầu gối của Tôn Giả, nhìn nhau mà cười. Giới Thắng tự nhủ: "Tôn Giả bị thế pháp hồ tương làm nào loạn, sao lại trụ nơi đây ?"

Bây giờ đồng nữ kia bảo:

- Thắng Tiên, Thắng Tử hiệu Giới Hộ; đã trụ nơi thắng địa mà hiện thắng hạnh. Cứu cánh thắng hạnh khiến chúng sanh nương y. Cha con bậc thắng giả (61), Ta đều đánh lễ.

Đồng nam bảo:

- Nơi nào hộ thắng sự, thì đồng nữ người nên đến nhà của Ta, để tặng thêm thọ dụng và phước lạc; hoan hỷ cùng trụ, trừ tai hoạn. Ha ha ! Nay Tôn Giả sẽ đến Tây Tạng !

Nói xong, chúng bèn biến mất.

Giới Thắng tự nhủ: "Hai vị này chính là hóa thân Bồ Tát."

Suy nghĩ xong, Giới Thắng thỉnh hỏi Tôn Giả:

- Thuở trước, trên đường sang Ấn Độ con đã gặp đồng tử này, cho đến hôm nay cũng gặp lại. Vậy đồng tử này là ai ?

Tôn Giả đáp:

- Tại phía nam cổng thành Tỳ Trát Ma, có một đồng nữ chuyên dệt vải, Ông hãy đến đó mà hỏi.

Giới Thắng nghe theo lời của Tôn Giả, liền qua đến đó thỉnh hỏi. Đồng nữ bèn xướng ca:

- Nơi phương bắc thị hiện đản sanh. Ông biết danh tánh và xứ sở, chớ tự khi dối mà hỏi tôi; đây là hóa thân của người đó.

Giới Thắng nghe qua bèn biết rõ rằng vị Không Hành, vị cứu tinh ở Trúc Thất, vị lái đò bên sông Hằng, vị đồng tử giữ cửa chùa Tỳ Trát Ma Thi La, vị Tinh Tấn Sư Tử đứng bên cửa chùa Tỳ Trát Ma Thi La, vị đồng tử người Tây Tạng, vị tiên nhân trên đường cái, vị đồng tử khát thực, vị đồng tử mang cung, vị đồng nam đồng nữ hôm qua, đều là hóa thân của Bồ Tát Quán Thế Âm.

Giới Thắng lại biết rằng có Tinh Tấn Sư Tử thường đi theo cầu thỉnh Tôn Giả, nên rất an tâm.

Khi xưa, vị sư trưởng của Tôn Giả là Đô Ha La đã từng ban cho Tôn Giả một Huyền Kính Quán Địa, và bảo:

- Sau này Ông sẽ đến Tây Tạng ở phương bắc. Tại đó có một thắng địa; phía bắc có Y Sơn; phía nam có bình nguyên. Nơi đó sẽ có một Du Già Nữ (62) chỉ dạy rõ ràng. Sự nghiệp hoằng dương Phật pháp của Ông ở Tây Tạng sẽ được hưng thịnh. Nơi đó, Ông sẽ xây cất chùa chiền, độ rất nhiều tín chúng. Song, đây là một sứ mạng cam go, vì hiện tại xứ biên địa đó vốn là nơi hoang dã, chẳng có chánh pháp. Ông cũng chẳng trở về lại Ấn Độ.

Lúc giảng kinh ở chùa Tô Ma Phú Lê (Somapuri), Tôn Giả cũng từng dự đoán rằng sẽ xả bỏ nhục thân ở Tây Tạng.

Tôn Giả chỉ vì đại sự của Phật giáo, nhưng lại sợ thượng tọa La Na A Ca La (thân tín) biết được, và các quốc vương lưu giữ, nên âm thầm đi chiêm bái các thánh tích, mà hành trụ không định xứ.

Lúc Tôn Giả đến Kim Cang Tòa, Giới Thắng và Tinh Tấn Sư Tử đánh lễ dưới chân, và rơi lệ, cùng tiếp tục chân thành cầu thỉnh Tôn Giả sang Tây Tạng hoằng pháp. Tôn Giả bèn hứa khả, rồi đem chức vụ trọng trách ở tất cả chùa chiền, giao lại cho các vị phụ tá. Sau khi làm xong hết tất cả Phật sự, Tôn Giả quyết định đến Tây Tạng. Trước nhất, Tôn Giả muốn đi chiêm bái tất cả thánh tích. Song, nếu chuẩn bị nhiều hành trang, thì sợ rằng thượng tọa La Na A Ca La biết được. Nếu không chuẩn bị thì ba mươi một kiện kinh điển và tượng Phật không có cách gì để mang sang Tây Tạng được. Giới Thắng cũng lo buồn. Vào một buổi tối nọ, đột nhiên có hai cha con (63) dẫn ba mươi một cỗ xe bò đến. Tất cả kinh tượng của

Tôn Giả đều được lên xe hết, rồi đến giữa đêm thì đoàn người lên đường. Hôm sau, Tôn Giả đến từ biệt thượng tọa La Na A Ca La:

- Nay Ta sẽ dẫn Cụ Thọ đi chiêm bái các thánh tích để hành pháp cúng dường. Lúc Ta chưa trở về, cầu mong Ông được cư trú an lạc.

Thượng tọa La Na A Ca La thưa:

- Thật hay lắm thay ! Con cũng muốn đi chiêm lễ, để hầu cận Tôn Giả vài ngày.

Thế nên, tất cả đồng đến Kim Cang Tọa. Cúng dường xong, Tôn Giả lại bảo các chư tăng đồng hành:

- Nước Chi Na Đế Lê (C'indilla Krama) ở gần biên giới Ấn Độ, có một đại thần muốn kiến lập chùa chiền, nên cầu thỉnh Ta sang đó mà gia trì. Năm xưa vì bận rộn, Ta chưa qua đó, nên nay muốn đi. Các ông có thể quay về.

Có rất nhiều tăng chúng nghe thế bèn cùng nhau trở về tự viện, nhưng thượng tọa La Na A Ca La cùng hơn sáu mươi người vẫn đi theo Tôn Giả. Lễ bái các thánh tích như thế xong, cuối cùng họ đến chùa Chi Na Đế Lê ở vùng biên giới. Khi ấy, tất cả chư tăng trong chùa đều vui mừng, đồng bước ra đánh lễ cung nghinh Tôn Giả. Viếng thăm chùa xong, Tôn Giả bảo thượng tọa La Na A Ca La:

- Nay Trưởng Lão ! Nay Ta sẽ qua chiêm bái chùa Mật Đa La (Mitra). Đường đi rất xa; Ông không sợ khổ nhọc sao ?

Thượng tọa La Na A Ca La biết rằng Tôn Giả sẽ qua Tây Tạng, nên bảo Giới Thắng:

- Này Cụ Thọ ! Ông nói rằng đến đây để cầu học Phật pháp. Hôm nay mới biết rõ rằng vua Tây Tạng sai ông qua đây để đoạt lấy vị đại đức của Ta. Xưa kia, các ông đã từng đến đây cầu thỉnh, mà Ta chẳng xả bỏ Tôn Giả. Nay xả hay chẳng xả, Ta cũng tự tại. Song, do ý lạc thanh tịnh muốn đi của Tôn Giả, nếu không xả thì Ta làm chướng ngại cho hạnh lợi tha của Tôn Giả. Riêng ông chắc cũng không được vui. Hơn nữa, ông vốn là đệ tử của Ta. Nếu lòng không được vui thì Ta đã làm trở ngại cho việc nhập tam ma địa (thiền định). Vua Tây Tạng của ông cũng thật đáng thương. Nhà vua đã từng đem hết của cải tài bảo để cung thỉnh Tôn Giả mà không kết quả. Ta cũng tự thấy xấu hổ. Nay cho ông vai mượn Tôn Giả ba năm, sau đó phải đưa Tôn Giả trở lại Ấn Độ. Nếu không thì Ta cũng chẳng nhập được tam ma địa.

Giới Thắng tự nhủ: "Ấn Độ và Tây Tạng xa cách muôn trùng. Chỉ có ba năm ngắn ngủi, thì khó lòng khiến cho người Tây Tạng đạt được lợi lạc. Sau ba năm nếu đưa Tôn Giả trở lại Ấn Độ, thì cũng chẳng có lợi ích lớn. Nếu không đưa Tôn Giả trở lại, thì vi bội Tam Muội Da (64). Nay phải làm sao ?"

Giới Thắng vừa suy nghĩ vừa rơi lệ. Bấy giờ, Giới Thắng thấy xa xa có một đồng tử cầm cương cỡi ngựa đi đến hỏi:

- Thầy có hình tướng xuất gia, sao lại rơi lệ thống khổ như thế ?

Giới Thắng bèn thuật lại việc đó. Đồng tử bảo:

- Kẻ thiếu học ở thế gian được lợi lạc do có tâm thâm tín. Nay tôi sẽ chỉ Thầy một việc, chẳng hay có làm được chăng ?

Giới Thắng suy nghĩ: "Xưa kia, Bồ Tát Quán Âm hiện thân cứu giúp mà mình chưa từng đánh lễ. Nay phải đánh lễ để thỉnh hỏi."

Nghĩ xong, Giới Thắng liền đánh lễ đồng tử. Đồng tử ngăn lại, bảo:

- Thầy đang đáp y Như Lai, chớ nên lễ người thế tục. Hôm nay tôi chỉ cho Thầy cách không vi bội Tam Muội Da, mà có thể khiến cho tôn giả A Đề Sa được trường thọ, ở lại Tây Tạng luôn. Ngày mai lúc khởi hành, Thầy nên đánh lễ vị Thượng Tọa kia, cầu xin từ bi nhiếp niệm, cùng cầu xin Thượng Tọa dùng bàn chân mà xoa đỉnh đầu, rồi bạch:

- Xin cầu nguyện Thượng Tọa tu hành an lạc.

Bấy giờ, Thượng Tọa kia quyết sẽ bảo:

- Như lời của Ta hôm qua, trong ba năm Ông hãy đưa Tôn Giả trở về Ấn Độ. Trong thời gian đó, hãy mau học hết tất cả công đức thiện xảo của Tôn Giả. Nguyện cho Tôn Giả cùng quý vị đều được bình an, chẳng bệnh hoạn. Lúc trở về Tỳ Trát Ma Thi La, Ông có thể tiếp tục ở lại mà tu học.

Thượng Tọa kia dạy xong, Thầy hãy bạch:

- Con kính cẩn y giáo phụng hành, nhưng có lời xin cáo bạch rằng lúc con thỉnh vấn các bậc sư trưởng ở Tây Tạng, các ngài cũng có lời dạy bảo như thế thì làm sao con đưa Tôn Giả trở về Ấn Độ được? Bấy giờ, hai vị thắng giả phụ tử (65) nếu hiển hiện điềm lành, và bảo phải nên đưa Tôn Giả trở về Ấn Độ thì con sẽ đưa Tôn Giả đi. Nếu bảo phải lưu giữ Tôn Giả ở lại Tây Tạng thì con xin thỉnh Tôn Giả ở lại. Nếu hai vị thắng tử không thọ ký cho lời gì, con cũng đưa Tôn Giả trở về Ấn Độ. Việc này xin Thượng Tọa từ bi mà hứa khả.

Khi ấy, mọi việc sẽ nằm trong tầm tay của Thầy.

Giới Thắng nghe lời này, nên vui mừng vô lượng. Sáng hôm sau, Giới Thắng y theo lời chỉ dẫn của đồng tử mà khải bạch với thượng tọa La Na A Ca La. Thượng Tọa nói:

- Thật đúng như thế ! Nay Cụ Thọ ! Phải cầu thỉnh với chư Phật và chư Bồ Tát. Chư Phật và chư Bồ Tát chẳng điên đảo. Các Ngài nếu hiện điềm lành, và bảo phải đưa Tôn Giả trở lại Ấn Độ thì phải làm theo. Ngược lại, nếu bảo rằng nên giữ Tôn Giả lại Tây Tạng thì có thể giữ Tôn Giả. Nếu không thọ ký thì phải đưa Tôn Giả trở về Ấn Độ. Nay Cụ Thọ ! Nếu không có tôn giả A Đê Sa thì Ấn Độ tất sẽ bị ám chướng vì ngoại đạo phá hoại. Hiện tại, quân Hồi giáo đang xâm chiếm miền tây Ấn Độ; ngôi nhà Phật pháp sắp chịu bao thảm họa. Việc này làm cho Ta đau lòng khôn xiết. Cầu nguyện cho Tôn Giả cùng quý vị đều được bình an, chẳng bị tổn hại khổ não, và thường làm lợi ích cho loài hữu tình (66).

Tôn Giả bèn dạy Giới Thắng rằng hãy đem vàng mà chia làm bốn phần: 1/ Cúng dường cho các bậc sư trưởng; 2/ Cúng dường cho Kim Cang Tòa; 3/ Cúng dường cho tăng chúng chùa Tỳ Trát Ma Thi La; 4/ Giao cho quốc vương, cúng dường tất cả tăng chúng trong vương quốc.

Thượng tọa La Na A Ca La vui vẻ chúc lành Tôn Giả và Giới Thắng rồi quay trở về chùa.

Tôn Giả cùng hai mươi bốn đồ đệ; Tinh Tấn Sư Tử cùng hai đồ đệ; Giới Thắng cùng sáu người khác. Trong số đó, có ngài Địa Tạng (Ksitigarbha, hay Bhumigarbha), vốn là một trong năm vị đại đệ tử của Tôn Giả. Vị này là bào huynh của ngài Kim Cang Thủ (67). Trong quyển Đại Vương Tạng Tăng (tức tiểu sử của các vị quốc sư) có ghi lại tiểu sử của ngài Địa Tạng. Lại nữa, có ngài Tinh

Tấn Nguyệt (68), vốn là bào đệ của Tôn Giả. Tất cả là ba mươi lăm người. Tôn Giả cùng đoàn người tiến dần về vùng biên giới Ấn Độ-Ni Bạc Nhĩ (India-Nepal).

Lúc Tôn Giả và đoàn người đến chiêm bái chùa Mật Đa La (Mitra), chư tăng trong chùa đều vui mừng, bước ra cung nghinh. Sau đó, Tôn Giả cùng đoàn người tiến dần đến vùng biên thùy. Trên đường đi, thấy ba chó con đang nằm run rẩy vì trời lạnh, Tôn Giả khởi lòng thương xót, mang chúng đi sang Tây Tạng. Theo truyền thuyết, giống chó đó hiện vẫn còn ở Tây Tạng. Bây giờ, trên đường đi, Tôn Giả thuyết phục được rất nhiều luận sư ngoại đạo. Song, có một số ngoại đạo khác lại oán ghét, mướn mười tám tên cướp đón đường định hãm hại Tôn Giả. Tôn Giả biết ác tâm của họ, nên dùng pháp sanh khởi thứ lớp của Độ Mẫu mà trói họ, khiến họ bị tê liệt đứng yên như tượng đá. Lúc vào nội địa nước Ni Bạc Nhĩ (Nepal), Tôn Giả tự bảo: "Ác ma ngoại đạo vì có tâm ác, nên tự tổn hại !"

Lúc gặp các thương gia, Tôn Giả bèn tụng mật chú vào đá sỏi, rồi đưa cho họ mà bảo:

- Trên đường đi, các ông sẽ gặp mười tám tên cướp đang bị tê liệt đứng yên như tượng đá. Các ông hãy dùng các viên đá sỏi này rải lên thân hình chúng thì chúng sẽ tỉnh trở lại. Xin các ông đừng sợ hãi vì Ta đã dùng thần chú để trói chúng đấy !

Các thương gia y theo lời dạy của Tôn Giả mà hành. Lúc tỉnh trở lại, bọn cướp hỏi các thương gia:

- Sao chúng tôi lại như thế này ?

Các thương gia đáp:

- Vì các người muốn hãm hại tôn giả A Đề Sa, nên Tôn Giả trói buộc các người lại nơi đây. Nay Tôn Giả vì lòng từ bi mà giải mở cho các người.

Nghe lời này, bọn cướp rất kinh hãi rồi bỏ đi. Kế tiếp, Tôn Giả cùng đoàn người tới một vùng sa mạc, rồi cắm trại trong khu vườn của một người chăn dê để nghỉ qua đêm.

Lúc vào địa phận của nước Ni Bạc Nhĩ, một tiểu vương thấy chiếc giường nhỏ làm bằng gỗ chiên đàn của Tôn Giả, bèn khởi tâm tham luyến, nên cầu xin. Tôn Giả bảo:

- Đây là giường của người Tây Tạng mang đi cho Ta.

Tôn Giả chẳng chịu cho chiếc giường đó. Ngày khác, tiểu vương đó sai thích khách đến chặn lấy. Tôn Giả bèn đọc thần chú, trói buộc chúng, rồi sau này lại thả ra. Lần khác, lúc đến vùng Hương Duyệt ở Ni Bạc Nhĩ, họ gặp sáu người do vua Bồ Đề Quang sai đến nghinh đón. Nơi tàng cây Đa La, họ cắm trại, dựng lều, thiết lập một tòa ngòi lớn. Tôn Giả ngồi trên đó; bên phải có người Tây Tạng ngồi và Tinh Tấn Sư Tử làm thượng thủ; bên trái có chư sư người Ấn Độ ngồi, và Tinh Tấn Nguyệt làm thượng thủ. Phái đoàn cung nghinh Tôn Giả từ vùng Nga Nhật đến, dùng toàn chén bát quý báu bằng vàng ròng chứa sữa và trà để dâng lên cúng dường Tôn Giả. Lúc Tôn Giả muốn biết gốc tích loại trà vừa uống, thì được Giới Thắng thưa trình:

- Bạch Tôn Giả ! Đây là loại Trà Thần của Tây Tạng.

Tôn Giả bảo:

- Do công đức của chư tăng Tây Tạng mà mới có loại trà này.

Nói xong, Tôn Giả viết kệ tán thán Trà Thần; kệ này được lưu truyền trong dân gian cho đến ngày nay.

Phái đoàn do vua Bồ Đề Quang phái đến lại dâng cúng ngựa trắng quý báu, được trang nghiêm bằng các loại trân bảo. Họ lại tự cúng dường một cuộn tơ lụa trắng. Tôn Giả đều vui vẻ tiếp thọ.

Xưa kia, ở Ấn Độ, quốc vương của toàn vùng Tây Ấn, vốn là một vị đại vương tài trí vẹn toàn, có quyền thế oai hùng, và là vua của các vì vua. Nhà vua này cũng thường lễ bái Tôn Giả. Ngoài ra, Tôn Giả cũng được các vì vua ở Nam Ấn như vua Krsna thường cung kính cúng dường. Thế nên oai đức của Tôn Giả lan truyền khắp chốn. Vì vậy, khi nghe tin Tôn Giả trên đường từ Ấn Độ sang Tây Tạng, vua nước Ni Bạc Nhĩ (Nepal) là Vô Biên Xung (Anantakirti) liền kịp thời dẫn quan quân đến ngưỡng thỉnh, và cung nghinh Tôn Giả vào vương cung để cúng dường.

Lúc trước, ngài Tinh Tấn Sư Tử vốn bị cảm bệnh tại tu viện Na Lan Đà, trước khi theo Tôn Giả lên đường sang Tây Tạng. Lúc theo đoàn người hộ tống Tôn Giả đến vùng biên giới Ấn Độ-Ni Bạc Nhĩ, ngài Tinh Tấn Sư Tử lại bị cảm nhiệt nặng. Tại vương thành Ni Bạc Nhĩ, sau đêm thứ ba Tôn Giả cùng phái đoàn được quốc vương Vô Biên Xung cúng dường các phẩm vật và thức ăn trọng thể xong, Tinh Tấn Sư Tử bạch Tôn Giả và chúng tăng:

- Nay con phải trở về tự tánh giới của mình.

Nói xong, đêm đó Tinh Tấn Sư Tử nhuốm bệnh nặng; mọi cách chữa trị đều vô hiệu quả. Vì vậy ngài Tinh Tấn Sư Tử thị tịch vào giữa đêm khuya đó. Bây giờ, đoàn người ai nấy cũng đều buồn bã; Tôn Giả cũng thị hiện ưu sầu mà bảo:

- Nay Ta đến Tây Tạng thật vô ích (69). Người Tây Tạng thật vô phước vì Tinh Tấn Sư Tử đã sớm thị tịch (70).

Nghe lời này, Giới Thắng tác bạch với Tôn Giả:

- Xin Tôn Giả chớ ưu tư vì sự ra đi của Tinh Tấn Sư Tử. Con sẵn sàng làm người dịch giả cho Tôn Giả. Vả lại, ở Tây Tạng cũng có vài dịch sư sẵn sàng làm người phiên dịch.

Tôn Giả nói:

- Ông vốn là dịch giả giỏi nhất; Ta sẽ học nói tiếng Tây Tạng với ông.

Lo sợ quan quân địa phương điều tra về cái chết của Tinh Tấn Sư Tử thì sẽ làm chậm trễ cuộc hành trình hộ tống Tôn Giả vào Tây Tạng, nên đoàn người đã âm thầm giữ kín việc tẩm liệm và mai táng thi thể Tinh Tấn Sư Tử bên cạnh dòng sông vào đêm khuya. Sáng hôm sau, áo quần và đồ vật của Tinh Tấn Sư Tử được đặt lên kiệu để chứng tỏ rằng vị này đang lâm bệnh và được chu cấp thuốc men.

Lần nọ, lúc đến một bình nguyên, Tôn Giả tặng con voi đang cỡi cho vua nước Ni Bạc Nhĩ (Nepal) là Vô Biên Xung rồi bảo:

- Con voi này, nếu Ta tiếp tục cỡi đến Tây Tạng thì nó sẽ chết. Nay Ta giao nó cho Đại Vương. Nếu Đại Vương cỡi con voi này thì tất cả oán địch đều tự nhiên tiêu tán. Đại Vương nên dùng con voi này vào việc chuyên chở kinh kệ, tượng Phật, mà chớ dùng nó vào những việc khác. Tại nơi đây, Ta muốn kiến lập một ngôi chùa Tỳ Ha La (Tham vihara). Xin Đại Vương hãy để cho chư tăng Ấn Độ và Tây Tạng tạm dùng chân nghỉ ngơi nơi ngôi chùa này, và cúng dường bốn vật cần thiết cho các vị đó.

Nhà vua nghe lời dạy, tâm sanh vui mừng vô hạn, nên lễ bái Tôn Giả, lại bảo hoàng tử là Liên Hoa Quang (Padmabhadra), đi theo hầu và làm đệ tử của Tôn Giả. Trên đường đến Tây Tạng, Liên Hoa Quang là người đệ tử đầu tiên của Tôn Giả. Tôn Giả liền bảo dịch sư Bảo Hiền dạy chữ Phạn và chỉ bày phương thức phiên

dịch kinh điển sang chữ Tây Tạng cho hoàng tử Liên Hoa Quang. Kế đến, Liên Hoa Quang lại y theo Giới Thắng học các công đức thiện xảo của Tôn Giả. Về sau, Liên Hoa Quang làm trụ trì chùa Tỳ Ha La ở Ni Bạc Nhĩ, lấy danh hiệu là Thiên Vương.

Bấy giờ, Tôn Giả viết thư gởi về cho vua Nayapala (1040-55) của vương triều Ba La (Pala) ở Ấn Độ. Lá thư đó được dịch sang tiếng Tây Tạng, và hiện còn tồn giữ trong đại tạng kinh Đon Châu Nhĩ.

Khi ấy, Tôn Giả gặp lại một pháp hữu có pháp danh là Lung Thanh Văn (71). Lúc Tôn Giả thuyết pháp Bát Nhã suốt sáu ngày liền, vị này chột nghe lại được. Vì vị này chẳng tin phục Mật pháp, nên Tôn Giả giải thích rằng nếu muốn chứng đắc quả vị Phật thì phải tu viên mãn Mật pháp và trí huệ Bát Nhã. Để chuyển hóa tâm vị này, Tôn Giả viết quyển Hành Tập Đăng (Carya-samgraha-pradipa), và được Giới Thắng dịch sang Tạng văn.

Một năm sau, vua Vô Biên Xung cùng cả trăm quần thần đồng nghinh tống Tôn Giả đến vùng biên giới Ni Bạc Nhĩ-Tây Tạng. Vua Bò Đề Quang sai bốn đại thần dẫn ba trăm kỵ mã, cỡi bạch mã đến vùng biên giới để nghinh đón. Họ lại mang tràng phan bảo cái cùng khởi tấu các loại âm nhạc vi diệu để nghinh đón Tôn Giả. Vừa đến nơi, các đại thần đồng thanh tán thán công đức của Tôn Giả. Tôn Giả cũng lấy làm hoan hỷ mà tán thán:

- Chánh pháp thật nương y nơi những vị đại thần này. Quốc vương Bò Đề Quang thật cùng Thiên Đế Thích chẳng khác biệt.

Lần đó, đại thần Thiên Tự Tại cúng dường cho Tôn Giả một thánh tượng Bồ Tát Quán Âm. Tôn Giả vui mừng, rồi lập tức làm lễ khai quang, tán thán:

- Quán Âm Tự Tại là vị mà chúng sanh trong ba đời đều nương theo. Ngài là đấng đại bi tự tánh chẳng cầu nhiễm, trừ diệt khổ não cho chúng sanh. Nay con cung kính đánh lễ. Đã đến thế giới của Ngài, xin nguyện từ bi gia hộ cho con làm việc lợi sanh.

Các đại thần cũng đồng dâng cúng tơ lụa trắng lên cho Tôn Giả. Bấy giờ, Tôn Giả bảo:

- Nay Ta đến vùng đất này, trong rừng sanh tử tuy chưa được an lạc, nhưng đã được bốn việc thuận lợi. Quyền thuộc của quốc vương có được an lạc chăng ?

Các đại thần đều thưa:

- Đại Thiên (72) nay nhờ sự gia hộ của Tam Bảo mà được siêu thoát. Vua Bồ Đề Quang cùng quyền thuộc đều được an lạc.

Lúc đến bên hồ Vô Năng Thắng, dân chúng trong vùng đổ xô ra cúng dường Tôn Giả cả bảy ngày liền. Khi đến bên hồ nước, Tôn Giả bô thí nước cam lồ. Giới Thắng cũng đi theo, và thấy trong hồ có một tượng Quán Âm, trên tay có cầm một sợi dây màu trắng kết thành chữ Lý. Từ chữ đó lưu xuất ra dòng nước cam lồ. Có vô số ngã quý, vây quanh mà uống nước cam lồ, khiến trừ tất cả nhiệt não (73).

Lần đó, đại thần Đại Huệ cùng mười ky mã đầu tiên trở về, bẩm tấu vua Bồ Đề Quang:

- Thưa Đại Vương ! Vị Nhất Thiết Trí (74) lúc đến vùng Ni Bạc Nhĩ, quốc vương đại thần thừa sự cúng dường, ca ngợi tán thán, nghinh tống đến tận biên thù. Chúng thần chưa từng nghe những chuyện như thế vào thời đức Phật còn tại thế. Hoàng tử của nước Ni Bạc Nhĩ đã xuất gia, hiệu là Thiên Vương. Quốc vương và hoàng tử cùng cả trăm ky mã đồng hộ tống Tôn Giả. Con voi lớn của Tôn Giả

được lưu giữ lại đây. Quốc vương Ni Bạc Nhĩ còn cho xây chùa Tỳ Ha La và cung cấp những vật dụng cần thiết cho chư tăng Tây Tạng và Ấn Độ thường trú. Có ba vị đại đức cao tăng vốn là quyến thuộc của vị Nhất Thiết Trí. Tổng cộng, có bốn trăm hai mươi lăm người đi theo nghinh tống. Hiện tại, vị Nhất Thiết Trí đang trú gần bên hồ Vô Năng Thắng mà làm lợi ích cho loài hữu tình, và chẳng bao lâu sẽ đến Kim Điện.

Vua Bồ Đề Quang nghe thế, vui mừng vô hạn, nên sai quần thần vội vã lấy xe ngựa, đến Kim Điện (Tho-lin) nghiêm tịnh đường lộ, trang nghiêm đạo tràng, cùng ban sắc lệnh cho quan quân ở bốn phương đồng tụ hợp tất cả dân chúng để nghinh tiếp Tôn Giả. Dân chúng khắp nơi cho rằng: "Nay vua Bồ Đề Quang ân cần triệu tập chúng ta đến đây, chắc có việc hy hữu, hãy đến xem sao !"

Lúc Tôn Giả đến Kim Điện (thuộc Tây Tạng) vào năm 1042, dân chúng khắp nơi kéo đến chật cả đường phố. Họ thấy vua nước Ni Bạc Nhĩ như vị trời thứ ba mươi ba. Các vị tam tạng pháp sư, những bậc đại thiện xảo, vây nhiễu xung quanh Tôn Giả. Đặc biệt, đi bên phải của Tôn Giả là đại thiện xảo Lợi Tha Hiền, và đi bên trái là Tinh Tấn Nguyệt. Vua xứ Tang Ca đi ủng hộ đằng sau Tôn Giả. Có hơn bốn trăm kỵ mã vây nhiễu chung quanh. Tôn Giả ngồi trên lưng ngựa, tướng hảo trang nghiêm, oai nghi rạng rỡ như vàng thái dương, trên gương mặt luôn nở nụ cười hoan hỷ, và miệng luôn tụng niệm hồng danh Phật Thích Ca Mâu Ni, Độ Mẫu. Do oai đức của Tôn Giả, khiến mọi người ngắm nhìn đức tướng của Tôn Giả mãi không thấy chán. Dầu tín căn như thế nào, khi nhìn thấy Tôn Giả liền sanh khởi tín tâm, mà không cần nghe lời chỉ dạy. Thấy việc hy hữu này, dân chúng đồng tác bạch:

- Chúng con nay quy y, nương tựa nơi đức Phật, Bạc Già Phạm, Ấn Độ Pháp Vương, tôn giả A Đề Sa, năm mươi hai vị đại thiện xảo. Xin nguyện từ bi giáo hóa,

độ thoát chúng con, người dân Tây Tạng đầy nghiệp chướng, khiến mau chóng được thành tựu đạo nghiệp !

Với niềm hân hoan, Tôn Giả nguyện cầu:

- Dân chúng Tây Tạng có tâm tín phụng thâm sâu đối với con, có chủng tánh đại tín. Xin nguyện cầu Tam Bảo từ bi gia hộ cho con có đủ khả năng để giáo hóa họ.

Nói xong, Tôn Giả bèn làm lễ gia trì cho dân chúng.

Bấy giờ sư cô Pháp Úc (75) cúng dường cho Tôn Giả một quả thông làm bằng năm mươi lạng vàng, rồi chấp tay thưa:

- Xin Tôn Giả từ bi tiếp nạp báu vật này. Xưa kia, con thấy sư huynh Trí Quang, vì theo pháp thức của các bậc tiên sư, mà hoằng dương Phật pháp trong đời năm trước ác thế. Sư huynh Trí Quang lại xả thân mạng và các thọ dụng để hoằng truyền chánh giáo, nhưng chẳng may bị lọt vào tay của kẻ ác. Nay cung thỉnh Tôn Giả từ bi trụ mãi ở đất Tây Tạng, để diệt trừ các ác ngoại đạo, ác tà kiến.

Lại nữa, có hai hoàng tôn của vua Bồ Đề Quang cung thỉnh Tôn Giả trụ lâu lại Tây Tạng để hoằng dương Phật pháp, khiến chánh giáo được trường tồn. Tôn Giả an ủi, bảo:

- Nay chư thiện nam và tín nữ ! Vị pháp vương đến Tây Tạng để hoằng dương chánh giáo, chính là Ta. Nay chư thiện nam tín nữ ! Nay đến đất Tây Tạng mà Ta không kiến lập nền tảng cho Phật giáo thì quả tình rất xấu hổ đối với tám trăm tự viện ở Ấn Độ (76). Đại đức Trí Quang tuấn tiết vì pháp, sao Ta không lo đền đáp ! Nay chư thiện nam tín nữ ! Tất cả lời thỉnh cầu của quý vị, Ta sẽ thực hiện chu toàn viên mãn.

Lúc tới Liên Hoa Châu, Tôn Giả bảo vua nước Ni Bạc Nhĩ:

- Nay xin Đại Vương hãy trở về bổn quốc, và sớm lo xây cất chùa Tỳ Ha La cho trang nghiêm, lại nên đúc tượng Như Lai lúc sơ sanh (77), khắc tượng Độ Mẫu, tượng Bất Động Minh Vương, đắp tượng Quán Tự Tại bằng bột trầm hương, cùng tượng Vô Cấu Đảnh Kế. Lại nữa, xin Đại Vương hãy cung thỉnh hơn năm mươi thánh tượng vốn hiện đang tôn thờ trong cung điện, mà đem an trí trong ngôi chùa đó. Xây cất trong chín tháng xong, trước khi làm lễ khai quang, xin Đại Vương hãy báo cho tôi biết.

Bấy giờ vua nước Ni Bạc Nhĩ thọ lời chỉ dạy của Tôn Giả xong, bèn theo ba vị đại thiện xảo, trở về bổn quốc.

Khi ấy, đại thần Thiên Tự Tại vội viết thư cấp báo cho vua Bồ Đề Quang: "Tôn giả A Đề Sa hiện nay đã đến Liên Hoa Châu. Vua nước Ni Bạc Nhĩ cùng ba vị đại thiện xảo trở về bổn quốc để xây cất chùa chiền. Xin nhà vua hãy mau nghinh tiếp Tôn Giả, và cung kính tạ ơn vua nước Ni Bạc Nhĩ."

Vua Bồ Đề Quang nghe qua, liền cùng năm trăm kỵ mã đồng đến Liên Hoa Châu, thỉnh vấn an ủi và tạ ơn luật sư Giới Thắng, cùng cung kính đáp lễ và dâng nhiều tặng phẩm như ba mươi hai con ngựa quý cho vua Ni Bạc Nhĩ. Vị vua này vui mừng vô hạn, bèn nhờ đại đức Thiên Vương (78) mang hai trăm lượng vàng dâng tặng cho vua Bồ Đề Quang, và gửi gắm đại đức Thiên Vương lưu học lại Tây Tạng.

Lúc vua nước Ni Bạc Nhĩ và ba vị đại thiện xảo trở về cố quốc, vua Bồ Đề Quang tiễn đưa họ cả một do tuần. Khi chia tay, vua Bồ Đề Quang cúng dường cho mỗi vị đại thiện xảo một cành hoa bằng vàng, và cầu thỉnh họ rằng sau khi xây cất chùa chiền xong, thì xin hãy qua Tây Tạng. Vua Bồ Đề Quang lại sai chín trăm người,

mang tràng phan bảo cái, rước Tôn Giả về chùa Vương Tự Tại, rồi thay mặt toàn thể dân chúng Tây Tạng, cúng dường lên Tôn Giả bảy loại châu báu (79), và tác bạch:

- Kính bạch Tôn Giả ! Tôn Giả đã nhọc nhằn đi từ Ấn Độ sang Ni Bạc Nhĩ, rồi đến đây, thì chắc hẳn là Tôn Giả mệt mỏi lắm. Song, Tôn Giả là bậc sư trưởng mà không ai sánh bằng. Tôn Giả thật đại từ bi đến đây dẫn dắt tín chúng ở miền biên địa này. Kính xin Tôn Giả niệm tình hỷ xả cho lễ đón rước lời thôi này. Kính xin Tôn Giả hỷ xả ban bố Phật pháp cho xứ Tây Tạng, nơi dân chúng đang ngóng lòng mong muốn được có chánh pháp sau bao năm bị hủy diệt.

Kế đến, Giới Thắng lại tác bạch:

- Kính xin Tôn Giả hãy hỷ xả cho những lỗi lầm ngu muội của con (80). Kính xin Tôn Giả từ bi hỷ xả việc chúng con làm rộn Tôn Giả phải lặn lội đường xá xa xôi để đến đất Tây Tạng từ Ấn Độ. Tôn Giả đến đất Tây Tạng thật là điềm vinh hạnh và niềm vui tột bậc cho dân chúng Tây Tạng.

Kế tiếp, vua Bồ Đề Quang roi lệ thừa lại việc ba vị vua đời Tiên Truyền Phật Giáo đã gian khổ thiết lập và hộ trì chánh pháp, việc vua Lãng Đạt Mã hủy hoại Phật pháp, việc đại đức Trí Quang đã bỏ công sức để chấn chỉnh Phật giáo và bỏ thân mạng vì sự cung thỉnh Tôn Giả, việc tà sư ngoại đạo thuộc phái Thượng Sư Đỏ cùng Thượng Sư Xanh truyền tà chú hành ác hạnh khiến cho dân chúng bị lầm lạc, v.v... Cuối cùng, vua Bồ Đề Quang tác bạch lên Tôn Giả:

- Nơi xứ Tây Tạng này, con cầu mong Tôn Giả hãy dùng diệu pháp thậm thâm để giải trừ nghiệp chướng cho dân chúng được nhờ.

Tôn Giả bảo:

- Vốn vì nghiệp chướng thậm thâm nên phải ban pháp thậm thâm. Xưa kia, có một Du Già Sư, tên là Diệm Mạn Đức Ca, thấy được hóa thân của Bồ Tôn, bèn tự nhủ: "Nhờ duyên này mà mình không bị đọa lạc."

Song, vì nhân duyên làm ô nhiễm đồ dùng của tăng chúng nên vị Du Già Sư đó bị tái sanh vào loài ngạ quỷ, hình tướng đồng với Diệm Mạn Đức Ca. Lại nữa, tại chùa Tỳ Trát Ma Thi La có một vị tăng chấp sự, lấy đồ cúng dường ngày nay mà đổi thành đồ cúng dường ngày trước; vì nhân duyên đó, đến tối thì bị chết, tái sanh vào loài ngạ quỷ. Một vị thượng tọa nọ, do ý có thể lực, nên tự dùng riêng nửa thặng gạo, khiến bị tái sanh vào loài ngạ quỷ yếu hèn.

Tôn Giả thuyết những nghiệp duyên nhân quả để giáo hóa người Tây Tạng, và ban truyền rất nhiều giáo pháp cho vua Bồ Đề Quang cùng chư quyến thuộc.

Lần khác, vua Bồ Đề Quang cúng dường Tôn Giả thâm hậu xong, bèn thưa:

- Bạch Tôn Giả ! Nay tại đất Tây Tạng, chẳng có vị thiện tri thức nào đạt được nghĩa thậm thâm của chánh giáo; mọi người chỉ tự vọng sanh phân biệt, tranh luận hơn thua với nhau. Thế nên, hiện tại ở Tây Tạng, có rất nhiều giáo pháp kỳ lạ, nhưng lại mang danh là Phật giáo. Xin Tôn Giả hãy dựng tràng chánh pháp, để diệt trừ những nỗi nghi ngờ của tín chúng. Về sau, xin Tôn Giả hãy y theo hai mối nghi về cộng giáo và thừa giáo, hai mối nghi về Hiền giáo, ba mối nghi về Mật giáo, và gom hết giáo nghĩa do Bồ Tát Di Lạc và Long Mãnh truyền lại, cùng tất cả thâm nghĩa Đại Thừa, văn sao nghĩa cú, mà các bậc sư trưởng thường tu hành, để biên thành một quyển luận. Lại nữa, xin Tôn Giả hãy dùng giáo pháp Tập Mật do ngài Phật Trí Túc mà trước tác một quyển Đà La Ni Chú Quán Âm Tu Hành Nghi Quỹ. Ngoài ra, xin Tôn Giả từ bi đừng giảng dạy những pháp thậm thâm vì điều cho những đệ tử Tây Tạng ngu muội. Xin Tôn Giả hãy dạy về những pháp chân chánh

để hiểu để hành bao gồm mọi pháp môn và ba tạng giáo điển của đức Thế Tôn, để làm lợi ích cho loài hữu tình.

Tôn Giả bảo:

- Đất Tây Tạng đã có quyển Bảo Man Luận của Bồ Tát Long Mã, thật rất thù thắng.

Song, theo sự cầu thỉnh của nhà vua, Tôn Giả trước tác quyển Bồ Đề Đạo Cự (81) để giải đáp hết mọi nghi vấn. Tôn Giả cũng trước tác quyển Quán Âm Nghi Quỹ.

Bấy giờ vua Lạp Đắc (82) cũng xuất gia. Tôn Giả an lập tất cả chúng xuất gia nơi giới luật, an lập tất cả người tu mật chú nơi tam muội da (thiền định), an lập tất cả người tại gia nơi trì năm giới. Các thánh tượng chưa khai quang đều được khai quang. Các thánh tượng hư hoại đều được tu bổ sửa chữa. Tất cả thiện nghiệp đều được kiến lập. Vua Bồ Đề Quang tự thấy hiện thân của Bồ Tát Quán Âm. Thượng tọa Kim Hải y theo lời dạy của Tôn Giả mà đạt đại thân thông.

Bấy giờ, chư tam tạng pháp sư ở Tây Tạng, y theo thánh giáo Phật pháp, đem những lời nghi vấn chưa được giải tỏa, mà cầu thỉnh Tôn Giả giải đáp. Tôn Giả dùng giáo lý của Trung Quán và Duy Thức mà giải thích những chỗ nghi ngờ của họ. Lần nọ, vị tăng Huệ Minh thỉnh hỏi Tôn Giả:

- Sao Tôn Giả không giảng thuyết kiến giải của mình mà chỉ giải thích tùy thuận theo lời người khác ?

Tôn Giả bảo:

- Ta vốn tùy theo sở kiến của chư tỳ kheo mà đối đáp để thuận theo ý họ.

Vị tăng Đức Huệ thỉnh hỏi:

- Tôn Giả có kiến lập tông chằng ?

Đáp:

- Chẳng có.

- Thắng nghĩa tuy chẳng có kiến lập tông, nhưng nếu y theo thế đế thì sao ?

- Tất cả pháp đều trụ như thế (83).

- Hiện cảnh là thật có hay chẳng thật có ?

- Ông hãy tự quán sát.

- Bàn về lý trí, có pháp hiển hiện chằng ?

- Chẳng hiện ! Song, chẳng hiện có hai: Một là vô có chẳng hiện (84); hai là không do cảnh chẳng hiện (85).

- Đạt đến quả vị Phật thì có trí hay chẳng có trí (86) ?

Tôn Giả cười đáp:

- Ta chưa thành Phật, nên chẳng biết. Ví như các nhà ảo thuật làm mê hoặc người ngu, ông hãy tự hiểu lấy.

Bấy giờ các vị thiện tri thức người Tây Tạng đều im lặng, chẳng còn lời đối đáp.

Tôn Giả lại bảo:

- Người Tây Tạng các ông chẳng kham nổi giáo lý Trung Quán và Duy Thức. Theo lý Trung Quán, các ông dùng ví dụ nào để rõ sự huyễn hóa ?

Họ thưa:

- Ví như chú thuật vào cây đá, khiến chúng hiện giống như voi ngựa.

Tôn Giả chẳng vui, bảo:

- Người Tây Tạng các ông thua rồi ! Đó là quy thức thấp nhất của Duy Thức.

Họ thỉnh hỏi:

- Dùng lý Trung Quán như thế nào ?

Tôn Giả đáp:

- Như chú thuật vào hư không, khiến voi ngựa hiển hiện tán loạn. Sự hiển hiện như thế (87) chỉ là huyễn tướng mà thôi. Song, y theo Phật pháp thì các pháp thế tục để thật chẳng có (88). Sự thành lập của hai đế (89), nếu chấp rằng thật có, chẳng phải huyễn chẳng phải là Tánh Không, thì cũng không thể được.

Lúc Tôn Giả chưa đến Tây Tạng, chư tăng đều thích lý luận về thuyết Trung Quán. Song, khi đến Tây Tạng, Tôn Giả chẳng thấy ai thông đạt được lý Trung Quán. Lần nọ, Tôn Giả kể một ví dụ về màng che con mắt: "Ở Ấn Độ, bà lão nọ có một người con rất chí hiếu. Song, vì phải đi buôn bán ở xa, nên người con này dặn dò vợ mình ở nhà phải lo chăm sóc bà mẹ kỹ càng. Người vợ nghe theo lời của chồng mà phụng dưỡng mẹ chồng rất chí hiếu. Bà lão này do ăn uống quá độ, khiến đôi mắt bị lu mờ. Lần nọ, bà lão thấy trong thức ăn có một cọng tóc, nghi rằng đã nuốt tóc xuống bụng, nên tự sanh bệnh hoạn. Lúc người con trở về, bà lão bèn trách móc nàng dâu. Cô vợ bèn bảo ông chồng:

- Thiếp thật hết lòng cung phụng mẹ già. Vì mắt mẹ mờ, nên nhìn lầm lẫn. Chàng hãy thử dùng thức ăn đó xem sao.

Người con bèn đem thức ăn ngon cho bà lão. Bà lão cũng thấy trong đó có các sợi tóc. Người con mới biết là vợ mình nói đúng, nên thưa:

- Mẹ nhìn lầm rồi ! Không có tóc đâu. Xin mẹ hãy dùng thức ăn này.

Về sau, người con tìm thầy thuốc để trị bệnh mắt cho bà lão. Lành bệnh xong, bà lão sáng mắt trở lại, chẳng thấy có tóc trong thức ăn, nên bệnh đau bụng tự nhiên được lành (90). Ba tạng giáo pháp trị nghiệp bên ngoài. Lời chỉ dạy của các bậc sư trưởng trị bên trong tâm bệnh. Mắt huệ tỏ sáng thì chẳng còn thấy lông tóc huyền hóa."

Chư sư Tây Tạng nghe những lời biện tài vô ngại của Tôn Giả, nên đều sanh tâm thâm kính hy hữu, và giải trừ được hết các mối nghi ngờ.

Tôn Giả có thói quen là thường lễ bái trong những ngôi chùa trống không. Chư đệ tử hỏi:

- Chẳng biết Tôn Giả đang lễ bái vị nào trong những ngôi chùa trống không đó ?

Tôn Giả đáp:

- Các ngôi chùa trống không vốn nhắc cho Ta về nghĩa lý của tánh Không.

Trong những lúc giảng dạy cho đồ đệ, Tôn Giả thường nhấn mạnh chính vào chánh kiến của Bồ Tát Long Thọ và Vô Trước. Tôn Giả cũng thường nhắc chư đệ tử về tầm quan trọng tối cực của lòng từ bi đối với việc phát khởi những chánh kiến của tánh Không đó.

Dịch sư Bảo Hiền kiến lập ba tầng mật điện, tự cảm thấy mình cao siêu, vượt hơn tất cả chư tăng; các pháp Hiển-Mật, đều tự thông đạt thiện xảo. Tuy biết Tôn Giả đến, nhưng Dịch Sư chẳng màng tới thỉnh pháp, vì cho rằng oai đức và sự tu hành của Tôn Giả chẳng bằng mình. Song, Dịch Sư cũng như các bậc đại thiện xảo Tây Tạng, vốn đều xuất thân từ hệ phái của các bậc đại thiện xảo Ấn Độ. Xưa kia, lúc còn trẻ, Dịch Sư cùng hai mươi pháp hữu khác, đã từng được đại đức Trí Quang gửi sang Ấn Độ và Ca Thập Di La tu học. Lúc đó, tuy còn trẻ, nhưng Dịch Sư mau chóng trở thành một vị học giả và dịch giả. Thật vậy, Dịch Sư vốn là một đại học giả và dịch giả chân thật đầu tiên sau thời vua Lăng Đạt Mã hủy hoại Phật pháp (91). Dịch Sư dịch rất nhiều kinh điển và Mật chú (92), cùng ban truyền các loại quán đảnh. Dịch Sư vốn tham học và nghe giảng giải kinh luận dưới tòa của bảy mươi lăm vị đại thành tựu ở Ấn Độ. Vua Bồ Đề Quang tôn kính Dịch Sư như một vị quốc sư với pháp danh "Kim Cang Thượng Sư". Dịch Sư lại xây cất rất nhiều chùa chiền, và ở Tây Tạng chẳng có ai phiên dịch hay khắc hình tượng Phật nhanh bằng. Chùa Kim Điện do đại đức Trí Quang xây, cũng được sự hỗ trợ cố vấn của Dịch Sư. Vào thời Phật Giáo Hậu Truyền, Dịch Sư đóng góp công lao rất lớn trong việc phiên dịch Tân Mật Chú. Khi Tôn Giả vào Tây Tạng (1042), Dịch Sư đã được tám mươi lăm tuổi, và lớn hơn Tôn Giả hai mươi lăm tuổi. Do hai hoàng tôn của vua Bồ Đề Quang yêu cầu, nên Dịch Sư suy nghĩ: "Vì vua Bồ Đề Quang cung thỉnh tôn giả A Đễ Sa, nên Ta cần phải đến cung nghinh."

Suy nghĩ xong, Dịch Sư bèn đến cung nghinh Tôn Giả. Đêm hôm đó, Dịch Sư mộng thấy một người nọ bảo:

- Ta vốn sanh khởi tâm ngã mạn đối với chúng sanh về lý và sự, nên khiến cho việc cung thỉnh Tôn Giả (A Đễ Sa) rất khó khăn. Ông nay sao chẳng biết đến cầu thỉnh pháp dưới tòa của Tôn Giả ? Tất cả công đức tu hành của các bậc đại thiện xảo ở Ấn Độ và Tây Tạng, đều chẳng bằng công đức tu hành của Tôn Giả. E rằng lúc

người Tây Tạng chưa có thể tiếp thọ hết tất cả giáo pháp, thì Tôn Giả đã quy hóa rồi.

Tỉnh dậy, Dịch Sư tự nhủ: "Đây là giấc mộng lành. Người đó thật là vị đại thiện tri thức, đại từ bi."

Lúc ra cung nghinh, thấy tướng hảo và oai đức của Tôn Giả, tâm ngã mạn của Dịch Sư bèn dứt sạch.

Khi đến ba tầng mật điện của Dịch Sư, tại tầng dưới, nơi chuyên thờ các thánh tượng Tiểu Thừa, Tôn Giả bèn tụng bảy bài kệ tán bằng tiếng Phạn, rồi tụng mỗi bài kệ cho mỗi thánh tượng. Tầng chính giữa, nơi chuyên thờ phụng các thánh tượng Đại Thừa Hiển-Mật, Tôn Giả cũng tác pháp như thế. Đến thượng tầng, nơi chuyên thờ phụng các thánh tượng Mật giáo, Tôn Giả cũng y theo nghi thức và kinh điển mà tác pháp. Dịch Sư thấy thế, bèn hỏi Tôn Giả:

- Những bài kệ mà Tôn Giả vừa tụng đọc đó, vốn xuất sanh từ đâu ?

Tôn Giả đáp:

- Những bài kệ này chẳng xuất phát từ kinh luận nào cả, mà do lòng cảm kích, nên Ta tự sáng tác ra để cúng dường.

Nghe lời này, biết rõ Tôn Giả vốn đã thông đạt thiện xảo pháp Hiển-Mật, tức chính thật là vị Pháp Vương, nên Dịch Sư càng thêm cung kính, cúng dường thâm hậu, và thỉnh hỏi về lịch sử Phật giáo Ấn Độ. Tôn Giả y theo ý muốn của dịch sư Bảo Hiền mà giải thích tường tận; lời lời lưu loát như dòng suối chảy. Dịch Sư lại hỏi:

- Bạch Tôn Giả ! Công đức của một vị đại thiện xảo như thế nào ?

Tôn Giả hỏi lại:

- Ông hỏi về công đức cộng hay công đức bất cộng ?
- Bạch Tôn Giả ! Công đức cộng vốn thật là thiện xảo, còn công đức bất cộng thì như thế nào ?
- Cũng giống như thế. Ta vốn có hết tất cả thiện xảo công đức cộng cùng bất cộng.

Dịch Sư chưa từng nghe ai dám nói lời này, nên tâm ngã mạn liền dứt bật.

Lần nọ, Tôn Giả y theo luật tạng, kinh tạng, luận tạng, và kinh điển Mật giáo mà vấn nạn Dịch Sư. Dịch Sư đều nhất nhất đối đáp được. Tôn Giả vui mừng bảo:

- Nếu biết ở Tây Tạng có người như ông, thì Ta không cần đến đây !

Đêm hôm đó, tại thượng trung hạ tầng, Dịch Sư phân làm ba nơi mà tu tập. Tôn Giả biết dịch sư Bảo Hiền chưa dung hợp được hết tất cả sự và lý. Hôm sau, Dịch Sư thưa hỏi về nhiều Mật pháp. Tôn Giả bèn cất vấn:

- Kiến giải của Dịch Giả rất thâm sâu, nhưng nhiếp nơi một tòa, thì tu như thế nào ?

Dịch Sư thưa:

- Bạch Tôn Giả ! Y theo nghi thức mà tu.

Tôn Giả chẳng vui, bảo:

- Dịch Giả thua rồi. Đất Tây Tạng vẫn cần đến Ta.
- Bạch Tôn Giả ! Thế thì phải tu bằng cách nào ?

- Dẫn trụ nơi nào, cùng tu với ai, đều phải lấy giới luật làm nền tảng căn bản.

Dịch Sư nghe thế bèn vui mừng vô hạn, tán thán:

- Đấng thiện xảo Thiên Trung Thiên, tịnh thẳng thân giới uy nghiêm, tự lợi lợi tha đều viên mãn, xin hãy dạy đạo giải thoát cho con. Con dùng đuốc huệ giáo lý, quán thấy mật đức của Ngài. Xưa kia vi bội ngôn giáo, nay mới biết y theo giáo mà tu hành.

Nói kệ tán thán xong, Dịch Sư cung kính cúng dường và cầu thỉnh Tôn Giả ban pháp Thắng Lạc Luân theo thứ lớp, và cầu nguyện Độ Mẫu gia trì. Lúc được Tôn Giả gia trì, tâm của Dịch Sư sanh thẳng giải, bèn cúng dường cho Tôn Giả hết mọi sở hữu. Dịch Sư tuy tham học với hơn bảy mươi vị đại thành tựu và thông đạt kinh điển, nhưng thọ giáo mà tu hành, thì khởi đầu từ lời dạy của Tôn Giả.

Bấy giờ, Tôn Giả trước tác quyển Nhiếp Tam Muội Da Luận; Dịch Sư dịch ra chữ Tây Tạng rất hay. Tôn giả bảo:

- Từ nay, Ông hãy theo Ta mà phiên dịch kinh luận.

Dịch Sư chỉ đầu bạc trắng của mình, rồi thưa:

- Bạch Tôn Giả ! Đầu con tóc bạc trắng như vậy, chỉ nguyện chuyên tu ! Xin Tôn Giả hãy ban truyền Mật chú thần bí.

Tôn Giả bảo:

- Nay Bảo Hiền ! Nhờ tích tụ bao công đức trong tiền kiếp, nên Ông được biết đến Phật pháp, và đã được bao sư trưởng chỉ dạy chân nghĩa của Phật pháp. Dòng suối cam lồ đó cũng đủ để chữa trị bao loại bệnh tật trên thế gian này. Ông đã có ngọn

đuốc chánh pháp chiếu tan đêm tối. Hãy giữ tâm chân chánh đó. Chớ chạy theo những thần chú vô ích, và chớ bỏ mất vật sở hữu vi diệu của Ông. Nỗi thống khổ của chúng sanh thật nhiều vô lượng. Phải phát tâm lợi tha, tu hành vì lợi ích của chúng sanh. Hãy đi thiền quán về những lời dạy cuối cùng này của Ta.

Dịch Sư y giáo phụng hành, cho xây một am thất với ba cánh cửa. Nơi cánh cửa bên ngoài, Dịch Sư viết: "Trong cánh cửa này, nếu khởi một tâm niệm đả chấp vào pháp thế gian, xin chư hộ pháp hãy chặt đầu thành trăm mảnh."

Trên cánh cửa ở chính giữa, Dịch Sư viết: "Nếu có một tâm niệm ích kỷ nào khởi lên, xin chư hộ pháp hãy chặt đầu thành trăm mảnh."

Trên cánh cửa ở bên trong, Dịch Sư viết: "Nếu chỉ khởi một vọng niệm như phạm phu, xin chư hộ pháp hãy chặt đầu thành trăm mảnh."

Viết xong, Dịch Sư bèn đóng cửa thất, chuyên tu nhất tâm bất loạn suốt mười năm, và đạt thành tựu.

Lần nọ, luật sư Giới Thắng bảo vua Bồ Đề Quang:

- Tôn Giả chỉ trụ lại Tây Tạng trong một thời gian ngắn. Xin Bệ Hạ hãy ban truyền sắc lệnh rằng nếu ai muốn thỉnh pháp thì hãy mau đến cầu thỉnh.

Tôn Giả trú tại chùa Vương Tự Trụ hơn sáu tháng, khiến mãn nguyện tâm ý của vua Bồ Đề Quang. Bấy giờ, vua nước Ni Bạc Nhĩ và ba vị đại thiện xảo kiến lập chùa Tỳ Ha La xong, nên cầu thỉnh Tôn Giả đến làm lễ khai quang. Tôn Giả bèn tới chùa Kim Điện. Bấy giờ, Giới Thắng định cung thỉnh Tôn Giả trở về lại Ấn Độ, nhưng chưa thấy diễm thọ ký của Bản Tôn và chư sư trưởng, nên đành đình hoãn lại.

Sự cung thỉnh Tôn Giả sang Tây Tạng hoằng pháp được thành tựu phần lớn nhờ công lao thiện xảo của đại sư Chứng Đôn Nhân Ba Khanh (93). Đại sư Chứng Đôn Nhân Ba Khanh (94) vốn là đại đệ tử tiếp thọ tâm ấn của Tôn Giả. Đại Sư sanh năm 1004; mẹ qua đời sớm, nên sống với bà mẹ ghẻ. Ngày nọ, bà mẹ ghẻ đang vắt sữa bò. Đại Sư bị lãnh một trận đòn như tử vì vô ý để bò đá ngã bình sữa. Tuy còn nhỏ tuổi, nhưng Đại Sư đã biết suy nghĩ: "Tranh đấu với người thật chẳng thích thú gì."

Do nhân duyên đó, Đại Sư quyết định bỏ nhà ra đi để tìm thầy học đạo giải thoát. Đến Tiền Tạng, Đại Sư xin thọ ngũ giới với ngài Dạng Cần Ba. Tuy mới mười lăm tuổi, Đại Sư đã muốn theo hầu ngài Bồ Đề Đồng Tử (95) nhưng bị Ngài từ chối, hẹn hai năm sau đến gặp lại tại Tây Khương.

Vừa đúng mười bảy tuổi, Đại Sư theo các thương gia để đến Tây Khương, theo hầu ngài Bồ Đề Đồng Tử suốt mười chín năm để tu học thâm sâu tất cả các pháp về Hiền giáo và Mật giáo.

Thường nhật Đại Sư phải làm những công việc nặng nhọc như bửa củi, giã gạo, gánh nước, chăn dê, v.v...; những lúc giã gạo, Đại Sư vẫn không rời các quyển kinh luận mà vẫn luôn tinh tấn tu hành.

Đại Sư cũng thường theo tam tạng pháp sư Thanh Lật người Ấn Độ (96) để học chữ Phạn. Nhờ sự nỗ lực tu hành không ngừng, chẳng bao lâu Đại Sư trở thành vị học giả và dịch giả uyên thâm.

Đến năm Đại Sư được ba mươi tám tuổi, ngài Bồ Đề Đồng Tử bảo:

- Nay ông có thể đến gặp người cha của ông (97) được rồi !

Nói xong, ngài Bồ Đề Đồng Tử ban cho Đại Sư kinh thư, ngựa, v.v... Chủng Đôn Ba liền từ biệt thầy mình, đi về hướng Tây, rồi âm thầm dùng thiện xảo phương tiện hỗ trợ Giới Thắng cung thỉnh Tôn Giả. Khi biết Tôn Giả đã đến Tây Tạng, Đại Sư mau chóng đi về hướng bắc. Lúc đến Tiền Tạng, Đại Sư dùng Phật pháp mà hóa độ được một vị quan ở đó. Ông quan này bèn cung thỉnh Đại Sư và ngài A Lan Nhã (98) ở lại để thọ sự cúng dường. Đại Sư bảo:

- Ông nên bỏ ác làm lành, kiến lập chùa chiền để hoằng pháp. Sang năm sẽ có dịch sư Thiện Huệ đến. Ông hãy thỉnh vị này ở lại truyền pháp. Nay Ta chẳng được rảnh rỗi. Ông nên gấp rút đến vùng Nga Nhật, cung thỉnh chư đại thiện xảo đến đây hoằng pháp. Đợi lúc trở về, Ta sẽ thọ sự cúng dường của ông.

Kể đến, Đại Sư sang yết kiến ngài Dạng Cần Bạc ở Tiền Tạng, rồi thưa:

- Nay do lời thỉnh cầu của vua Bồ Đề Quang mà tôn giả A Đề Sa đã đến Tây Tạng. Con sẽ cung thỉnh tôn giả A Đề Sa đến đây. Xin Đại Đức hãy cung nghinh Tôn Giả.

Đại Sư lại đến gặp Thích Ca Tụ Tại, thưa:

- Khi tôi thỉnh tôn giả A Đề Sa đến, xin Ngài hãy xếp đặt đạo tràng, và khuyên dân Tây Tạng hãy sang vùng Lạp Đóa (99) để ngưỡng đón tôn giả A Đề Sa.

Thích Ca Tụ Tại bảo:

- Ông hãy tận lực mà cung thỉnh Tôn Giả. Tôi sẽ khuyên đại chúng sang đó mà ngưỡng tiếp.

Vào năm 1044, Tôn Giả đang trú tại vùng Bồ Nhượng (Spu Rans), Độ Mẫu hiện ra bảo:

- Ba bốn ngày sau, sẽ có một người nợ tìm đến. Ông hãy gia trì cho người ấy.

Tôn Giả bèn chuẩn bị bình nước quán đánh gia trì, và để ngay đầu giường. Tới ngày đó, Tôn Giả sai người ra ngoài chùa nghinh đón, nhưng gần tới trưa mà vẫn chưa thấy ai đến. Do có lời cầu thỉnh, Tôn Giả rời chùa để vào thôn xóm thuyết pháp. Lúc đại sư Chung Đôn Ba đến, liền được đưa vào chùa. Đại sư Chung Đôn Ba bảo:

- Ta phải mau kíp đến yết kiến bậc tôn sư Đại Thừa !

Nói xong, đại sư Chung Đôn Ba vội đi vào thôn xóm, và gặp được Tôn Giả, rồi lập tức đánh lễ. Tôn Giả lấy tay xoa đánh đầu, thuyết nhiều bài chú nguyện kiết tường để gia trì. Kế đến, Tôn Giả dẫn đại sư Chung Đôn Ba trở về chùa, làm lễ quán đánh gia trì, và ban cho thánh tượng Kim Cang Diệu Kiết Tường. Bấy giờ đại sư Chung Đôn Ba thỉnh hỏi:

- Bạch Tôn Giả ! Chư đại đức cao tăng ở Ấn Độ có nhiều chẳng ? Con có thể dùng sở học khi trước mà nhập vào đạo được chẳng ? Nếu y theo Tôn Giả, thì phải học như thế nào ?

Tôn Giả đáp:

- Chư đại đức cao tăng ở Ấn Độ có rất nhiều. Lúc Ta rời Ấn Độ để sang Tây Tạng, tại vùng Đông Ấn có ngài Bang Gia La, mỗi ngày đào tạo ra được một vị đại thành tựu. Sở học trước kia của ông, chưa có thể nhập đạo, chỉ phải thừa sự theo bậc tôn sư thì mới nhập đạo được. Nay ông nên y theo Ta mà ở lại đây. Ông là đệ tử mà Bổn Tôn Độ Mẫu của Ta đã thọ ký. Thế nên, nay Ta mới ban truyền giáo pháp và pháp quán đánh cho ông (100).

Hôm đó, có vị thí chủ cúng dường cho đại sư Chủng Đôn Ba một chén dầu tô lạc; đại sư Chủng Đôn Ba nhận lấy rồi cúng dường lại cho Tôn Giả. Từ đó, cho đến lúc Tôn Giả viên tịch, hằng đêm đại sư Chủng Đôn Ba thường thắp sáng ngọn đèn dầu tô lạc ở trên đầu giường của Tôn Giả.

Kể đến, đại sư Chủng Đôn Ba hành trì theo bộ luật của Đại Chúng Bộ, và được Tôn Giả ban truyền Mật pháp.

Trú tại Tây Tạng gần mãn ba năm, Tôn Giả bèn định ngày giờ trở lại Ấn Độ. Đại sư Chủng Đôn Ba tuy cầu thỉnh Tôn Giả lưu trú lại, nhưng chưa được hứa khả. Dịch sư Giới Thắng vì lúc trước đã từng thệ nguyện với thượng tọa La Na A Ca La, nên cũng muốn ngưỡng thỉnh Tôn Giả trở về Ấn Độ. Vua Bồ Đề Quang tuy muốn Tôn Giả ở lại Tây Tạng, nhưng chưa dám cầu thỉnh. Bấy giờ, thấy Tôn Giả chuẩn bị trở lại Ấn Độ, vua Bồ Đề Quang thưa:

- Xin Tôn Giả hãy ban cho con thêm một giáo pháp cuối cùng.

Tôn Giả bảo:

- Vì tri thức cặn cọt của Ta, nên chẳng dám ban truyền giáo pháp cho nhà vua, một vị thông minh tài trí vẹn toàn. Song, vì sự khích lệ của Bệ Hạ, Ta có đôi lời nhắc nhở. Ước mong Bệ Hạ ghi nhớ ! Để thành tựu đạo quả giác ngộ viên mãn thì vai trò sư trưởng là tối cần thiết để Bệ Hạ có nơi nương tựa và học hỏi. Nếu chỉ có tri thức về Phật pháp thì chẳng đạt được Phật quả mà cần phải tích lũy nhiều công đức thì đạo mới thành. Phải nên tránh xa những nơi gây chướng ngại cho việc tu tập tâm tánh và an trú những nơi có lợi lạc cho việc tích tụ công đức...

Sau này, do trí lực thù đặc, nên đại sư Chủng Đôn Ba dùng phương tiện, xưng tán các đạo tràng thù thắng ở Tiền Tạng như Lạp Tát, Tang Da, v.v... có các thánh

tượng của đức Như Lai, và tặng chúng rất đông. Kế tiếp, đại sư Chúng Đôn Ba thưa rằng tặng chúng ở những nơi ấy đều ước muốn Tôn Giả đến đó hoàng pháp. Tôn Giả nghe qua, lòng thấy vui nên bảo:

- Tặng chúng đông đảo như thế, những nơi khác khó bì kịp. Đức Thế Tôn đã từng thọ ký cho chư A La Hán trụ trì, thật là điều chẳng nghi ngờ.

Nói xong, Tôn Giả liền hướng về Lạp Tát mà đánh lễ, và bảo:

- Chư tăng nơi đó ước muốn Ta đến, thì Ta cũng nguyện rằng sẽ vì họ mà đến.

Nghe lời này, đại sư Chúng Đôn Ba liền cầu thỉnh Tôn Giả quay trở lại Tây Tạng, và được Tôn Giả hứa khả. Dịch giả Giới Thắng lại bạch với Tôn Giả:

- Con không thể xuống địa ngục. Con đã từng thệ hứa với thượng tọa Na La A Ca La là phải đưa Tôn Giả trở về Ấn Độ kia mà !

Đại sư Chúng Đôn Ba chẳng màng đến lời này, liền gửi thư tới Tiền Tạng báo tin cho A Lan Nhã về ý định lưu lại Tây Tạng của Tôn Giả, và hỏi thúc A Lan Nhã mau đến nghinh đón. Kế tiếp, đại sư Chúng Đôn Ba theo Tôn Giả tới nước Ni Bạc Nhĩ làm lễ khai quang chùa Tỳ Ha La. Bây giờ, dịch giả Giới Thắng càng muốn đi gấp thì đại sư Chúng Đôn Ba lại càng muốn trì hoãn lại. Những kinh tượng của Tôn Giả không được mang theo. Có hơn hai mươi người đi theo Tôn Giả như dịch giả Giới Thắng, đại sư Chúng Đôn Ba. Khi đến nước Ni Bạc Nhĩ, họ liền xây bốn cái tháp đen; đại sư Chúng Đôn Ba xây một cái tháp trắng lớn, gọi là tháp Kiệt Tường; Giới Thắng cúng dường cho Tôn Giả và đại sư Chúng Đôn Ba một thánh tượng Phật; đại sư Chúng Đôn Ba vẽ chân dung lớn của Tôn Giả, Giới Thắng, vua Bô Đề Quang, rồi giao cho vua nước Ni Bạc Nhĩ, để tặng cho tăng chúng trong nước.

Lễ khai quang được kéo dài trong vòng hai mươi hai ngày. Lúc trở về chùa Kim Điện, Tôn Giả vì chúng hữu tình mà thuyết pháp. Dịch giả Giới Thắng nóng lòng muốn đưa Tôn Giả trở về Ấn Độ, nhưng vừa tới biên giới thì gặp nạn binh đao, nên không thể thực hành theo dự định khiến lòng không vui. Tôn Giả thấy vậy liền an ủi:

- Con đừng lo lắng ! Chiến tranh đã cản đường Ta trở lại Ấn Độ thì con đâu có tội gì !

Giới Thắng vui mừng thưa:

- Vậy hôm nay con xin thỉnh Tôn Giả trở về lại Tây Tạng.

- Đệ tử của ngài Nỗ Nhiệt Bạt (Naropa) là Trí Sanh Thiện Xảo (Jnanakara) có tu một pháp của Bồ Tát Long Mãn. Ta chưa thỉnh cầu được, thật tiếc thay !

Giới Thắng nghe thế bèn ghi lại việc này. Bấy giờ, Tôn Giả ở lại vùng Mang Mãn, và gửi người sang Ấn Độ báo tin rằng chẳng thể trở về được vì chiến sự diễn ra ở vùng biên giới. Ngoài ra, Tôn Giả cũng gửi về Ấn Độ quyển luận Bồ Đề Đạo Đẳng cùng vàng bạc được vua quan và quần chúng Phật tử Tây Tạng cúng dường.

Đương thời, tại Ấn Độ, mỗi khi vị luận sư nào trước luận giải xong, thì trình cho các vị luận sư khác khảo nghiệm quyết đoán. Sau khi xét thấy quyển luận có nội dung chân chánh và chẳng sai lỗi chánh tả, thì chư luận sư bèn trình quyển luận đó lên cho quốc vương để được khảo sát rồi cho ấn tống ra ngoài. Vị luận sư trước tác quyển luận đó sẽ được nhà vua ban thưởng. Những quyển luận nào có nội dung tà vạy, sẽ bị buộc vào đuôi chó. Kéo theo quyển luận và tên của vị luận sư, con chó

chạy khắp làng xóm. Thế nên, quyền luận và luận sư đó bị dân chúng khắp nơi chế riễu. Nhà vua cũng được cầu thỉnh là chẳng nên phát hành quyền luận đó.

Lúc quyền luận Bồ Đề Đạo Đẳng của Tôn Giả được gửi về Ấn Độ, chư luận sư hội họp với nhau để kiểm duyệt quyền luận đó. Tất cả luận sư đều kinh ngạc và rất khâm phục vì nội dung của quyền luận này hàm chứa hết giáo nghĩa của ba tạng kinh điển. Họ đồng tán thán:

- Chẳng những tôn giả A Đề Sa vào Tây Tạng làm lợi ích cho dân Tây Tạng, mà cũng là điều tốt cho người Ấn Độ. Nếu vẫn ở lại Ấn Độ, tôn giả A Đề Sa có lẽ sẽ không viết quyền luận ngắn nhưng rất có giá trị và hữu ích này.

Về sau, thượng tọa La Na A Ca La viết thư và kể rõ những lời tán thán của chư luận sư về quyền luận đó, cho chư đệ tử của Tôn Giả: "...Ta đồng ý việc Tôn Giả ở lại Tây Tạng để làm lợi ích cho chúng sanh tại nơi đó. Ta chỉ thỉnh cầu Tôn Giả hãy viết lời chú thích về quyền luận đó."

Lúc sống tại vùng Mang Mãnh trong một năm, Tôn Giả cho xây chùa Bạch Tự, và đợi người Tây Tạng đến nghinh đón. Bấy giờ, lúc nghe Tôn Giả giảng kinh, trong đại chúng có người chớm nghĩ rằng Tôn Giả đã dùng chữ sai. Song, Tôn Giả khoát tay bảo:

- Chẳng đúng ! Ta chẳng hề có sai lầm. Có hay chẳng, chính là các ông.

Điều này chứng minh rằng Tôn Giả đã chứng đắc Tha Tâm Thông.

Đại sư Chủng Đôn Ba nói với đại chúng:

- Vâng ! Chúng con nhận thấy đó là sự sai lầm của mình. Tôn Giả có tha tâm thông biết được tâm của người khác.

Khi ấy, Thích Ca Tỳ Tại nhận được thơ của đại sư Chúng Đôn Ba xong, liền y theo trong thơ mà thỉnh những vị đại đức đến bàn việc ngưỡng thỉnh Tôn Giả. Trong thơ chưa nhắc đến tên của Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung, vị thượng tọa của tất cả tăng chúng ở vùng Lô Mai (101); vị này rất giỏi về các bộ luận Đối Pháp Câu Xá, và là bậc học giả vào đương thời, danh vang đồng với dịch giả Thiện Huệ cùng đại sư Chúng Đôn Ba. Người đương thời xưng tán là Khô (102), Nga (103), Chúng (104). Thấy tên mình không có trong thơ của đại sư Chúng Đôn Ba, Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung chẳng vui, bèn đi ngưỡng tiếp Tôn Giả trước. Đại chúng thấy Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung đã đi trước, nên cũng khởi hành vào lúc buổi họp chưa tan. Cuối cùng họ đều đến chùa Bạch Tỳ, khiến Tôn Giả vui mừng. Khi đó, Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung hỏi đại sư Chúng Đôn Ba:

- Sao trong thơ của Ngài lại không có tên của tôi ?

Đại sư Chúng Đôn Ba đáp:

- Đại thiện xảo thanh tịnh, như dịch giả Thiện Huệ thầy, trong thư đều có.

Bấy giờ người Tây Tạng thỉnh Tôn Giả ban pháp Phát Tâm. Họ lại trần thiết cúng dường rất nhiều đồ vật. Tôn Giả xem thế, bảo:

- Cúng nhiều tức hạ liệt, thật chẳng có lợi ích, khiến không thể phát tâm.

Thế nên, dịch giả Giới Thắng liền thiết lập lại lễ vật cúng dường thượng diệu rồi cầu thỉnh Tôn Giả truyền pháp Phát Tâm.

Lần nọ, đoàn người đi qua Tiền Tạng, đến vùng Bạt Ma Bạt Đường, gặp thầy A Lan Nhã Giả (105); vị này vốn muốn qua vùng Ni Bạc Nhĩ, để triều bái lạt ma Bàn Đình Bạt Cẩn, nhưng lại gặp Tôn Giả, bèn đánh lễ cúng dường, và thưa:

- Con vốn muốn đến yết kiến lạt ma Bàn Đình Bạt Cẩn. Xin Tôn Giả từ bi gia trì, để trên đường không gặp hoạn nạn.

Tôn Giả bảo:

- Hoạn nạn tất có, nên chớ đi ! Ông hãy ở lại đây với Ta.

- Những sự thọ dụng chưa hết, nên không dám thọ thực, mà chỉ muốn thỉnh pháp.

- Thức ăn của Ta cũng có pháp. Nếu không dùng thì không có pháp.

A Lan Nhã Giả liền dâng cúng hết mọi tư lương cho Tôn Giả, rồi nhận chức hương đăng; chẳng bao lâu A Lan Nhã Giả xin nhập chúng để thỉnh pháp chuyên tu.

Lúc đến vùng Lạp Đóa Ráng, sáu dịch sư như Cúng Đôn Vĩnh Trung, Ca Cách Ngõa, Cách Ngõa Càn Bạc, Ca Ngõa Thích Ca Tự Tại, Khô Đôn Chủ Vĩnh Trung, Thiện Huệ đồng nghị luận bốn việc, và đem các việc đó mà thỉnh hỏi Tôn Giả như:

1/ Nơi phương tiện và huệ tùy dùng một chi (106) thì thành Phật được chăng ?

2/ Nơi nương y của luật nghi Bồ Tát có phải là giới biệt giải thoát chăng (107) ?

3/ Chưa được sự quán đánh của Kim Cang A Xà Lê thì có thể làm vị Kim Cang Sư, giảng thuyết kinh điển Mật Thừa được chăng ?

4/ Chưa được pháp quán đánh, có thể tu hành Mật chú được chăng ?

Tôn Giả bảo:

- Các ông không đủ tâm trí. Xưa kia vua Bồ Đề Quang đã thỉnh hỏi, và Ta đã viết rõ ràng trong quyển Bồ Đề Đạo Cụ Luận. Trong đó cũng có những giải đáp về các câu hỏi của các ông.

Nhờ thỉnh quyền luận đó để xem, họ mới hiểu rõ tường tận hết mọi lẽ cùng được biện tài vô ngại. Thật ra, Tôn Giả đã từng tuần tự giảng giải hay viết luận trước rõ ràng hết mọi giáo nghĩa Phật pháp trong ba tạng kinh điển. Tôn Giả giảng dạy rất nhiều kinh luận để tín chúng hiểu rõ Phật pháp. Tôn Giả dạy chư cư sĩ làm cách nào để chân chánh quy y Tam Bảo, giữ năm giới cấm. Tôn Giả dạy chư tỳ kheo làm thế nào để hộ trì giới pháp. Đối với những người tu Mật Thừa, Tôn Giả chỉ dạy họ tôn thủ tam muội da giới. Đối với người thường hành việc lành, Tôn Giả chỉ dạy họ cách thức tích lũy và hồi hướng công đức. Tôn Giả chỉ dạy cách thức tụng kinh cầu vãng sanh cho người vừa qua đời, cách thức phục vụ chúng sanh, và cách thức phụng dưỡng người già yếu, bệnh hoạn. Tôn Giả trái lòng từ bi đến với mọi loài cả cao lẫn thấp.

Về sau, A Lan Nhã Giả tán thán:

- Trước khi Tôn Giả đến đây, Phật giáo Tây Tạng rất quái lạ; tăng chúng đắp y ca sa ba màu khác nhau. Song, nhờ lòng từ bi của Tôn Giả, chư tăng mới biết rõ đường hướng nghiêm trì giới luật một cách chân chánh; từ nay chúng ta phải tiến bước hành trì theo đường hướng đó.

Đến Ninh Thác, đoàn người dừng chân và an cư tại nơi đó trong ba tháng. Bây giờ, Tôn Giả giảng quyền Hiện Quán Trang Nghiêm Luận và giảng về pháp tu của Tác Bộ trong Mật Thừa, cùng pháp tu của Bồ Tát Quán Âm. Duyệt Pháp Tự Tại tu trì trong sáu tháng, bèn thấy Bồ Tát Quán Âm mười một mặt hiện thân thuyết pháp, rồi cầu thỉnh Tôn Giả truyền pháp tu Quán Âm tướng phần nộ (108), cùng các pháp thủ hộ thậm thâm; Tôn Giả truyền sáu câu thần chú. Vị này thưa rằng chưa đủ. Tôn Giả lại truyền pháp Bất Động Tôn.

Đại sư Chứng Đôn Ba cầu thỉnh Tôn Giả ban pháp đại gia trì; Tôn Giả ban truyền pháp Quán Âm mười một mặt. Dịch sư Giới Thắng thỉnh Tôn Giả truyền pháp có thể lực; Tôn Giả truyền pháp Diệm Mạn Đức Ca. Giới Thắng lại cầu thỉnh các vị gần thành tựu truyền pháp Độ Mẫu.

Du Già Sư Bồ Đề Bảo (1015-1078) sanh tại Tây Khương; lúc vị này gần trưởng thành, người mẹ bảo:

- Mẹ sanh ra con hầu mong con trở thành tăng sĩ; nay con nên đi xuất gia.

Do đó, Bồ Đề Bảo vâng lời mẹ mà xuất gia, thân cận các vị giáo thọ sư, nhưng lại bận làm công quả không rảnh để tu hành. Thấy tu hành như thế không mấy lợi lạc nên bà mẹ đã khuyên Thầy đến Tiên Tạng để cầu pháp cũng như cúng dường Thầy nhiều vải tơ trân quý. Sau ba ngày tiễn đưa, bà mẹ thành tâm cầu nguyện:

- Nguyện cầu Thầy vào Tiên Tạng gặp được thiện tri thức để được nhiếp thọ và được giáo huấn, rồi y theo đó mà tu hành; mẹ nguyện tìm đến để cùng Thầy tu đạo nhất thiết chủng trí.

Nói xong, bà mẹ liền trở về nhà. Lúc đi về hướng tây, Bồ Đề Bảo gặp Tôn Giả. Biết vị này là bậc pháp khí, nên Tôn Giả truyền pháp Kiến Lập Tam Muội Da Vương.

Bồ Đề Bảo tu tập, tụng niệm đến 1800 lần thì thấy vị Bổn Tôn hiện thân, nên từ đó hết lòng làm đệ tử hầu cận Tôn Giả. Tôn Giả sang Hậu Tạng, làm lợi sanh không thể kể xiết.

Ngoài ra, tại nơi ấy, một sư cô đến lễ bái và cúng dường lên Tôn Giả một tượng người kỵ mã bằng đá cẩm thạch đang cỡi một con ngựa bằng vàng. Tôn Giả bảo:

- Hãy phụng dưỡng những người yếu đuối bệnh hoạn. Hãy phụng dưỡng cha mẹ và người già yếu. Đây là Phật pháp. Nhờ hạnh lành này, sẽ tích tụ mọi công đức để tu tâm Bồ Đề và tánh Không.

Chưa đến Căn Ba Ráng Đường, Tôn Giả biết rằng có một nữ đệ tử vừa qua đời. Thế nên, vừa đến nơi, Tôn Giả vội tới nhà bà ta và làm lễ an táng cho bà ta.

Lúc đoàn người đến một ngọn núi ở Căn Ba Ráng Đường, Tôn Giả chỉ tay hỏi:

- Trên đó có gì vậy ?

Theo hướng ngón tay, mọi người đều thấy ba đường cầu vồng chiếu trên đỉnh núi; cảnh vật trông đẹp tuyệt vời. Họ thưa:

- Đó là núi Lạp Tát !

Tôn Giả bảo:

- Ở núi Lạp Tát, trên các cành cây có cờ phướn, lại còn có gì chẳng ?

Người Tây Tạng tường thuật rõ ràng về sự tích của Lạp Tát. Tôn Giả bảo:

- Thật là một ngọn núi hùng vĩ ! Nơi ba tầng trời trên vùng núi này, có rất nhiều Thiên Tử và Thiên Nữ đang cúng dường Tam Bảo không ngừng.

Lúc đến vùng Văn Trà Na, Tôn Giả lấy y che đầu mà đi; khi đại chúng hỏi han có sự, Tôn Giả bảo:

- Núi này thuần là bảy loại châu báu làm thành; nếu nhìn xem thì sẽ sanh tâm tham luyến.

Lúc đến vùng Khâm Như, đoàn người gặp một cô dâu; cô ta vừa gặp Tôn Giả thì khởi tâm tín phụng, nên dâng cúng hết tất cả đồ trang sức; lúc cô ta trở về, người trong nhà nói lời dị nghị:

- Sao cô lại đem hết mọi đồ vật quý báu để cho ông thầy Ấn Độ tham lam, thường chạy theo tiền tài và danh vọng kia ?

Nghe lời này, cô ta chẳng chịu nổi, nên nhảy xuống sông tự tử.

Khi đến vùng Dung, nghe tin cô ta trầm mình tự tử, Tôn Giả than:

- Thật thương thay cho đệ tử của Ta !

Tôn Giả trú lại nơi đó năm đêm, thiết lập gia trì ấn tháp Tịnh Ác Thú Mạn Đà La; hành xong, Tôn Giả bảo:

- Đệ tử của Ta đã mãn nguyện rồi !

Lúc Tôn Giả trú tại vùng Khâm Như, thầy Đức Thắng đến dâng cúng một chén dầu tô. Tôn Giả thấy vị này có luân tướng, nên truyền pháp tụng niệm Đại Bi; vị này tu hành chẳng bao lâu thì thấy Bản Tôn hiển hiện. Lúc đến vùng Đóa, trụ nơi Bắc Cương, Tôn Giả bảo:

- Nơi đây sẽ xuất hiện một vị Bồ Tát có diệu tướng hy hữu.

Khi Tôn Giả trụ tại vùng Tang Da, đại chúng thường vây nhiễu xung quanh. Lần nọ, Tôn Giả muốn rửa tay, Du Già Sư nhìn diện mạo của Tôn Giả thì biết ý, nên vội xuống ngựa đi lấy nước. Những người khác đều cười bảo:

- Đây Bồ Đề Khương (biệt hiệu của Du Già Sư) ! Không còn vật gì để cúng dường mà phải lấy nước cúng dường chẳng ?

Đáp:

- Bồ Đề tựa như bảo châu, có đại huệ !

Tôn Giả vui mừng bảo:

- A Mai (109) thật là một người Ấn Độ.

Đến vùng Tang Da, Tôn Giả trú tại Bắc Ca Châu (110), vua Bồ Đề Quang làm thí chủ; Tôn Giả viết quyển Thứ Đệ Nghi Quỹ. Lúc Tôn Giả đến vùng Ca Khúc, Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung và Thiện Huệ thỉnh Tôn Giả giảng sáu bộ luận về Trung Quán; Tôn Giả cũng truyền rất nhiều giáo pháp Mật Thừa bất cộng cho đại sư Chủng Đôn Ba.

Lần nọ, đang đi ngoài đường, Tôn Giả chợt nhìn lên bầu trời, bảo:

- Chư Thiên đến lễ bái và cúng dường Ta.

Bấy giờ có hai tỳ kheo đồng niên, đến trước mặt Tôn Giả; một tỳ kheo thưa:

- Tôn Giả muốn xem nước biển hiện nơi tam ma địa chăng ?

Tôn Giả đáp:

- Muốn.

Vị đó liền phóng luồng nước từ giữa chặng lông mày, rồi từ từ toàn thân biến thành nước. Vị thứ hai thưa:

- Tôn Giả muốn xem màu trắng biển xứ tam ma địa chăng ?

Tôn Giả đáp:

- Muốn.

Vị đó cũng phóng luồng hào quang sáng trắng từ giữa chạng lông mày, rồi từ từ toàn thân biến thành màu trắng. Họ lại xuất định, thu thần nơi chạng giữa đôi mi.

Tôn Giả tán thán:

- Tam muội này thật hay !

Lúc đến Khâm Phác, hai vị đó bảo nhau:

- Có muốn thấy tượng Phật như huyền chạng ?

Đáp:

- Muốn.

Vị nọ liền hóa hiện trên hư không có mười phương chư Phật, đủ ba mươi hai tướng tốt.

Vị thứ hai bảo:

- Có muốn thấy tam ma địa như huyền chạng ?

Vị thứ nhất đáp:

- Muốn.

Vị thứ hai liền hóa thân tượng Độ Mẫu, hiển hiện như thật. Khi ấy chỉ có Tôn Giả và thầy Cầu Tịch là thấy rõ mọi sự việc.

Vào buổi cơm sáng, Cầu Tịch nhìn trong đại chúng mà chẳng thấy hai vị tỳ kheo đồng niên kia, nên thỉnh hỏi Tôn Giả:

- Không biết hai vị này đi đâu mất rồi ?

Tôn Giả bảo:

- Chẳng bao lâu họ sẽ nhập vào đại chúng mà dùng cơm. Đây là thọ thân và địa thân.

Lần khác, Tôn Giả lên chánh điện ở thượng tầng mà đi nhiễu Phật; một ni sư già thấy Tôn Giả đi trên hư không, nên nói với Du Già Sư. Du Già Sư kể lại cho Thiện Huệ nghe. Khi Thiện Huệ đến hỏi han, Tôn Giả bảo:

- Mắt của ni sư già kia nhìn lầm lộn rồi !

Vào một buổi tối nọ, đang trú với Chúng Đôn Ba và Du Già Sư, Tôn Giả bảo:

- Có nghe chăng ?

Họ thưa:

- Chúng con chẳng nghe gì cả ! Kính xin Tôn Giả nói cho chúng con hay !

- Âm thanh rung linh cầu nguyện của chư đệ tử Ta tại Ấn Độ.

Bây giờ Chúng Đôn Ba chú tâm, nhưng vẫn chưa nghe.

Lần khác, có rất nhiều vị ở chùa Tang Da cầu thỉnh Tôn Giả truyền pháp Phát Tâm. Vào buổi chiều đó, các thiện tri thức đến thưa:

- Hôm nay có rất đông chư Bồ Tát.

Tôn Giả bảo:

- Nếu bảo rằng Phát Tâm Bồ Đề, thì trong đây chẳng có ai phát tâm Bồ Đề được.

Họ lại cầu thỉnh Tôn Giả giải thích. Tôn Giả bảo:

- Vì chưa quy y và cúng dường Tam Bảo.

Họ thưa:

- Nếu như thế thì không thể truyền pháp sao ?

- Không thể truyền.

Người Tây Tạng sanh tâm dị nghị. Thật ra, Tôn Giả muốn dạy họ về tầm quan trọng của việc quy y cúng dường Tam Bảo và lý nhân quả. Vì thế, dân Tây Tạng xưng tán Tôn Giả là vị Lạt Ma Quy Y và Nhân Quả. Nghe lời xưng tán này, Tôn Giả bảo:

- Những lời xưng tán đó giúp cho thánh giáo được lưu truyền mãi.

Khi ấy, trong tăng chúng có các thiện tri thức cầu thỉnh Tôn Giả giảng Hiện Quán Trang Nghiêm Luận và Nhị Vạn Tụng Hợp Thích. Kế đến, Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung cầu thỉnh Tôn Giả sang vùng Nhã Lông, và xưng tán vùng đất phước đức đó: Sự nghiệp lợi sanh rất lớn; mùa hạ an cư tại chùa Lạp Đảnh; mùa đông trú tại chùa Đường Ma Già. Tôn Giả hứa khả. Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung liền tuyên bố trước đại chúng:

- Nay cung thỉnh Tôn Giả đến vùng Nhã Lông. Ai muốn nghe giảng Nhị Vạn Tụng, hãy đến vùng đó.

Bấy giờ, đại sư Chúng Đôn Ba biết tâm ngã mạn của Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung rất lớn, và chẳng thể dùng đồ thượng diệu để cúng dường Tôn Giả. Thế nên, đại sư Chúng Đôn Ba nói riêng với các thiện tri thức ở Tây Tạng:

- Nay tuy Tôn Giả đến vùng Nhã Lôg, nhưng Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung do tâm ngã mạn quá lớn, nên chẳng thể thừa sự cúng dường Tôn Giả chu đáo. Sau này, tôi sẽ thiết phương tiện mà ngưỡng thỉnh Tôn Giả trở lại chùa Tang Da. Các vị nên mau kíp tới đó mà cung thỉnh Tôn Giả đến Nhiếp Tạng.

Các vị thiện tri thức ấy biết rõ nên chấp thuận.

Khi Tôn Giả vừa đến vùng Nhã Lôg thì Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung thưa;

- Nơi đây có một gã tự xưng là bậc đại trí, nhưng thật ra đang bị ma vương câu thúc. Xin Tôn Giả hãy chiết phục gã ta để tránh việc tổn hại Phật pháp.

Tôn Giả bảo:

- Được !

Kế đến, theo lời chỉ dạy đơn giản của Tôn Giả, Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung gặp gã đó, bảo:

- Hãy nói cho tôi biết rõ về những đời tiền kiếp và vị lai của tôn giả A Đề Sa.

Để đáp lời, gã nọ chẳng ngập ngừng nói một tràng. Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung hỏi tiếp:

- Xin hãy nói rõ rằng tôi đang ngậm vật gì trong miệng ?

Gã đó chẳng thể trả lời; điều này chứng minh rằng gã ta vốn là kẻ ngu si dối trá. Tại vùng đó, Tôn Giả chiết phục được rất nhiều tà sư ngoại đạo và những tăng sĩ cống cao ngã mạn.

Khi Tôn Giả trụ tại chùa Đường Ma Già ở Nhã Lôg, Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung đến cúng dường hai lượng vàng, rồi cung thỉnh Tôn Giả giảng các pháp Hiền giáo như Hiện Quán Trang Nghiêm, Nhị Vạn Tụng Hợp Thích, Biện Pháp Pháp Tánh Luận, và cầu thỉnh thọ pháp tu hành Mạn Đà La cùng các Mật pháp khác. Kế đến, Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung không cùng trú tại chùa Đường Ma Già với Tôn Giả mà rời nơi đó để tự trú tại chùa Lạp Đảnh, và quả nhiên thiếu sự ân cần hầu hạ Tôn Giả, lại ghen ghét Chủng Đôn Ba, phỉ báng Du Già Sư. Khi ấy, Du Già Sư bạch Tôn Giả:

- Nay Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung đã hủy báng, nên con không muốn thân cận Tôn Giả.

Tôn Giả chẳng cho. Du Già Sư lại cầu từ biệt ba lần. Tôn Giả liền lấy chiếc mũ xuống (111), rồi đặt trên tay của Du Già Sư, bảo:

- Ta sanh tại miền đông Ấn Độ. Ông sanh nơi miền Tây Khương. Do nghiệp lực đời trước mà gặp lại nhau. Hôm nay đầu Ta trắng xóa như thế này; ông sao đành bỏ đi mà không muốn sống gần Ta ! Du Già Sư rơi lệ thưa:

- Nếu như thế thì con xin nguyện hầu hạ Tôn Giả suốt đời này !

Tôn Giả bảo Chủng Đôn Ba:

- Nay Chủng Đôn Ba ! Ta thật có người đệ tử rất xứng đáng !

Bấy giờ, Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung có cả ngàn đồ chúng; thầy trò Tôn Giả chỉ có dưới ba trăm người, nên đồ cúng dường rất ít oi thiếu kém. Tôn Giả bảo:

- Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung như Chuyết Luân Thánh Vương, còn Ta như gã dân hèn. Thọ dụng của Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung như vua trời Đao Lợi; thọ dụng của Ta không khác loài ngựa quý.

Đại Sư Chúng Đôn Ba thưa:

- Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung không vui, nên con có thể trở về Tây Tạng được không ?

Tôn Giả bảo:

- Cận sự (112) đi thì Ta cũng đi. Cận sự ở thì Ta cũng ở.

Thấy Tôn Giả chẳng cho đi, nên đại sư Chúng Đôn Ba lại bạch:

- Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung quyết chẳng để Tôn Giả đi, nên phải lập phương tiện hầu mong Tôn Giả đến vùng Nhiếp Đường; nơi đó núi có rừng cây; đất có hoa tươi; tuy vào mùa đông giá lạnh, mà vẫn có hoa nở. Xin thỉnh Tôn Giả đến đó.

Tôn Giả cười bảo:

- Nay Ta chẳng để Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung có thiện xảo phương tiện. Hãy mau khởi hành !

Tối hôm đó, thầy trò Tôn Giả sắp xếp hành lý chuẩn bị khởi hành. Tôn Giả lại sai người sang chùa Lạp Đánh, bảo với Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung rằng Ngài đã trở lại Tây Tạng rồi. Tôn Giả dùng định lực mà gia trì cho họ. Y theo lời dạy của Tôn Giả, họ đến chùa Lạp Đánh. Lúc họ chưa lên núi, thì những người trong chùa đã biết tin, nên muốn báo cho Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung biết. Song, ngày đó

Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung vì có việc bận rộn, nên đóng cửa phòng. Họ liền đứng bên ngoài kêu lớn:

- Nay Thầy tự ý sống biệt lập; Thầy có hay Tôn Giả đã bị Chúng Đôn Ba cướp mất rồi không ?

Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung nghe thế, nên kinh hoàng vội vàng cỡi ngựa chạy đuổi theo. Đồ chúng của Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung cũng chạy đuổi theo kịp. Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung bảo đồ chúng:

- Bắt được Chúng Đôn Ba thì hãy đánh !

Đến bên bờ cửa sông Văn, Tôn Giả sợ Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung tạo những việc bất lợi, nên bảo Chúng Đôn Ba hãy đi trước, rồi cùng với đồ chúng từ từ lên thuyền mà sang sông. Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung chạy đuổi đến, rồi kêu gáp:

- Sao Tôn Giả không cáo từ với đệ tử ? Tôn Giả không niệm tình đệ tử sao ?

Tôn Giả cười đáp:

- Người có niệm tình Ta đâu ?

Ngựa của Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung bị trượt chân xuống nước mà chết. Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung muốn phỉ báng Du Già Sư nhưng không nói được, lại nóng lòng muốn thỉnh Tôn Giả trở về. Tôn Giả bảo:

- Nay vị đại Thiện Xảo ! Chớ nói lời đó !

Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung thưa:

- Con xin nguyện thừa sự cúng dường Tôn Giả.

Tôn Giả lấy mũ xuống quăng đi. Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung chẳng còn lời nào để nói, chỉ còn biết nhặt mũ dăng lên Tôn Giả rồi quay về.

Tối hôm đó, Chung Đôn Ba trú tại vùng Ca Khúc; Tôn Giả trú tại vùng Văn Địa.

Lúc đến chùa Tang Da, Tôn Giả đọc duyệt lại các kinh luận chữ Phạn, rồi bảo:

- Do nạn binh lửa, tại Ấn Độ chẳng còn các quyển kinh luận này. Trái lại, nơi đây còn có rất nhiều. Điều này chứng minh rằng Phật pháp đã từng hưng thịnh một thời.

Về sau, Tôn Giả sao chép lại các quyển kinh luận như Minh Hiển Trung Quán Luận, kinh Hoa Nghiêm, v.v... gởi về Ấn Độ. Lúc trú tại chùa Tang Da, có A Khách làm thí chủ, Tôn Giả giảng Bát Thiên Tụng.

Bấy giờ, có những ngoại đạo đến quấy rầy Tôn Giả bằng cách đọc tụng những lời bản thủ. Một gã nọ bảo:

- Ông tỷ kheo (113) này chẳng dạy được điều gì cả. Các dịch giả của ông ta chẳng dịch được gì cả. Ông ta chẳng có thời giờ để giảng dạy. Nhà vua cũng chẳng hiểu biết gì cả.

Một gã khác bảo:

- A Đề Sa chẳng có thời giờ để cầu khẩn thánh thần. Vị vua trẻ suốt ngày bận rộn hành những nghi lễ phiền toái, nên chẳng có chút thời giờ để suy nghĩ.

Một gã khác viết: "Từ khi đến Tây Tạng, A Đề Sa chỉ gieo bao tai họa chứ chẳng truyền bá đạo pháp gì cả."

Tôn Giả nghe những lời này bảo:

- Phải tránh xa những lời thách thức hèn hạ đó cả trăm do tuần.

Lúc được thỉnh chúng hỏi về đời vị lai, Tôn Giả đáp:

- Ta phải nói gì đây ? Song, điều chắc chắn là Ta sẽ không tái sinh ở Tây Tạng.

Khi họ hỏi lý do tại sao như thế, Tôn Giả đáp:

- Người Tây Tạng các ông chẳng biết lễ kính bậc sư trưởng, và chẳng biết cách chân thật cúng dường Tam Bảo.

Lần nọ, Tôn Giả cũng bảo Chúng Đôn Ba:

- Người Tây Tạng các ông chẳng biết tôn trọng cung kính bậc sư trưởng. Các ông nghĩ rằng sư trưởng chỉ là người phàm phu !

Khi ấy, vị quan ở Tiên Tạng lúc trước được đại sư Chúng Đôn Ba hóa độ, nay sai người đến nghênh đón Đại Sư. Đại Sư bảo:

- Nay Ta chẳng có thời giờ rảnh rỗi. Tôn Giả còn trụ thế, nên việc thừa sự Tôn Giả là trọng yếu nhất. Đến khi nào Tôn Giả viên tịch, và nếu không gặp hoạn nạn, Ta sẽ thọ sự cúng dường.

Đại Sư lại viết ba mươi sáu bài kệ tụng, và gởi cho Diệu Kiết Tường Kim Cang Tượng để làm chứng tín.

Kế đến, đại sư Chúng Đôn Ba đem hai trăm con ngựa tới, cung thỉnh Tôn Giả đến Lạp Tát. Bấy giờ, dân chúng thấy trâu ngựa đi theo Tôn Giả rất đông, nên bàn tán dị nghị cho là quá tham lam. Chư đệ tử thưa:

- Bạch Tôn Giả ! Sao không bán các con ngựa đó ?

Tôn Giả bảo:

- Các người có bán được cha mẹ chẳng ?

Lúc đi đến gần vùng núi Tang Da, thầy trò trú qua đêm. Tôn Giả bảo:

- Con ngựa già thật đáng thương !

Nói xong, Tôn Giả đi ra xem thấy một con ngựa già bị té quy xuống một hang hồ, bèn bảo đồ chúng cứu nó lên. Mỗi khi gặp trâu dê, Tôn Giả đều bảo chúng:

- Nguyên cho các người được an lạc !

Có người hỏi Tôn Giả:

- Sao Tôn Giả có những cử chỉ thương mến súc vật như thế ?

Tôn Giả đáp:

- Ta có lòng thương trải đến súc vật cũng như loài người.

Đến bất cứ nơi nào, Tôn Giả đều vuốt ve lo lắng chăm sóc cho súc vật, bảo:

- Cầu nguyện đời sau các người sẽ tái sanh vào những cõi lành hơn.

Đối với quan niệm của dòng quý tộc Tây Tạng, những cử chỉ vuốt ve và nói chuyện với súc vật như thế thật chẳng có phẩm cách. Thế nên, Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung thưa:

- Kính xin Tôn Giả hãy hành như người thuộc dòng quý tộc. Xin chớ vuốt ve hay nói chuyện với súc vật như thế.

Tôn Giả bảo:

- Đối với Ta, niềm thương súc vật được xếp hàng đầu, còn lòng thương dòng quý tộc Tây Tạng chỉ là thứ yếu. Ta rải tâm từ bi mạnh mẽ hơn đến với những loài yếu đuối.

Xưa kia, lúc ở chùa Tỳ Trát Ma Thi La, Tôn Giả thường lo lắng chăm sóc một con chó nằm dưới cầu thang mà Tôn Giả thường bước qua lại. Kết quả, con chó đó sau này tái sinh thành một họa sĩ, rồi theo Tôn Giả xuất gia làm tỳ kheo. Vị thầy này có lần yêu cầu Kim Cang Thủ:

- Xin hãy đoán về tương lai của tôi.

Ngài Kim Cang Thủ đáp:

- Ông thân cận gần gũi với tôn giả A Đề Sa, vậy hãy hết lòng cung kính hầu hạ Tôn Giả. Hãy cố gắng vẽ chân dung của Tôn Giả càng nhiều càng tốt để tạo phước báo.

Lúc đến chùa Cổ Bì, Tôn Giả trú qua nửa tháng. Kế đến, dịch giả Thiện Huệ cung thỉnh Tôn Giả tới Lạp Tát. Bấy giờ, Bồn Tôn Đại Bi hóa hiện thân phàm phu, cung ngưỡng và tán thán Tôn Giả:

- Lành thay ! Lành thay ! Vị Đại Thiện Xảo !

Nói xong, vị này liền biến mất. Tôn Giả vội xuống ngựa, nhưng chẳng gặp. Khi chư đệ tử hỏi han có sự, Tôn Giả bảo:

- Các ông có thấy vị đó không ?

Họ thưa:

- Bạch Tôn Giả ! Thấy ai vậy ?

- Vị đó chính là Bồ Tôn Đại Bi. Ta muốn đánh lễ mà chẳng kịp.

Khi Tôn Giả vừa đến chùa Đại Chiêu, thì một người đàn ông râu dài cao lớn hiện trước cổng chùa hoan nghinh:

- Cung nghinh vị đại sĩ ! Nguyện Ngài chóng đạt quả vị tối thượng.

Tôn Giả thấy vị này, bèn bước đến. Song, vị đó quay đầu lại đi trở vào chùa và nhập vào thánh tượng Bồ Tát Quán Âm. Thế nên Tôn Giả bảo:

- Nơi đây, Ta được đánh lễ các tôn tượng và được gặp Bồ Tát Quán Âm. Lúc lễ bái thánh tượng Phật Thích Ca, Tôn Giả bảo:

- Đây chính là hóa thân chân thật của đức Phật.

Nói xong, Tôn Giả bảo các họa sĩ người Ấn Độ họa vẽ lại chân dung của thánh tượng đó. Họ vẽ xong, Tôn Giả bảo:

- Chẳng giống.

Họ vẽ lại bảy lần, Tôn Giả mới bảo:

- Nay mới phảng phất giống thánh tượng Thích Ca.

Tôn Giả giữ lại bản vẽ rồi tự thân cúng dường; bôn ý Tôn Giả muốn gởi về Ấn Độ nhưng không được, nên đành để bức tranh đó lại Nhiếp Tạng.

Lúc đi ngắm xem cảnh chùa Đại Chiêu, Tôn Giả kinh ngạc:

- Làm sao người Tây Tạng có thể xây được một ngôi chùa trang nghiêm tráng lệ như thế !

Vừa suy nghĩ xong, Tôn Giả chợt thấy một bà lão rách rưới điên khùng; có khi bà ta thị hiện tánh tham dục không chán; đôi khi bà ta thị hiện bố thí đồ vật tùy theo sở thích của người; bà ta bảo Tôn Giả:

- Ông có muốn biết về lịch sử của ngôi chùa này chăng ?

Tôn Giả biết đây là Tự Tại Du Già Mẫu, nên quán tưởng đánh lễ cúng dường, và đáp:

- Thật đúng như ý nguyện !

Bà ta bảo:

- Quyển sách ghi về lịch sử của ngôi chùa này được chôn sâu độ hai ba khuyu tay ở ngay cổng chùa. Ông chớ nói việc này với người khác.

Tôn Giả bèn đến nơi đó, đào lên được quyển sử đó. Bây giờ, một vị đại thiện thần hộ pháp của ngôi chùa đó, báo mộng rằng Tôn Giả chỉ được sao chép trong vòng một ngày. Thức dậy, Tôn Giả bảo Chúng Đôn Ba, Thiện Huệ, Du Già Sư sao chép lại. Song, họ chỉ sao chép lại được phân nửa, vì chữ viết trong quyển đó không rõ. Quyển này Tôn Giả giao cho Du Già Sư cất giữ; đến thời Đạt Lai Lạt Ma đời thứ năm, vị này y theo quyển đó mà viết thành quyển Đại Chiêu Chí.

Lúc đến chùa Hoan Hỷ Quang Huy Châu (114), Tôn Giả giảng vô lượng giáo pháp Hiên-Mật cho chư thiện tri thức ở khắp bốn phương. Bây giờ, dịch giả Thiện Huệ làm thượng thủ, cung thỉnh Tôn Giả giảng Trung Quán Tâm Luận (115), và tự ghi chép lại lời giảng giải của Tôn Giả mà viết thành hai loại luận quảng và lược, rồi trình lên cho Du Già Sư xem. Du Già Sư bảo:

- So với lời giảng dạy mà Tôn Giả ban truyền riêng cho tôi, thì những lời này thật rất thâm sâu.

Lúc Tôn Giả trú tại Lạp Tát, dân chúng Tây Tạng tin rằng nhờ phước đức của Tôn Giả mà họ được trúng mùa cũng như có rất nhiều điềm lành xuất hiện.

Khi hoằng pháp tại Lạp Tát, Tôn Giả thấy có rất nhiều hiện tượng hy hữu. Tôn Giả lại gặp vô lượng Du Già Mẫu, và cũng gặp một vị đại A La Hán; vị A La Hán đó bảo rằng Lạp Tát là một khu rừng hoang dã lớn, và đặc biệt là nơi tu hành Mật pháp thù thắng. Bây giờ, Tôn Giả hoan hỷ trú trong chùa Đại Chiêu, ngày tháng tu hành, tâm không thấy chán.

Khi ấy, dịch sư Thiện Huệ nhớ lại việc xưa ở chùa Tang Da, nên đặc biệt chú ý, và thật thấy Tôn Giả đi trên hư không, chân chẳng chạm đất, bèn bạch Tôn Giả:

- Xưa kia, tại chùa Tang Da, ni sư già thanh tịnh thấy rõ việc Tôn Giả đi trên hư không. Nay con cũng thật thấy việc này !

Tôn Giả bảo:

- Lúc trước, tại Ấn Độ, chư sư cũng thường nói lời này (116).

Đại sư Chúng Đôn Ba cũng thường thấy Tôn Giả hiển hiện thân thông như đi trên hư không, biến hình vào lỗ của một cây tre nhỏ.

Bây giờ, Chúng Đôn Ba làm thượng thủ; chư thiện tri thức ở Tây Tạng cung thỉnh Tôn Giả dạy pháp đi nhiều Phật. Tôn Giả bảo:

- Thiện căn của chư hữu tình được phát triển, không gì lớn bằng việc đi nhiều Phật.

Tôn Giả lại giảng về lịch sử của các vị hành giả Ấn Độ; do đi nhiều thành quách, tự viện, thánh tượng Phật và Bồ Tát mà đắc đại thành tựu.

Vào buổi sáng nọ, Tôn Giả bảo Du Già Sư:

- Có một Du Già Mẫu đang đến.

Du Già Sư hỏi:

- Sao Tôn Giả biết ?

- Chư Thiên đang cung nghinh ở trên hư không.

- Du Già Mẫu đó là ai ?

- Là bà lão nghèo cùng, có lúc cười, có lúc khóc.

Du Già Sư bèn vội chạy ra xem, nhưng bà ta đã đi mất.

Trú tại Lạp Tát qua một mùa đông, thì có Bồ Đề Bản cùng bảy thiện tri thức đến cung thỉnh Tôn Giả tới vùng Da Bạt để giảng Mật pháp.

Khi ấy, Dạng Tôn A Khuyêch Bạt tới thừa sự cúng dường, cầu thỉnh Tôn Giả ban giáo pháp. Tôn Giả bảo:

- Này Thiện Nam Tử ! Thọ mạng của ông rất ngắn, sở tri lại rối rắm, chỉ nên nghe ít lời giảng giải; ông nên cố gắng tu hành thiện quán, thì kéo dài tuổi thọ, và tự thấp sáng ngọn đuốc trí huệ trên con đường cầu đạo giác ngộ.

Lần nọ, có một ni sư đem lễ vật đến cúng dường Tôn Giả và thị tịch cùng ngày.

Hôm sau, Tôn Giả bảo Du Già Sư:

- Ni sư kia đã tịch mất.

Du Già Sư thưa:

- Hôm qua vừa mang lễ đến cúng dường, sao nay đã tịch mất ?

- Bà ta đã vãng sanh lên cõi trời. Nay lại đến cúng dường cảm tạ.

Đương thời, đại sư Chúng Đôn Ba đi khắp nơi tìm lễ vật cúng dường, được tài vật rất nhiều, rồi cúng dường hết cho Tôn Giả, như 108 lạng vàng ròng, hai mươi một con ngựa, cùng cả 108 loại lễ vật khác. Từ khi đến Tây Tạng, chưa bao giờ trong một ngày Tôn Giả được cúng dường nhiều tài vật như thế (117). Bấy giờ Chúng Đôn Ba thỉnh hỏi về công đức của Tôn Giả, rồi ghi chép thành truyện, cùng tạo kệ tụng tán thán. Tôn Giả lại lược thuật về các việc khổ hạnh chuyên tu hành xưa kia của mình, và bảo:

- Các ông đã không lao nhọc tu hạnh khó hành, mà lại được nghe pháp thậm thâm, đạt nhiều lợi ích lớn. Do nhân duyên may mắn như thế, hãy nên cố gắng tu trì.

Tôn Giả lại lược thuyết sự tích của Thiện Tài Đồng Tử, Tát Đà Ba Lôn, Bồ Tát Pháp Thượng, và bảo:

- Các bậc sư trưởng chẳng còn tham dục, nên khiến người thừa sự cúng dường được nhiều phước đức duyên lành.

Lần nọ, Ca Ngõa Thích Ca Tự Tại cung thỉnh Tôn Giả đến vùng Lăng Bạc ở một tháng. Lần khác, đang giảng kinh, Tôn Giả chợt bước xuống tòa. Chúng Đôn Ba hỏi:

- Vì việc gì mà Tôn Giả bước xuống pháp tòa ?

Tôn Giả niệm: "Nam mô Phật Đà Da; nam mô Đạt Ma Da; nam mô Tăng Già Da",
rồi bảo Chúng Đôn Ba:

- Nay Cận Sự ! Nơi đây có một đại "Phi Nhân", phải nên hàng phục !

Bấy giờ có "Phi Nhân" tên là Chấn Ca, muốn ám hại Tôn Giả nhưng không thành.
Tôn Giả dùng pháp Mã Đầu Minh Vương mà hàng phục "Phi Nhân" đó.

Trở về Da Bạt, Tôn Giả lại được Bảng Đôn thỉnh đến Nhiếp Đường. Khi ấy, có các
vị đại nhân Tây Tạng đến Nhiếp Đường thỉnh Tôn Giả ban pháp, khiến đoạn trừ
nghi hoặc; tất cả cư sĩ đều giữ gìn giới cấm; tất cả Mật Sĩ đều trụ nơi tam muội da.
Tóm lại, Tôn Giả đã an lập chư tăng và kẻ phàm quay về quy y Tam Bảo; vì vậy,
mọi người đều xưng tán Tôn Giả là Tam Quy Y Giả (118). Lúc đến vùng Nga
Nhật, Tôn Giả tuyên thuyết các loại pháp về nghiệp quả; thế nên, mọi người lại
xưng tán Tôn Giả là Nghiệp Quả Giả.

Lần khác, có bốn đại thiện tri thức như Dạng Na Khung Đôn thầy, đến cung thỉnh
Tôn Giả thuyết pháp. Khi ấy, Tôn Giả đang ngồi thiền quán. Sau khi đứng dậy,
Tôn Giả nhìn họ rồi thốt lời:

- Dường như trước mặt Ta là những vị đại thiện tri thức của Tây Tạng.

Họ thưa:

- Chúng con đến đây để cầu thỉnh Tôn Giả giảng giải về các phương pháp nhiệt
tâm thiết yếu.

Tôn Giả bèn giải thích cho họ nghe về sự khác biệt giữa Phật giáo và ngoại đạo, và
bảo:

- Nói chung, có rất nhiều phương pháp nhiếp tâm. Song, quý vị nên có chánh kiến về một phương pháp nhiếp tâm chính yếu. Đối với những phương pháp nhiếp tâm khác, chỉ cần biết rõ cốt tủy của chúng là đủ rồi.

- Xin Tôn Giả hãy giảng giải cho chúng con về phương pháp nhiếp tâm chính yếu đó. Lại nữa, làm thế nào để chúng con tu học ngắn gọn về những phương pháp nhiếp tâm khác ?

Tôn Giả bảo:

- Phương pháp nhiếp tâm chính yếu vốn là phát khởi tâm từ bi. Phải dùng tâm từ bi, trải rộng khắp tất cả năm loài hữu tình; do không đành lòng nhìn xem sự thống khổ của họ, nên phải phát tâm Bồ Đề; được như thế thì hành giả mới đầy đủ hai tư lương Phước Huệ; nhờ đó mà sanh thiện căn, rồi hồi hướng tất cả công đức đến mọi loài hữu tình. Kế đến, tu nội ngoại giáo pháp, như huyễn như mộng. Phải nhiếp tất cả tâm yếu như thế...

Bấy giờ có một vị tên là Bảo Sư thỉnh hỏi Tôn Giả về pháp phương tiện chẳng gia công thêm sự tu hành mà thành Phật. Tôn Giả bảo:

- Ta cũng muốn giảng về việc này. Song nếu chưa đủ hai tư lương phước huệ mà cũng đạt được Phật quả thì điều đó Ta chưa từng biết đến.

Khi ấy, các vị thiện tri thức muốn cầu thỉnh Tôn Giả ban truyền giáo pháp. Dạng Na Khung bảo:

- Dẫu thỉnh cầu pháp gì, Tôn Giả chỉ dạy tu phát tâm Bồ Đề mà thôi.

Tôn Giả nghe lời này, bảo:

- Dạng Na Khung nói đúng. Chẳng những người Tây Tạng mà người Ấn Độ cũng thường thích được ban truyền giáo pháp, nhưng lại chẳng muốn thực hành. Những người như các ông chẳng tin vào sự cao thượng lớn lao của tâm Bồ Đề.

Tôn Giả cũng thường nhấn mạnh chính vào tâm Bồ Đề. Trong một quyển luận, Tôn Giả viết: "Con kính lễ tâm Bồ Đề. Chỉ có tâm Bồ Đề mới diệt trừ bao nỗi thống khổ và cứu giúp chúng sanh ra khỏi biển sanh tử luân hồi. Tâm Bồ Đề mang chúng sanh lên quả vị Phật."

Lúc Tôn Giả còn ở lại vùng Nhiếp Đường, có một vị đại thành tựu người Ấn Độ đến viếng thăm. Tôn Giả cùng vị này vui vẻ đàm đạo suốt đêm. Sáng hôm sau, đại sư Chúng Đôn Ba thỉnh hỏi:

- Tôn Giả chắc rất vui mừng khi gặp vị pháp hữu từ cố hương đến viếng thăm. Chúng con nghe Tôn Giả vui cười rất nhiều. Vậy vị này mang tin gì đến ?

Tôn Giả bảo:

- Đúng ! Có một việc rất đáng buồn cười ở Ấn Độ. Một Du Già Sư tu pháp Hộ Kim Cang tuyên bố rằng đã chứng quả Tu Đà Hoàn (119). Dẫu người này thực đã chứng quả Tu Đà Hoàn, thì điều này chứng minh rằng ông ta chẳng phát tâm Bồ Đề cầu giác ngộ, mà chỉ hành theo giáo pháp Tiểu Thừa.

Lần nọ, đại sư Chúng Đôn Ba tự trình kiến giải của mình về chánh nghĩa của phái Trung Quán-Nguyệt Xưng cho Tôn Giả nghe:

- Thật khó lòng hiểu hết tám mươi bốn ngàn pháp môn. Vì vậy, con chỉ thiên quán thâm sâu về lý giải của Tánh Không.

Tôn Giả liền hướng về phía đông, chấp tay mà nói:

- Hiện tại ở miền đông Ấn Độ cũng còn duy trì kiến giải này. Đất Tây Tạng có đại hữu tình như ông, nên phước báo thật chẳng tẻ bạc; nếu biết như thế, Ta cũng chẳng cần đến đây.

Nói xong, Tôn Giả lại ban truyền giáo pháp về chánh kiến của phái ngài Nguyệt Xung cho đại sư Chúng Đôn Ba.

Ngày nọ, Tôn Giả chợt hỏi đại sư Chúng Đôn Ba:

- Xưa kia ông bảo rằng vào mùa đông hoa vẫn nở; vậy hoa đó ở nơi đâu ?

Đại sư Chúng Đôn Ba liền thỉnh mời Tôn Giả đến một vùng bình nguyên ẩm áp. Nơi đó, đại sư Chúng Đôn Ba nhặt lấy một cành hoa cỏ nhỏ, rồi dâng lên cho Tôn Giả. Tôn Giả hoan hỷ bảo:

- Ông thật giỏi phương tiện, nên chẳng thành vọng ngữ !

Nhân dịp đó, Tôn Giả giảng về phước đức cúng hoa, và răn nhắc rằng không được cúng dường Tam Bảo các loài hoa độc. Tôn Giả lại nói về loại hoa sen xanh; lúc có gió lớn thì không thể khai nở. Tôn Giả bảo:

- Ông thích hoa như thế này, thì phải gia trì cho vùng này, khiến hoa được khai nở.

Lần nọ, Tôn Giả bảo:

- Hôm nay Ta không muốn tiếp khách. Chớ cho người vào đây.

Ngày đó có một kẻ lạ mặt, tự xưng là đem lễ vật cúng dường từ Ấn Độ sang để dâng cho Tôn Giả. Khi chư đệ tử Tôn Giả đang thu nhận lễ vật cúng dường thì kẻ lạ mặt vội lấy từ sau lưng ra bàn tay sắt, rồi phóng nhanh vào phòng Tôn Giả ở để

ám hại, nhưng không đạt kết quả. Tôn Giả bảo đại chúng rằng kẻ đó là ngoại đạo ở Ấn Độ, vì muốn ngăn trở sự hoằng dương Phật pháp của Tôn Giả mà định ám hại.

Ngày khác, hai vị tỳ kheo Tiểu Thừa Ấn Độ, có đủ mười hai loại phước đức, đến tham bái, thỉnh hỏi pháp nghĩa. Lúc Tôn Giả giảng giải về pháp Bồ Đặc Già La Vô Ngã, rồi đến pháp Vô Ngã, thì hai vị tỳ kheo đó bịt tai bảo:

- A Đề Sa chớ nói lời đó. Kinh sợ thay ! Kinh sợ thay !

Tôn Giả bảo:

- Chưa tích tụ và tu tập đủ tư lương thù thắng thì không thể kham nghĩa Chân Không. Song, hộ giới thanh tịnh không ai sánh bằng (120).

Lần nọ, có người do các đệ tử Tôn Giả ở Ấn Độ phái đem đồ cúng dường đến, Tôn Giả hỏi:

- Gần đây Ấn Độ có việc hy hữu gì mới chăng ?

Họ thưa:

- Có một vị Du Già Sư kiến lập một ngôi am thất nhỏ tại một cung thành lớn; qua mười hai năm tu hành, thì đắc đại thành tựu. Hiện tại hóa thân vô lượng, y theo lòng từ bi mà thuyết pháp. Lại có một vị Du Già Mẫu cúng dường năm Mạn Đà La; từ các Mạn Đà La đó, xuất hiện hoa sen; hoa sen nở trong bảy ngày mà không tàn, v.v...

A Lan Nhã Giả tu hành tại Ngưỡng Ca Ma; vào đêm nọ chợt nghe một tiếng nổ to, rồi thấy một con bò cạp lớn, bò đến định chích. Lúc A Lan Nhã Giả cầu nguyện

Tôn Giả cứu giúp, thì con bò cạp đó chột biến mất. Sáng hôm sau, Tôn Giả hỏi A Lan Nhã Giả:

- Đêm hôm qua ông kêu Ta làm gì ?

A Lan Nhã Giả chột giật mình, và thuật lại sự tình. Tôn Giả bèn ban truyền hết pháp Thủ Hộ Du Già Hành Giả, Bất Động Tôn Minh Vương cho A Lan Nhã Giả.

Cũng như A Lan Nhã Giả, một người đệ tử của Tôn Giả ở Ấn Độ gặp trở ngại khó khăn trong lúc hành thiền quán. Song, khi vị này cầu nguyện Tôn Giả gia hộ thì hành thiền được dễ dàng.

Kế đến, dịch sư Giới Thắng nhờ đại sư Chúng Đôn Ba cầu thỉnh Tôn Giả dạy pháp chuyên tu và dịch kinh, v.v... Ba tháng sau, có các thiện tri thức như Nhung Đôn Cách Ngõa thầy, cầu thỉnh Tôn Giả ban pháp Hiển-Mật. Đại sư Chúng Đôn Ba lại mời các dịch sư đồng cộng sự dịch những kinh luận mà Tôn Giả đang giảng như Tập Bồ Tát Học Luận, Tập Kinh Luận, Nhập Hạnh Luận, Bồ Đề Đạo Đẳng Luận (121), v.v...

Kế tiếp, chư dịch sư thỉnh Tôn Giả ban pháp thượng, trung, hạ căn. Tôn Giả bảo:

- Những pháp đó, các ông nên tự thiện xảo học lấy.

Nói xong, Tôn Giả vẫn chưa truyền.

Từ đó, trong năm tháng, Tôn Giả không còn giảng kinh luận; mỗi lần giảng giải chỉ dùng thi ca mà diễn dịch. Theo Hiển Giáo, Tôn Giả giảng bài Pháp Giới Ca, Xuất Ly Lưu Chuyển Ca, Lục Lạc Ca, Bồ Đề Tâm Ca, v.v... Những bài ca này đa số Tôn Giả y theo Không Hành Mẫu tu tập Mật Thừa thậm thâm mà viết thành; trong đó, có Kim Cang Ca, Hành Kim Cang Ca, Tu Kim Cang Ca, Kim Cang Pháp Ca,

v.v... Các dịch sư cũng được phép phiên dịch những bài ca đó. Dịch sư Giới Thắng lại cầu thỉnh pháp chuyên tu. Lúc ấy, Tôn Giả hiển hiện tướng có chút bệnh; do cúng dường Bồ Tôn, và sự xuất hiện của Bồ Tôn, nên bệnh của Tôn Giả được thuyên giảm.

Lúc Tôn Giả trú tại Nhiếp Đường, Bồ Tôn hiển hiện rất nhiều lần; có khi trong một tháng các ngài hiển hiện cả mười lăm đêm; ba đời chư Phật, chư Bồ Tát đều hiển hiện thân khác nhau vào mỗi buổi tối. Vào đêm nọ, trong giấc mộng, nghe âm thanh trong trẻo của một phụ nữ dáng hình đoan trang mỹ miều, Tôn Giả tự nhủ rằng không nên lắng nghe, nên nhắm mắt chẳng nhìn. Vị kia bảo:

- Ta là mẹ của ông đây, sao không muốn nhìn ?

Trong mộng Tôn Giả bảo:

- Mẹ của Ta chẳng còn sống.

- Độ Mẫu của mẫu thân mà không muốn nhìn sao ?

Tôn Giả bừng tỉnh dậy, thấy vị Độ Mẫu đang trụ trên hư không, có bao loại châu báu trang nghiêm thân tướng.

Ngày nọ, một Du Già Sư nổi tiếng đến viếng thăm Tôn Giả. Sau khi đàm đạo với Tôn Giả xong, vị Du Già Sư đó cáo từ. Lúc được hỏi rằng vị đó là ai, Tôn Giả đáp:

- Vị đó là một pháp hữu quen biết của Ta.

Trong ngày đó, lúc Du Già Sư đang mang cơm đến cúng dường, chợt thấy Tôn Giả ngửa mặt lên hư không, hô to:

- Di Lặc ! Di Lặc !

Thế nên, Du Già Sư chưa đem cơm vào phòng của Tôn Giả được mà thôi lui. Lần thứ hai, định đem cơm vào, thì Du Già Sư cũng thấy Tôn Giả hô lên như thế, nên cũng phải thôi lui.

Bấy giờ, đại sư Chúng Đôn Ba bảo:

- Này A Mai ! Chớ để phân cơm của Tôn Giả nguội lạnh.

Du Già Sư bèn nói:

- Tôn Giả thấy đức Từ Thị (122), mà chúng ta chưa từng được thấy.

Du Già Sư lại đem cơm vào dâng cho Tôn Giả lần thứ ba, nhưng cơm đã nguội lạnh. Tôn Giả bảo:

- Hãy để đó ! Ta sẽ dùng sau.

Chốc lát sau, Du Già Sư thỉnh hỏi nhân duyên có sự; Tôn Giả bảo:

- Hôm nay có Bồ Tát Văn Thù và Từ Thị đến trụ trên hư không, và giảng luận pháp nghĩa Đại Thừa; Kim Cang Thủ đứng bên cạnh hộ trì ngăn ma chướng; chư Thiên Tử trụ trên hư không mà ghi chép. Nay Ta phải ghi lại những lời giảng dạy, và vẽ lại bức tranh đó.

Tôn Giả tự pha mực, viết lại những lời giảng dạy của Bồ Tát Văn Thù và Di Lặc, cùng tự vẽ chân dung của chư Bồ Tát. Tôn Giả lại triệu vời chư đại thiện tri thức Ấn Độ đến vẽ thêm sắc thái về tôn tượng của Bồ Tát Di Lặc và Văn Thù. Những bức tượng đó vẫn được giữ ở Nhiếp Đường. Khi ấy, Tôn Giả bảo:

- Chân thân của chư Phật và chư Bồ Tát đều là màu vàng kim.

Chư đệ tử thỉnh hỏi:

- Chư Phật và chư Bồ Tát sao lại có hình tướng khác biệt ?
- Vì để hàng phục loài hữu tình, nên hiện bao hình tướng khác biệt.

Lần nọ, mọi người đều thấy chư Thiên rải hoa cúng dường Tôn Giả. Tôn Giả cũng bảo:

- Những cánh hoa trời đó do vua trời Phạm Thiên rải xuống.

Ngài Bảo Hiền cũng từng tán thán Tôn Giả:

- Bạc sư trưởng của trời người ! Ứng Thân của Tôn Giả được trang nghiêm bằng giới đức.

Lần khác, một người đệ tử thấy có vị thần đầu ngựa đang đứng chấp tay cung kính trước mặt Tôn Giả, bèn hỏi:

- Vị thần đó là ai !

Tôn Giả đáp:

- Đó là Thiên Vương Khẩn Na La (123).
- Tôn Giả chẳng sợ sao ?
- Tại sao Ta phải sợ ! Ông ta cũng như loài người, nhưng có hình tướng khác biệt.

Lần nọ, Tôn Giả bảo Chúng Đôn Ba:

- Tất cả kinh nghĩa Đại Thừa, hết thầy pháp quý của ngài Long Mãnh (Long Thọ), Vô Trước thầy, cùng đại đạo của ba đời chư Phật chư Bồ Tát, nay Ta đem phó chúc cho ông.

Đại sư Chúng Đôn Ba thưa:

- Kính xin Tôn Giả hãy truyền trao cho những vị khác. Bao loại giáo nghĩa Mật Chú Đại Thừa, sao Tôn Giả lại ban truyền cho con hết ? Đối với tri thức cạn cợt của con như vậy, thì làm sao gánh vác nổi trọng trách Phật sự to lớn như thế được !

- Trừ ông ra, chẳng ai xứng đáng được phó chúc. Hãy đảm đang trọng trách này. Ta sẽ thường gia trì cho ông.

Ngày nọ, đại sư Chúng Đôn Ba đóng cửa phòng của Tôn Giả rồi lui ra. Tôn Giả cũng bước ra, bảo:

- Thời giờ đã đến !

Lúc Tôn Giả sắp viên tịch, mọi hành vi cử chỉ của Tôn Giả, đại chúng đều thấy rõ. Ngày nọ, Tôn Giả bảo:

- Chư Thiên khải nhạc cúng dường Ta, vậy các ông có nghe chăng ?

Đại sư Chúng Đôn Ba thưa rằng chẳng nghe.

Ngày khác, Tôn Giả bảo:

- Chư sư trưởng của Ta từ cõi trời Đâu Suất đến nghinh đón. Nay Ta cũng sẽ sang cõi trời Đâu Suất.

Đại sư Chủng Đôn Ba nghe thế chẳng vui, và vội đi báo tin cho Giới Thắng. Giới Thắng liền đến hầu Tôn Giả. Bấy giờ có đệ tử của ngài Nỗ Nhiệt Bạt (Naropa) là Trí Sanh (Jnanakara) đang giáo hóa dân chúng ở vùng Ni Bạc Nhĩ; sau đó chẳng bao lâu sẽ trở về Ấn Độ. Tôn Giả nghe việc này, bèn bảo Giới Thắng:

- Hiện tại, chúng ta cùng chung sống nơi đây, nhưng đến tháng mười Ta sẽ lên cung trời nội viện Đâu Suất của đức Từ Tôn (Bồ Tát Di Lạc) để nghe Ngài thuyết pháp. Ông phải nên biết kể từ vô thủy cho đến ngày nay chỉ có một mình mình đến và một mình mình đi mà không có ai làm bạn lâu dài; chúng ta không thể sống gần nhau mãi. Ông đừng bịn rịn mà hãy nên đến Ni Bạc Nhĩ yết kiến ngài Trí Sanh mà cầu học pháp của Bồ Tát Long Mãnh (hay Long Thọ).

Giới Thắng nghe lời này liền rơi lệ, rồi tự bảo: "Ân Sư vốn do mình cung thỉnh sang đây; mình đã thọ học tất cả pháp yếu Hiển-Mật, nay bỏ đi sao đành !"

Tôn Giả biết tâm niệm như thế của Giới Thắng, nên bảo:

- Ông đưa Ta sang đây. Tất cả pháp của Ta, ông đều thông đạt hết. Tuy ông đi vào lúc Ta sắp tịch thì dường như chẳng hợp lý, nhưng người tu Mật giáo Đại Thừa thường phải tâm cầu tu học hết tất cả giáo lý Hiển-Mật. Vậy ông hãy nên đi ! Có điều trước khi đi ông nên cúng dường cầu nguyện.

Giới Thắng liền quảng thiết cúng dường, ân cần cầu nguyện cả một tháng. Đạt Mã Bồ Đề và Thích Ca Huệ Giả đến, thuật lại về sự thiện xảo của Trí Sanh, vị đang trú tại vùng Ni Bạc Nhĩ, và sắp trở về Ấn Độ. Giới Thắng bầm bực với Tôn Giả việc này. Tôn Giả bảo:

- Ta sẽ sang cõi trời Đâu Suất, với danh hiệu là Hư Không Vô Cấu Thiên Tử. Ông nên đắp vẽ tượng của Ta, rồi hoặc giữ lại hoặc gửi sang Ấn Độ. Từ cõi trời Đâu

Suất, Ta sẽ hiện xuống gia trì. Ông nên thường cúng dường cầu nguyện. Trong tháng này, có thể cúng dường.

Giới Thắng thưa:

- Vâng ! Con cũng cầu nguyện sẽ được vãng sanh lên cung trời Đâu Suất. Xin Tôn Giả từ bi quán đảnh gia trì cho những tôn tượng đó. Từ cung trời Đâu Suất, xin Tôn Giả từ bi gia hộ cho chúng con.

Giới Thắng liền thiết lễ cúng dường thêm nửa tháng. Khi ấy, các đệ tử của Tôn Giả đều tụ về và cùng nghị luận:

- Nay sư trưởng chẳng bao lâu sẽ không còn trụ thế. Trong số chúng ta đây, ai có khả năng đảm nhiệm giáo pháp của sư trưởng ?

Chẳng có ai ứng đáp. Giới Thắng bảo:

- Trong tất cả giáo pháp, đều thuyết rằng công đức do sư trưởng mà sanh; thừa sự sư trưởng, trong số chúng ta, chẳng ai bằng Chúng Đôn Ba. Đảm nhiệm trì giáo pháp của Tôn Giả, cũng chỉ có Chúng Đôn Ba.

Khi ấy, Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung bảo:

- Chúng Đôn Ba làm sao đảm nhiệm giáo pháp của Tôn Giả ? Giáo pháp của Tôn Giả, chỉ có Ta nhiệm trì được thôi !

Thật ra, như lời của Giới Thắng, chỉ có Chúng Đôn Ba là có khả năng nhiệm trì được.

Lần nọ, Du Già Sư nhủ thầm: "Do có chút ít phước đức, được thừa sự sư trưởng, nhưng chẳng thể tu hành."

Tôn Giả biết tâm niệm của Du Già Sư, nên bảo:

- Nếu dùng ba nghiệp thân miệng ý mà thừa sự sư trưởng, thì không cần tu pháp nào khác.

Về sau, A Lan Nhã Giả bảo:

- Chúng Đôn Ba A Xà Lê vốn là dịch giả. Du Già Sư vốn là vị hầu cận Tôn Giả; chỉ có Ta thường chuyên tu, nên chúng đắc công đức cao hơn hai vị đó.

Bấy giờ, Giới Thắng lo lắng đại thiện xảo Trí Sanh trở về Ấn Độ, lại sợ Tôn Giả mau chóng nhập Niết Bàn, nên buồn rầu thăm thiết, khiến thân thể gầy mòn. Tôn Giả bảo Giới Thắng:

- Hôm nay ông có thể đi.

Giới Thắng buồn thương, cầu nguyện Tôn Giả gia hộ cho, rồi cáo biệt.

Lúc ấy, các thiện tri thức ở Tây Tạng chê bai việc Giới Thắng bỏ Tôn Giả mà đi.

Đại sư Chúng Đôn Ba bảo:

- Ân lớn của Giới Thắng, ai có thể sánh bằng (tức chỉ cho công lao cung thỉnh Tôn Giả sang Tây Tạng) ?

Lúc sắp viên tịch, Tôn Giả tùy theo căn khí của mỗi đệ tử mà phó chúc. Khi ấy, Du Già Sư và A Lan Nhã Giả muốn nhập thất tĩnh tu, nên bạch:

- Từ nay về sau, chúng con phải nên tu hành như thế nào ?

Tôn Giả bảo:

- Tâm xả thế gian (124); ngay nơi đó, trước sau chớ rời Chúng Đôn Ba.

Hai vị này nghe lời này khiến tâm chẳng an, bạch:

- Đồng y sư trưởng mà thỉnh pháp, sao Tôn Giả lại bảo chúng con phải y theo
Chúng Đôn Ba ?

- Là do sự gia trì của Ta !

Lần khác, Tôn Giả đem hết tất cả tài vật, bảo Du Già Sư mang trở lại Ấn Độ (125),
và thuyết bài kệ:

"Chẳng bịnh là thắng lạc

Vui thí là thắng thí

Niết Bàn là thắng lạc

Y tâm là thắng bạn."

Du Già Sư nghe bài kệ này thì lãnh ngộ, nên bảo Chúng Đôn Ba:

- Hiện nay, Tôn Giả bảo phải mang vàng bạc sang Ấn Độ, nhưng chỉ sợ rằng
không còn dịp để diện kiến Tôn Giả. Xin sư huynh hãy cầu thỉnh Tôn Giả chớ sai
tôi đi.

Chúng Đôn Ba bảo:

- Tôi sẽ cầu thỉnh với Tôn Giả về điều này.

Lần khác, đang lúc đàm luận, Chúng Đôn Ba bạch:

- Du Già Sư và con có việc phải làm, nên lần này xin Tôn Giả chớ sai Du Già Sư
đi.

Tôn Giả bảo:

- Ý của Du Già Sư thật hiền thiện; sự việc sẽ được hoàn thành, nên phải đi.

Sau đó, Chúng Đôn Ba bèn bảo Du Già Sư:

- Tôn Giả muốn sư đệ đi, thì xin hãy y theo lời dạy.

Du Già Sư y lời dạy bảo, chọn ngày lành khởi hành. Đêm trước ngày khởi hành, Du Già Sư tự nhủ rằng sẽ không còn dịp để gặp lại Tôn Giả, nên rơi lệ mà cầu nguyện, khiến đôi mắt bị sưng vù. Lúc Du Già Sư khởi hành, Tôn Giả gia trì, bảo:

- Chớ xúc chạm đến số vàng này. Trên đường tuy gặp hoạn nạn, nhưng không bị hại chi.

Du Già Sư y theo lời dạy của Tôn Giả, đồng kết giao với các thương gia mà lên đường. Lần nọ, bọn cướp biết Du Già Sư đang mang vàng, nên đứng chặn bên bờ sông. Lúc Du Già Sư đi qua sông, bọn cướp ngủ mê chẳng thấy. Lần khác, Du Già Sư đến nước Ni Bạc Nhĩ, cư trú trong nhà dân làng. Khi nghe tin Tôn Giả viên tịch, Du Già Sư liền để tang. Bọn cướp trong vùng đó nghe tin Tôn Giả đã viên tịch, và biết Du Già Sư là người do Tôn Giả sai đi, nên biết chắc có mang tài bảo. Sợ Du Già Sư sẽ tự bỏ đi, nên đêm đó chúng bao vây ngôi nhà Du Già Sư đang cư trú. Du Già Sư thương cho những kẻ ngu si, muốn cướp đoạt tài vật của Tam Bảo, nên đêm ấy đã cầu nguyện Tôn Giả từ bi gia hộ. Sáng sớm hôm sau, lúc sắp khởi hành, Du Già Sư lấy vàng ra, bỏ vào quần áo. Khi bọn cướp chạy vào lục soát túi vải, thì Du Già Sư đã đi xa. Khi Du Già Sư gặp sứ giả của quốc vương Ấn Độ, liền giao số vàng đó cho người ấy mang sang Ấn Độ, rồi một mình trở về Tây Tạng (126).

Lần nọ, đại sư Chúng Đôn Ba bạch:

- Trong tương lai, con phải y theo ai ?

Tôn Giả bảo:

- Ta chưa thấy có ai làm thiện tri thức cho ông. Vậy hãy y theo kinh tạng mà làm bậc thiện tri thức. Lúc chưa đắc được thần thông, chỉ như người mù bán cung tên, nên chớ làm sự nghiệp gì cả. Sau khi đạt được thiện xảo, nên làm sự nghiệp lợi ích cho Phật pháp. Thánh giáo y nơi tăng chúng. Tăng chúng y nơi giới luật. Thế nên, phải khiến nhiều người thường trì giới luật; hoằng dương giới luật tức là khiến tăng đoàn được phát triển; có chư tăng tức có lợi ích cho thánh giáo. Thánh giáo trụ thế dài lâu thì làm lợi ích cho loài hữu tình. Chư Bồ Tát khi chưa đắc thần thông mà muốn làm lợi ích cho loài hữu tình, cũng phải khởi đầu bằng sự trì giới luật. Ngược lại, nếu không nghiêm trì giới luật thì hành giả chỉ như người mù bán cung tên.

Tôn Giả lại bảo Chúng Đôn Ba kiến lập chùa chiền, v.v... Chúng Đôn Ba phát nguyện rằng đời sau sẽ gặp lại Tôn Giả. Song, Tôn Giả bảo rằng từ đời nay trở đi, sẽ không còn gặp nhau nữa (127), nhưng sẽ có cơ hội tương kiến.

Lời di huấn cuối cùng của Tôn Giả cho chư đệ tử:

- Ta truyền trao giáo pháp lại cho Chúng Đôn Ba. Phải tôn kính Chúng Đôn Ba như tôn kính Ta. Chớ để thế pháp làm nhiều loạn. Ta sẽ thường ban phước lành cho các ông.

Tôn Giả tuy chứng đắc quả vị Kim Cang, vĩnh viễn xa rời phân đoạn sanh tử và biến dịch sanh tử, nhưng vì muốn hóa độ chúng sanh, nên hiển hiện thân phàm sanh ra trong loài hữu tình hoặc loạn.

Cuối cùng, vào ngày hai mươi tháng chín năm 1054, tại Nhiếp Đường, Tôn Giả bỏ sắc thân giả tạm, mà thọ hóa thân tri túc. Tổng cộng, Tôn Giả hoàng pháp lợi sanh ở Tây Tạng hơn mười bảy năm.

Sau khi Tôn Giả viên tịch, các thiện tri thức đều hỏi Chủng Đôn Ba rằng di thể của Tôn Giả phải an táng như thế nào. Đại sư Chủng Đôn Ba đáp:

- Như chư đại Thánh nhập Niết Bàn, phải làm lễ trà tỳ.

Lúc đại chúng đang dùng cơm, Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung tự nhủ: "Nay Chủng Đôn Ba chủ trì buổi lễ trà tỳ Tôn Giả, khiến tâm mình hoàn toàn bất an."

Lễ trà tỳ xong, đại sư Chủng Đôn Ba dùng sữa rưới lên linh cốt của Tôn Giả, rồi thâu nhật lấy, và hòa với bột trầm hương. Sau này, tại chùa Nhạ Trân, đại sư Chủng Đôn Ba lại đặt một phần lớn xá lợi của Tôn Giả vào một linh tháp bằng bạc. Bây giờ, Đại Sư tự nhủ: "Nếu được ít phần linh cốt và kinh thư của Tôn Giả, cùng ít phần thánh tượng thì mãn nguyện lắm rồi."

Người khác cũng muốn tranh giành; Đại Sư tâm tuy không vui, nhưng trí thâm độ lượng. Đêm đến, trong mộng Đại Sư thấy Độ Mẫu bảo:

- Sở cầu của ngươi, Ta sẽ giúp cho.

Sang ngày thứ tư, Ca Ngõa Thích Ca Tự Tại cõi một con lừa, rơi lệ sụt mướt mà đến. Đại sư Chủng Đôn Ba biết Ca Ngõa Thích Ca Tự Tại có thể phân chia linh cốt và kinh thư của Tôn Giả, nên giao chìa khóa và mọi vật sở hữu của Tôn Giả cho Ca Ngõa Thích Ca Tự Tại. Ca Ngõa Thích Ca Tự Tại vốn là người mà cả ba Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung, Chủng Đôn Ba, Thiện Huệ tin tưởng, nên đều hoan hỷ y theo sự phân chia của vị này. Ca Ngõa Thích Ca Tự Tại y theo ý của đại sư Chủng

Đôn Ba mà hành. Trong giữa đại chúng, Ca Ngõa Thích Ca Tự Tại nói với đại sư Chúng Đôn Ba:

- Trưởng tử phải thấu lấy hài cốt của người cha. Linh cốt của Tôn Giả phải do Thầy thấu lấy. Kinh điển chữ Phạn cũng phải đưa cho Thầy giữ lấy.

Ca Ngõa Thích Ca Tự Tại lại lấy các thánh tượng của đại sư Kim Châu, cùng các đồ vật mà Tôn Giả rất mực tôn trọng quý mến, đem giao hết cho đại sư Chúng Đôn Ba. Kế đến, vị này đưa cho Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung tượng Phật Thích Ca của đại sư Kim Châu đã từng ban cho Tôn Giả, khiến cho Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung vui mừng vô hạn. Vị này lại đem tượng Lục Tự Minh Vương giao cho Du Già Sư; đem tượng Bất Động Tôn giao cho A Lan Nhã Giả; đem tám ngôi thánh tháp, giao cho Thiện Huệ. Thế theo lời di chúc của Tôn Giả, tất cả tài vật của Tôn Giả đều được dùng vào việc xây cất chùa chiền.

Cuối năm đó, đại sư Chúng Đôn Ba giảng Bát Thiên Tụng; các thiện tri thức khác cũng giảng giải kinh luận. Họ lại kiến lập điện đường để làm nơi cúng dường Tôn Giả.

Chương III. Sự nghiệp lưu truyền, giáo pháp lan rộng

Các đại đệ tử của Tôn Giả đều có mặt tại các nơi như Ấn Độ, Ô Cản, Ni Bạc Nhĩ, Nga Nhật, Tiền Tạng, Hậu Tạng; mỗi vị đều có các công đức thù thắng, và có khả năng hoằng dương thánh giáo của Tôn Giả. Song, vị tối quan trọng nhất là đại sư Chúng Đôn Ba. Lúc trú tại Nhiếp Đường, Tôn Giả ban truyền cho đại sư Chúng Đôn Ba kinh luận của 157 vị đại sư truyền lại; ung tụng thì ban truyền pháp tụng; ung giảng thì ban truyền pháp giảng; ung trì Mật chú thì ban truyền pháp mật chú.

Danh đề của các kinh luận đó bằng chữ Phạn có cả 6475 loại. Đại sư Chủng Đôn Ba dùng ba nghiệp thanh tịnh, mà chí thành thừa sự hầu cận Tôn Giả như đức Phật. Giáo pháp của Tôn Giả, đại sư Chủng Đôn Ba đều tiếp thọ hết, như nước từ trong bình này chế sang bình khác. Mỗi mỗi kinh luận, Tôn Giả đều ban truyền không gián đoạn; được Tôn Giả gia trì và hành theo giáo pháp, đại sư Chủng Đôn Ba chẳng khởi tâm phân biệt vọng động. Vì vậy, tất cả giáo pháp của Tôn Giả, có thể bảo rằng đại sư Chủng Đôn Ba may mắn tối cực, thọ nhận được hết.

Lần nọ, lúc trú tại chùa Da Bạt, đại sư Chủng Đôn Ba tự nghĩ: "Chư hữu tình đời mạt thế, cầu uế thâm trọng; nay sư trưởng còn tại thế, phải khiến giáo pháp của Tôn Giả mãi mãi lưu lại thế gian để làm lợi ích cho thế nhân."

Thế nên, ngày đêm Đại Sư thường thỉnh hỏi pháp nghĩa, viết thành bài tụng, rồi từ từ kết tập thành một quyển luận, gọi đó là Vấn Đáp Ma Ni Mạn (1). Đại ý của quyển luận đó như sau:

"Bồ Đề Tát Đỏa Ma Ni Hoàn, kính lễ đại bi tôn, kính lễ chư sư trưởng, kính lễ Sở Tín Thiên (2),

Ứng đoạn tất cả nghi; ung ân cần tu hành.

Đoạn hôn mê giải đãi; thường khuyến tấn tu hành.

Niệm giác chẳng phóng dật; thường thủ hộ các căn.

Trong ba thời ngày đêm, phải thường quán tâm niệm.

Phải nhìn lỗi mình, chớ cầu lỗi của người.

Phải tu mật công đức; hiển công đức của người.

Đoạn lợi dưỡng cung kính; phải đoạn tâm cao ngạo.

Phải thiếu dục tri túc; đền đáp các ân đức.

Phải tu tâm từ bi; tâm Bồ Đề kiên cố.

Phải đoạn mười việc xấu; lòng tin thường chắc thật.

Đoạn phần nộ ngã mạn; phải hạ tâm thấp xuống.

Phải đoạn các tà mạng; giữ huệ mạng tồn tại.

Phải bỏ tham tài vật; dùng thánh vật trang nghiêm.

Phải đoạn tâm tạp nhạp; phải trụ A Lan Nhã.

Phải đoạn lời kiêu xa; phải phòng ngừa lời nói.

Thấy tôn trưởng thân giáo, phải cung kính thừa sự.

Nơi người đủ pháp nhãn, cùng các vị sơ nghiệp,

Phải khởi tướng đại sư; lúc gặp chư hữu tình,

Khởi tướng là cha mẹ; phải tránh các bạn ác.

Phải y thiện tri thức; đoạn tâm sân chẳng vui.

Phải hướng nơi an lạc; phải đoạn các tham dục.

Phải trụ nơi chẳng tham; tham chẳng được an lạc,

Khiến đoạn đứt huệ mạng; nếu thấy pháp an lạc,

Phải thường tận lực hành; lúc sanh tâm trầm tịch,

Phải khởi tâm đồng mãnh; phải tu tánh Không Quán.

Lúc cảnh tham sân khởi, phải quán như huyễn hóa.

Khi nghe các lời xấu, phải quán như âm vang.

Lúc thân bị tổn hoại, phải quán do nghiệp xưa.

Trụ núi rừng nhàn tĩnh, như thi thể nai chết.

Phải tự ẩn thân mình; phải trụ nơi vô tham.

Phải thường trụ chí nguyện; lúc tâm tình giải đãi,

Phải tự trách tâm đó; niệm giới cấm tâm yếu.

Lúc gặp những người khác, phải tịnh hòa chánh ngôn,

Đoạn dung nhan phần nộ, nụ cười thường phải có.

Thường gặp những người khác, bố thí chẳng keo kiết.

Đoạn tất cả ganh ghét, vì thủ hộ tâm người.

Phải đoạn tất cả tranh; thường trụ nơi nhẫn nhục.

Chẳng có mặt tráo trở; thường phải tự an trụ.

Đoạn lời khinh mạn người; phải khởi tâm kính trọng.

Lúc dạy dỗ người khác, phải đủ bi lợi ích.

Chớ hủy báng chánh pháp; tùy ý thích thắng giải.

Trong mười pháp hành môn, ngày đêm không sao lãng.

Tích tập thiện ba đời, hồi hướng vô thượng đạo.

Phước thí chư hữu tình; phải thường thời phát khởi,

Bảy chi quảng đại nguyện; phải viên mãn như thế,

Tư lương hai phước huệ; hai chướng phải mãi đoạn.

Không uổng được thân người, chúng vô thượng Bồ Đề,

Tín tài cùng giới tài, xả tài cùng văn tài.

Phải có tâm hồ thẹn, phước tài cộng làm bảy.

Đây các lợi tối thắng, là bảy vô lượng tài.

Chớ nghe phi nhân thuyết; trong chúng quán lời nói.

Độc cư quán tâm niệm."

Ấn Độ Ổ Ba Đà Da, Thắng Nhiên Đăng Hiền Trí Tạng thuyết; Bồ Đề Tát Đỏa Ma Ni Mạn Viên Mãn.

Lúc đại sư Chủng Đôn Ba đang thỉnh pháp, dịch sư Thiện Huệ cũng đang diễn thuyết yếu nghĩa Phật pháp cho năm trăm đệ tử tại chùa Tang Phác. Đêm nọ, một mình độc cư tại núi rừng Tang Phác, Thiện Huệ mộng thấy Bồ Tát Văn Thù hiện thân dạy:

- Ông tuy thiện xảo tất cả sở tri, nhưng chưa đắc được yếu chỉ cùng cực của pháp nghĩa. Nay ông hãy để đồ chúng an nơi vắng tu, rồi một mình sang chùa Da Bạt mà nghe pháp nghĩa thậm thâm. Hiện tại Pháp Vương (tức Tôn Giả) và Chúng Đôn Ba, đang quán chiếu biển cả sanh tử vô biên, ngày đêm tạo Vấn Đáp Ma Ni Vạn Luận, giống như Kim Mạn trên bảo vô giá.

Nói xong, Bồ Tát Văn Thù thuật lại toàn bộ ý nghĩa của bộ luận đó, rồi trong khoảng sát na liền biến mất. Tỉnh dậy, Thiện Huệ biết việc này thật hy hữu, và âm thanh vẫn còn nghe văng vẳng bên tai, nên sanh tâm vui mừng vô hạn, như đấng Sơ Địa, nên bảo đồ chúng:

- Các ông hãy tự tinh tấn hành hạnh văn, tư, tu. Ta nay muốn đến Da Bạt, thỉnh hỏi pháp nghĩa trong hai ba tháng. Nếu có việc quan trọng, hãy tự giải quyết. Từ đây cho đến lúc Ta trở về, chớ nên tạo nhiều việc đa sự, qua lại cầu kiến, tăng thêm sự tán loạn. Nay Ta đã già, nên chỉ cầu việc hậu sự. Nếu có lòng tín kính, thì hãy hành theo lời Ta. Hôm nay cử Huệ Tràng đi theo Ta; tất cả việc quan trọng, chỉ do Huệ Tràng thừa thỉnh. Lúc Ta chưa trở về, chớ có khi luống, vọng nói có việc quan trọng mà cầu gặp; đó là nghiệp ma, phải nên chế phục.

Khi ấy, năm trăm đồ chúng sanh tâm nghi hoặc. Hôm trước tâm tình thầy họ từ bi hiền hòa; đêm qua tự trụ nơi núi rừng vắng vẻ, rồi hôm nay lại chợt có lời răn nhắc cứng rắn; ngôn lời chưa quyết đoán, thể khó lưu giữ, nên họ chỉ biết y theo lời của Thiện Huệ mà hành.

Ngày hôm sau, khi mặt trời vừa chiếu đỉnh núi Tây Sơn, Thiện Huệ cùng Huệ Tràng lên đường. Lúc Thiện Huệ đi ra khỏi núi, dân làng thấy thế sanh nghi, bảo:

- Trước kia, mỗi lần xuất hành cỡi ngựa đều có năm trăm đồ chúng đi theo, chẳng thiếu một người. Vì việc gì mà ngài Thiện Huệ phải đi một mình như thế này ?

Dân làng bèn trở về Tang Phác, truyền cáo cho nhau. Dịch sư Thiện Huệ lần hồi tới Da Bạt, khải bạch Tôn Giả về lời giáo huấn của Bồ Tát Văn Thù, và nhân duyên đến đó. Thiện Huệ lại y theo Ma Ni Hoàn Tụng, mà thỉnh hỏi bốn tích của đại sư Chúng Đôn Ba. Thiện Huệ lại thỉnh hỏi rằng làm thế nào để đoạn trừ nghi vấn, làm thế nào để ân cần kính trọng sự tu hành ? Thiện Huệ xem qua quyển Ứng Quán Vi Tích Nghiệp Cú, biết được nhân duyên của hai mươi đời trước. Lúc Thiện Huệ hỏi về nhân duyên của câu thứ tư "Trụ núi rừng nhàn tịnh", thì có Ca Ngõa Thích Ca Tự Tại, dịch sư Giới Thắng, v.v... vừa đến nơi đó. Bây giờ, trên có Tôn Giả, dưới có các huynh đệ, dị khẩu đồng lời xưng tán công đức của đại sư Chúng Đôn Ba; đại chúng cũng đồng trách mắng Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung; ngay nơi cảnh giới thù thắng lại khởi sanh tội phi lý. Đại sư Chúng Đôn Ba ngược lại tán thán công đức của Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung, khiến đại chúng dứt lời trách móc. Khi ấy Giới Thắng bảo Ca Ngõa Thích Ca Tự Tại:

- Thầy nên khuyên Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Ba sám hối tội lỗi; Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Ba sẽ nghe lời của Thầy.

Ca Ngõa Thích Ca Tự Tại tự bảo chẳng kham nhận việc đó, nên thỉnh ngược lại Giới Thắng rằng hãy khuyên Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung. Giới Thắng cũng cảm thấy chẳng kham nổi, nên cầu đại sư Chúng Đôn Ba từ bi phương tiện chỉ dạy.

Bây giờ, Hà Cỗn giả dạng thương nhân, đến Đường Ma Khư tuyên truyền thắng đức của đại sư Chúng Đôn Ba, và chê bai tội phi báng phi lý của Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung. Khi ấy, Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung nghe qua, liền biết rõ, rồi mời Hà Cỗn vào chùa để hỏi han về việc đại sư Chúng Đôn Ba đang trú tại Da Bạt. Lúc ấy, Hà Cỗn tường thuật mọi sự việc, và thiết thiện xảo phương tiện, chiết phục tâm cống cao ngã mạn của Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung, khiến vị này sanh tâm kính tín, tự hối cải lỗi khi trước, và muốn sang chùa Da Bạt, để sám hối tội lỗi

cùng nghe pháp. Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung liền vâng tập đồ chúng, giả vờ bảo rằng sẽ nhập thất chuyên tu, không cho yết kiến; nếu ai không nghe, trọng tội chẳng tha; nói xong liền ban lời giảng dạy đơn sơ. Đồ chúng nghe thế, chỉ biết y theo lời mà hành. Sáng sớm hôm sau, Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung cỡi một con lừa mà đi. Đến chùa Da Bạt, Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung sám hối tội lỗi. Lúc ấy, dịch sư Thiện Huệ vấn hỏi Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung về nhân duyên của những việc phi báng phi lý khi xưa, v.v...

Sau khi Tôn Giả viên tịch chẳng bao lâu, Thiện Huệ muốn thỉnh chút phần linh cốt của Tôn Giả. Đại sư Chúng Đôn Ba bảo:

- Linh cốt của Tôn Giả, hai chúng ta có thể kiến lập một tháp bằng bạc để cúng dường. Tháp của Thầy làm xong, thì hãy sai một tỳ kheo tịnh giới, đến đây thỉnh linh cốt Tôn Giả. Tôi sẽ chia phần cho Thầy. Nay tạm lưu giữ lại nơi đây.

Lần khác, đại sư Chúng Đôn Ba dẫn ba con chó của Tôn Giả (3), và hai con trâu trắng đen, đến vùng Kiệt Ma Lũng. Du Già Sư đem vàng sang Ấn Độ rồi trở về, y theo đại sư Chúng Đôn Ba mà cư trú tu hành. Kế đến, Đại Sư thọ lời thỉnh cầu của quan Tràng Khách Bút Khung ở Tiên Tạng đến vùng Nhạ Trân, kiến lập tự viện, rồi mời thợ đúc Ấn Độ, đúc một ngôi tháp bằng bạc thờ linh cốt Tôn Giả; ngoài là hình tháp, còn trong là Mạn Đà La. Dịch sư Thiện Huệ y theo quy thức tạo ngôi tháp bằng bạc của đại sư Chúng Đôn Ba, kiến lập một ngôi tháp khác, rồi sai một tỳ kheo tịnh giới, thỉnh linh cốt xá lợi Tôn Giả mà đặt vào đó. Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung nghe việc này, cũng kiến lập một ngôi tháp bằng bạc mạ vàng, và cho đắp tôn tượng Phật Thích Ca bằng vàng. Về sau, các ngôi tháp đó đa số bị hư hoại, nhưng chỉ có ngôi tháp ở chùa Nhạ Trân vẫn còn tồn tại, và là nơi dân chúng thường đến cúng dường.

Đại sư Chủng Đôn Ba trú nơi chùa Nhạ Trân trong chín năm, làm lợi ích rất nhiều cho chúng sanh; Đại Sư có hơn năm mươi đại đệ tử; trong đó, những vị nổi bật nhất là ba huynh đệ Phác Khung Ngõa Đồng Tràng, Bác Đóa Ngõa Bảo Minh, Cẩn Nga Ngõa Giới Nhiên; những vị này, hoàng dương thánh pháp khắp cả Tây Tạng. Đến ngày nay, tại Tây Tạng, chỉ có giáo nghĩa của phái Ca Đương (4) là hưng thịnh nhất. Vì vậy, có người hành trì theo giáo lý, thì chánh pháp trụ mãi ở thế gian. (5). Thắng đức cộng và bất cộng của tôn giả A Để Sa, trong lịch sử Phật giáo Tây Tạng ghi lại rõ ràng.

Chương IV. Sơ lược về phái Ca Đương (Bkah-gdams)

Trước và sau thời vua Lãng Đạt Ma hủy diệt Phật pháp, Tây Tạng chưa có phân chia tông phái. Từ lúc tôn giả A Để Sa đến, tại Tây Tạng mới bắt đầu có nhiều tông phái xuất hiện. Đó là thời kỳ sau đời ngài Tịch Hộ và Liên Hoa Sanh vào khoảng ba trăm năm. Trừ phái Ninh Mã ra, sáu tông phái lớn đều có mối liên hệ chặt chẽ với tôn giả A Để Sa.

Đương thời, ở Tây Tạng, do sự hỗn tạp của tư tưởng Phật học, nên Tôn Giả y cứ vào học thuyết đang được thông hành ở Ấn Độ, mà giúp cho tư tưởng Phật học của Tây Tạng được thống nhất. Thế nên, đối với sự cách mạng giáo chế của Phật giáo Tây Tạng, bất quá chỉ là dùng tư tưởng mới của Phật giáo Ấn Độ để hoán cải tư tưởng thân học hỗn tạp ở Tây Tạng vào thời đó.

Sau khi Tôn Giả thị tịch, đồ chúng theo đại đệ tử của Tôn Giả là Chủng Đôn Ba (Hbrom-ston-pa) sang Đóa Lũng (Stod-luns). Tại chùa Nhạ Trân (Rwa sgreñ), được thí chủ Huân Ba (Hdam-pa) ngưỡng thỉnh, đại sư Chủng Đôn Ba cùng chư huynh đệ an định hoàng pháp và sáng lập phái Ca Đương. Đại sư Chủng Đôn Ba nói:

- Bkah: Ca, tức là lời vàng ngọc hy hữu của đức Phật trong ba tạng giáo điển.
Gdams: Đương, tức là lời truyền dạy của Tôn giả A ĐỂ Sa về pháp Tam Sĩ Độ trang nghiêm (pháp môn tu hành dành cho ba hạng người: Thượng căn, trung căn, hạ căn). Ca Đương như châu báu vàng ngọc, khiến người người đều được lợi ích.

Đại sư Chủng Đôn Ba lại bảo:

- Nhiếp thọ được hết tất cả thánh giáo, dùng đó để tu trì, chỉ có thầy của Ta (1).

Ngài Cống Ba Bảo (Sgom-parin-chen ba-ma) nói:

- Hiểu biết rõ ràng giới luật hỗ trợ cho minh chú, cũng như minh chú hỗ trợ cho giới luật, trừ thầy của Ta (2) ra, chẳng có ai biết đến.

Tôn giả A ĐỂ Sa hoàn toàn ban truyền tất cả giáo pháp Hiển-Mật cho Chủng Đôn Ba, Du Già Sư, A Lan Nhã Giả. Hơn sáu mươi đồ chúng của Tôn Giả theo đại sư Chủng Đôn Ba chân thật tu hành, nên phái Ca Đương được người sau xưng tán là tông phái chuyên chú trọng phẩm chất chứ không chú trọng về số lượng. Đại sư Chủng Đôn Ba hoằng pháp tại chùa Nhạ Trân suốt chín năm, thường giảng tám ngàn bài tụng Bát Nhã, tám ngàn bài tụng Đại Số và Lược Số của Bát Nhã, Nhị Vạn Quang Minh Luận. Tuy đã đắc thành tựu Hiển-Mật, nhưng đối với Mật pháp, Đại Sư không tuyên thuyết nhiều cho mấy, mà lại chú thích về quyền mật chú Trí Thành Tựu Luận. Lúc trú tại chùa Tang Da, tôn giả A ĐỂ Sa ban truyền cho đại sư Chủng Đôn Ba rất nhiều loại mật chú phương tiện, và Đóa Cáp (3). Do thấy hầu hết mọi người chỉ bám vào ngôn ngữ và nghĩa thô của Mật pháp nên Đại Sư không truyền cho nhiều người, vì sợ tín chúng hiểu lầm và hành những tà hạnh ngược với tông chỉ của Mật Pháp, như các tà sư "Thượng Sư Đỏ, Thượng Sư Xanh".

Đại Sư có một đại đệ tử là Phác Khung Ngõa Đồng Tràng (4). Sau khi Tôn Giả thị tịch, Phác Khung Ngõa Đồng Tràng liền y theo đại sư Chúng Đôn Ba mà thọ pháp môn Tứ Đế, cùng tất cả giáo pháp bí truyền. Sau khi Đại Sư thị tịch, Phác Khung Ngõa Đồng Tràng vào núi chuyên tu, tác pháp tu phước cúng dường Tam Bảo, cùng khai thị pháp Tứ Đế cho đồ chúng, rồi tịch năm 1126, thọ chín mươi lăm tuổi. Đệ tử nổi pháp là Ca Mã Trát (Karma-grags).

Sau khi đại sư Chúng Đôn Ba thị tịch (5), Du Già Sư kế vị chức trụ trì chùa Nhạ Trân. Du Già Sư xưa kia thân cận Tôn Giả tại vùng Ninh Thố (Nan-tsho). Lúc làm những công việc hằng ngày, do không rời sự tu thiền định, nên được xưng tán là Đại Du Già Sư (6). Vị này cũng thông đạt về nghĩa lý Nhị Đế do Tôn Giả giảng giải. Sau này, Du Già Sư tịch vào năm 1078, và truyền pháp cho đệ tử là Đóa Lũng Bảo Tạng.

Kế thừa chức trụ trì chùa Nhạ Trân là A Lan Nhã Giả. A Lan Nhã Giả vốn có biệt danh là Tụ Tại Tràng, sanh năm 1016; thưở còn ở Ninh Thố vị này chuyên tu thiền định và thường đến thân cận thỉnh tôn giả A Để Sa ban truyền giáo pháp; mỗi lần gặp chướng ngại trên đường tu, vị này đều được Tôn Giả gia trì giải nạn. Sau này, A Lan Nhã Giả do tu định mà chứng đắc thần thông, và đã từng nhập định nhiếp thu hơi thở (ngừng thở) cả ba ngày ba đêm. Lần nọ, một đệ tử vào phòng, thấy A Lan Nhã Giả nhập định ngưng hơi thở nên tưởng lầm Ngài đã thị tịch. Song, ngay lúc ấy A Lan Nhã Giả xuất định và bảo:

- Vì thân thể không được khỏe, nên Ta nhiếp trì hơi thở.

Về sau, A Lan Nhã Giả tịch vào năm 1082, thọ sáu mươi bảy tuổi. A Lan Nhã Giả có đồ chúng rất đông, như Tương Ca Mã Ba (Shan Ka-ma-pa) Ninh Nõa Ma Ngõa (Gna-Sna-mo-ba), v.v...

Bác Đóa Ngõa Bảo Minh (Po-to ba Rin-chen gsal) sanh năm 1031, xuất gia với ngài Luân Giới Bồ Đề ở chùa Cổ Tự, trọng nhân quả, trí huệ quảng đại, thông giải kinh luận. Vị này vốn có ý vào núi chuyên tu để mai danh ẩn tích. Song, vào năm 28 tuổi, đến tham bái Chủng Đôn Ba, lại sanh tín tâm cung kính, rồi ở lại chùa Nhạ Trân tu học. Sau khi đại sư Chủng Đôn Ba thị tịch, ngài Bác Đóa Ngõa Bảo Minh chuyên tu cho đến lúc năm mươi tuổi, rồi sau này đi đó đây hoằng pháp lợi sanh; vị này có cả ngàn đồ chúng thường đi theo cầu học và thường chủ yếu giảng quyển Bồ Đề Đạo Đăng Luận (7), Trang Nghiêm Kinh Luận, Bồ Đề Địa, Tập Bồ Tát Học Luận, Nhập Hạnh Luận, Bản Sanh Luận, Tập Pháp Cú Kinh (8). Lúc giảng giải kinh luận, vị này luôn luôn lấy giáo nghĩa ra ứng dụng mà tu hành (tri hành hiệp nhất), nên danh tiếng của phái Ca Đương vang khắp mọi nơi. Bác Đóa Ngõa Bảo Minh lúc về già xây chùa Bác Ngõa (Po-to), chuyên cư trú nơi đó mà hoằng dương chánh pháp, rồi tịch vào năm 1105, thọ bảy mươi lăm tuổi, có rất nhiều đệ tử, sự nghiệp hoằng pháp rất lớn; giữa chư đồ đệ có Lãng Nhật Đường Ba (Glan-ri-thanpa), Hà Nhạ Ngõa (Sa-ra-ba), Đóa Ba (Dol-pa) là những vị rất tài ba.

Đóa Ba thân cận Bác Đóa Ngõa cả hai mươi lăm năm; lúc ra hoằng pháp, nhiếp thọ rất nhiều người; đồ chúng vây quanh cả ngàn người. Đóa Ba tịch vào năm 1131, thọ bảy mươi ba tuổi.

Lãng Nhật Đường Ba vốn tên là Kim Cang Sư Tử, sanh năm 1054, thường giảng năm bộ luận của Bồ Tát Di Lặc, đồ chúng vây quanh hơn hai ngàn người, và thường phát nguyện đời đời làm tỳ kheo, rồi tịch năm 1123, thọ bảy mươi tuổi.

Hà Nhạ Ngõa sanh năm 1070, theo Bác Đóa Ngõa xuất gia học pháp, trí huệ quảng đại, học thuộc hết toàn bộ đại tạng kinh. Lúc ngài Bác Đóa Ngõa tịch, tất cả đồ chúng đều theo Hà Nhạ Ngõa mà tu học. Hà Nhạ Ngõa nhiếp thọ cả hơn ba ngàn sáu trăm đồ chúng, thường giảng sáu đại luận của phái Ca Đương, giúp Bạt Tào

Nhật Xung (Pa-tshab Ni-ma-grags) hoằng dương giáo pháp Trung Quán, rồi tịch vào năm 1141, thọ bảy mươi hai tuổi.

Đệ tử của Hà Nhạ Ngõa là Gia Khách Ba Trí Kim Cang (Hchad-kha-pa Ye-ses rdo-rje) viết quyển Phát Bồ Đề Tâm Thất Nghĩa Luận.

Cần Nga Ngõa Giới Nhiên (9) xuất gia, tín tâm thuần hậu; năm hai mươi tuổi sang chùa Nhạ Trân thân cận Chủng Đôn Ba học pháp. Lần nọ, Chủng Đôn Ba bảo:

- Tám mươi bốn ngàn pháp môn, không dễ dàng học hết. Ông hãy cố gắng tu Tánh Không cho giỏi. Đợi mỗi lần Ta dùng ngọc xong, hãy đến một mình.

Do đó, vào mỗi trưa Cần Nga Ngõa Giới Nhiên đến gặp Chủng Đôn Ba mà học pháp. Về sau, Cần Nga Ngõa Giới Nhiên thọ rất nhiều Mật pháp của tôn giả A Đề Sa do Du Già Sư, A Lan Nhã Giả, Huệ Kim Cang truyền lại, nên đắc được thần thông, đọc tụng hết tất cả kinh chú, dịch các kinh luận. Sau đó, vị này tịch vào năm 1103, có rất nhiều đồ chúng.

Điểm đặc biệt của phái Ca Đương là chẳng bỏ tất cả kinh luận nào, vì cho đó là thuận duyên của sự thành Phật. Về sau, từ phái Ca Đương xuất hiện ra ba phái được gọi là phái Giáo Điển, phái Giáo Thọ, phái Giáo Giới.

1/ Phái Giáo Điển, do Bác Đóa Ngõa lập ra. Đây là phái chuyên bàn về tư tưởng của tôn giả A Đề Sa; thuyết rằng tất cả kinh luận là phương tiện thành Phật, nên phải y cứ theo tất cả kinh luận. Bàn về các trước tác của tôn giả A Đề Sa, có thể phân làm ba loại:

a/ Trọng tại thuyết minh chánh kiến, như quyển Nhập Nhị Đế Luận, Trung Quán Giáo Thọ Luận;

b/ Trọng tại thuyết minh hạnh Bồ Tát như quyển Nhiếp Hạnh Cự Luận, Nghi Thức Phát Bồ Đề Tâm Thọ Bồ Tát Giới;

c/ Trọng cả kiến giải và hạnh giải như quyển Bồ Đề Đạo Đăng Luận.

Lại nữa, phái Giáo Điển này thường giảng sáu bộ luận lớn như Tập Bồ Tát Học Luận, Nhập Bồ Tát Hạnh Luận (10), Bồ Tát Địa, Trang Nghiêm Kinh Luận, Bản Sanh Luận, Tập Pháp Cú Kinh (11). Ngoài ra còn có cả trăm loại Tiểu Phẩm Pháp của Tôn Giả; đây là giáo điển của phái Ca Đương. Hệ phái này nghiêng hẳn về Hiền giáo.

2/ Phái Giáo Thọ, do Cẩn Nga Ngõa lập ra, liên hệ về chánh kiến. Có giáo pháp Tứ Đế của Cẩn Nga Ngõa truyền, giáo pháp duyên khởi của Phác Khung Ngõa truyền, giáo pháp Nhị Đế của Du Già Sư truyền. Hai loại giáo pháp Tứ Đế và Duyên Khởi trọng tại thuyết minh nhân vô ngã. Giáo pháp Nhị Đế trọng tại thuyết minh pháp vô ngã. Bí pháp của Du Già Sư được truyền cho Trác Lũng Ba và Cẩn Nga Ngõa; Cẩn Nga Ngõa truyền bí pháp cho Đóa Lũng Ba. Về sau, Đóa Lũng Ba giảng thuyết trước thuật rất nhiều. Giáo thọ chủ yếu của Đóa Lũng Ba là thường tu giáo pháp tâm đại Bồ Đề Tự Tha Tương Hoán. Phái Giáo Thọ thường y theo tất cả kinh điển Đại Thừa, đặc biệt là kinh Hoa Nghiêm, Bảo Man Luận (12), Tập Học Luận và Nhập Hạnh Luận (13). Phái này đều y cứ theo quyển Tu Tâm Kiếm Luân Luận và Không Tước Hóa Độc Luận (14), Kim Cang Ca (15), Bồ Tát Thứ Đệ và Trừ Phân Biệt Luận của đại sư Kim Châu (16). Về sau, quyển Bát Cú Luận (Tshigs-brgyad-ma) của Lãng Nhật Đường Ba, Tu Tâm Luận (Blo-sbyun) của Hà Bà Cương Ba, Bát Tọa Luận (Thun-rgyal-ma) của Khương Lũng Ba, Tu Tâm Thất Nghĩa Luận (Blo-sbyun don bdun-ma) của Già Khách Ba, Bồ Tát Đạo Thứ Đệ, v.v... được phái Giáo Thọ xiển dương rộng rãi. Phái Giáo Thọ thuyết minh về kiến giải hạnh giải song hành như quyển Tam Sĩ Đạo Tứ Đệ. Giáo điển mà phái này

dựa vào là quyển Bồ Đề Đạo Đăng Luận. Các loại giáo thọ kiến giải hạnh giải ở trên, đều là phân chi của phái Giáo Thọ. Quyển Bồ Đề Đạo Thứ Đệ thống nhiếp tất cả giáo thọ, tức gọi là giáo thọ kiến giải hạnh giải song hành. Hệ phái này nghiêng hẳn về Mật giáo.

3/ Phái Giáo Giới, vốn là giáo thọ mà tôn giả A Đề Sa truyền cho ba vị Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Ba, Thiện Huệ, Chung Đôn Ba ở Da Ba (Yerpa). Về sau, Chung Đôn Ba truyền cho ba huynh đệ khác. Phác Khung Ngõa được toàn bộ; Cẩn Nga Ngõa được đại bộ phận, Bác Đóa Ngõa được ít phần. Thiện Huệ lại truyền cho Nga Nhật Ba Huệ Tràng. Nga Nhật Ba Huệ Tràng truyền cho Phác Khung Ngõa. Từ đó truyền xuống nhiều đời, đến Chung Đồng Huệ (hbron Kumaa-mati), rồi được xiển dương rộng rãi. Đến Tăng Thành Đại Sư (17), thì pháp này lưu truyền khắp Tây Tạng. Nội dung của giáo pháp này thường trụ trong năm niệm:

- a/ Niệm nhớ sư trưởng mà quy y.
- b/ Niệm nhớ tự thân là Bồ Tôn.
- c/ Niệm nhớ ngữ ngôn làm chú tụng.
- d/ Niệm nhớ chúng sanh là cha mẹ.
- e/ Niệm tâm tánh vốn không.

Pháp Tâm Yếu dựa vào sự tu pháp Thập Lục Minh Điểm. Lúc tu giáo pháp đó, thì bên dưới tự trì giới luật, và bên trên hoàn toàn tu pháp Kim Cang Mật Thừa. Kiến địa càng cao thì hành vi phải càng cẩn thận. Bồ Tôn có Phật Thích Ca, Bồ Tát Quán Âm, Duyên Độ Mẫu, Bất Động Minh Vương. Pháp là ba tạng giáo điển. Bốn Bồ Tôn và ba tạng giáo điển, hợp lại thành Thất Bảo của phái Ca Đương.

Thiện Huệ vốn là đệ tử truyền Mật pháp bất cộng của tôn giả A Đề Sa, và y chiếu theo lời phó chúc của Tôn Giả mà lập chùa Tang Phác. Cháu của Thiện Huệ là La

Đôn Hy Nhiêu (Blo-ldan ses rad) thọ giáo từ Tôn Giả và tạo quyển Thánh Giáo Thứ Đệ Luận. Trong số đệ tử của Thiện Huệ, người thiện xảo về tất cả kinh điển là Trác Lũng Huệ Sanh (Gro-lun-pa ses-rab hbyun-gnas). Vị thiện xảo về Bát Nhã là Chỉ Cần Ba Huệ Nhiên (Hbre-chen-po Ses-rab hbar). Vị thiện xảo về Nhân Minh là Cương Ba Hiệp Ô (Gans-pa sehu). Vị thiện xảo về Trung Quán là Quỳnh Bảo Xung (Khyun Rin-chen grars). Kế thừa pháp vị của ngài Thiện Huệ là Tương Sát Banh (Shan-tshe-pon). Những vị đại thiện tri thức, kiến lập đạo tràng, trụ trì chánh pháp, này đều thọ giáo pháp của phái Ca Đương.

Từ lúc tôn giả A Đề Sa đến Tây Tạng, Phật pháp được chỉnh lý sửa đổi, khiến cho nghĩa lý thanh tịnh của kiến giải và hạnh giải được phổ biến khắp nơi. Do đó, các giáo phái vào đương thời và về sau đều thọ sự ảnh hưởng của giáo pháp phái Ca Đương. Điển hình, sơ tổ của phái Cát Cử (18) là La Trát Mã Nhĩ Ba (Lho-brag mar-pa) trên đường sang Ấn Độ du học, gặp tôn giả A Đề Sa mà nghe giảng về thánh giáo. Đặc biệt là Đạt Bạc Lạp Kết (Dwags-po lha-rj) theo Cổ Vân Đáp (19) tu học giáo pháp Ca Đương, và theo Mật Lạc Nhật Ba (Mi-la ras-pa) học Đại Thủ Ấn. Pháp sở truyền của Đạt Bạc Lạp Kết là dung hội giáo pháp của phái Ca Đương và Đại Thủ Ấn, rồi tạo quyển Đạo Thứ Đệ Giải Thoát Trang Nghiêm Luận. Đệ tử của Đạt Bạc Lạp Kết là Bạch Ma Chủ Ba (Phag-mo gru-pa) theo Cách Thập Đóa Ba (Dge-bses dol-pa) học giáo pháp của phái Ca Đương, và tạo quyển Thánh Giáo Thứ Đệ Luận. Về phương diện tu trì, họ đều y chiếu theo giáo pháp của phái Ca Đương mà hành. Pháp Đại Thừa phát Tâm Bồ Đề (20) đều bắt nguồn từ giáo pháp của phái Ca Đương.

Tổ thứ tư của phái Tát Ca (Sakya) là Khánh Hỷ Tràng theo Kiết Oa Lô Ba (21) mà tu học giáo pháp của phái Ca Đương. Về sau, trong các trước tác của vị này, đều thuyết minh về pháp tu Đại Thừa cộng đạo, tức y chiếu theo thuyết của phái Ca

Đương. Sau này, các học giả phái Tát Ca đều y chiếu theo thuyết đó mà tuyên thuyết Phật pháp.

Sơ tổ Hoàng Giáo là đại sư Tông Khách Ba theo Hư Không Tràng và Pháp Y Hiền mà tu tập Đạo Thứ Đệ của phái Ca Đương, rồi trước tác hai quyển Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Quảng Luận và Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Lược Luận. Ngoài ra, những pháp tự tu cùng pháp giáo hóa người khác, đại sư Tông Khách Ba đều y cứ theo giáo pháp của tôn giả A Đề Sa. Do đó, phái Cách Lỗ của Hoàng Giáo được gọi là phái Tân Ca Đương. Lại nữa, tất cả đại luận được giảng thuyết ở Tây Tạng đều do tôn giả A Đề Sa truyền lại, như Nhân Minh, Trung Quán, năm bộ luận của Bồ Tát Di Lặc, v.v...

Phụ chú A: Tư Tưởng Phật Học của Tôn Giả A Đề Sa

Tư tưởng Phật học của Tôn Giả phân làm ba phương diện:

1/ Chánh kiến Trung Quán.

Tôn Giả vốn thuộc hệ phái Trung Quán, theo kiến giải của ngài Nguyệt Xung. Ở Ấn Độ, chư đại luận sư như Phật Hộ, Thanh Biện, Nguyệt Xung, Tịnh Mạng, v.v... đều kế thừa học thuyết Trung Quán của ngài Long Thọ, Đề Bà. Về danh ngôn thì quan điểm khác nhau nơi tự tánh và ngoại cảnh, nên sanh ra các tông phái khác nhau. Luận sư Thanh Biện luận phá Duy Thức Học; ngay nơi danh ngôn kiến lập tông Hữu Ngoại Cảnh, gọi là phái Kinh Bộ Hành Trung Quán Sư. Luận sư Tịnh Mạng nơi ngôn thuyết, cho rằng Vô Ngoại Cảnh, gọi là phái Du Già Trung Quán Sư. Luận sư Nguyệt Xung nhận thấy trong các luận giải thích về Trung Quán, chỉ có sự giải thích về ý thú phụ tử thánh giả (Long Thọ, Đề Bà) của luận sư Phật Hộ là thù thắng nhất, nên tông chỉ dựa vào kiến giải Trung Quán của Phật Hộ. Từ đó, đa số các luận sư đều y theo thuyết của luận sư Phật Hộ và Nguyệt Xung. Về sau,

các tông phái của Phật giáo Tây Tạng như Tát Ca, Cát Cử, Cách Lễ an lập danh xưng hai phái của Trung Quán là Ứng Thành và Tự Tích, cùng đồng dùng kiến giải Trung Quán của Nguyệt Xung, tức phái Trung Quán Ứng Thành. Phái này tùy theo việc mà ứng đáp, và phá luận của kẻ khác chứ không tự lập tông; thành lập tự tông bằng cách phá chánh lý của kẻ khác. Ví dụ, phá lý lẽ Tự Tánh Thật Có, mà lập lý Sanh Tử Niết Bàn; đó gọi là Duyên Khởi Tánh Không. Quyển Nhập Nhị Đế Luận và Trung Quán Giáo Thọ Luận của Tôn Giả đều xiển dương thuyết này.

2/ Tu hạnh Bồ Tát.

Sự tu hành của Đại Thừa và Mật Thừa đầu tiên trọng nơi việc phát tâm Bồ Đề rộng lớn, tức vì mục đích tự giác và giác tha mà tu đạo, chứ chẳng vì lợi ích thế tục tà vạy riêng tư.

Tôn Giả y theo hai pháp tu phát tâm Bồ Đề do đại sư Kim Châu ban truyền, tức tu bảy loại nhân quả cùng giáo pháp phát tâm Bồ Đề trong quyển Tự Tha Tương Hoán do ngài Tịch Thiên viết. Do nguyện mà tâm Bồ Đề dẫn khởi hành vi chánh trực, thọ học diệu hạnh rộng lớn của Bồ Tát, tu tập tất cả học xứ của Bồ Tát. Trong quyển Nhiếp Hành Luận, Bồ Đề Đạo Đẳng Luận, Phát Bồ Đề Tâm Luận của Tôn Giả đều xiển dương lý này.

3/ Đồng xem trọng kiến giải và sự hành trì.

Tôn Giả cho rằng ba tạng cùng bốn bộ giáo điển có thể được tổ chức và hệ thống hóa, để làm kim chỉ nam trong việc tu hành thành Phật theo thứ lớp. Vì vậy, Tôn Giả gom góp tất cả yếu chỉ Phật pháp lại thành giáo pháp Tam Sĩ Đạo, tức giáo pháp thuận theo căn cơ của hạ hạ sĩ (hạ căn), trung sĩ (trung căn), thượng sĩ (thượng căn) đạo. Hạ Sĩ Đạo hay Cộng Hạ Sĩ Đạo là những người chẳng tham sự an lạc trong hiện đời, sợ đi vào ba đường ác, nên hành mười việc lành, quy y Tam

Bảo, mong cầu đời sau sanh nơi đường lành, tức thuộc Nhân Thiên Thừa. Trung Sĩ Đạo hay Cộng Trung Sĩ Đạo là những vị chán họa hoạn trong ba cõi, phát tâm xuất ly, quán pháp Tứ Đế và mười hai nhân duyên, thấy việc lưu chuyển trong vòng sanh tử vốn là khổ, không, vô thường, nên cho việc nhập tịch diệt là vui, tức cầu tự lợi, tự đắc sự vui tịch diệt, vốn thuộc về Thanh Văn Thừa. Thượng Sĩ Đạo là những vị phát tâm Bồ Đề, tức vì muốn lợi ích loài hữu tình mà học tập lục độ tứ nhiếp pháp và các hạnh nguyện của Bồ Tát, cùng nguyện muốn thành Phật. Thật thế, Bồ Tát Đại Thừa không cầu phước báo ở cõi trời người, hay thánh quả Nhị Thừa, mà chỉ cần cầu quả vị Phật. Song, bàn về sự tu hành theo thứ lớp, trong lúc tu tập, phải dựa vào nền tảng của Trung Sĩ Đạo mà phát tâm nguyện Bồ Đề, dẫn khởi tâm hạnh, thực hành lục độ tứ nhiếp pháp, tuần tự tiến bước lần hồi, rời từ Hiền giáo mà nhập vào Mật giáo, thẳng đến thành Phật. Tôn Giả viết quyển Bồ Đề Đạo Đăng Luận để xiển dương nghĩa lý đó. Đây là tinh hoa của tư tưởng Tôn Giả, vì nhiếp thu hết giáo nghĩa Hiền-Mật, đầy đủ tư tưởng pháp nghĩa của hai phái Trung Quán Ứng Thành và Tự Tịch, dùng sự điều phục tâm làm chủ yếu, tuần tự tu hành theo thứ lớp, đạt đến quả vị Phật. Tư tưởng này ảnh hưởng rất lớn đối với Phật Giáo Hậu Truyền ở Tây Tạng.

Ngoài việc hoằng truyền những tư tưởng Phật học bên trên, Tôn Giả cũng thường xiển dương giáo nghĩa Du Già của Bồ Tát Di Lặc, xem trọng về Nghiệp Quả nên được tín đồ tôn xưng là Nghiệp Quả Giả, tôn trọng tín ngưỡng hóa thân Bồ Tát Văn Thù.

Ngoài ra, Tôn Giả cũng phiên dịch những kinh luận như luận Nhị Vạn Quang Minh, Nhiếp Đại Thừa Luận Thích, luận Phân Biệt Nhiên, Thừa Bảo Tánh Luận Thích. Tôn Giả cũng trước tác hơn ba mươi bộ luận như luận Bồ Đề Đạo Đăng, luận Nhập Nhị Đế, Trung Quán Giáo Thọ, Vô Cấu Bảo Thư Hàn, v.v...

Phụ chú B: Bồ Đề Đạo Đăng Luận

Kính lễ Bồ Tát Mạn Thù Thất Lợi Đồng Tử.

Kính lễ ba đời tất cả chư Phật

Cùng chánh pháp, chúng tăng của các Ngài

Ứng theo đệ tử hiền Bồ Đề Quang

Cần tỉnh hay hiển thị đuốc đạo giác.

Do hạ trung và thượng

Phải biết có ba sĩ

Quyển này tướng kia đây

Mỗi mỗi phân biệt rõ.

Nếu dùng phương tiện nào

Chỉ vui nơi sanh tử

Mà cầu tự lợi ích

Biết là kẻ Hạ Sĩ.

Chán bỏ vui ba cõi

Tránh hành các nghiệp ác

Mà cầu tự tịch diệt

Kia gọi là Trung Sĩ.

4. Xuyên qua khổ của mình

Cùng mọi khổ của người

Mà cầu tận hết mãi

Đó là hạng Thượng Sĩ.

Vì chư thắng hữu tình
Cầu Bồ Đề vô thượng.
Lời sư trưởng giảng dạy
Sẽ hiển phương tiện chánh.

Đổi mặt hình tượng Phật
Đứng trước kinh, linh tháp
Dùng vật như hoa hương
Cúng dường mọi sở hữu.

Cũng dùng hạnh Phổ Hiền
Y thuyết cúng bảy chi
Đến lúc chứng Bồ Đề
Tâm chẳng hề thay đổi.

Thành tín ngưỡng Tam Bảo
Hai gối quỳ dưới đất
Cung kính chấp tay xong
Trước xưng tam quy y.

Kế đối mọi hữu tình
Dùng từ bi làm đầu
Quán khổ ba đường ác
Cùng sanh tử thống khổ,
Vô dư chư chúng sanh

Vì khổ não của khổ.

Từ khổ và nhân khổ
Muốn độ thoát chúng sanh
Lập thế mãi chẳng thối
Chúng Bồ Đề vô thượng.

Phát tâm nguyện như thế
Phát sanh các công đức
Như trong kinh Hoa Nghiêm
Di Lạc ứng tuyên thuyết:

11. Hoặc tụng kinh kia hoặc nghe thầy giảng
Muốn đạt vô thượng chánh đẳng Bồ Đề
Công đức vô biên để làm nhân duyên
Phát khởi tâm nguyện vô số như thế.

12. Kinh Dũng Thí Thịnh Vấn
Cũng bàn rộng công đức
Kia lược nhiếp ba kệ
Nay đây chọn trích ghi.

13. Công đức tâm lợi tha
Nếu chúng có sắc tướng
Khắp đầy cả hư không
Biển mẫn hằng sa giới.

14. Có người dùng trần bảo
Mãn cả hằng sa số
Tất cả Phật thế giới
Cúng dường nơi chư Phật.

15. Nhưng nếu người chấp tay
Tâm kính đại Bồ Đề
Cúng đây tối thù thắng
Phước kia chẳng ngàn mé.

16. Đã phát tâm nguyện Bồ Đề rồi
Phải cố gắng tăng trưởng nỗ lực.
Đời này đời sau thường niệm nhớ
Thường hộ trì giới pháp đã thuyết.

17. Chẳng có nguyện phát khởi chánh tâm
Chưa thể tăng trưởng tâm chánh nguyện.
Muốn tăng trưởng Bồ Đề giác ngộ
Phải cố quyết đoán hành hạnh này.

18. Thường trì được bảy chi
Luật nghi biệt giải thoát.
Được luật nghi Bồ Tát
Thiện căn hơn hữu tình.

19. Bảy chúng biệt giải thoát
Lời Như Lai tuyên thuyết

Phạm hạnh làm tối thắng
Là luật nghi Tỳ Kheo.

20. Lúc y Bồ Tát Địa
Quy chế Giới Phẩm thuyết,
Từ đủ đức tướng sư
Thọ trì luật nghi kia.

21. Thiện xảo luật nghi quĩ
Tự an trụ luật nghi,
Truyền nổi đủ Luật, Bi
Biết là thầy đức độ.

22. Nếu nỗ lực tâm cầu
Chẳng gặp thầy như thế
Ta sẽ thuyết pháp khác
Thọ luật nghi đúng phép.

23. Giải thích như đã thuyết
Trong quyển kinh Diệu Kiết
Tường Trang Nghiêm Phật Độ
Như xưa Diệu Kiết Tường
Lúc làm vị Thiên Vương
Mà phát tâm Bồ Đề:

24. "Trước các bậc Y Hồ
Phát tâm đại Bồ Đề

Thỉnh tất cả chúng sanh
Độ kia khỏi sanh tử.

25. Tâm tổn hại phần nộ
Keo kiết cùng ganh ghét,
Từ nay đến chúng đạo
Tâm đó chẳng mãi khởi.

26. Hành trì các Phạm hạnh
Đoạn tà hạnh tham dục
Mến thích giới luật nghi
Tu học theo chư Phật.

27. Chẳng thích vì chính mình
Sớm được đại Bồ Đề,
Mà vì một hữu tình
Trụ đến đời cùng tận.

28. Phải nghiêm tịnh vô lượng
Cõi Phật chẳng nghĩ bàn
Cùng trụ mười phương giới
Đề độ mọi chúng sanh.

29. Nghiệp thân miệng của tôi
Tất cả khiến thanh tịnh
Ý nghiệp cũng thanh tịnh
Chẳng làm nghiệp bất thiện."

30. Từ thân miệng ý làm nhân duyên

Gọi trụ hạnh tâm thể luật nghi

Do hay tu tập ba học giới

Nơi ba học giới khởi kính trọng.

31. Cần thanh tịnh như thế

Các luật nghi Bồ Tát

Sẽ thường luôn viên mãn

Giác ngộ đại Bồ Đề.

32. Tất cả Phật phương tiện

Phát khởi được thần thông

Từ tự tánh phước trí

Tư lương được viên mãn.

33. Như chim chưa sanh cánh

Chẳng thể vượt hư không

Nếu rời lực thần thông

Chẳng làm lợi hữu tình.

34. Đủ thần thông, ngày đêm

Tu tập bao công đức.

Người chưa có thần thông

Trăm đời chẳng thể sánh.

35. Nếu muốn chóng viên mãn

Giác ngộ đại Bồ Đề
Cố gắng chẳng giải đãi
Được thần thông hỗ trợ.

36. Chưa đạt được tịch tĩnh
Chẳng thể khởi thần thông.
Muốn thành tựu tịch tĩnh
Tinh tấn tu thiền định.

37. Chưa đạt chút tịch tĩnh
Thì khiến sự tu tập
Dầu trải trăm ngàn kiếp
Vẫn chẳng thể đắc định.

38. Như phẩm Định Tư Lương
Thuyết phải hay tịch tĩnh.
Dầu thiền quán về gì
Hướng tâm đạt công đức.

39. Đạt quán cảnh tịch tĩnh
Thần thông cũng sẽ thành.
Chẳng viên mãn trí huệ
Chướng ngại chẳng thể dừng.

40. Để trừ mọi chướng ngại
Đạt giải thoát toàn giác
Hành giả phải thường hành

Bát nhã đủ phương tiện.

41. Bát Nhã cùng phương tiện

Phương tiện cùng Bát Nhã

Được xem kết hợp chặt

Cả hai chẳng nên rời.

42. Để trừ các nghi hoặc

Gì huệ gì phương tiện ?

Phải phân biệt rõ ràng

Giữa huệ và phương tiện.

43. Trừ trí huệ Bát Nhã

Tất cả pháp lành thiện

Thi Ba La Mật thầy

Phật thuyết là phương tiện.

44. Chóng đạt đạo giác ngộ

Chẳng chỉ tu vô ngã

Trước phải giỏi phương tiện

Sau thiền quán Bát Nhã.

45. Đạt hết uẩn xứ giới

Đều vốn chẳng có sanh

Liễu tri tự tánh Không

Gọi đó là Bát Nhã.

46. Thuyết danh là Bát Nhã
Tánh có cùng tánh Không
Chẳng sanh, hoa hư không
Cả hai đều huyễn hóa.

47. Các pháp chẳng tự sanh
Chẳng từ vật khác sanh
Cũng chẳng không nhân sanh
Nên tự tánh vô thể.

48. Lại pháp tánh muôn vật
Quán hợp nhất dung hòa
Chẳng thể định tự tánh
Nên biết vô tự tánh.

49. Bảy mươi lý tánh không
Cùng Trung Luận thấy
Cũng thành lập các pháp
Tánh Không của tự tánh.

50. Vì sợ văn phiền hà
Nên đây chẳng rộng nói.
Chỉ do thành lập tông
Vì tu mà nói đó.

51. Chẳng trợ tánh muôn vật
Tự tánh chẳng định được

Mọi cách tu vô ngã
Chính là tu Bát Nhã.

52. Dùng huệ quán các pháp
Đều chẳng thấy tự tánh.
Luận lý hiển hiện huệ
Quán Bát Nhã chẳng nghi.

53. Vọng tưởng sanh ba cõi
Phân biệt làm thể tánh
Nên đoạn các phân biệt
Là Niết Bàn tối thắng.

54. Như lời Thế Tôn thuyết
Phân biệt vô minh lớn
Khiến đọa biển sanh tử.
Trụ định vô phân biệt
Chẳng phân như hư không.

55. Nhập Phân Biệt Đà La Ni cũng thuyết:

Bồ Tát trụ chánh pháp
Nếu quán chẳng phân biệt
Vượt phân biệt hiểm nguy
Dần đặc chẳng phân biệt.

56. Nhờ thánh giáo chánh lý
Định giải tất cả pháp

Chẳng sanh vô tự tánh
Nên tu chẳng phân biệt.

57. Tu chân tánh như thế
Dần được noãn đánh thầy.
Lúc đắc cực hỷ thầy
Chẳng xa Phật Bồ Đề,

58. Muốn dễ mãn Bồ Đề
Tĩnh tăng các sự nghiệp
Nhờ chú lực thành tựu
Tám đại Tất Địa lực

59. Từ pháp Bảo Bình thầy
Hay muốn tu Mật Thừa
Sự, Hành, Tích Bộ thầy
Vì phúc lợi chúng sanh.

60. Chánh được thầy quán đánh
Phải thừa sự cúng dường
Trân bảo lên sư trưởng
Khiến sư trưởng vui lòng
Cùng y giáo phụng hành.

61. Do vì tâm sư trưởng hoan hỷ
Truyền trao tròn đầy pháp quán đánh
Tĩnh hóa nghiệp tội làm thể tánh

Là vị thiện căn tu Tất Địa.

62. Trong Sơ Phật Đại Tích

Cực lực thường cấm chỉ

Mật cùng huệ quán đánh

Người Phạm hạnh chớ thọ.

63. Huống trì quán đánh kia

Vị an trụ Phạm hạnh

Vi phạm lời cấm chỉ

Hoại mất luật nghi kia.

64. Vị trì cấm hạnh đó

Tức phạm tội lỗi kia

Quyết sẽ đọa đường ác

Cũng chẳng đạt thành tựu.

65. Nghe giảng hiểu các Tích

Hộ Ma từ tự thầy

Vị được thầy quán đánh

Tự học giảng chẳng lỗi.

Thượng tọa Nhiên Đăng Trí

Xem kinh pháp thầy thuyết.

Do Bồ Đề Quang thỉnh

Lược thuyết đạo Bồ Đề.

(Bồ Đề Đạo Đăng. Đại A Giá Lợi Da Kiết Tường Nhiên Đăng Trí tạo luận hoàn mãn.)

Phụ chú C:

Những lời giảng dạy của Tôn Giả cho vua Bồ Đề Quang và chư tăng

1/ Dạy cho vua Bồ Đề Quang

Trên bước đường tu hành cho đến khi thành tựu đạo giác ngộ, Bệ Hạ cần thiết có một vị sư trưởng, và phải nương tựa cùng nghe lời giảng dạy của vị này. Chỉ tu thiền quán theo lời chỉ dạy của bậc sư trưởng cũng chưa đủ. Mọi hành động cử chỉ đều phải phù hợp với lời dạy của sư trưởng, và hằng tôn kính giáo chỉ của sư trưởng. Phải cố gắng hiểu chân chánh về giáo pháp và quy củ của sư trưởng. Hành như thế thì chắc chắn sẽ đạt đạo. Mọi lẽ hạnh phúc đều phát sanh từ sự gia trì của sư trưởng. Phải nên nhớ thâm ân của thầy tổ.

Người học đạo chỉ có tri thức về Phật pháp mà không tích lũy công đức thì chẳng thể đạt đến Phật quả. Do đó, phải tránh xa những nơi có hại cho việc quán chiếu nội tâm, và sống ở những chỗ hỗ trợ phát sanh công đức hữu lậu và vô lậu. Tránh những bạn ác để giảm trừ nghiệp ác, và gần những bạn lành để tăng trưởng công đức. Đừng làm những việc vô ích khiến tổn hại công đức; chớ nên tích lũy nghiệp ác chỉ vì muốn được giàu sang. Ngày đêm thường tích lũy công đức, vì ai ai cũng phải bỏ lại tất cả vật sở hữu khi qua đời mà chỉ mang được công đức qua đời sau. Chớ nghĩ về công đức của mình, mà phải nghĩ về công đức của người.

Những nơi náo nhiệt thường hại đến việc tu hành, trừ phi đã chứng đắc thiền định kiên cố. Do đó, hãy thường tĩnh tu nơi núi rừng. Pháp thế gian nhiều vọng động,

nên phải tránh xa chúng. Người thường chuyên tâm tu hành sẽ không bị pháp thế gian nhiễu loạn. Danh vọng như cạm bẫy ma vương. Đẹp trừ chúng như đẹp trừ những tảng đá bên đường. Lời tán dương và danh vọng đều là hư huyền giả dối. Hạnh phúc, sung sướng trong hiện tại chỉ tạm thời; phải bỏ chúng đi, như gạt nước dãi. Hãy dùng thiền quán để thấy được cõi Ta Bà như một dòng sông đầy khổ ải.

Tham dục chẳng hề thấy đủ, như uống nước muối chẳng hề thấy hết khát. Thật vô ích nếu muốn làm thỏa mãn lòng tham dục.

Phải tự điều phục và sống đời giải thoát an lạc. Chẳng thể thuyết phục được người trừ khi đã tự điều phục; vì vậy, phải tự điều phục chính mình trước nhất. Chẳng thể trợ giúp người khác đạt thành tựu khi chưa có thần thông. Do đó, phải nỗ lực cố gắng tu hành để đạt thành tựu đạo quả.

Thương mến người nghèo hèn; chớ chưởi mắng hay hãm hại họ. Thương mến kẻ thù như bạn thân, mà chẳng thiên vị. Phải thương yêu chúng sanh như cha mẹ thương con cái. Phải thường có nụ cười hoan hỷ trên môi. Phải nói những lời ngọt ngào với tâm hiền hòa. Phải nói năng cẩn thận gọn gàng, vì càng nói nhiều càng dễ sai lầm. Hãy tôn kính và phụng dưỡng người khác. Phải dẹp tâm cống cao ngã mạn.

Chẳng nên ganh tỵ với những người có phẩm hạnh cao, và cung kính cùng noi theo những đức tánh đó. Chớ xem xét lỗi của người, mà phải quán sát lỗi của mình; tẩy trừ những lỗi lầm đó như nặn bỏ mụn độc.

Trong cõi Ta Bà, tâm sân hận rất cường liệt, nên phải tránh tâm niệm đó và tự bảo vệ bằng áo giáp hỷ xả.

Mọi nghiệp thiện ác đều được xác định từ những hành vi và tâm niệm xa xưa. Chẳng có việc gì sẽ xảy đến chỉ do lời cầu nguyện. Mọi việc khổ đau sung sướng trong đời này đều do nghiệp quả bao đời tiền kiếp tạo tác. Vì vậy, chớ đổ lỗi cho người khác về những sự khổ vui đó.

Tâm vọng động làm phung phí cuộc đời, nên phải thường hành thiền quán. Chẳng thể lãnh ngộ chân lý khi vẫn còn vô minh, nên phải hiểu rõ cẩn thận về nghĩa của chân lý. Chớ để tâm làm biếng giải đãi khiến lui sụt. Phải môi lửa dững khi để đạt thành tựu đạo quả. Chớ để lún sâu vào bùn lầy ở cõi Ta Bà, mà phải tiến bước đến những nơi cao ráo. Những hành vi vô tích sự chẳng có ý nghĩa gì. Thà chết vinh hơn sống làm những điều đáng hổ thẹn. Chớ để thân tâm bị pháp thế gian nhiễm ô. Phải có tâm chánh trực và bền bỉ. Phải luôn hộ trì giới pháp.

Phước báu vốn chẳng có thực thể, nên phải thường hành bố thí; công đức bố thí vốn là tài sản của mình. Nhờ tài sản đó mà sống hạnh phúc an vui trong hiện đời và mai sau.

Đây chẳng phải là những lời rỗng tuếch mà là lời khiêm nhường của tôi. Phải cẩn thận lắng nghe và nhớ giữ mãi trong tâm khảm. Nếu hành được như thế thì chính mình và người sẽ được hạnh phúc. Xin Bộ Hạ hãy lắng nghe cho !

2/ Dạy cho chư tăng

Kính lễ đức Bạc Già Phạm. Kính lễ vị Độ Mẫu. Kính lễ chư sư trưởng tôn quý.

Xin chư đại đức hãy chú ý lắng nghe cho ! Trong cuộc đời, mạng sống của con người rất ngắn ngủi. Chẳng ai xác định được mình sẽ sống bao lâu.

Chớ bảo: "Tôi là tỳ kheo; tôi sống trong chùa", khi vẫn còn những sự ước ao phàm tục hay có những tâm niệm ác muốn hãm hại người. Không oán hờn kẻ muốn ám

hại mình mới thật sự thể hiện được lòng từ bi. Tôn kính và dịu dàng giúp đỡ người khác. Nếu có nguyện vọng gì, thì phải hướng theo lòng từ bi.

Không kiêu hãnh khi đạt được công đức từ các hạnh lành; khởi niệm kiêu hãnh thì sẽ bị ma vương trời buộc. Đừng tán thán công đức của mình. Chớ tìm lỗi kẻ khác mà quên lỗi mình. Chấp nhận thua thiệt; tránh khoe khoang khoác lác. Tránh làm những việc gây bao nỗi lo âu xấu hổ.

Phải điều phục tâm tham dục. Mục đích sống ở chùa là ngưng hành hạnh dâm dục với người cư sĩ, tránh nguyên nhân kích thích tâm dâm dục vọng động và các tham dục khác, xả bỏ tâm thiên vị luyến ái đối với thân bằng quyến thuộc. Chớ để lửa tham dục đốt cháy thân tâm. Hãy giữ tâm thanh tịnh trong sạch. Hãy giữ tâm hòa hững với tham lam ái dục. Phải điều phục tâm tham dục và ít muốn biết đủ.

Phải hộ trì bảo vật của tâm Bồ Đề. Chớ bảo: "Tôi là tỳ kheo" một khi vẫn còn lo lắng về vật chất và nghề nghiệp, vì việc này chỉ dành cho người cư sĩ. Mặc dầu đang sống trong chùa, nhưng chớ bảo: "Tôi là tỳ kheo" một khi vẫn còn bị pháp thế gian quấy nhiễu. Dù bất cứ lúc nào cũng đừng để tình người gây phiền não. Phiền não ở cõi Ta Bà thật rất cường liệt. Chúng sanh trong nhiều đời nhiều kiếp đã bị tình đời chi phối liên tục, nên gây bao nỗi phiền não và vọng động, lại còn chứa chấp đầy rẫy những tập khí nhỏ nhặt yếu mềm. Do vậy, tuy có sống ở chùa nhưng chẳng được chút ích lợi nào ! Sống mà không biết điều phục vọng tâm và phiền não thì chẳng khác gì loài chim hoang hay loài dã thú.

Có thể sống trong chùa, nhưng chớ bảo: "Tôi là tỳ kheo; tôi sống trong chùa", khi vẫn còn qua lại với người thế tục và tiếp tục sống chung với họ, cùng bỏ phí thời giờ gieo mối quan hệ tình cảm và những câu chuyện tán gẫu thế tục. Nếu muốn tránh hiện đời và vị lai khỏi bị đọa lạc, thì chớ chìm đắm trong thế tình ác nghiệp.

Chớ lo lắng toan tính chuyện thế gian khiến gieo bao nỗi ưu phiền. Ngược lại, việc tu tập sẽ bị sai lạc, và sự tu hành chỉ có trên lời nói và ngôn từ. Thế nên, này chư đại đức ! Chớ hành theo cách đó. Người mù đánh mất hạt châu thì chẳng thể tìm lại được. Không nên cùng bạn ác tụ họp bàn chuyện thị phi. Hãy tìm nơi vắng vẻ mà an trú. Xa rời kẻ ác như tránh thú hoang. Nếu không xả bỏ pháp thế gian thì chẳng phải là người có pháp khí (dharmika).

Lại nữa, phải nhớ những lời nguyện ước trước chư Thiên và sư trưởng khi thọ giới Bồ Tát, phát tâm Bồ Đề. Khi gặp những ai đáng được hỷ xả, thì chớ bảo rằng thật khó hành hạnh hỷ xả. Phải nhớ lại những lời phát nguyện xưa kia, để hành những hạnh khó hành. Lúc phát nguyện, phải biết chắc chắn rằng những lời nguyện đó khó hay dễ hành trì. Nếu thối lui mà chẳng hành theo những lời phát nguyện, thì là lừa dối chư Thiên cùng sư trưởng. Chớ tự làm khổ hay lừa dối chính mình; chớ lừa dối sư trưởng và chư Thiên. Chớ thối chuyển trên đường tu và cũng đừng làm người khác thối thất vì mình. Vì vậy, phải nhớ hành những việc gì đã phát nguyện, dầu đó là những việc khó khăn. Một khi đã phát nguyện trước sư trưởng và chư Thiên thì đừng móng tâm phân biệt người thân kẻ sơ mà mình đang cứu độ. Nên vì chúng sanh mà hành hạnh Bồ Tát để mang lại lợi ích cho họ. Đã phát tâm Bồ Đề thì đâu còn thấy chúng sanh dị đồng.

Chớ bảo: "Tôi là tỳ kheo; tôi là Bồ Tát", nếu chẳng thể thay thế chịu khổ hay cứu giúp người đời chút. Nếu nói như thế, tức nói láo với người cư sĩ. Trước hết, chẳng thể lường gạt được những vị thấy biết được mọi việc (chư Phật và chư Bồ Tát). Thứ hai, chẳng thể tránh khỏi nghiệp quả dối trá đó. Thứ ba, chẳng thể lường gạt được những vị đã chứng đắc.

Đừng bao giờ tự bảo: "Hôm nay gặp việc khó khăn chưa làm được, để mai một sẽ làm." Tâm niệm yếu mềm là nơi mà ma vương theo đó lên vào; một khi ma vương

xâm chiếm tâm niệm thì hẳn sẽ gây trở ngại cho việc phát tâm Bồ Đề. Nếu đã có trở ngại cho việc phát tâm Bồ Đề thì không những chẳng giúp được gì cho tha nhân mà còn gây nên bao đau khổ cho chính mình.

Đừng bao giờ tự bảo: "Tôi làm đúng theo Phật pháp," trong khi giữa Phật pháp và mình vẫn còn đầy cách biệt vì không chuyên tu để chuyển hóa tâm tánh và dùng kinh điển làm mực thước để kiểm chứng. Tu hành như vậy thì đến lúc lâm chung chẳng chứng đắc chút sự giác ngộ gì mà trái lại chỉ chuốc lấy lắm khổ đau, lại còn đem sự phiền não đó đến cho người khác nữa ! Lúc lâm chung, chớ làm nhân đau khổ, buồn phiền cho sư trưởng và chư Thiên, cũng như chớ làm nhân hối hận, nghi ngờ cho người tại gia. Những kẻ đã từng hủy hoại Phật pháp thì đến lúc lâm chung sẽ mất hết mọi công đức; đối với những kẻ đó, chớ tự ba hoa bảo: 'Tôi là kẻ suốt đời sống vì đạo' !

Đối với hành giả thiền quán, xin đừng tính kể thời gian năm tháng đã tu hành, mà cần phải quán chiếu thấy rõ tâm mình đã đạt được chút tri kiến nào chưa ? Đã điều phục được vọng niệm và tập khí chưa ? Luôn quán chiếu nội tâm. Hãy nhìn thẳng vào tội chướng nặng nhẹ của phiền não. Nếu gặp sự chướng ngại trong lúc hành thiền quán hay phát tâm cầu đạo giác ngộ thì phải nương theo lời dạy của sư trưởng.

Ví dụ, thấy đồng sinh lầy trước mặt thì phải nhanh chóng quét dọn; tại sao lại đẩy phiền não khi có người khác giúp mình dọn dẹp ? Hãy buông xả hết thấy vật chất tiền tài nhà cửa ruộng vườn; phải buông xả luôn thân bằng quyến thuộc. Tại sao phát sanh phiền não một khi sư trưởng và các pháp hữu giúp mình đoạn trừ ái nhiễm, xả bỏ ái dục ?

Phải lấy giới luật, thiền định, trí huệ để dẹp trừ phiền não. Cứ mãi để cho phiền não làm nhiệm ô thì sự tu tập có mang lại lợi ích gì ? Cố gắng điều phục được phiền não và sống an lạc tức là hành đúng theo Phật pháp. Phải luôn niệm nhớ đến Phật pháp. Làm bất cứ việc gì đều phải phù hợp với Phật pháp.

Tóm lại, Phật giáo không cần những người sống trong chùa chiền mà chẳng chuyển hóa tâm tánh và ác nghiệp cùng điều phục tham dục ngay trong hiện đời. Khi tu hành trong đạo tràng thanh tịnh, chớ để nghiệp ác tăng trưởng thì khỏi bị hối hận vào lúc lâm chung. Những ai chẳng xả bỏ tham dục thì chẳng phải là tỳ kheo. Những ai chẳng có lòng từ bi thì chẳng phải là Bồ Tát. Những ai chẳng xả bỏ nghiệp ác thì chẳng phải là đại thiên sư hay đại hành giả. Các tỳ kheo phải nên ghi nhớ mà tinh tấn và quyết tâm tu hành. Nếu tự cho mình là tỳ kheo mà không hành trì đúng theo chánh pháp thì chỉ là lời dối gạt, rỗng tuếch vô ý nghĩa.

Đây là những lời dạy của Tôn Giả. Tôn Giả tự bảo:

"Đây chẳng phải lúc vui chơi, mà phải có dũng khí phát tâm tu hành. Đây chẳng phải là lúc nắm giữ quyền thế cao sang, mà phải giữ vị thế khiêm nhường.

Đây chẳng phải là lúc sống trong đại chúng, mà phải cư trú nơi vắng vẻ. Đây chẳng phải là lúc dẫn dắt đệ tử, mà phải tự dẫn dắt chính mình. Đây chẳng phải là lúc chỉ y theo ngôn từ, mà phải thiền quán về những ý nghĩa chân thật của chúng. Đây chẳng phải là lúc để tâm bị vọng động, mà phải cư trú kiên cố nơi một chỗ."

Chú thích và tham khảo

Chương I. Tự thân thành tựu đầy đủ công đức quảng đại

1. nơi Phật thành đạo.
2. Sahor, hiện tại là Mandi của Himachal Pradesh-Bengal.
3. Vikrama-pura.
4. tháp bằng vàng.
5. Kalyana-sri, hoặc gọi là Thiện Kiết Tường, Thiện Đức.
6. Sri Prabhavati, hoặc gọi là Kiết Tường Quang.
7. hoàng tử Nguyệt Tạng.
8. Taradevi, tức là hóa thân Phật.
9. Vikramapura, hiện ở vùng Dacca, Bangladesh.

10. Sau này Giới Thắng cũng xưng tán tôn giả A Đề Sa (hoàng tử Nguyệt Tạng):
"Tướng hảo của Tôn Giả thật trang nghiêm oai nghi trong sáng. Bất cứ ai vừa nhìn Tôn Giả thì tràn đầy niềm tín phục và cảm mến."

Tôn Giả chẳng bao giờ bị bệnh vì chẳng hề hãm hại một ai. Giới Thắng viết: "Tôn Giả chẳng bao giờ bị bệnh vì từ bỏ nghiệp sát. Nhờ tích tụ bao công đức, nên đức tướng của Tôn Giả thật rất trang nghiêm, khiến mọi người phát khởi niềm tín phục."

Tôn Giả đã từng bảo với các đệ tử: "Tất cả bậc tôn sư đều thương mến Ta, ngay khi Ta vừa nhìn các ngài."

11. hay Nỗa Nhiệt Bạc (Naropa).
12. vị hộ pháp của chùa Na Lan Đà.
13. tức là sanh diệt, thường đoạn, đến đi, một khác.

14. Dịch giả thêm vào: Tâm từ bi, tâm Bồ Đề đồng nhiếp nơi đó.
15. gần thành Vương Xá.
16. tức hành pháp Vô Thượng Du Già.
17. Kṛṣṇagiri, tức một trong bảy ngọn đồi Ca La Thi La (Kalasila) nổi tiếng ở gần thành Vương Xá (Rajagrha).
18. tức là La Hầu La Cấp Đa.
19. Nyaya-bindu, là một trong bảy quyển luận Nhân Minh của Phật giáo Ấn Độ-Tây Tạng, do ngài Pháp Xung ở Ấn Độ tạo.
20. vì chỉ tu theo Duy Thức.
21. Dịch giả thêm: Phái Trung Quán của Tây Tạng là tổng hợp từ hai phái của ngài Phật Hộ và Nguyệt Xung.
22. Tôn Giả nhập ba lần. Đây là lần thứ nhất.
23. từ lúc cha mẹ sanh ra đã thành Du Già Mẫu, mà không cần tu trì thêm, nên gọi là Tự Tánh Du Già, và là Câu Sanh Du Già Sư; đa số đều là hóa thân.
24. tức là chứng đạo.
25. Vị thượng tọa đó chính là Bồ Tát Di Lạc thị hiện thân tướng.
26. xả tức là tu học với bộ phái nào cũng được.
27. Mahasamgika; phái của luận sư Phật Trí thuộc về Thuyết Xuất Thế Bộ của Đại Chúng Bộ.

28. Sila-rakshita, thuộc Thuyết Xuất Thế Bộ (Lokottaravadina) của Đại Chúng Bộ (Mahasamgika).

29. hay Thắng Nhiên Đăng Trí (Dipamkara Sri-jnana).

30. Đó là theo quy lệ truyền thống của Ấn Độ.

31. mỗi cây dù biểu trưng cho mỗi lần thắng tranh biện của ông ta.

32. lúc biện luận, có thể được nghỉ ngơi để tiện việc suy nghĩ. Tôn Giả cũng hiện tướng, dùng phương tiện này.

33. hay Long Thọ.

34. do đại sư Thiện Đắc tạo

35. Bồ Tát Long Mãnh tạo.

36. các loại cây thuốc ở trên núi và bình nguyên.

37. tức là quyển Đại Tỳ Bà Sa Luận (Maha-vibhashika) đã được dịch sang tiếng Hán.

38. lạt ma Chứng Đôn Nhân Ba Khanh bảo rằng người đạt được lực thành tựu thì đó là sở học trong mộng, chẳng phải thật học. Bảy năm cũng chỉ là vì phương tiện mà thuyết.

39. hay Tang Diệp, do đại sư Liên Hoa Sanh xây cất; đây là đạo tràng chính của phái Hồng Giáo, tại phía nam của thủ đô Lạp Tát.

40. tức chẳng phải tông hệ ở nhân gian.

41. Bắc Ân, Nam Ân, Trung Ân, Đông Ân, Tây Ân.
42. nơi đại sư Liên Hoa Sanh đản sinh.
43. Kim Châu, Xích Đồng Châu, Sum Lâu Châu.
44. tức là biệt danh của Tánh Không.
45. dịch là Việt Tiên.
46. hay Lý Đỗ Tập.
47. dịch là Hữu Thiện, hay Câu Thiện.
48. có hai vị Phật Trí Túc.
49. cũng là sự truyền thừa của Thắng Lạc Luân.
50. Công đức của các bậc sư trưởng, Tôn Giả tự có đầy đủ chẳng thiếu sót.
51. chỉ cho Trung Quán.
52. vị Chứng Địa.
53. vị đạt đạo Gia Hạnh.
54. có nơi cho rằng đây là luận sư Tịnh Mạng, đồng thời với đại sư Liên Hoa Sanh.
55. hai vị này chính là Đại Cốc Tô Lô và Tiểu Cốc Tô Lô.
56. tức Bồ Tát Tĩnh Thiên, vị trước tác quyển Tập Bồ Tát Học Luận. Vị này có sáu danh hiệu, đủ năm loại công đức về Hiển Giáo, tám loại công đức về Mật Giáo, và bảy loại truyền thừa hy hữu.

57. công đức của vị này bằng với công đức của ngài Vô Tận Huệ.

58. tức Đắc La Bát.

59. hay Na Lạc Ba, Naropa, 988-1069, tức Trí Thành Tụ; đây là vị sư trưởng, dùng mười hai loại đại khổ hạnh truyền thừa gia trì, và là bậc thiện tri thức mô phạm cho Ấn Độ và Tây Tạng. Tôn Giả đã từng theo vị này tu học pháp Tất Địa suốt mười một năm.

60. tức tôn giả A Đề Sa.

61. pháp tướng của sự giảng kinh luận.

62. đây là lần thứ nhất Tôn Giả vào biên thọ giáo.

63. biện biệt được hết tất cả tông phái lớn nhỏ, nội ngoại.

64. Truyện ghi về đại sư Kim Châu (Suvarna-dvipa) như sau:

Đại sư Kim Châu chẳng phải là dân ở bốn đại châu và tám tiểu châu, mà là người xứ Bảo Châu, có nhiều vàng bạc châu báu, vốn gần Ấn Độ (tức Ấn Độ Ni Tây Á (Indonesia)). Đại Sư sanh vào chốn vương gia, hiện thân làm hoàng tử. Lúc vừa sanh ra đã nói được ba tiếng: Tất Na, Tất Na, Tất Na (dịch là Tam Bảo). Xứ bảo châu này thuở trước toàn thể dân chúng vốn theo ngoại đạo. Song, sau này nhờ phước đức và oai lực của Đại Sư mà ngoại đạo không dám ngăn cấm, trái lại hầu hết đã theo Đại Sư tu học Phật pháp. Lần nọ, nhân dịp đi du ngoạn xem cảnh vật núi rừng, Đại Sư tìm thấy một thánh tượng Phật Thích Ca Mâu Ni trong hang động, nên cung thỉnh trở về cung điện, rồi trần thiết đại lễ cúng dường thánh tượng, khiến cho châu đó trở thành vùng đất kiết tường, được trúng mùa gấp bảy lần hơn những năm trước, và diệt trừ được hết những tai hoạn bệnh tật đói kém. Do nhân

duyên đó, dân chúng đều tín phụng Phật pháp, cùng nghị thỉnh Đại Sư đến Ấn Độ cầu pháp. Đại Sư vui vẻ chấp thuận cùng các thương gia dùng thuyền đến Kim Cang Tòa (Vajrasana, nơi Phật thành đạo) ở Ấn Độ để lập pháp hội cúng dường chư vị A La Hán. Chư đại thiện tri thức ở Ngũ Thiên (Trung Ấn, Tây Ấn, Đông Ấn, Bắc Ấn, Nam Ấn) đều vân tập nơi đó. Bấy giờ vị đại A Xà Lê đã đắc thọ mạng thành tựu là ngài Ma Ha Bảo Lợi La Na (Maha Sri Ratna, dịch là Đại Thắng Bảo) do tiếp thọ lời thỉnh cầu của Đại Sư mà đến tham dự. Đối với các vị thiện tri thức khác, Đại Sư chưa khởi tâm tín phục. Song, đối với ngài Ma Ha Bảo Lợi La Na, Đại Sư lại khởi tâm cung kính vô cùng cực, và tâm bất cộng tín giải. Bảy ngày sau, ngài Ma Ha Bảo Lợi La Na đột nhiên biến mất, khiến cho Đại Sư buồn bã tìm kiếm khắp nơi nhưng chẳng gặp. Đại Sư hỏi thăm các vị luận sư, nhưng cũng không biết tông tích của ngài Ma Ha Bảo Lợi La Na đâu cả. Đại Sư vẫn đi tìm khắp nơi, như thành Ca Tỳ La Vệ (Kapilavastu, nơi Phật giáng sanh), sông Ni Liên Thuyền (Nairanjana, nơi Phật thành đạo), Ba La Nại (Varanasi, nơi Phật chuyển pháp luân), v.v... mà cũng không thấy tông tích của ngài Ma Ha Bảo Lợi La Na.

Lần nọ, Đại Sư lâm bệnh nặng. Trong một giấc mộng, Đại Sư mơ thấy hai đồng tử xướng ca câu: "Xả cảnh thuộc của mình (cảnh tức là vương quốc; thuộc tức là quyền thuộc) cùng tất cả thọ dụng; tầm cầu mà chưa được; càng đi xa thì càng mất dạng; chùng tánh tuy lành thiện nhưng lại ít trí huệ."

Tỉnh dậy, Đại Sư liền đến Kim Cang Tòa, nhưng không gặp được ai, nên lòng buồn bã bi thương, muốn trở về cố quốc. Khi ấy, Đại Sư chợt gặp hai đồng nữ ca hát:

- Quyền thuộc thân hữu, cảnh tượng tài bảo, ăn uống các thọ dụng, là nơi sanh ưu não, phải nên xa lìa.

Đại Sư tự nhủ: "Lời này vốn ám chỉ về Ta."

Xoay nhìn lại, Đại Sư chẳng thấy hai đồng nữ đó, nên vui mừng bảo:

- Đây chính là các vị Hộ Pháp Mẫu.

Thế nên, Đại Sư trú lại Ấn Độ bảy năm, thân cận chư thiện tri thức, tu học hết Nội Minh (kinh điển Tiểu Thừa và Đại Thừa). Tại Kim Cang Tọa, hành cúng dường xong, Đại Sư muốn gặp Hộ Pháp Mẫu. Khi ấy, có một bà lão vừa đi vừa ca xướng một hồi rồi biến mất. Đại Sư lại chuyên tâm nghĩ nhớ về ngài Ma Ha Bảo Lợi La Na. Đêm nọ, Đại Sư mộng thấy ngài Ma Ha Bảo Lợi La Na nói:

- Vương vị ti tiện hạ liệt, chẳng phải là nơi thắng thiện. Nơi thắng thiện, nhiếp trì được pháp vương vị chăng ?

Ngài Ma Ha Bảo Lợi La Na hỏi như thế ba lần. Trong mộng, Đại Sư thưa:

- Nhiếp trì được !

Đại Sư vừa thệ nguyện nhiếp trì xong thì giật mình tỉnh dậy, thấy ngài Ma Ha Bảo Lợi La Na thật đang ngồi trước mặt, nên vui mừng vô ngần. Ngài Ma Ha Bảo Lợi La Na liền gia trì cho Đại Sư, và hiển thị tất cả tự tướng và cộng tướng của các pháp, ban truyền tất cả giáo pháp và kinh điển của đức Phật, và đặc biệt giảng giải rất nhiều loại pháp nương y tâm Bồ Đề. Như rót từ bình nước này sang bình nước khác, lời dạy của ngài Ma Ha Bảo Lợi La Na rót vào tâm thức của Đại Sư chẳng sót mất một chữ. Đại Sư liễu giải hết tất cả, nên được pháp hiệu là Kim Cang Pháp Xưng (Vajra Dharmakirti; vị này hoàn toàn khác với luận sư Pháp Xưng người Ấn Độ vốn tạo bộ luận Chánh Lý Trích Luận (Nyaya-bindu)), và do tâm từ thâm trọng, nên cũng được gọi là Di Lạc. (Có ba vị Di Lạc: Vị thứ nhất được ghi trong sử, tức là đức Phật Di Lạc trong đời vị lai. Vị thứ hai là Bồ Tát Di Lạc hiển hiện

hình tướng xuất gia trụ nơi chùa Tỳ Trát Ma Thi La và bị Tôn Giả đuổi. Vị thứ ba là đại sư Kim Châu pháp hiệu Di Lạc).

Đại Sư trở về Kim Châu và dẹp trừ hết tất cả tông phái của ngoại đạo, kiến lập đạo tràng chánh pháp của Như Lai. Vì vậy danh xưng Kim Châu Pháp Xung thật phù hợp với Đại Sư. Đức hạnh của Đại Sư vang dội khắp Ấn Độ. Tôn giả A Đễ Sa, ngài Hưởng Đễ Bạt, Bảo Xung, Trí Thắng là bốn đại đệ tử kiệt xuất sau này của đại sư Kim Châu Pháp Xung.

65. tức là ngài Ma Ha Bảo Lợi La Na.

66. theo truyền thuyết Tây Tạng.

67. Đương thời, vua nước Ma Kiệt Đà là Vijayapala (960-1040). Vào lúc ấy, tướng quân Hồi giáo là Mahmud Ghaznavi (997-1030) thường dẫn quân xâm nhập vào Ấn Độ, cướp bóc và tàn phá những vùng như Kanauj, Ma Thâu La (Mathura), Banaras, Kalanjar. Cuộc xâm lăng cuối cùng của tướng Mahmud Ghaznavi xảy ra vào năm 1023. Vùng Somnath bị tàn phá hoàn toàn. Tôn Giả khởi hành chuyến đi sang đảo Kim Châu mười năm trước đó. Theo phong tục, những du tăng ngoại quốc thường ghé lại vùng Kim Châu để cầu học Phật pháp hay chữ Phạn trước khi sang Ấn Độ, như ngài Nghĩa Tịnh, v.v...

68. là biệt danh của sấm chớp.

69. tên của các ngoại đạo.

70. ám chỉ tôn giả A Đễ Sa ở Ấn Độ.

71. phàm muốn tham vấn cầu học, trước tiên phải quan sát hành vi đức hạnh của vị sư trưởng, rồi mới y chỉ theo. Kế đến nhất tâm quán tưởng về đức Phật, rồi thứ lớp

y theo sư trưởng mà thọ pháp Đại Thừa Tiểu Thừa, Hiển giáo Mật giáo. Nếu ban đầu không quán sát mà cứ y chỉ tu theo, nhưng sau lại phỉ báng, tức làm trái ngược quy chế của Phật. Sau khi chết sẽ bị đọa vào đường ác, gặp bao hoạn nạn, hà huống cầu tự thân thành Phật ! Có thể dùng thâm pháp Mật Thừa để cứu độ những kẻ tạo tội ngũ nghịch thập ác. Song, những kẻ chẳng quán tưởng về đức Phật thì khó mong gặp được chư sư trưởng để học đạo thành tựu.

72. chỉ cho quyển Hiện Quán Trang Nghiêm Luận.

73. tức là muốn học hết tất cả giáo pháp.

74. tức thông đạt ngũ minh, chứ chẳng phải chỉ biết ba tạng giáo điển của Nội Minh.

75. của Bồ Tát Di Lặc truyền trao cho ngài Vô Trước.

76. tức tâm Bồ Đề.

77. Mật pháp của Như Lai quan trọng là phải do sự truyền thừa từ các bậc tổ sư. Ví như ba trí, bốn hạnh, và nhất quả của Hiện Quán Trang Nghiêm, nếu không có thầy truyền, thì chẳng biết cách tu hành. Pháp chân thật truyền thừa là Bồ Đề Đạo Cụ Luận (hay Bồ Đề Đạo Đẳng Luận) của Tôn Giả, Bồ Đề Đạo Thứ Luận của đại sư Tông Khách Ba, Đạo Thứ Giáo Thọ của chư sư phái Ca Đương, đều xuất phát từ quyển Hiện Quán Trang Nghiêm.

78. tức gần gũi người thế tục, và đàm luận những pháp về thế tục.

79. tức tâm hướng về đạo giác ngộ giải thoát.

80. vì nhỏ tuổi.

81. kinh Bồ Đề Địa cũng thuyết về công đức của tâm Bồ Đề như thế.

82. đây là lời của Tôn Giả thuật lại.

Chương II. Sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh quảng đại

1. tức Tôn Giả.
 2. đạt đến giác ngộ.
 3. là Không Hành Mẫu.
 4. tức Tây Tạng.
 5. dịch là Siêu Giới hay Giới Hương; vì kiến lập chùa này để trấn yểm quỷ Dạ Xoa, nên cũng có tên là chùa Trấn Dạ Xoa.
 6. nhân dịp đi du ngoạn đến nơi đó, và thấy phong cảnh đẹp đẽ bên cạnh dòng sông Hằng, nhà vua bèn phát tâm xây ngôi chùa này vào cuối thế kỷ thứ tám; đây là trung tâm hoằng dương Mật pháp quan trọng nhất ở Ấn Độ suốt hơn hai trăm năm mươi năm.
 7. sau vua Hộ Pháp.
8. Tôn Giả đuổi Bồ Tát Di Lặc cũng vào lúc này. Bồ Tát Di Lặc hiển hiện hình tướng xuất gia, trụ nơi chùa Tỳ Trát Ma Thi La. Vị này thường bị trách mắng vì chẳng y theo giới luật, quy củ của chùa. Lần nọ, chư tăng trong chùa phát giác rằng vị Di Lặc này cất giấu rất nhiều hủ rượu trong phòng, vì để dành cúng dường cho một vị Du Già Sư. Thế nên, chư tăng trong chùa hội họp lại, định đuổi vị Di Lặc ra khỏi chùa. Song, vốn là vị trụ trì của tu viện, nên chỉ có Tôn Giả mới có quyền quyết định về việc này. Cuối cùng, Tôn Giả y theo giới luật, quyết định khiển trách và đuổi vị Di Lặc này ra khỏi chùa. Vị Di Lặc này vì bị đuổi, nên hiển hiện thần thông, bay xuyên qua bức tường mà ra khỏi chùa. Tôn giả A Đề Sa thấy rõ sự việc

này, biết đây chính là Bồ Tát Di Lạc, có thiện xảo bất khả tư nghị, nên hướng về vị Độ Mẫu mà sám hối. Tối hôm đó, vị Độ Mẫu hiện trong mộng, bảo:

- Ông đã tạo ác nghiệp rồi !

Tôn Giả bèn giật mình thức dậy, nhưng không thấy một ai. Tôn Giả lại thỉnh cầu chư Phật và chư Bồ Tát gia hộ cho mình được hiểu rõ việc này. Bấy giờ, Tôn Giả nghe trong hư không có tiếng bảo:

- Tỳ kheo Di Lạc kia vốn là một vị Bồ Tát, và vô tội. Ông đã phạm tội trọng vì đuổi Bồ Tát Di Lạc ra khỏi chùa. Ông sẽ bị tái sanh làm thân to lớn như núi Tu Di, chịu bao chim thú côn trùng cắn mổ. Nếu muốn tránh ác nghiệp đó, phải nên qua Tây Tạng hoằng pháp Đại Thừa. Mỗi ngày phải tạo bảy mươi bảy ngôi tháp mà không thể thiếu sót, thì tội này mới được tiêu trừ.

Đây chính là lời khuyên Tôn Giả vào Tây Tạng truyền pháp. Khi được Tôn Giả vấn hỏi ý kiến, đại sư Già Già Bạt La (Gagapala) bảo:

- Vì Ông có tâm tốt hộ trì giới hạnh tăng chúng nên không có tội. Song, ông nên sang Tây Tạng hoằng pháp lợi sanh, làm quốc sư cho một vị vua, người đã từng cúng dường một bát cơm cho một vị Bích Chi Phật trong đời quá khứ...

Khi đến Tây Tạng, Tôn Giả trụ trì 108 ngôi chùa.

9. trong đó có kinh Bảo Khiếp Trang Nghiêm, Bách Bái Sám Hối, Lục Tự Đại Minh Bảo Ngọc Khắc.

10.tr. 180-181.

11.tăng sĩ Tây Tạng đầu tiên nhất là Bảo Hộ, Trí Vương Hộ, Thiện Thệ Hộ, Long Vương Hộ, Biến Chiếu Hộ, Thiên Vương Hộ.

- 12.Sam-yas, hay Tam Diệp; ngôi chùa đầu tiên ở Tây Tạng được xây vào năm 763.
- 13.đệ tử của ngài Tịch Hộ, đại diện chư tăng người Ấn Độ.
- 14.đại diện chư tăng người Hán.
- 15.Bon, một tôn giáo cổ truyền, dựa vào ma thuật, thần chú.
- 16.con của bà chánh hậu; cai quản miền đông Tây Tạng.
- 17.con của bà vương phi; cai quản miền tây Tây Tạng.
- 18.mNa'-ris, ở miền tây của Tây Tạng.
- 19.sau này xuất gia.
- 20.Dgal-chu-bo-ri; nằm về phía đông nam của kinh đô Lạp Tát.
- 21.ông ta lên ngôi vào cuối thế kỷ thứ mười một.
- 22.học giả giỏi bậc nhất của Mật Thừa, 958-1055, hay Lâm Thân Tang Pha (Rin-chen-bzan-po), xuất sanh tại vùng A Lý ở miền tây Tây Tạng.
23. 1/ Tập Mật; 2/ Nhiếp Chân Thật Kinh.
- 24.do ngài Thắng Thiên tạo.
- 25.do Bồ Tát Long Mãnh và Phật Trí Túc tạo.
- 26.theo quyển Phật Giáo Sử Ký của Luân Chủ.
- 27.958-1055, y theo ngài Trí Hiền mà xuất gia lúc mười ba tuổi (970), đã từng lưu học ba lần tại Ca Tháp Di La và Ấn Độ.
- 28.tức Tân Mật Pháp.
- 29.con thứ của vua Lãng Đạt Mã.
- 30.Theo Thanh Sử thì bảy giờ Bảo Hiền được năm mươi tuổi.
- 31.Hiện Quán Trang Nghiêm Luận.
- 32.đệ tử của luận sư Tịch Tĩnh.
- 33.hộ chùa có sáu vị đại sư, được xưng là "Sáu Hiền Môn".
- 34.tức là pháp Hỷ Kim Cang của Mẫu Bộ.

- 35.của luận sư Bảo Tác Tích.
- 36.tức Cống Khương Sở Khắc Trật Lạc Bô; về sau vị khai sáng phái Tát Ca.
- 37.hai vị này cùng thỉnh tôn giả A Đề Sa đến Tây Tạng.
- 38.kể từ đời vua Lãng Đạt Mã hủy phá Phật giáo.
- 39.tức là tôn giả A Đề Sa.
- 40.Garlog, một nước nhỏ theo Hồi giáo, nằm về phía bắc của Tây Tạng.
- 41.Lạp dịch là Thiên; Tôn Bạt dịch là Đại Đức; nghĩa là tôn xưng của dòng vua chúa; được gọi tắt là Bồ Đề Quang.
- 42.đã từng dịch quyển luận Nhập Nhị Đế (Arya-satya-dvaya) của Tôn Giả; quyển này được ngài Địa Tạng, Du Già Sư chú thích.
- 43.tức đại đức Trí Quang.
- 44.chỉ cho đại đức Trí Quang.
- 45.tức là chẳng có cách nào để chấn chỉnh Phật pháp.
- 46.khi ấy luật sư Giới Thắng chỉ có hai mươi bảy tuổi. Sau này luật sư Giới Thắng y theo Tôn Giả suốt mười chín năm.
- 47.lời này được lạt ma Chủng Đôn Nhân Ba Khanh gọi là Pháp Tăng và Thắng Bôn.
- 48.Tây Tạng vốn là vùng đất do Bồ Tát Quán Thế Âm giáo hóa.
- 49.chỉ cho Giới Thắng.
- 50.tức không kết giao.
- 51.lúc kết giao không làm những việc khiến xấu hổ.
- 52.tức là chẳng kết oán thù.
- 53.những lời này có nghĩa là cứu giúp những người gặp nạn.
- 54.đây là hóa thân chứ chẳng phải ngài Tinh Tấn Sư Tử thiết.
- 55.người Ấn Độ ngắm xem thì thấy Tôn Giả giống như người Ấn Độ. Người Tây Tạng ngắm xem thì thấy Tôn Giả giống như người Tây Tạng. Chư Thiên ngắm xem thì thấy Tôn Giả giống như bậc Phạm Thiên.

56. chư tăng và cư sĩ vào đương thời thường muốn dấu tên Tôn Giả, để giữ Tôn Giả trụ lại đất Ấn Độ mãi.
57. chỉ cho ngôn ngữ Tây Tạng.
58. ngay cả những người ăn xin cũng muốn dấu tên của Tôn Giả mà không tiết lộ ra. Thấy rõ rằng người Ấn Độ chẳng xả tâm kính mến Tôn Giả.
59. tức đại đức Trí Quang.
60. đây là tâm Bồ Đề xả mình vì người.
61. chỉ cho Phật Thích Ca và Bồ Tát Quán Âm.
62. tức là hóa thân Bồ Tát Quán Âm.
63. đây cũng là hóa thân của Bồ Tát Quán Âm.
64. Samaya, tức là cảnh giới của hành giả quyết đắc nhập Phật huệ. Tam Muội Da có những nghĩa như: Tam bình đẳng, tức là thân miệng ý đều như nhau và đều hành việc lành; Thệ Nguyện, tức là lập nguyện giữ những điều giải; Cảnh Giác, tức là phát khởi tâm giác ngộ; Trừ Cấu Chướng, tức là diệt trừ những phiền não chướng ngại cho thân tâm.
65. chỉ cho đức Phật Thích Ca và Bồ Tát Quán Âm.
66. vào lúc đó, (1038) vùng Bàng Giá Phổ (Punjab) đang bị quân Hồi giáo chiếm đóng. Phật giáo gần như bị suy vong ở vùng Trung Á. Thế nên, rất nhiều tăng sĩ tại những vùng đó qua lánh nạn ở Ấn Độ.
67. Vajrapani, sanh năm 1017; một đại sư tu pháp Đại Thủ Ấn nổi tiếng ở Ca Thập Di La và Tây Tạng.
68. Viriyacandra, tục danh là hoàng tử Thắng Tạng (Srigarbha).
69. vì thiếu người phiên dịch.
70. Tinh Tấn Sư Tử vốn là một trong những học giả và dịch giả nổi tiếng của Tây Tạng.
71. vị tăng bị điếc.
72. chỉ cho đại đức Trí Quang.

- 73.đây là pháp Thí Tịnh.
- 74.tức Tôn Giả.
- 75.vốn là em gái của đại đức Trí Quang.
- 76.tức khó lòng mà trở về Ấn Độ để gặp lại các bậc sư trưởng.
- 77.tức tượng thái tử Tất Đạt Đa vừa đản sanh.
- 78.tức hoàng tử Liên Hoa Quang.
- 79.vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách.
- 80.vào lúc phiên dịch.
- 81.Bodhipatha-pradipa, hay Bồ Đề Đạo Đăng.
- 82.cha của vua Bồ Đề Quang.
- 83.nghĩa là pháp thế tục đều như huyễn hóa. Trong quyển luận Bồ Đề Đạo Thứ
Đệ giảng trạch rõ về nghĩa này.
- 84.như lông rùa sừng thỏ.
- 85.như người mù chẳng thấy cảnh.
- 86.Phật hiện sắc thân và ngữ nghiệp vì do tùy theo căn tánh của chúng sanh;
giống như hạt châu Như Ý, tuy chẳng tác ý, mà đều khiến cho người người
được mãn nguyện.
- 87.chỉ cho tất cả pháp thế tục đế.
- 88.một bên chỉ cho Huyễn Hữu; một bên chỉ cho Tánh Không.
- 89.thắng nghĩa đế và thế tục đế.
- 90.Thí dụ này cũng giống như việc nhìn dây thừng mà tưởng lầm con rắn.
- 91.Hậu Truyền Phật Giáo.
- 92.như đã kể qua ở phần sơ lược về vương thống Tây Tạng.
- 93.âm thầm hỗ trợ cho Giới Thắng.
- 94.gọi tắt là Chủng Đôn Ba.
- 95.hay Tự Tại Đồng Tử, gốc người Tây Khương; lúc bỏ ý định sang Ấn Độ tu
học rồi trở về nước và đi ngang qua vùng Ni Bạc Nhĩ thì vị này gặp Đại Sư.

96. tức pháp sư Niệm Trí, vị có phước đức rất lớn.
97. ám chỉ tôn giả A ĐỂ Sa.
98. vị pháp hữu của Đại Sư.
99. gần vùng Nga Nhật.
100. bảy giờ đại sư Chúng Đôn Ba được ba mươi chín tuổi; Tôn Giả được sáu mươi một tuổi.
101. nằm về phía nam của Lạp Tát.
102. tức Khô Đôn Tôn Chủ Vĩnh Trung.
103. tức là danh tánh của Thiện Huệ.
104. tức Chúng Đôn Ba.
105. 1016-1082, sanh tại Tây Khương, tên húy là Tụ Tại Tràng.
106. hoặc chỉ có phương tiện, hoặc chỉ có trí huệ.
107. trước khi thọ giới Bồ Tát, có nên thọ giới biệt giải thoát (giới tỳ kheo) hay không.
108. tức pháp Mã Đầu Minh Vương.
109. cũng là biệt hiệu của Du Già Sư.
110. biệt danh của chùa Tang Da.
111. lần ấy, Tôn Giả đã ngoài sáu mươi tuổi, nên râu tóc bạc phơ.
112. chỉ cho Chúng Đôn Ba.
113. tức Tôn Giả.
114. nay đã bị tàn phá.
115. do luận sư Thanh Biện chú thích.
116. điều này chứng minh rằng Tôn Giả đã chứng thánh quả A La Hán, những vẫn tiếp tục tu hạnh Bồ Tát.
117. phong tục và quy củ của những người tu hành Mật pháp là phải cúng dường tất cả tài vật cho bậc sư trưởng.

118. xưa kia, Tôn Giả đã từng gọi người phát tâm quy y Tam Bảo tức là người phát tâm Bồ Đề.
119. nhập vào dòng thánh.
120. tuy nhiên, trong quyển Bồ Đề Đạo Thứ Luận giảng thuyết rộng rằng chứng đạt quả vị Tiểu Thừa thì cũng có thể thông đạt Pháp Không; đây là thâm nghĩa của phái Nguyệt Xung.
121. hay Bồ Đề Đạo Cự Luận.
122. Bồ Tát Di Lặc.
123. Kinnara, tức vua trời nhạc thần.
124. tức tâm phóng xả tám pháp của hiện thế.
125. đã mang một lần rồi.
126. quốc pháp của Ấn Độ rất nghiêm ngặt; sứ giả phải y giáo phụng hành.
127. vì Tôn Giả sẽ vãng sanh lên cung trời nội viện Đâu Suất.

Chương III. Sự nghiệp lưu truyền, giáo pháp lan rộng.

1. toàn quyển luận lấy thể vấn đáp làm chủ yếu; thuần là những tinh hoa của giáo pháp; được phân thành 23 phẩm.
2. Thiên tức chỉ cho chư Phật chư Bồ Tát, chứ chẳng phải Thiên Thần.
3. xưa kia, trên đường đi ngang qua vùng Ni Bạc Nhĩ, Tôn Giả thấy có ba con chó con, chẳng ai nuôi dưỡng, nên khởi lòng từ mà đem chúng đến Tây Tạng. Sau khi Tôn Giả viên tịch, đại sư Chủng Đôn Ba nuôi dưỡng chúng.
4. tức tân Ca Đương, hay Hoàng giáo của đức Đạt Lai Lạt Ma.
5. Có hơn sáu mươi quyển Ca Đương Lô Bang viết về nguồn gốc của phái Ca Đương.

Chương IV. Sơ lược về phái Ca Đương (Bkah-gdams).

1. tức tôn giả A Đề Sa.
2. chỉ cho tôn giả A Đề Sa.
3. Doha, tên của Mật Tông Ca Khúc.
4. Phu-chun-ba Gshon-nu rgyal mtshan, sinh năm 1031, đã từng thân cận tôn giả A Đề Sa.
5. vào năm 1064, thọ sáu mươi tuổi.
6. pháp danh của vị này vốn là Bồ Đề Khương.
7. của tôn giả A Đề Sa.
8. được gọi là sáu bộ đại luận của phái Ca Đương.
9. Spyan-sna-ba Tshul-khrimshar, sinh năm 1038, lúc nhỏ theo ngài Mã Lạp Hiệp Nhiêu Xum Ba (M-la-ses-rab sems dpah).
- 10.kiêm về kiến giải và hạnh giải.
- 11.trọng về hạnh Bồ Tát.
- 12.của Bồ Tát Long Mãnh.
- 13.của Bồ Tát Tĩnh Thiên.
- 14.của luận sư Pháp Hộ.
- 15.của Từ Du Già Sư.
- 16.Đại sư Kim Châu, luận sư Pháp Hộ, Từ Du Già đều là bậc sư trưởng của tôn giả A Đề Sa.
- 17.Đạt Lai Lạt Ma đời thứ nhất.
- 18.hay Ca Cữ, Kargyudpa.
- 19.Rgya Yon-bdag, đệ tử của Du Già Sư.
- 20.từ giáo pháp và Đại Thủ Ấn của phái Cát Cữ.
- 21.Spyi-bolhas-pa, đệ tử của Nội Tô Ba.

- 1/ A ĐỀ Sa Tôn Giả Truyện, pháp sư Pháp Tôn soạn viết.
- 2/ Phái Ca Đương của Phật Giáo Tây Tạng, pháp sư Pháp Tôn soạn viết.
- 3/ Tây Tạng Phật Giáo Sử, pháp sư Thánh Nghiêm soạn viết.
- 4/ Bồ Đề Đạo Thứ Đệ Quảng Luận, đại sư Tông Khắc Ba trước tác.
- 5/ Atisha and Buddhism in Tibet, compiled and translated by Daboom Tulku and Glenn H. Mullin.
- 6/ 2500 years of Buddhism, General Editor Prof. P.V. Bapat.
- 7/ Atisa and Tibet, by Alaka Chattopadhyaya.
- 8/ Liberation in the palm of your hand, by Pabongka Rinpoche.